

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ TÂN ĐỨC
(1946 – 2010)



**ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ BÌNH
ĐẢNG BỘ XÃ TÂN ĐỨC**

**LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ TÂN ĐỨC
(1946 – 2010)**

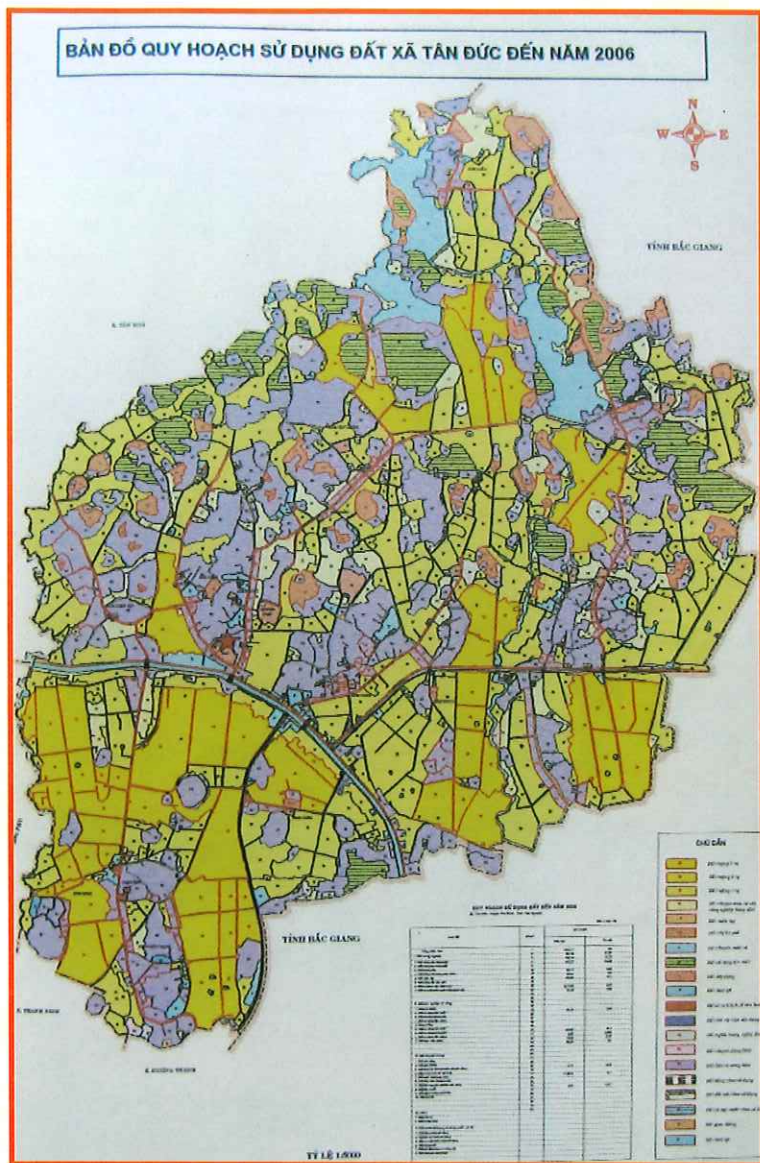
XUẤT BẢN THÁNG 6 NĂM 2010



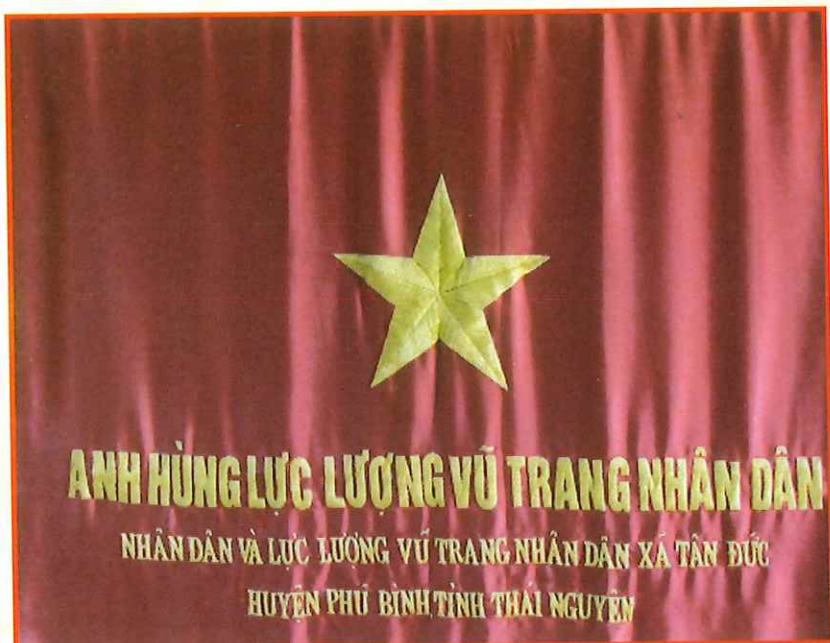


*Dân ta phải biết sử ta
Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam*

Chủ tịch Hồ Chí Minh



Bản đồ hành chính xã Tân Đức
(Theo Báo cáo quy hoạch sử dụng đất đai xã Tân Đức năm 2006)



Cờ Anh hùng LLVT nhân dân



Danh hiệu Anh hùng LLVT xã Tân Đức



Đình Đông - Di tích Lịch sử Văn hóa Quốc gia



Cổng làng Vàng xã Tân Đức

BAN CHỈ ĐẠO

Trần Văn Mão

Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch HĐND xã - Trưởng ban

Đào Minh Hải

Phó Bí thư TT Đảng ủy xã - Phó ban

Dương Văn Hiền

Phó Bí thư - Chủ tịch UBND xã - Phó ban

Dương Công Lập

UV BTV – Phó Chủ tịch UBND xã

Dương Công Hoan

UV BTV - Chủ tịch MTTQ xã

Dương Văn Hậu

UV BCH – Phó Chủ tịch HĐND xã

Nguyễn Đăng Tám

UV BTV - Trưởng Ban Tuyên giáo huyện

BAN NGHIÊN CỨU- BIÊN SOẠN

PGS Sử học: Phạm Việt Trung - Cố vấn Khoa học

Đào Minh Hải - Phó Bí thư TT Đảng ủy xã

Nguyễn Thị Hiền - Phó trưởng Ban Tuyên giáo huyện

Dương Công Lập - Phó Chủ tịch UBND xã

Dương Văn Hậu - Phó Chủ tịch HĐND xã

Đỗ Văn Sách - Chủ tịch Hội người cao tuổi xã

Cùng các Nghiên cứu viên

Nguyễn Quốc Triều

Ngô Thị Nga

Nguyễn Thị Thuý Dung

Lê Thị Thảo Hương

Phạm Hạnh Nguyên

Hà Thu Giang

LỜI GIỚI THIỆU

Tân Đức là vùng đất có bề dày lịch sử hàng ngàn năm. Trong tiến trình lịch sử của dân tộc nói chung và của tỉnh Thái Nguyên nói riêng, Đảng bộ và nhân dân Tân Đức đóng góp một vai trò rất quan trọng. Đặc biệt từ khi tổ chức cơ sở Đảng ra đời (Tháng 4/1946) đến nay, Đảng bộ xã Tân Đức đã lãnh đạo nhân dân toàn xã thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, đóng góp công sức và xương máu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và từng bước thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới đất nước.

Nhận thức sâu sắc việc ghi lại những thành tích mà Đảng bộ và nhân dân xã Tân Đức đã đạt được trong từng chặng đường lịch sử là hết sức cần thiết. Theo tinh thần Chỉ thị số 15 – CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khóa IX) về “Tăng cường và nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam”. Thực hiện Chỉ thị số 17 – CT/TU ngày 31/12/2002 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên, được sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Huyện ủy Phú Bình. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Tân Đức khóa XX quyết định biên soạn cuốn **“Lịch sử Đảng bộ xã Tân Đức giai đoạn 1946 – 2010”**.

Đây là tài liệu quý giá nhằm giáo dục truyền thống cho cán bộ, đảng viên và nhân dân toàn xã, đặc biệt là thế hệ trẻ hôm nay và mai sau. Qua đó khơi dậy lòng tự hào, nỗ lực thi đua, tăng cường đoàn kết, tiếp tục phát huy truyền thống và thành tích đạt được, tranh thủ thời cơ, thuận lợi, vượt qua khó khăn, thử thách, xây dựng Tân Đức vững về chính trị, giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng – an ninh, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Bên cạnh ý nghĩa giáo dục truyền thống cách mạng, bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã, cuốn "Lịch sử Đảng bộ xã Tân Đức 1946 - 2010" còn chứa đựng nhiều giá trị văn hóa - lịch sử con người, quê hương Tân Đức, xứng đáng là tài liệu chính thống về truyền thống cách mạng, có nội dung đầy đủ nhất, toàn diện nhất của Đảng bộ và nhân dân Tân Đức. Cuốn sách còn thể hiện sự kính trọng, lòng biết ơn sâu sắc đối với biết bao thế hệ người con quê hương đã anh dũng chiến đấu và hy sinh vì Tổ quốc, với các thế hệ cán bộ, đảng viên lão thành và các tầng lớp nhân dân đã cống hiến, xây dựng quê hương giàu đẹp, văn minh

Trong quá trình biên soạn chúng tôi đã nhận được sự giúp đỡ của nhiều cơ quan, ban ngành ở địa phương, đặc biệt là Phòng Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Thường trực Huyện ủy, trực tiếp là Ban Tuyên giáo Huyện ủy. Ban chỉ đạo, Tổ biên tập đã có nhiều cố gắng trong sưu tầm tài liệu, khai thác tư liệu, tổ chức hội thảo và tiếp thu ý kiến của đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân, đặc biệt là các đồng chí đảng viên tuổi cao, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt địa phương qua các thời kỳ, chỉnh lý, bổ sung nhiều lần trước khi xuất bản.

Tuy nhiên, quá trình biên soạn cũng gặp không ít khó khăn, nhất là nguồn tư liệu, do vậy chắc chắn cuốn sách sẽ còn có những khiếm khuyết nhất định. Ban Chấp hành Đảng bộ rất mong nhận được sự góp ý, bổ sung của cán bộ, đảng viên, nhân dân toàn xã và bạn đọc gần xa, để khi tái bản, cuốn sách sẽ đầy đủ hơn.

Nhân dịp này, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Tân Đức xin trân trọng cảm ơn Phòng Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thái Nguyên, Thường trực Huyện ủy, Ban Tuyên giáo Huyện

ủy Phú Bình, Công ty Cổ phần Văn hóa và Truyền thông Đông Sơn, các đồng chí cán bộ chủ chốt của địa phương qua các thời kỳ và đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và giúp đỡ chúng tôi biên soạn thành công cuốn sách này.

Nhân dịp kỷ niệm 80 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, chào mừng Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ XI và chào mừng Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XXI. Xin trân trọng giới thiệu tới các đồng chí, nhân dân toàn xã và bạn đọc cuốn sách **“Lịch sử Đảng bộ xã Tân Đức giai đoạn 1946 – 2010”**.

T.M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
BÍ THƯ

TRẦN VĂN MÃO

CHƯƠNG I

TÂN ĐỨC – VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ VĂN HÓA

I. Khái quát về điều kiện tự nhiên, lịch sử và truyền thống văn hóa

1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

Tân Đức là xã trung du miền núi nằm ở phía đông nam của huyện Phú Bình, cách trung tâm huyện khoảng 5 km. Xã Tân Đức nằm giáp ranh với ba huyện của hai tỉnh. Phía đông giáp với xã Lan Giới và Phúc Sơn của huyện Tân Yên – Bắc Giang; Phía tây giáp với xã Lương Phú, Tân Hòa; Phía nam giáp với xã Dương Thành và Thanh Ninh; Phía bắc giáp với xã Tân Hòa – Phú Bình và xã Tiến Thắng của huyện Yên Thế - Bắc Giang. Do vị trí địa lý như trên nên Tân Đức là một trong những cây cầu nối liền sự phát triển kinh tế - xã hội giữa hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Giang, giữa các huyện và các khu vực với nhau.

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 Tân Đức thuộc tổng Đức Liên (gồm ba xã Đức Lân, Loa Lâu và Nỗ Dương). Xã Nỗ Dương nay thuộc xã Dương Thành. Hai xã Đức Lân và Loa Lâu nay thuộc xã Tân Đức. Sau cách mạng tháng Tám, dưới chế độ mới, tên gọi và sự sáp nhập, chia tách của Đức Liên có nhiều thay đổi. Từ

cuối năm 1945 đến cuối năm 1949 tổng Đức Liên đổi thành xã Đức Dương; từ năm 1950 đến tháng 3 năm 1953 xã Đức Dương và xã Phú Thanh (tức xã Lương Phú và Thanh Ninh ngày nay) sáp nhập thành xã Đức Liên; tháng 4 năm 1953, xã Đức Liên chia ra thành 4 xã là xã Tân Đức, xã Dương Thành, xã Lương Phú và xã Thanh Ninh cho đến ngày nay.

Xã Đức Tân có 10 làng, đó là làng Viên, làng Hóc, làng Dám, làng Vàng, làng Hản, làng Đầu, làng Thiều, làng Nguộn, làng Diễn, làng Lệnh. Xã Loa Lâu có ba làng là Phụng Quân, Hoa Sơn, Kinh Nỗ (nay là làng Quần, Ngò Thái, Lũa và Ngọc Sơn).

Địa hình xã Tân Đức chủ yếu là núi thấp thoải từ hướng tây bắc xuống đông nam, điểm cao nhất là núi Khau Trong, có độ cao 60m so với mực nước biển; xen kẽ là các cánh đồng trồng lúa, hoa màu tiện lợi cho việc thâm canh cây lúa, và phát triển kinh tế đồi rừng.

Tân Đức có tài nguyên đất khá phong phú. Đất Feralit nâu vàng phát triển trên đá mẹ phiến thạch sét. Loại đất này tỷ lệ sét cao, khả năng giữ nước và ẩm tốt, phân bố chủ yếu ở các vùng đồi. Đất Feralit nâu vàng phát triển trên đá mẹ sa thạch. Loại đất này nằm xen kẽ rải rác ở vùng đồi. Đất có thành phần cơ giới nhẹ, khả năng giữ nước và dinh dưỡng kém, tỷ lệ đất mùn thấp dưới 1%, nghèo các chất N, P, K.

Ngoài ra còn có một số đất khác trên địa bàn như đất cát, đất lầy thụt...các loại này chiếm diện tích nhỏ, không đáng kể.

Tân Đức có diện tích tự nhiên là 1.047,74 héc ta, bình quân diện tích đất tự nhiên là 1.333m²/ người,

bằng mức trung bình trong toàn huyện¹. Trong đó:

Đất nông nghiệp có 768,2 héc ta, chiếm 71,47% diện tích đất tự nhiên.

Đất lâm nghiệp có 105,11 héc ta, chiếm 9,78% diện tích tự nhiên.

Đất thổ cư có diện tích 62,08 héc ta, chiếm 5,78%.

Đất chuyên dụng với diện tích 135,3 héc ta, chiếm 12,60%.

Và 4,04 héc ta đất chưa sử dụng, chiếm 0,37% diện tích tự nhiên¹.

Tuy bình quân diện tích đất tự nhiên ở Tân Đức khá cao, nhưng nhìn chung có cấu tạo tương đối xấu, khả năng giữ nước, giữ ẩm kém, tỷ lệ mùn thấp, độ chua cao, nghèo chất dinh dưỡng.

Tân Đức có tài nguyên nước khá dồi dào, trên địa bàn của xã có sự chi phối của hệ thống sông ngòi, kênh mương. Đáng chú ý là sông Đào (còn gọi là sông Máng) bắt nguồn từ đập Thác Huống (xã Đồng Liên) chảy qua địa phận 9 xã của huyện Phú Bình, rồi đổ về sông Thương (Bắc Giang); sông Đào có tổng chiều dài 31km, đoạn qua xã Tân Đức dài 1,5km. Ngoài nguồn nước sông Đào, xã còn có hệ thống kênh dẫn nước nhỏ và các ao, hồ, đầm là nguồn bổ sung và dự trữ nước rất quan trọng cho sản xuất và sinh hoạt, nhất là vào mùa khô hạn.

Tân Đức có hệ thống giao thông hình thành từ lâu và khá thuận tiện với chiều dài khoảng gần 18 km đường liên xã, liên xóm, được phân bố hợp lý. Trung tâm xã khá gần với quốc lộ 37, tỉnh lộ 21 nối với quốc lộ 3, thuận lợi cho việc giao thương với thành phố Thái Nguyên,

¹ Báo cáo quy hoạch sử dụng đất đai xã Tân Đức thời kỳ 2001 - 2006

huyện Hiệp Hòa – Bắc Giang cũng như đi Bắc Ninh – Hà Nội và các địa phương trong huyện, tỉnh.

Xã Tân Đức nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, thời tiết trong năm chia làm hai mùa rõ rệt. Mùa đông từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau; vào mùa đông nhiệt độ xuống rất thấp, xuất hiện gió mùa đông bắc, thỉnh thoảng xuất hiện sương muối. Mùa hè nắng nóng từ tháng 4 đến tháng 10, kèm theo mưa nhiều, gây ngập úng ở những vùng thấp, làm xói lở các vùng đồi. Lượng mưa trung bình đo được hàng năm khoảng từ 2000 đến 2500mm, mưa tập trung chủ yếu vào tháng 8.

Các đặc điểm nhiệt đới gió mùa, nắng và bức xạ mặt trời đều thuận lợi để phát triển một nền nông nghiệp đa dạng với nhiều loại cây trồng, vật nuôi và tạo điều kiện tốt để thâm canh tăng vụ. Tuy nhiên thời tiết lạnh và khô hanh lại tác động xấu đến sản xuất nông nghiệp. Số ngày nắng trung bình trong năm là 226 ngày, nhiệt độ trung bình trong năm là $23,1^{\circ}\text{C}$ – $24,4^{\circ}\text{C}$. Độ ẩm trung bình cả năm là 80 – 85%.

Là một xã có cấu trúc địa hình khá phức tạp, gồm những đồi thấp ở phía bắc với khí hậu nhiệt đới gió mùa, độ ẩm cao nên Tân Đức có thảm thực vật rất phong phú, đa dạng, đó là những điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế lâm nghiệp.

Những năm trước đây rừng Tân Đức bị chặt phá nhiều, tạo ra những vùng đồi trọc, độ che phủ thấp, chủ yếu là cây bụi, do đó đất dễ bị xói lở và thoái hóa ảnh hưởng đến môi trường sinh thái. Thời gian gần đây, đồi rừng ở Tân Đức đã được bảo vệ và khôi phục, với diện tích 105,11 héc ta rừng trồng, trong đó chủ yếu là

rừng bạch đàn, keo lai.

Cho đến nay, diện tích rừng trồng đã được giao cho các chủ rừng và tiến hành cấp sổ lâm bạ để công tác quản lý rừng và đất lâm nghiệp được thuận lợi hơn.

Nhìn tổng quát về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên, có thể nói Tân Đức hội tụ được nhiều điều kiện cần thiết về địa chất, khí hậu, thổ nhưỡng, thủy văn để phát triển một nền kinh tế đa dạng, đặc biệt là kinh tế nông nghiệp.

2. Đặc điểm dân cư và làng xã

Ở Tân Đức, dân tộc Kinh chiếm đại đa số. Đây là dân tộc có nguồn gốc bản địa, do nhiều bộ phận hợp thành: dân bản địa, dân di cư từ các vùng đồng bằng lên khai hoang miền núi. Trải qua các thời kỳ, có nhiều sự chuyển cư qua lại với các vùng xung quanh, cư dân ngày càng thêm đông đúc, địa bàn cư trú được mở rộng. Gia đình, dòng họ lập nên các làng, xóm – những hạt nhân của xã hội. Các dòng họ sống với nhau trong một làng dựa trên cơ sở huyết thống nên có tính gắn kết cộng đồng rất cao.

Theo số liệu điều tra mới nhất của xã, Tân Đức có 1983 hộ với hơn 8.765 nhân khẩu, trong đó đại bộ phận là người Việt (Kinh), và một bộ phận nhỏ người dân tộc Tày, Nùng, Cao Lan, Sán Chỉ...tuy nhiên bộ phận này không đáng kể, chủ yếu là phụ nữ các dân tộc nơi khác kết hôn với người địa phương.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ xã, trong những năm gần đây tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trên địa bàn ngày càng được ổn định, xu thế đô thị hóa đang được các cấp, các ngành quan tâm và dần dần hình thành các điểm

dân cư trung tâm như khu dân cư gần chợ Tân Đức, các điểm dân cư bám theo trục đường giao thông. Hiện nay toàn xã có 17 xóm, Diên Cầu và xóm Ngoài là nơi tập trung dân cư đông đúc nhất xã.

Trên địa bàn xã Tân Đức hiện nay có tổng số lao động chính tuổi từ 18 đến 45 là 3.810 người, chiếm 47,35% dân số, trong đó lao động nam có 1.524 người, chiếm 40% tổng số lao động chính; lao động nữ có 2.286 người, chiếm 60% tổng số lao động. Tân Đức có nguồn lao động dồi dào, có sức khỏe và trình độ văn hóa từ trung học cơ sở trở lên. Nguồn lao động chính này được phân bố đều trong các xóm. Đây là nguồn nhân lực quý báu, quan trọng để phát triển kinh tế xã hội, từng bước thay đổi bộ mặt quê hương.

3. Hoạt động kinh tế

Tân Đức là xã thuần nông, người dân Tân Đức bao đời gắn liền với nền nông nghiệp lúa nước. Do đó, nông nghiệp lúa nước chiếm vị trí chủ đạo trong nền kinh tế của xã. Là một xã thuộc vùng trung du miền núi, nên công tác thủy lợi đảm bảo lượng nước để sản xuất được nhân dân chú trọng từ rất sớm đã không ngừng thúc đẩy nền nông nghiệp Tân Đức phát triển.

Trong những năm qua, nhờ có sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Ủy ban cùng sự nỗ lực phấn đấu của nhân dân, khắc phục những khó khăn về thời tiết, khí hậu, sâu bệnh, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, mở rộng diện tích cây trồng vụ đông nên đã tăng hiệu quả sử dụng đất, tạo ra năng suất cây trồng cao hơn.

Bên cạnh sản xuất nông nghiệp lúa nước, Tân Đức

còn có điều kiện phát triển về lâm nghiệp, cây công nghiệp... và các hoạt động chăn nuôi cũng khá phát triển, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân nơi đây. Trên địa bàn xã đã có 34 mô hình trang trại vừa và nhỏ, chủ yếu là các trang trại chăn nuôi lợn, gà.

Hiện nay diện tích đất lâm nghiệp xã Tân Đức có 105,11 héc ta rừng trồng, số diện tích đất này đã được giao cho các hộ quản lý với mục tiêu tu bổ, gìn giữ vốn rừng hiện có, đảm bảo phủ xanh đất trống đồi trọc, nâng cao độ che phủ của rừng, đảm bảo môi trường sinh thái bền vững.

Bên cạnh việc tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp thì công nghiệp, thủ công nghiệp cũng đang được chú trọng phát triển như: sản xuất vật liệu xây dựng, vận tải, gia công cơ khí, chế biến nông sản... Trong xã có làng nghề mây tre đan, có vùng chuyên trồng rau củ quả ở các xóm Trại Vàng, Lệnh, Quại,... Ngoài ra ở xóm Quần, xóm Ngò Thái còn có các hồ trồng sen, thả cá.

Cũng như các làng xã nông thôn Việt Nam khác, dù sản xuất kinh tế nhỏ lẻ, tự cung tự cấp, song nhu cầu trao đổi hàng hóa của người dân vẫn rất cần thiết. Nhu cầu đó thông qua hoạt động mua bán ở chợ. Chợ Tân Đức được hình thành từ năm 1947, chợ có diện tích mặt bằng 9.040 m², là nơi tập trung đông đúc dân cư các vùng, các xã trong huyện và thu hút người dân đến từ các huyện Hiệp Hòa, Yên Thế, Tân Yên (Bắc Giang) đến để mua bán, giao thương hàng hóa, nhất là sản phẩm nông nghiệp. Chợ họp theo phiên, mỗi tháng họp 12 phiên, phiên nào cũng tấp nập kẻ bán người mua.

Những năm qua, nhân dân Tân Đức dưới sự lãnh

đạo của Đảng bộ xã, bước đầu thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao, chất lượng cuộc sống được cải thiện rõ rệt. Người dân Tân Đức đã phát huy những thế mạnh vốn có của địa phương, xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, văn minh.

4. Truyền thống lịch sử, văn hóa

Tân Đức là vùng đất có truyền thống lịch sử văn hóa lâu đời. Nhân dân Tân Đức có đời sống văn hóa tinh thần rất phong phú, từ xa xưa họ đã quan tâm đến đời sống tâm linh, không ngừng chắt chiu xây dựng các công trình văn hóa như đình, chùa, miếu... Trải qua bao thăng trầm lịch sử, những biến động của xã hội, những dấu tích văn hóa, lịch sử của cha ông còn được lưu giữ ở Tân Đức là minh chứng cụ thể, sinh động cho bề dày văn hóa và sức sống bất diệt của người dân nơi đây. Trên địa bàn của xã, hầu hết làng nào cũng có đình, chùa, miếu. Toàn xã có 5 công trình đền, chùa được xếp hạng di tích lịch sử cấp tỉnh, đó là đình – chùa Phi Long; đình – chùa Viên; đình – chùa Lệnh; đình - chùa Lũ; chùa Hản. Đặc biệt có Đình Đông nằm trên địa phận ba làng: làng Vàng, làng Hản và làng Đầu đã được Nhà nước công nhận Di tích Lịch sử Văn hóa cấp Quốc gia năm 2006.

Song song với đời sống văn hóa tâm linh, người dân Tân Đức rất quan tâm đến sinh hoạt lễ hội văn hóa. Lễ hội của người dân Tân Đức được đúc kết qua quá trình lịch sử lâu dài, và là niềm tự hào của cả cộng đồng, trở thành nhu cầu không thể thiếu trong đời sống tinh thần của nhân dân. Lễ hội Đình Đông được tổ chức vào

tháng Giêng và tháng Tám âm lịch hàng năm. Dân trong vùng tề tựu về Đình Đông làm lễ cúng Thành Hoàng làng. Ngoài sân làm lễ ngoại tán, cầu cho mưa thuận gió hòa, quốc thái dân an. Lễ được cử hành long trọng, trang nghiêm, rước kiệu và dâng cỗ, có cờ, trống, chiêng... tung bừng, náo nhiệt.

Sau phần lễ là phần hội, phần hội có tổ chức các trò chơi dân gian như chọi gà, kéo co, cờ người... Sinh hoạt văn hóa, văn nghệ kết hợp với thi đấu thể thao như bóng chuyền, bóng đá... thu hút hàng nghìn lượt người tham gia trải hội.

Cứ đến dịp lễ hội, dù đi làm ăn ở nơi đâu, những người con Tân Đức có điều kiện đều trở về quê hương tham gia lễ hội. Trong không khí rộn ràng náo nhiệt và thiêng liêng của lễ hội, tình cảm gắn bó, gắn kết cộng đồng càng trở nên khăng khít hơn.

Ngày nay, khi đất nước chuyển sang cơ chế kinh tế mới, mở cửa trong quan hệ quốc tế thì lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, đạo đức, lối sống của địa phương ít nhiều chịu sự tác động mặt trái của nền kinh tế thị trường, có những nét văn hóa bị mai một, xuống cấp. Tuy nhiên, về cơ bản những giá trị truyền thống lịch sử văn hóa vẫn được người dân Tân Đức lưu giữ và phát triển.

Nhân dân Tân Đức bao đời nay có truyền thống hiếu học. Phát huy truyền thống đó của cha ông, ngày nay lớp con cháu xã Tân Đức có nhiều người thành đạt, hiển danh được xã hội ghi nhận. Nhiều con em của xã là giáo sư, tiến sỹ, thạc sỹ, cử nhân đang công tác và học tập khắp mọi miền đất nước, đóng góp trí tuệ và công sức xây dựng đất nước, xây dựng quê hương giàu đẹp.

Tiêu biểu như Giáo sư, Tiến sỹ Tạ Văn Bình, Tiến sỹ Nguyễn Sỹ Trung...

Hiện nay, công tác giáo dục đào tạo ở xã rất được chú trọng, nhiều thành tích giáo dục ngày càng nổi bật trên mảnh đất hiếu học này. Những năm gần đây, trên địa bàn xã có gần 40 học sinh thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng mỗi năm, đây chính là nguồn nhân lực quan trọng để xây dựng quê hương giàu mạnh, xứng đáng với sự hy sinh, vun đắp của biết bao thế hệ cha anh đi trước.

Từ xa xưa nhân dân Tân Đức đã có truyền thống yêu nước. Trong thời kỳ phong kiến, nhân dân Tân Đức đã cùng với cả dân tộc đứng lên đánh đuổi các thế lực ngoại xâm. Từ thời Lý, Trần cho đến thời Lê, Nguyễn, những người con Tân Đức luôn thể hiện tinh thần bất khuất, kiên cường. Rất nhiều thanh niên Tân Đức đã gia nhập đạo quân của Phò mã Dương Tự Minh, đứng lên góp sức cùng quân triều đình đánh đuổi quân xâm lược Tống, góp phần gìn giữ biên cương phía bắc của nước Đại Việt. Sang đời Trần, Tân Đức đã cùng với nhân dân cả nước đánh bại ba cuộc xâm lăng của quân Mông - Nguyên, giữ vững độc lập dân tộc, ổn định vùng biên cương. Qua những trận binh lửa, biết bao người con Tân Đức đã ngã xuống để đổi lấy hạnh phúc, yên bình cho đất nước, lịch sử mãi mãi ghi danh những con người ấy.

Trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, truyền thống bất khuất, kiên cường đó ngày càng được hun đúc, tôi luyện. Hàng trăm thanh niên Tân Đức đã đi theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, gác bút

ngiên lên đường chiến đấu. Trong những tháng ngày lịch sử hào hùng của dân tộc, biết bao người trong số họ đã ngã xuống. Trong chiến tranh bảo vệ biên giới Tổ quốc, thanh niên Tân Đức lại hăng hái lên đường chiến đấu. Nhiều người đã hy sinh máu xương của mình để bảo vệ chủ quyền của đất nước. Hiện nay Tân Đức là xã có nhiều liệt sĩ nhất huyện Phú Bình.

Về tôn giáo, phần đông nhân dân Tân Đức có ảnh hưởng từ đạo Phật. Dù theo tín ngưỡng, tôn giáo nào thì người dân Tân Đức vẫn sống tốt đời, đẹp đạo, thực hiện đầy đủ chủ trương chính sách của Đảng và Pháp luật của Nhà nước.

Trong các công trình văn hóa tâm linh của xã Tân Đức, nổi lên có Đình Đông (thuộc địa phận ba làng là làng Hãn, làng Vàng và làng Dầu). Đình Đông thờ Thành Hoàng làng là Cao Sơn Quý Minh Thượng Đẳng Thần, tức Dương Tự Minh, một tướng tài dưới thời nhà Lý, là Thủ lĩnh phủ Phú Lương xưa kia. Ông đã có công lớn trong việc chỉ huy nhân dân đánh đuổi quân xâm lược Tống, bảo vệ, giữ vững biên giới phía Bắc của Đại Việt vào thế kỷ XI.

Đình Đông, còn có tên gọi khác là Phục Hồ Đình, được khởi dựng vào thời Hậu Lê. Đình tọa lạc trên một khu đất rộng, bằng phẳng, có diện tích 1500m², nằm ở trung tâm làng Vàng, tương truyền đây là vùng đất thiêng hội tụ long mạch. Đình quay hướng nam, nhìn ra sông Đào và núi Khau Trong. Cảnh trí thiên nhiên đẹp hữu tình.

Tổng diện tích xây dựng của đình là 273m², kiến trúc đình theo hình chữ đình, 5 gian với 4 mái, các góc mái

được làm dao cong. Mái đình lợp ngói mũi hài; trên bờ nóc trang trí hình lưỡng long châu nguyệt. Kết cấu bộ kèo theo kiểu chồng rường, quá giang, kẻ chuyền.

Đình Đông không chỉ là nơi sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng của nhân dân địa phương mà còn là nơi ghi dấu nhiều sự kiện lịch sử cách mạng. Thời kỳ tiền khởi nghĩa giành chính quyền trong cách mạng Tháng Tám 1945, Xứ ủy Bắc Kỳ chọn Đình Đông làm trạm liên lạc, nơi hội họp, huấn luyện cán bộ, gây dựng phong trào cách mạng ở huyện Phú Bình và tỉnh Bắc Giang trong quần chúng nhân dân. Chính nơi đây, đồng chí Hà Thị Quế, Bí thư Ban cán sự liên tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh đã mở lớp huấn luyện cán bộ chủ chốt xây dựng phong trào cách mạng vào khoảng năm 1943 và cuối năm 1944.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Đình là nơi cơ quan Bộ Thông tin Tuyên truyền làm việc từ năm 1947 đến 1948. Đồng chí Nguyễn Khang, chủ tịch Khu 12 chọn Đình Đông hội họp phát động phong trào "*Kháng chiến, kiến quốc*". Năm 1951, Đình là địa điểm công bố hợp nhất Mặt trận Việt Minh với Hội Liên Việt thành Mặt trận Liên Việt do đồng chí Hoàng Quốc Việt - Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng chủ trì và tuyên truyền thắng lợi của Đại hội II của Đảng. Từ năm 1952 đến 1954, Đình là nơi cất giấu vũ khí, lương thực, thực phẩm, quân nhu của Bộ Quốc phòng và Liên khu Việt Bắc. Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, giai đoạn từ 1965 năm 1974, bộ tư lệnh sư đoàn 304B

dùng làm địa điểm để huấn luyện quân chỉ viện cho chiến trường miền Nam.

Cùng với Đình Đông, 5 di tích lịch sử văn hóa đã được xếp hạng khác đều lưu giữ được những nét kiến trúc thời Nguyễn, là nơi sinh hoạt cộng đồng của nhân dân trong vùng. Trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, các đình, chùa đều đã diễn ra các sự kiện như tuyên truyền cách mạng; dùng làm kho quân lương, sản xuất vũ khí, bệnh xá, nơi bầu cử, nơi tổ chức các lớp học, đồng thời đình, chùa cũng là nơi diễn ra những cuộc tiễn đưa thanh niên lên đường nhập ngũ...

Tóm lại, Tân Đức là địa phương có nền văn hóa mang đậm bản sắc dân tộc, nơi đó, những lễ hội, hội làng truyền thống vẫn tồn tại, những tinh hoa văn hóa của người Việt vẫn được gìn giữ và phát triển. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ xã, nhân dân Tân Đức phấn đấu xây dựng một nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, tạo thành một động lực quan trọng trong công cuộc xây dựng, kiến thiết quê hương.

II. Tình hình chính trị, kinh tế - xã hội trên quê hương Tân Đức trước Cách mạng tháng Tám 1945

1. Tình hình chính trị

Từ đầu thế kỷ XIX, thực dân Pháp đã có dã tâm xâm lược nước ta. Để thực hiện âm mưu đó, ngày 31 tháng 8 năm 1858, Pháp nổ tiếng súng đầu tiên mở đầu cho sự xâm lược. Triều đình nhà Nguyễn chống cự yếu ớt rồi từng bước ký các hiệp ước đầu hàng giặc Pháp. Năm 1884, sau Hiệp ước Hác – măng và Hiệp ước Pa – tơ – nốt, nước ta trở thành thuộc địa của thực dân Pháp. Từ đó nhân dân Tân Đức nằm trong hoàn cảnh

chung của dân tộc, phải mang trên mình nỗi nhục của người dân mất nước, cuộc sống khổ cực trăm bề.

Sau khi mở rộng đánh chiếm Bắc Kỳ, tháng 3 năm 1884 thực dân Pháp đánh chiếm Thái Nguyên. Ngay sau đó, chúng đã tung lực lượng mở rộng càn quét trên địa bàn Phú Bình nói chung và Đức Liên, Đức Lân, Loa Lâu nói riêng nhằm dập tắt phong trào kháng chiến chống xâm lược của nhân dân địa phương. Chúng nhanh chóng thành lập các đồn bót, như đồn lính khố đỏ ở Hà Châu (1884), đồn lính khố xanh ở chợ Hanh (1894), Kha Sơn Hạ (1895)...khống chế các điểm giao thông trọng yếu trên địa bàn huyện.

Sau thời kỳ đánh chiếm, bình định, thực dân Pháp xây dựng một hệ thống cai trị mạnh ở Phú Bình nhằm thực hiện các chính sách, thủ đoạn cai trị thâm độc. Nhiều tên tay sai trung thành, tận tụy của chúng được đưa về làm tri phủ Phú Bình. Những tên chánh tổng, lý trưởng phần nhiều là những địa chủ, cường hào được thực dân Pháp trọng dụng, dung dưỡng.

Kỳ hào, lý dịch đại diện cho sự bóc lột đàn áp của chế độ thực dân phong kiến. Mặt khác, chúng còn lập ra cái gọi là “*hội đồng kỳ mục*” để quản lý việc làng việc xã, nhưng thực chất là bày đặt ra rất nhiều “lệ làng”, làm cho đời sống nhân dân càng thêm khốn khổ bội phần.

Dưới sự cai trị của chủ nghĩa thực dân, phong kiến nhân dân xã Đức Lân, Loa Lâu phải sống trong kiếp nô lệ, bị bóc lột thậm tệ về kinh tế, chèn ép về chính trị. Đặc biệt từ khi phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương chúng cấu kết với thực dân Pháp cùng bóc lột, xâu xé,

vơ vét của cải, nhân dân Đức Liên phải chịu cảnh “một cổ hai tròng”. Dưới sự đàn áp, bóc lột dã man của bọn thực dân, phong kiến, phong trào cách mạng của nhân dân Đức Liên ngày càng sục sôi, chỉ chờ đợi thời cơ là vùng lên đánh đuổi thực dân Pháp và tay sai. Chính vì thế khi phong trào kháng Nhật cứu nước nổ ra, nhân dân xã Đức Liên, Loa Lâu là một trong những địa phương có phong trào cách mạng khá sớm ở Phú Bình.

2. Tình hình kinh tế

Sau khi thiết lập được bộ máy tay sai cai trị trên đất nước ta nói chung và ở xã Đức Liên, Loa Lâu nói riêng, thực dân Pháp cấu kết với bọn cường hào, địa chủ bóc lột thậm tệ về kinh tế đối với nông dân. Trước hết, chúng cướp ruộng đất của nông dân để lập đồn điền. Nói về nạn cướp đất lập đồn điền, tên Công sứ Pháp ở Thái Nguyên thừa nhận, huyện Phú Bình có 52 ấp trại thì chỉ có 3 ấp là dân ngoài đồn điền, còn lại 49 ấp là thuộc đất đồn điền và nông dân tá điền¹.

Hình thức và thủ đoạn bóc lột của đồn chủ rất đa dạng, vừa tinh vi vừa trắng trợn. Hình thức bóc lột phổ biến nhất là phát canh thu tô, cho vay nặng lãi. Thông thường mức thu tô từ 50% đến 70% sản lượng, bất kể tốt xấu, được mùa hay mất mùa. Có chủ đồn điền còn ép buộc tá điền lĩnh canh phải vay để nộp tô trước, sau đó phải trả với lãi cao. Ngoài các thủ đoạn bóc lột chủ yếu bằng tô, tức, một hình thức bóc lột khác khá phổ biến là thuê mướn nhân công với giá rẻ mạt.

Được chính quyền thực dân nâng đỡ, bọn chủ đồn điền lập bộ máy cai trị khép kín, sinh hoạt chính trị,

¹ Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Bình (1930 – 2005)

kinh tế riêng, tự đặt ra luật lệ, nhà giam. Chúng thẳng tay đàn áp, bóc lột tá điền; khuyến khích, xúi giục tá điền chèn ép dân ngoài đồn điền. Nhiều người vì thế phải bỏ ruộng vườn hoặc trở thành tá điền. Trong cả hai trường hợp, đất đai của đồn điền đều được mở rộng.

Thuế khóa là hình thức bóc lột chủ yếu, nặng nề nhất của bọn thực dân phong kiến, là tai họa thường trực hàng năm của nông dân. Thuế đinh là thứ thuế dã man nhất, có từ thời phong kiến và được bọn thực dân duy trì với mức thuế ngày càng cao. Năm 1930, thuế một suất đinh là 2,5 đồng, năm 1939 là 3,79 đồng. Thuế điền thổ cũng là loại thuế nặng nề mà nông dân phải gánh chịu, mỗi sào Bắc bộ chúng thu 30kg thóc. Ngoài những loại thuế đó, nhân dân còn phải đóng thêm 20% mức thuế chính cho bọn lý trưởng, chánh tổng gọi là trả công người thu thuế, những loại thuế này đều được quy ra thóc để nộp. Hầu như trong mỗi vụ thu thuế, nơi nào cũng đều thấy cảnh nông dân bị đánh đập, bắt bớ, giam cầm vì thiếu thuế, có gia đình phải bán vợ, bán con để nộp thuế.

Trong khi sản xuất nông nghiệp đình đốn, trì trệ, mất mùa đói kém thì kinh tế thương nghiệp bị kìm hãm, hoạt động giao thương buôn bán bị cấm đoán, chủ yếu là kinh tế tự cung, tự cấp. Ngay cả những mặt hàng thiết yếu như muối, dầu thực dân Pháp cũng giành quyền độc thương, đánh thuế rất cao hai mặt hàng này, chúng tuyệt đối nghiêm cấm việc nấu rượu, buôn bán muối trong nhân dân.

Trong hoàn cảnh ấy, cuối tháng 9 năm 1940, quân đội Nhật tràn vào Việt Nam, với âm mưu hất cẳng Pháp

để độc chiếm Đông Dương. Tháng 5 năm 1944, chúng thi hành chính sách cân thóc tạ, mức thu mua mà giá cả chỉ bằng 1/8 giá thị trường. Thâm độc hơn, chúng còn bắt nhân dân ta nhổ lúa trồng đay để phục vụ cho công nghiệp chiến tranh, khiến nông dân bị bần cùng hóa, gây nên nạn đói khủng khiếp vào năm 1945.

Như vậy, trước Cách mạng tháng Tám 1945, đời sống của nhân dân lao động trên địa bàn Phú Bình nói chung và ở xã Đức Lâm, Loa Lâu nói riêng hết sức khổ cực, nông dân ngày càng bị bần cùng hóa. Mâu thuẫn về chính trị - xã hội ngày càng sâu sắc, chỉ chờ cơ hội là ngọn lửa cách mạng bùng phát.

3. Tình hình văn hóa - xã hội

Khi xâm lược nước ta, thực dân Pháp rêu rao chiêu bài "*khai hóa văn minh*" nhưng thực chất là bưng bít, bóp nghẹt nhân dân ta trong vòng ngu tối để dễ bề cai trị. Chúng ngăn chặn những luồng tư tưởng tiến bộ du nhập vào nước ta.

Bên cạnh việc bóc lột tàn tệ nhân dân về kinh tế, đàn áp về chính trị, thực dân Pháp và bọn phong kiến tay sai triệt để thi hành chính sách ngu dân, kìm hãm việc học hành và thực hiện nô dịch về văn hóa. Trước cách mạng, tổng Đức Liên chỉ có một trường sơ học (nay là tiểu học) dành cho con em địa chủ, phú nông, cường hào, hơn 95% dân số xã Đức Lâm, Loa Lâu mù chữ. Trình độ dân trí thấp là nguyên nhân nảy sinh và tồn tại những hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan. Tổng Đức Liên trở hành một vùng nông thôn khép kín giữa lũy tre làng, xa trung tâm kinh tế, văn hóa, đô thị, hệ tư tưởng phong kiến của nền sản xuất nông nghiệp lạc hậu bộc lộ rõ nét, điển hình

trong bộ máy thống trị ở địa phương. Năm 1932 – 1933 được coi là năm đỉnh cao của giáo dục dưới chế độ thực dân thì số học sinh ở tỉnh Thái Nguyên cũng chỉ đạt 1,8% dân số, riêng huyện Định Hóa không đến 1%.

Cụ thể, thực dân Pháp khuyến khích duy trì những phong tục, tập quán lạc hậu, lỗi thời, mê tín dị đoan, tuyên truyền phổ biến lối ăn chơi trác táng, trụy lạc. Thực dân Pháp bắt nhân dân ta phải uống rượu ty của chúng, làng bản nào không tiêu thụ hết rượu cũng phải trả tiền. Bên cạnh đó chúng dùng thuốc phiện để đầu độc nhân dân ta và làm suy yếu giống nòi. Bàn đèn thuốc phiện và các tụ điểm cờ bạc gần như làng nào, xóm nào cũng có. Âm mưu của chúng là để tha hóa mọi tầng lớp nhân dân, làm cho nhân dân chìm đắm trong say sưa, quên đi thân phận người nô lệ, quên đi lý tưởng cao đẹp là đánh đuổi ngoại xâm giành độc lập, tự do.

Công tác y tế, chăm lo và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân không được chính quyền thực dân chú ý. Cả huyện Phú Bình chỉ có một nhà thương nhỏ dành cho bọn quan lại. Nhân dân ốm đau, bệnh tật chỉ biết trông chờ vào may rủi. Tình trạng hữu sinh, vô dưỡng trở nên phổ biến trong nhân dân.

Bị nô dịch về văn hóa, nhân dân ta phải sống trong tối tăm, ngu muội, dân trí thấp, dân khí yếu. Bên cạnh đó, chính sách vơ vét, bóc lột của bọn thực dân phong kiến đã làm cho xã hội nước ta bị phân hóa sâu sắc, đặc biệt là phân hóa giàu nghèo, đại bộ phận nhân dân trong xã phải sống trong nghèo đói, khổ cực, còn một bộ phận rất nhỏ là địa chủ, quan lại, hương lý thì sống cuộc sống vương giả. Mâu thuẫn xã hội ngày càng sâu sắc.

Nói tóm lại, dưới sự bóc lột dã man về mọi mặt của bọn thực dân và địa chủ phong kiến, nhân dân Đức Liên sống trong tình trạng kinh tế trì trệ, kém phát triển, làng xóm tiêu điều, xơ xác; đời sống chính trị, văn hóa ngột ngạt, tù túng; xã hội nổi lên hai mâu thuẫn cơ bản: Mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Đức Liên với thế lực thực dân, phát xít, và mâu thuẫn giữa nông dân với bọn cường hào, địa chủ trong xã. Sự tàn bạo của bọn thực dân, cùng với sự giúp đỡ của phát xít Nhật đã đẩy mâu thuẫn đó lên đến đỉnh điểm, nhưng đó cũng là nguyên nhân tất yếu để nhân dân Đức Liên dưới sự lãnh đạo của Đảng đứng lên đấu tranh giành chính quyền. Lúc này, Đức Liên cũng như những vùng quê khác bước vào một thời kỳ mới: Thời kỳ vùng lên xóa bỏ xiềng xích nô lệ giành độc lập, tự do ngay trên quê hương mình.

III. Nhân dân Tân Đức dưới sự lãnh đạo của Đảng đấu tranh giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám 1945

1. Phong trào đấu tranh cách mạng trên quê hương Tân Đức trước Cách mạng tháng Tám năm 1945

Nhân dân Tân Đức từ lâu đã có truyền thống yêu nước chống xâm lược, truyền thống ấy đã được thể hiện rõ nét trong thời kỳ phong kiến chống giặc phương Bắc. Khi thực dân Pháp tấn công, đặt ách đô hộ lên nước ta, tinh thần yêu nước lại tiếp tục được phát huy, bắt nhịp vào phong trào cách mạng chung của cả nước.

Năm 1884, thực dân Pháp đưa hai đại đội thuộc tiểu đoàn xung kích Angieri và một trung đội pháo binh từ Bắc Ninh tấn công đánh chiếm Phú Bình, cửa ngõ đông nam của Thái Nguyên. Nhân dân Phú Bình đã cùng quân

đội của triều đình, với vũ khí thô sơ đã anh dũng đánh chặn đạo quân tinh nhuệ của địch khi chúng vừa đặt chân đến Đức Liên. Cuộc chiến đấu diễn ra rất ác liệt và kéo dài từ sáng sớm đến 16 giờ 30 phút, quân địch mới chiếm được phủ lỵ và chịu tổn thất nặng nề.

Năm 1884, Hoàng Hoa Thám dựng cờ khởi nghĩa, lập căn cứ chống Pháp ở Yên Thế (Bắc Giang). Là địa phương tiếp giáp với huyện Yên Thế, nhân dân Đức Liên đã nhất tề đi theo quân khởi nghĩa, ủng hộ sức người, sức của cho nghĩa quân Yên Thế. Nhiều thanh niên Đức Liên đã tình nguyện gia nhập nghĩa quân Đề Thám, tiêu biểu có ông Nghiêm Đình Công (Đốc Công) người làng Lũ, ông Trần Văn Mùi người làng Giám. Việc làm của các ông và nhân dân Đức Liên đã thể hiện tinh thần yêu nước, căm thù giặc sâu sắc là tấm gương cho thế hệ sau nối tiếp. Tân Đức thời bấy giờ cũng là nơi trú chân quan trọng của nghĩa quân.

Sau khi dập tắt phong trào yêu nước và các cuộc nổi dậy, thực dân Pháp lại phải đối đầu với tinh thần bất khuất, kiên cường của nhân dân Thái Nguyên. Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên vào ngày 31 tháng 8 năm 1917. Anh em binh lính người Việt trong trại lính khố xanh cùng với tù chính trị và nhân dân quanh vùng, dưới sự lãnh đạo của Trịnh Văn Cấn và Lương Ngọc Quyến, đã nổi dậy đánh Pháp. Tham gia cuộc khởi nghĩa có 23 lính khố xanh quê ở Phú Bình, trong đó có Trương Văn Giá, người làng Úc Sơn, một phó tướng tin cậy của Trịnh Văn Cấn. Ở Tân Đức có ông Cai Mánh, người làng Vàng tham gia khởi nghĩa.

Các phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp giải phóng quê hương của nhân dân Phú Bình diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ, liên tục, thể hiện tinh thần quả cảm, kiên trung của người dân nơi đây. Song vì chưa có một đường lối cứu nước đúng đắn nên các phong trào đó chưa đi đến thắng lợi.

Ngày 03 tháng 02 năm 1930 Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Ngày từ khi ra đời, Đảng ta đã nhanh chóng giương cao ngọn cờ cách mạng, lãnh đạo các tầng lớp nhân dân đứng lên phản đế, phản phong. Sau cao trào Xô viết - Nghệ Tĩnh, địch tăng cường đàn áp, khủng bố, vây lùng gắt gao nhằm dập tắt phong trào cách mạng đang lên cao. Đặc biệt ở Thái Nguyên, từ sau khi khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên (năm 1917) và cuộc nổi dậy của binh lính chợ Chu (1922), địch tăng cường đàn áp, khủng bố nên phong trào cách mạng trong những ngày lịch sử này gặp rất nhiều khó khăn. Mặt khác, Thái Nguyên là cửa ngõ then chốt giữa trung du Bắc bộ và vùng thượng du, lại là nơi có nhiều hầm mỏ, đồn điền của bọn tài phiệt. Vì vậy bọn thống trị đặc biệt chú ý tăng cường lực lượng, áp dụng nhiều chính sách, thủ đoạn cai trị. Chúng kiểm soát mọi diễn biến chính trị, xã hội trong tỉnh. Huyện Phú Bình nằm ở phía nam Thái Nguyên, tiếp giáp với Bắc Giang, nơi tập trung nhiều tá điền. Vì vậy, thực dân Pháp tăng cường bọn hương lý, dựng đồn canh để kiểm soát người ra vào, cấm nhân dân không được tụ tập đông người, ngăn chặn và phong tỏa làn sóng cách mạng đang tràn về Phú Bình. Đó là những nguyên nhân chủ quan, khách quan khiến tỉnh Thái Nguyên nói chung và huyện Phú Bình nói riêng đến lúc này chưa xây dựng được cơ sở cách mạng.

Từ giữa năm 1939, nhiều cán bộ của Trung ương

Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ được cử về hoạt động ở Bắc Giang, Thái Nguyên. Một số đồng chí như Hoàng Văn Thái, Nguyễn Văn Lộc thường xuyên qua lại chỉ đạo phong trào. Cũng trong khoảng thời gian này, một nhóm thanh niên khác của Phú Bình được tổ chức Đảng ở Vân Xuyên giáo dục, rèn luyện và kết nạp vào Hội Thanh niên phản đế, như đồng chí Nguyễn Bình Sơn, Nguyễn Văn Xứ, Nguyễn Hữu Tài... Nhóm thanh niên này tích cực hoạt động tuyên truyền, giác ngộ quần chúng. Họ chính là những hạt nhân quan trọng trong phong trào cách mạng ở Phú Bình sau này.

Sau Hội Thanh niên phản đế là Hội Nông dân phản đế được thành lập lần lượt ở các xã. Cả hai hội này hoạt động theo sự chỉ đạo của tổ chức Đảng ở Hiệp Hòa và cán bộ của Xứ ủy Bắc Kỳ, trực tiếp chỉ đạo, lãnh đạo là các đồng chí Ngô Thế Sơn, Nguyễn Trọng Tĩnh, Lương Văn Đài.

Đầu năm 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng. Tháng 5 năm 1941, Người chủ trì họp Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (Khóa I) tại Pắc Bó – Cao Bằng. Sau khi phân tích tình hình trong nước và thế giới, Hội nghị đã xác định nhiệm vụ quan trọng nhất, cấp thiết nhất lúc bấy giờ là giải phóng dân tộc bằng con đường cách mạng vũ trang. Hội nghị chỉ rõ: *“Ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương, cũng có thể giành thắng lợi cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn”*¹. Đồng thời, Hội nghị đã quyết định thành lập Mặt trận

¹ Văn kiện Đảng 1930 – 1945, TIII, Ban nghiên cứu LSD, H, 1977, tr216 – 217.

Việt Nam độc lập Đồng minh hội (Gọi tắt là Việt Minh) thay cho Mặt trận Dân tộc phản đế Đông Dương.

Thực hiện Chỉ thị của Xứ ủy Bắc Kỳ, cuối năm 1941, một cuộc họp được tổ chức tại nhà ông Nguyễn Văn Nội (ở xã Kha Sơn), để phổ biến các chủ trương của Đảng cũng như tuyên bố thành lập Mặt trận Việt Minh. Cuối năm đó, đội Tự vệ cứu quốc đầu tiên của huyện đã được thành lập tại Kha Sơn Hạ, sau đó lan nhanh ra các xã lân cận.

Trong những năm 1938 đến 1942, phong trào cách mạng ở Phú Bình tuy chưa lan rộng khắp toàn huyện và chưa có tổ chức cơ sở Đảng, mới chỉ có các tổ chức yêu nước trong các đoàn thể Cứu quốc, nhưng đó là bước khởi đầu quan trọng của phong trào cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng và là bước tập dượt đầu tiên cho khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám 1945.

Từ giữa năm 1943, phong trào cách mạng ở nước ta tiếp tục có những bước phát triển mới, nhất là ở vùng trung du và Việt Bắc. Phong trào khởi nghĩa sục sôi ở Cao Bằng và lan rộng đến các huyện, thị của tỉnh Thái Nguyên.

Từ năm 1943 đến Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945, tại Phú Bình đã diễn ra nhiều hội nghị quan trọng do Trung ương và Xứ ủy tổ chức, nhằm tổng kết thực tiễn phong trào; chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang, bàn các biện pháp chuẩn bị chờ đợi thời cơ.

Những năm 1943 – 1944, hoạt động của các cơ quan Trung ương và Xứ ủy trên đất Phú Bình diễn ra bí mật,

nhưng rất sôi động, cổ vũ và thúc đẩy phong trào cách mạng khắp các xã trong huyện.

Cuối năm 1944, Ông Lý Đức Chứa (Tức Thanh) người ở làng Thanh Lang xã Tân Hòa đưa đồng chí Lương Văn Đài¹ (Tức Hiền Cừ) là cán bộ Xứ ủy Bắc Kỳ đến nhà ông Dương Đình Hoạch (Lý Khoa) ở xóm Diễn để tuyên truyền các chính sách Việt Minh, sau chuyển qua nhà ông Dương Văn Tô (Chánh Toàn) người làng Diễn, làm địa điểm liên lạc. Sau đó, có thêm các đồng chí Hà Thị Quế, Nguyễn Thị Phong, Dương Thị Tích (Tức Lâm) thường xuyên qua lại tuyên truyền, giác ngộ cách mạng, gây dựng phong trào.

Năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn cuối, chủ nghĩa phát xít đang bên bờ diệt vong. Đây cũng là thời điểm phong trào cách mạng ở khắp cả nước phát triển mạnh mẽ và rộng khắp, không khí cách mạng ở Thái Nguyên sục sôi hơn bao giờ hết.

Hòa chung trong không khí cách mạng của dân tộc, nhân dân Đức Lâm, Loa Lâu sục sôi khí thế chờ thời cơ khởi nghĩa. Lực lượng chính trị và bán vũ trang do thanh niên Đức Lâm tổ chức đã phối hợp đẩy mạnh đấu tranh, sắm vũ khí, rải truyền đơn, hô hào nhân dân đánh Nhật cứu nước. Không khí tiền khởi nghĩa đã tràn về quê hương Đức Lâm, Loa Lâu, quần chúng nhân dân nô nức chờ lệnh Tổng khởi nghĩa, nhất là khi tin Mặt trận Việt Minh đã khởi nghĩa giành chính quyền ở nhiều nơi.

¹ Đồng chí Lương Văn Đài quê ở Tiền Hải, Thái Bình, chỉ đạo phong trào cách mạng ở tỉnh Hà Nam; Sau được Xứ ủy Bắc kỳ điều lên phụ trách phong trào ở huyện Phú Bình.

2. Nhân dân Tân Đức tham gia đấu tranh giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945

Ngày 9 tháng 3 năm 1945, Nhật hất cẳng Pháp độc chiếm Đông Dương, thành lập chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim. Chúng rêu rao trao trả độc lập cho Việt Nam để lừa bịp nhân dân ta, hòng tạo nên sự hỗn loạn về chính trị - xã hội.

Trước tình đó, ngay đêm 9 tháng 3, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị: *“Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”*, xác định kẻ thù trước mắt là phát xít Nhật, đấu tranh theo khẩu hiệu *“đả đảo phát xít Nhật”*, tiến tới *“thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân Đông Dương”*.

Trong bối cảnh phong trào cách mạng đang sục sôi, chiều ngày 13 tháng 3 năm 1945 đảng viên hai chi bộ Kha Sơn Hạ và Kha Sơn Thượng họp, quyết định tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền ở các làng thuộc tổng La Đình và chọn làng Kha Sơn Hạ làm điểm nổ súng đầu tiên của phong trào vào ngày 14 tháng 3 năm 1945.

Đúng 8 giờ sáng ngày 14 tháng 3, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền đã nổ ra tại làng Kha Sơn Hạ. Khí thế cách mạng của nhân dân trong làng áp đảo bọn hào lý, chánh tổng khiến chúng hoảng sợ, không dám chống cự. Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa đã tổ chức ngay một cuộc mít tinh tại đình Kha Sơn Hạ mừng chiến thắng, cuộc mít tinh đã có hàng trăm người tham dự.

Tại buổi mít tinh, lãnh đạo Việt Minh xã tuyên bố trước nhân dân, chính quyền của bọn thực dân, phong kiến đã bị lật đổ, đồng thời tuyên bố thành lập Ủy ban

cách mạng lâm thời và kêu gọi toàn dân đoàn kết không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giàu nghèo, già trẻ, trai gái cùng nhau tham gia Mặt trận Việt Minh đánh Tây, đuổi Nhật, giải phóng dân tộc. Cũng tại buổi mít tinh, lãnh đạo Việt Minh đã công bố 10 chính sách của Việt Minh: *Giành lấy chính quyền, xây dựng nước Việt Nam dân chủ cộng hòa trên nền tảng hoàn toàn độc lập; Võ trang nhân dân, phát triển Quân giải phóng; Tịch thu tài sản của giặc nước và Việt gian, tùy từng trường hợp sung công làm của quốc gia hay chia cho dân nghèo; Bỏ các thứ thuế do Pháp, Nhật đặt ra; đặt một thứ thuế công bằng và nhẹ; Ban bố những quyền của dân, cho dân: nhân quyền, tài quyền, dân quyền; Chia lại ruộng đất công cho công bằng, giảm địa tô, giảm lợi tức, hoãn nợ, cứu tệ nạn dân; Ban bố luật lao động: ngày làm 8 giờ, định lương tối thiểu, đặt xã hội bảo hiểm; Xây dựng nền kinh tế quốc dân, phát triển nông nghiệp, mở ngân hàng quốc gia; Xây dựng nền quốc dân giáo dục; chống nạn mù chữ, phổ thông và cưỡng bách giáo dục đến bậc sơ cấp; Thân thiện và giao hảo với các nước đồng minh và các nước nhược tiểu dân tộc để giành lấy sự đồng tình và ủng hộ của họ.*¹

Cuộc khởi nghĩa ở Kha Sơn đã tác động tích cực đến phong trào cách mạng đang sục sôi ở Phú Bình, đặc biệt là ở Đức Lâm và Loa Lâu, đó là nguồn cổ vũ tinh thần cho tầng lớp thanh niên yêu nước, tiếp thêm sức mạnh cho phong trào quần chúng. Sau sự kiện này, các tổ chức, đoàn thể ở các xã được thành lập và củng cố

¹ Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, tập I (1930 – 1965), Xuất bản năm 2003, tr 153 – 154.

như: Hội Thanh niên Cứu quốc, Hội Phụ lão Cứu quốc, Hội Nông dân Cứu quốc... Các tổ chức đoàn thể này đã đoàn kết một lòng giúp đỡ nhau trong lao động sản xuất và tham gia chiến đấu, giữ gìn trật tự, bảo vệ phong trào cách mạng.

Sau một quá trình theo dõi, lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng ở Đức Lâm, nhận thấy thời cơ cách mạng đã chín muồi. Cuối tháng 3 năm 1945, đồng chí Nguyễn Đình An thay mặt tổ chức cấp trên công bố quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh của tổng Đức Liên. Đồng thời phân công ông Dương Văn Tô làm chủ nhiệm lâm thời, hai ông Hoàng Đình Quý và Dương Văn Phán làm ủy viên, ông Đào Minh Thư phụ trách công tác tự vệ và Bí thư Đoàn Thanh niên cứu quốc. Mặt trận xác định nhiệm vụ cấp thiết là tập hợp, tổ chức huấn luyện cho một trung đội tự vệ chiến đấu, học tập chính trị, quân sự trong 15 ngày. Địa điểm học tập là tại nhà ông Dương Văn Kỳ ở xóm Vàng, do ông Dương Văn Vạn (làng Phầm) làm giáo viên hướng dẫn lớp học. Lớp học kết thúc sau 15 ngày huấn luyện, đa số các học viên trở về các làng làm nòng cốt vận động, giác ngộ, thu nạp hội viên. Lần lượt mỗi làng thành lập được một tiểu đội tự vệ bán vũ trang, được học tập các chủ trương của Mặt trận, được hướng dẫn về quân sự, chính trị.

Đúng như nhận định của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, *“Cuộc đảo chính Nhật – Pháp đã dẫn đến cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc”*. Ở Thái Nguyên nói chung và Đức Lâm nói riêng, chính quyền Nhật chưa ổn định, chính quyền Pháp chưa tan rã hẳn, bè lũ tay sai của chúng hoang mang cực độ. Qua đó, nhân dân Đức Lâm

đã hiểu rõ kẻ thù cần phải đánh đổ trước mắt là phát xít Nhật và hiểu được Việt Minh chính là ngọn cờ đoàn kết nhân dân đánh đổ Nhật – Pháp, giành độc lập, tự do cho dân tộc. Không khí tiền khởi nghĩa bao trùm khắp các làng xóm trong xã.

Để chuẩn bị cho khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trong tay phát xít Nhật, đồng chí Nguyễn Đình An là cán bộ cấp trên trực tiếp phụ trách phong trào ở Đức Lâm, đã công bố thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng lâm thời của xã ngay trong tháng 3 năm 1945. Đồng chí Nguyễn Đình An đã chỉ định và giao nhiệm vụ cho ông Dương Văn Tô làm chủ nhiệm, ông Hoàng Đình Quý phụ trách tự vệ, ông Dương Văn Phán giúp việc và ông Đào Minh Thư, Bí thư Đoàn Thanh niên cứu quốc.

Vào cuối tháng 5 năm 1945, nhận được tin báo có một chiếc thuyền chở dầu lạc của Nhật từ thị xã Thái Nguyên theo sông Đào xuôi về thị xã Bắc Giang. Đồng chí Nguyễn Đình An đã huy động lực lượng tự vệ Đức Liên phối hợp với lực lượng tự vệ xã Phúc Sơn (Huyện Tân Yên) triển khai mai phục đánh địch. Do các ông Hoàng Đình Quý, Dương Văn Phán, Đào Văn Bạo, phối hợp cùng các ông Dương Văn Tùng, Dương Văn Mão chỉ huy. Sau khi tàu chở dầu đi vào trận địa mai phục tại phía bắc kè Lũ Vân (địa phận giáp ranh giữa hai xã Đức Lâm và Phúc Sơn), lực lượng tự vệ của hai xã với dao, kiếm, gậy gộc và hai khẩu súng dóp 5 đã triển khai đánh chiếm nguyên vẹn thuyền dầu.

Tháng 6 năm 1945 đồng chí Nguyễn Đình An và đồng chí Dương Ngọc Hoàn, Bí thư chi bộ Nỗ Dương, giới thiệu và kết nạp đồng chí Đào Minh Thư vào Đảng

Cộng sản Đông Dương. Đồng chí Đào Minh Thư trở thành đảng viên đầu tiên của xã Tân Đức. Nhiệm vụ của đồng chí Thư lúc này là củng cố các đoàn thể cứu quốc, tuyên truyền và phát triển hội viên, tăng cường đội viên tự vệ cả về số lượng và chất lượng, đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn; giữ bí mật và đưa đón cán bộ cấp trên qua lại địa bàn lãnh đạo cách mạng.

Tháng 7 năm 1945, được sự đồng ý của Xứ ủy Bắc Kỳ, Tỉnh ủy Bắc Giang triệu tập Hội nghị toàn thể đảng viên huyện Phú Bình, để truyền đạt Nghị quyết của Tỉnh ủy về việc thành lập Ban cán sự Đảng bộ huyện Phú Bình. Hội nghị này được coi như Đại hội Đảng bộ huyện Phú Bình lần thứ I. Ban cán sự Đảng bộ Phú Bình có 9 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Bình Sơn làm Trưởng ban, Đảng bộ lúc đó có 2 chi bộ và 20 đảng viên.

Vào những ngày cuối tháng 7 năm 1945, không khí cách mạng sục sôi khắp cả nước. Thời cơ cách mạng đã đến. Đây chính là thời điểm toàn dân tộc Việt Nam đoàn kết một lòng, đứng lên đập tan xiềng xích nô lệ, đem sức ta để giải phóng cho ta.

Tại Phú Bình, khí thế của tổng khởi nghĩa đã lan tỏa đến hầu hết khắp các xã. Bộ máy tay sai của chính quyền thực dân phong kiến gần như đã tê liệt. Các đội Tự vệ vũ trang dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh đã sẵn sàng cướp chính quyền.

Cấp trên giao nhiệm vụ cho mặt trận xã huy động hàng trăm người, chủ yếu là thanh niên, đội viên đội tự vệ làm nòng cốt do ông Hoàng Đình Quý và Dương Văn Phán chỉ huy, tham gia cuộc mít tinh thị uy, diễu hành biểu dương lực lượng, tập duyệt phương án cướp chính

quyền tại địa phận núi Ia, trong không khí hào hùng, rầm rộ, phấn khởi, gây được thanh thế cho nhân dân trong vùng.

Ngay sau khi thành lập, đầu tháng 8 năm 1945 Ban cán sự Đảng bộ huyện họp, đề ra những nhiệm vụ trước mắt, trong đó trọng tâm là chuẩn bị lực lượng đánh chiếm huyện lỵ, giải phóng toàn huyện.

Ngày 13 tháng 8 năm 1945, Đại hội quốc dân họp ở Tân Trào do Hồ Chí Minh chủ trì, Đại hội thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc. Từ Tân Trào, Ủy ban khởi nghĩa phát đi quân lệnh số 1, ra lệnh Tổng khởi nghĩa trong toàn quốc.

Ngày 16 tháng 8 năm 1945, chấp hành mệnh lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, Phú Bình để một phận nhỏ thuộc đại đội tự vệ tập trung ở lại tiếp tục bao vây huyện lỵ, còn đại bộ phận vượt nước lũ, cấp tốc hành quân lên thị xã Thái Nguyên. Chiều ngày 19, đơn vị đến Gia Sàng, đánh chiếm đồn điền Lưu Bảo Ngọc, trừng trị tên tay sai Nhật ở đây và bắt gọn tiểu đội bảo an binh.

Ngày 19 tháng 8 năm 1945, nhân dân Hà Nội dưới sự lãnh đạo của Đảng đã nhanh chóng giành được chính quyền. Thắng lợi của Hà Nội là nguồn cổ vũ tinh thần to lớn cho nhân dân cả nước đứng lên đánh đổ ách thống trị, trong đó có Thái Nguyên – nơi phong trào cách mạng sục sôi từ trước đó.

Trong khí thế hừng hực của cách mạng, cấp trên đã điều động một tiểu đội Tự vệ vũ trang tập trung tại làng Thanh Lang xã Tân Hòa để tăng cường cho đại đội Tự vệ của Phú Bình do đồng chí Thanh Cao làm đại đội trưởng; đại đội được trang bị thêm 54 khẩu súng và

ngay đêm hôm đó dẫn quân từ thị xã Thái Nguyên về đánh huyện lỵ Phú Bình.

Kế hoạch đang triển khai khẩn trương thì sáng ngày 23 tháng 8, đồng chí Lê Trung Đình cùng phái bộ Nhật xuống Phú Bình giải giáp quân đội Nhật theo thỏa thuận giữa Bộ chỉ huy Quân giải phóng và Tư lệnh quân Nhật ở Bắc Kỳ.

Bị quan thầy bỏ rơi, tri phủ Phú Bình là Nguyễn Đăng Tám đưa toàn bộ lính khố xanh, lính cơ cùng vũ khí, tài liệu ra hàng quân cách mạng. Ngay đêm hôm đó, Tám bị một thuộc cấp đánh chết với mục đích vụ lợi rồi phao tin là tự tử. Một nửa số lính khố xanh xin gia nhập lực lượng cách mạng, một nửa xin về quê làm ăn sinh sống.

Tin giành chính quyền ở huyện lỵ đã nhanh chóng tỏa đi các xã, cổ vũ tinh thần cho nhân dân các xã nổi dậy giành chính quyền. Hàng ngàn quân chúng đã kéo về sân vận động huyện dự cuộc mít tinh ra mắt Ủy ban Cách mạng lâm thời do đồng chí Nguyễn Đức Xương làm chủ tịch.

Ở Tân Đức, phong trào cách mạng đã sục sôi từ trước đó. Tháng 6 năm 1945, ông Dương Văn Tô (làng Diễn) cùng các ông Nguyễn Đình An, Dương Văn Quý đã lãnh đạo quần chúng nhân dân trong xã tiến hành cướp chính quyền, tịch thu ấn tín của chánh tổng, lý trưởng. Sự kiện này đánh dấu sự chấm dứt của chế độ phong kiến tồn tại lâu đời trên quê hương Đức Liên, từ đây nhân dân Đức Liên đã đứng lên làm chủ vận mệnh của mình, xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng.

Chính quyền mới đã tuyên bố xóa bỏ những tàn tích của chế độ thực dân phong kiến; giải tán các phe phái;

xóa bỏ các loại thuế, các khoản nợ do bọn địa chủ, cường hào đặt ra; bài trừ mê tín dị đoan, thực hiện bình đẳng nam nữ. Đồng thời kêu gọi nhân dân đoàn kết cùng xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng. Sau khi giành chính quyền, lực lượng cách mạng Đức Liên còn tích cực hỗ trợ nhân dân các xã xung quanh tiến hành khởi nghĩa.

Cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc. Nước ta từ một nước thuộc địa nửa phong kiến, trở thành một nước độc lập, tự do; nhân dân ta từ thân phận những người nô lệ trở thành những người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Thắng lợi của nhân dân Phú Bình nói chung và Đức Liên nói riêng là kết quả tất yếu của truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất, trên cơ sở đoàn kết toàn dân, tạo thành khối thống nhất trong Mặt trận Việt Minh, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Phú Bình. Thắng lợi này cũng là bài học kinh nghiệm quý báu, lâu dài cho quá trình xây dựng quê hương trong những năm tiếp theo trên con đường đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng quê hương.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đã đưa nhân dân Đức Liên, Loa Lâu đứng lên làm chủ vận mệnh của mình, làm chủ quê hương, cùng nhân dân toàn huyện xây dựng quê hương giàu đẹp, góp phần vào sự nghiệp chung của cách mạng, chuẩn bị tham gia kháng chiến chống Pháp (1946 – 1954).



Bưu điện văn hóa xã Tân Đức



Trạm y tế xã Tân Đức



Trụ sở ĐU - HĐND - UBND xã Tân Đức



Nghĩa trang liệt sỹ xã Tân Đức



Trường Tiểu học xã Tân Đức



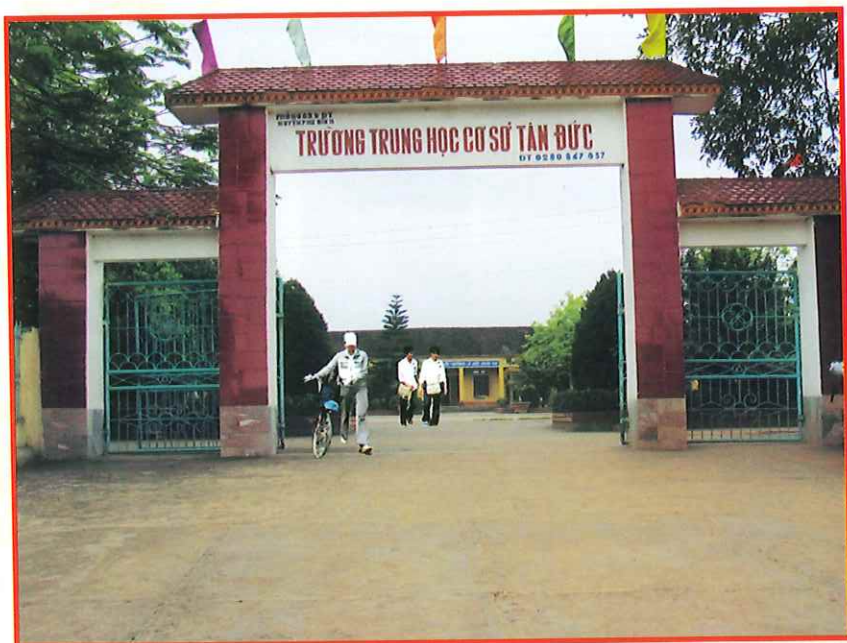
Lễ khai giảng năm học mới



Trường Mầm non xã Tân Đức



Học sinh trường Mầm non xã Tân Đức



Trường THCS xã Tân Đức



Học sinh trường THCS Tân Đức trong giờ thể dục



Nhà văn hóa xóm
Ngõ Thái
xã Tân Đức



Công trình đập nước thủy lợi xóm Quấn xã Tân Đức



Cánh đồng dưa xã Tân Đức



Cánh đồng lúa xã Tân Đức vào vụ gặt



Chợ phiên xã Tân Đức



Một góc làng quê xã Tân Đức thời kỳ đổi mới



Cầu Tân Đức bắc qua sông Đào



Ban chấp hành Đảng bộ xã Tân Đức lần thứ XX,
nhiệm kỳ 2005 - 2010



Hội thảo Khoa học Lịch sử Đảng bộ xã Tân Đức (1946 - 2010)



Các đồng chí trong Ban chỉ đạo, Ban sưu tầm
“Lịch sử Đảng bộ xã Tân Đức 1946 - 2010”



Các đại biểu tham dự Hội thảo Khoa học Lịch sử Đảng bộ
xã Tân Đức (1946 - 2010) chụp ảnh lưu niệm

CHƯƠNG II

DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA CHI BỘ ĐẢNG, NHÂN DÂN TÂN ĐỨC THAM GIA BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)

I. Nhân dân Tân Đức (Đức Dương) củng cố và bảo vệ chính quyền, khắc phục khó khăn sau Cách mạng tháng Tám (1945 – 1946)

1. Chi bộ Đảng Đức Dương lãnh đạo nhân dân tham gia diệt giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm

Cách mạng tháng Tám thành công đã đặt dấu chấm hết cho chế độ thực dân, phong kiến tồn tại lâu đời ở nước ta, lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa – nhà nước của dân, do dân và vì dân. Chế độ chính trị mới đã có sự điều chỉnh về địa giới hành chính của một số địa phương, từ sau cách mạng tháng Tám đến năm 1949, tổng Đức Liên được đổi thành xã Đức Dương. Đó là giai đoạn nhân dân Đức Dương cùng nhân dân cả nước thoát khỏi ách đô hộ, áp bức, thực sự trở

thành những người làm chủ chính mình, làm chủ vận mệnh của đất nước.

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, đã tạo nên niềm phấn khởi chưa từng có đối với nhân dân ta. Từ đây, Đảng Cộng sản Đông Dương đã trực tiếp nắm quyền lãnh đạo cách mạng, sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám nhân dân ta càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Đó là những động lực to lớn để toàn Đảng, toàn dân ta vượt qua khó khăn, bảo vệ chính quyền, kháng chiến chống Pháp xâm lược. Riêng ở Đức Dương, sau cách mạng, khí thế của nhân dân ngày càng lên cao, để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo cách mạng trong giai đoạn mới, tháng 4 năm 1946 đồng chí Nguyễn Đức Khánh thay mặt tổ chức Đảng cấp trên công bố thành lập chi bộ Đảng xã Đức Dương tại làng Giàng (nay thuộc xã Dương Thành) và chỉ định đồng chí Đào Minh Thư làm Bí thư chi bộ. Chi bộ gồm có 7 đồng chí người Tân Đức, ngoài đồng chí Đào Minh Thư còn có: Dương Văn Tô, Dương Văn Phán (làng Diễn), Đào Duy Lộc (làng Vàng), Hoàng Thị Mừng và Hoàng Đình Quý (làng Hản), Nguyễn Văn Xây (làng Lũa).

Ngay sau khi thành lập, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ Phú Bình, chi bộ Đức Dương đã cùng nhân dân các dân tộc trong xã đoàn kết một lòng thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách của đất nước. Đó là: Xây dựng, củng cố và giữ vững chính quyền dân chủ nhân dân; tham gia chống giặc đói, giặc dốt và chuẩn bị những điều kiện cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta một lần nữa.

Bên cạnh những thuận lợi trên, đất nước ta nói chung

và nhân dân Đức Dương nói riêng phải gánh chịu những hậu quả hết sức nặng nề của chế độ cũ và phải đương đầu với muôn vàn khó khăn, thách thức về mọi mặt.

Mặc dù giành được chính quyền về tay nhân dân, nhưng sau Cách mạng tháng Tám 1945, kinh tế nước ta trong đó có Phú Bình nói chung và Đức Dương gặp muôn vàn khó khăn. Chính sách vơ vét, bóc lột của bọn thực dân - phong kiến và hậu quả của những năm chiến tranh đã làm cho nền kinh tế trở nên suy kiệt, đời sống của nhân dân vốn đã cực khổ nay càng cực khổ hơn. Thương nghiệp ngừng trệ, tài chính cạn kiệt, sau Cách mạng, ngân khố của toàn tỉnh chỉ còn lại 20.000 đồng Đông Dương¹, trong đó phần lớn rách nát, không lưu hành được. Phần lớn ruộng đất tốt vẫn tập trung trong tay địa chủ. Thêm nữa, trận lụt lớn vào tháng 8 năm 1945 và hạn hán kéo dài tiếp sau đó đã khiến cho mùa màng bị thất bát, nhiều diện tích bị bỏ hoang. Nạn đói cuối năm 1944, đầu năm 1945 chưa được khắc phục thì nguy cơ về một nạn đói mới lại xuất hiện.

Chế độ thực dân - phong kiến đã để lại hậu quả văn hóa - giáo dục hết sức tai hại; trên 95% dân số Đức Dương mù chữ. Nghèo nàn và thất học đã kéo theo một loạt những hệ lụy văn hoá khác như: các tập tục ma chay, cưới xin, mê tín dị đoan, cờ bạc, thuốc phiện, đĩ điếm... trở nên rất phổ biến. Nhân dân Đức Dương khi đó cũng không đứng ngoài hệ lụy đó.

Vừa mới ra đời, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã bị chủ nghĩa đế quốc, thực dân và bọn phản động câu kết với nhau bao vây, chống phá quyết liệt. Dưới danh nghĩa quân Đồng minh vào làm nhiệm vụ giải giáp quân

đội Nhật, các thế lực đế quốc cùng với bọn phản động đã dồn dập kéo vào Việt Nam. Sau khi tràn qua một số tỉnh biên giới phía Bắc, khoảng 50.000 quân Tưởng trong Quân đoàn 93 thuộc Phương diện quân thứ nhất kéo vào địa phận tỉnh Thái Nguyên. Chúng chiếm đóng nhiều vị trí quan trọng trong thị xã Thái Nguyên và dọc đường số 3 từ Đa Phúc đến thị xã. Đi đến đâu chúng cũng ngang ngược cướp bóc, tàn phá, chiếm nhà, bắt bớ nhân dân. Chúng thành lập "*Nam Dương Hoa kiều hội*" ở nhiều nơi, đặc biệt là những nơi có đồng bào Hoa sinh sống. Chúng xúi giục người Việt gốc Hoa lấy quốc tịch Trung Quốc và không thực hiện nghĩa vụ công dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Chúng ngang nhiên đòi ta phải cung cấp các nhu yếu phẩm, phương tiện đi lại...

Tại Thái Nguyên, một số tên phản cách mạng bắt đầu nổi dậy chống phá nhân dân như: Tô Văn Sầm, Cóc Lương Sồi. Tại Phú Bình, một số tên lợi dụng đạo Thiên chúa đứng ra tổ chức các hội như "*Liên đoàn thanh niên chống cộng*", "*Đại Việt quốc gia liên minh*" tuyên truyền, kích động nhân dân chuẩn bị vũ khí, lực lượng chờ thời cơ lật đổ chính quyền cách mạng, xuyên tạc đường lối của Việt Minh.

Ngoài bọn phản cách mạng, bọn trộm cắp, thổ phi cũng thường quấy nhiễu nhân dân. Trong khi đó, thực dân Pháp vẫn chưa từ bỏ ý định quay trở lại xâm lược nước ta một lần nữa.

Trong hoàn cảnh vừa phải lo đối phó với giặc ngoài, thù trong, vừa phải lo giải quyết khó khăn về kinh tế, văn hóa, xã hội, chăm lo đời sống nhân dân, vấn đề xây

dựng Đảng trở thành một yêu cầu bức thiết.

Khoảng giữa tháng 9 năm 1945, Hội nghị cán bộ toàn tỉnh Thái Nguyên đã được tổ chức tại xóm Trường Xô (xã Phấn Mễ - Phú Lương) công bố Nghị quyết của Xứ ủy Bắc Kỳ chỉ định 8 đồng chí vào Ban chấp hành Đảng bộ lâm thời của tỉnh do đồng chí Ngô Nhị Quý làm Bí thư. Hội nghị đã đề ra một số chủ trương quan trọng như: biện pháp đối phó với quân Tưởng, phát triển số lượng đảng viên, thành lập các tổ chức cơ sở đảng tại địa phương...

Tính đến đầu năm 1946, công tác xây dựng Đảng bắt đầu được đẩy mạnh trên cơ sở kết nạp những cán bộ và quần chúng trung kiên, từng tham gia hoạt động trước cách mạng vào hàng ngũ của Đảng.

Quán triệt Nghị quyết của Tỉnh ủy, cuối năm 1945, Ban chấp hành Đảng bộ huyện Phú Bình đã họp và đề ra phương hướng nhằm bảo vệ chính quyền, bảo vệ quyền lợi của nhân dân và giữ vững an ninh chính trị tại địa phương. Trên tinh thần này, Đảng bộ huyện Phú Bình rút vào hoạt động bí mật.

Đứng trước những khó khăn về kinh tế, nhất là hậu quả của nạn đói cũ đang hoành hành, nguy cơ một nạn đói mới đang bị đe dọa, trong phiên họp ngày ngày 3 tháng 9 năm 1945, theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chính phủ quyết định phát động phong trào tăng gia sản xuất, diệt "giặc đói".

Phát huy truyền thống đoàn kết, yêu thương giúp đỡ lẫn nhau, "lá lành đùm lá rách", nhân dân các dân tộc Thái Nguyên nhiệt liệt hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch: "*Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng*

nhịn 3 bữa. Dem số gạo đó để cứu dân nghèo". Các khẩu hiệu "*Lá lành đùm lá rách*", "*Thương người như thể thương thân*" và nhiều sáng kiến như "ngày đồng tâm", "*Hũ gạo tiết kiệm*"... đã được triển khai. Các gia đình ở Đức Dương đã thắt lưng buộc bụng, dành dụm từng nắm gạo để cứu giúp những người bị đói. Một số lán, trại cứu tế đã được dựng lên ở ven đường để đồng bào từ các nơi phiêu bạt đến trú chân. Bên cạnh đó, Ủy ban hành chính còn vận động nhân dân không dùng gạo vào việc nấu rượu, xóa bỏ mọi cản trở trong lưu thông lương thực giữa các vùng, không tích trữ gạo...

Để giải quyết tận gốc "*giặc đói*", nhân dân Đức Dương còn tích cực khai hoang, tăng gia sản xuất. Lúa và các loại ngũ cốc ngắn ngày đã được gieo trồng để cứu đói tạm thời. Các khẩu hiệu "*Tác đất tác vàng*", "*Không để ruộng đất bị bỏ hoang*" đã được nhân dân tích cực hưởng ứng.

Sự lãnh đạo sát sao của Đảng bộ các cấp cũng như sự nỗ lực của nhân dân đã khiến nạn đói bị đẩy lùi, diện tích canh tác và sản lượng lương thực toàn xã tăng lên rõ rệt. Đời sống nhân dân từng bước được ổn định.

Song song với nhiệm vụ diệt "*giặc đói*", chi bộ Đảng Đức Dương đã hưởng ứng lời kêu gọi diệt "*giặc dốt*" do Đảng phát động, tích cực chỉ đạo nhân dân diệt giặc dốt, đẩy lùi nạn mù chữ.

Phong trào thanh toán nạn mù chữ đã được nhân dân Đức Dương tích cực hưởng ứng. Chưa bao giờ, việc học tập văn hoá lại diễn ra sôi nổi và sâu rộng trên khắp xã như vậy. Chỉ trong một thời gian ngắn, các lớp bình dân học vụ đã được tổ chức khắp nơi, tận dụng

mọi địa điểm như đình, chùa, nhà làm nơi học tập. Hội viên Thanh niên cứu quốc và Phụ nữ cứu quốc là những người đi đầu trong phong trào diệt giặc dốt. Từ cụ già, phụ nữ, thanh niên đến các em nhỏ đều hăng hái thi đua tập đọc, tập viết. Chỉ trong một thời gian ngắn, nạn mù chữ cơ bản đã được khắc phục. Nhiều người đọc thông, viết thạo, học giỏi đã trở thành hạt nhân tích cực giúp nhân dân xóa mù.

Tháng 9 năm 1945, trong ngày khai trường năm học đầu tiên dưới chế độ mới, tại Thái Nguyên, hàng chục trường, lớp đã mở cửa đón hàng ngàn con em của nhân dân lao động. Tính đến năm học 1946 – 1947, toàn tỉnh có 97 trường với khoảng 3.812 học sinh¹.

Thắng lợi bước đầu trong phong trào thi đua diệt “giặc dốt” không chỉ góp phần nâng cao trình độ hiểu biết của nhân dân, mà còn có ý nghĩa to lớn về chính trị. Nó tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân lao động tham gia ngày càng nhiều vào công việc quản lý nhà nước, phát huy vai trò làm chủ của mình.

Thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy Phú Bình, chi bộ Đảng Đức Dương đã thực hiện cuộc vận động xây dựng đời sống mới nhằm giáo dục tinh thần yêu nước, lòng căm thù giặc, yêu lao động, cần, kiệm, liêm chính... Đồng thời, chi bộ cùng các đoàn thể cứu quốc vận động nhân dân xóa bỏ những tệ nạn của xã hội cũ để lại như: cờ bạc, nghiện hút, mê tín dị đoan. Nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của chi bộ và sự quan tâm kịp thời của Đảng bộ cấp trên, phong trào vận động xây dựng đời sống mới đã thu được nhiều kết quả đáng ghi nhận: nhiều tệ nạn

¹ Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái, Tập 1, xuất bản 1980, tr 190.

xã hội đã được xóa bỏ, cuộc sống mới lành mạnh bước đầu được xây dựng và ngày càng phát triển.

Vào những ngày đầu sau khi thành lập, Nhà nước cách mạng gặp rất nhiều khó khăn về tài chính. Để khắc phục khó khăn này, Đảng và Chính phủ đã kêu gọi toàn dân tham gia ủng hộ đất nước thông qua “*Quỹ Độc lập*” và “*Tuần lễ Vàng*”. Một lần nữa, sức mạnh toàn dân tộc lại được huy động.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân Đức Dương người ít người nhiều đã tích cực ủng hộ cho nền tài chính đất nước bằng tiền, vàng hoặc hiện vật. Có những chị em đã đem cả các kỷ vật quý giá trong đời tư như bông tai, nhẫn vàng, xà tích, khuyên bạc, mâm, nồi đồng ... cho nhà nước. Những sự ủng hộ này dù lớn dù nhỏ, song đều là tấm lòng của nhân dân đối với đất nước, góp phần cho cách mạng và chính quyền non trẻ vượt qua giai đoạn khó khăn ban đầu.

Có thể nói, những thắng lợi bước đầu trong các nhiệm vụ diệt giặc đói, giặc dốt và củng cố nền tài chính trên đây không những giúp nhân dân và Chính phủ mới vượt qua những khó khăn trước mắt, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc kháng chiến chống Pháp lâu dài mà còn có ý nghĩa to lớn về chính trị - xã hội. Các phong trào đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân tham gia vào những nhiệm vụ quan trọng của đất nước cũng như động viên, giáo dục tinh thần yêu nước trong toàn thể nhân dân. Thắng lợi của các phong trào đó còn tạo niềm phấn chấn, tin yêu của nhân dân với chế độ mới, nâng cao uy tín của Đảng, chính quyền, củng cố

khởi đại đoàn kết dân tộc và chống lại mọi âm mưu chia rẽ, phá hoại của kẻ thù.

2. Nhân dân Tân Đức củng cố chính quyền cách mạng

Trước tình thế phải đối mặt một lúc với nhiều kẻ thù, nền độc lập dân tộc và chủ quyền đất nước bị đe dọa, Trung ương Đảng và Bác Hồ đã khéo léo, sáng suốt đề ra các chủ trương, đường lối đưa đất nước thoát khỏi những khó khăn, nguy hiểm.

Để đối phó với âm mưu của quân Tưởng, từ tháng 9 năm 1945, các cơ quan hành chính lâm thời các cấp đã tạm thời rút vào hoạt động bí mật, vừa làm nhiệm vụ giao tiếp với bọn chỉ huy Tưởng, vừa động viên nhân dân khôn khéo, đấu tranh linh hoạt để hạn chế những hành động quấy rối của chúng, buộc chúng phải tôn trọng chủ quyền dân tộc và chỉ nhân nhượng chúng những yếu tố không có hại. Chúng ta cũng tổ chức tẩy chay các loại tiền mất giá trị và những yêu sách vô lý của chúng. Hơn 80 tên phản động, đặc vụ phản cách mạng, có nhiều nợ máu với nhân dân đã bị bắt và đưa đi an trí. Tại Phú Bình, lực lượng công an phối hợp với lực lượng vũ trang nhân dân, đã trừng trị bọn phỉ và bọn lưu manh giả danh Việt Minh những nhiều nhân dân như: Hoàng Bính Trai, Hoàng Bính Kỷ... Đến cuối tháng 12 năm 1946, đơn vị cuối cùng của quân Tưởng đã phải rút khỏi Thái Nguyên về Hà Nội.

Với dã tâm quay trở lại xâm lược nước ta một lần nữa, sau nhiều lần khiêu khích trắng trợn, ngày 23 tháng 9 năm 1945, được sự giúp đỡ của quân Anh, thực dân Pháp đã nổ súng đánh chiếm một số cơ quan chính quyền nhân dân ở Sài Gòn, Chợ Lớn. Chúng đã vi phạm trắng

trộn Hiệp định Sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946 và Tạm ước Việt – Pháp ngày 14 tháng 9 năm 1946, lần ắt, đem quân ra Bắc đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn. Trong ngày 18 và 19 tháng 12 năm 1946, chúng liên tiếp gửi tối hậu thư đòi Chính phủ ta phải giải giáp quân đội và trao quyền kiểm soát Hà Nội cho chúng.

Ngày 19 tháng 12 năm 1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp tại làng Vạn Phúc, Hà Đông, quyết định phát động cuộc kháng chiến chống Pháp trên phạm vi cả nước, đồng thời đề ra đường lối, chủ trương kháng chiến. Ngay trong đêm đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến: *“Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta đã nhân nhượng, nhưng chúng ta càng nhân nhượng thì thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa. Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ...”*¹ Lời kêu gọi của Người đã có sức hiệu triệu đông đảo nhân dân đứng lên đánh đuổi thực dân Pháp, bảo vệ Đảng, bảo vệ thành quả của cách mạng.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ trước tiên tại Hà Nội, sau đó lan nhanh ra khắp cả nước. Tuy nhiên, đến tháng 10 năm 1947, chiến sự vẫn chưa lan tới Thái Nguyên. Do vậy, nhân dân trong tỉnh, bao gồm cả nhân dân Đức Dương, đã tranh thủ được thời gian hòa bình chuẩn bị những điều kiện cần thiết để bước vào cuộc chiến đấu mới.

Xây dựng lực lượng chính trị là điều kiện tiên quyết để bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ, nhận thức

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, H, 1995, tr 480.

được điều đó, chi bộ Đảng Đức Dương đã bắt tay vào ổn định và củng cố tổ chức Đảng. Trước yêu cầu tình hình cách mạng trong giai đoạn mới, chi bộ chủ trương phát triển đảng viên cả về số lượng và chất lượng, nhằm nâng cao sức chiến đấu và uy tín của Đảng trước nhân dân. Những cán bộ và quần chúng trung kiên đã từng tham gia hoạt động trong thời kỳ đấu tranh giành độc lập lần lượt được đứng trong hàng ngũ của Đảng. Cùng với việc phát triển đảng viên, chi bộ Đức Dương cũng chú trọng bồi dưỡng, nâng cao trình độ nhận thức về chính trị, về quan điểm giai cấp cho cán bộ, đảng viên.

Song song với nhiệm vụ xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng chính trị, chi bộ Đảng Đức Dương còn thực hiện nhiệm vụ xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân. Ngày 25 tháng 12 năm 1945, với niềm phấn khởi, tự hào vì được sống trong độc lập, tự do, nhân dân Tân Đức cùng với nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên hăng hái đi bỏ phiếu, bầu ra những đại biểu xứng đáng vào cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Sau cuộc tổng tuyển cử toàn quốc, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Phú Bình, mà trực tiếp là chi bộ xã Đức Dương, nhân dân đã tích cực tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp: cấp tỉnh và cấp xã vào ngày 20 tháng 6 năm 1946. Kết quả, đã bầu được 20 đại biểu vào Hội đồng nhân dân xã.

Tiếp đó, Hội đồng nhân dân xã đã bầu ra Ủy ban hành chính do ông Đào Văn Nam (làng Vàng) làm Chủ tịch; ông Nghiêm Văn Tiêu (làng Loa Lôu), làm Phó Chủ tịch. Ngoài ra, Hội đồng nhân dân tiếp tục bầu ra

các ban chuyên môn khác. Các ban dần dần đi vào hoạt động, từng bước được củng cố và kiện toàn.

Thắng lợi của cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội và Hội đồng nhân dân đã đập tan âm mưu chia rẽ, phá hoại và lật đổ của các thế lực phản cách mạng. Đó là thắng lợi có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc nâng cao lòng yêu nước, phát huy ý thức làm chủ trong mọi tầng lớp nhân dân. Ủy ban hành chính các cấp được thành lập thay thế cho Ủy ban cách mạng lâm thời, đáp ứng nhu cầu thực tiễn về giải quyết những nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Nhận thức được dã tâm quay lại xâm lược nước ta một lần nữa của thực dân Pháp, và yêu cầu bức thiết phải bảo vệ những thành quả cách mạng, Trung ương đã đề ra các chủ trương xây dựng và phát triển lực lượng quân sự. Chủ trương này cũng đồng thời tăng cường sức mạnh Nhà nước dân chủ nhân dân, mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc. Các tổ chức cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh đã tiếp tục phát triển, tập hợp thêm nhiều tầng lớp nhân dân tham gia. Bộ máy tổ chức của Mặt trận Việt Minh được củng cố, kiện toàn và lan rộng từ tỉnh xuống đến xã, thôn. Nhằm củng cố hơn nữa khối đại đoàn kết dân tộc, theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 5 năm 1946, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Liên Việt) chính thức được thành lập.

Tại Thái Nguyên, Hội Liên Việt đã được xây dựng đầu tiên tại thị xã Thái Nguyên và huyện Phú Bình ngay từ cuối năm 1946. Hội đã tập hợp được đông đảo mọi tầng lớp nhân dân yêu nước, từ giáo viên, hương sư,

viên chức cho đến các nhà phú hào.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Trung ương Đảng và Chính phủ, nhân dân Thái Nguyên đã hưởng về cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân miền Nam. Phong trào ủng hộ Nam Bộ kháng chiến đã diễn ra sôi nổi trong mọi tầng lớp, khắp các địa phương. Cùng với nhân dân trong tỉnh, nhân dân Đức Dương đã tổ chức mít tinh, biểu tình phản đối chiến tranh xâm lược với các khẩu hiệu, biểu ngữ: “Đả đảo thực dân phản động Pháp xâm lược”, “Ủng hộ Nam Bộ kháng chiến”, “Nước Việt Nam của người Việt Nam”... được treo lên khắp các thôn, xóm. Nhiều thanh niên các dân tộc Thái Nguyên đã đến “t” ghi tên xung phong lên đường vào Nam đánh giặc. Các đội quân “*Nam tiến*” được gấp rút xây dựng. Vũ khí và trang thiết bị tốt nhất được ưu tiên cho các đơn vị Nam tiến. Ngoài ủng hộ về người và vũ khí, Thái Nguyên còn vận động quyên góp tiền, quần áo, thuốc men ủng hộ đồng bào miền Nam.

Tại Phú Bình, Huyện uỷ đã lãnh đạo tổ chức thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm trước mắt là xây dựng, phát triển lực lượng tự vệ rộng rãi, tự vệ chiến đấu. Các lực lượng vũ trang này từng là công cụ nòng cốt tại địa phương trong Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Hơn nữa, do chưa được quan tâm đúng mức nên chưa phát huy được vai trò, chức năng trong nhiệm vụ mới. Quán triệt chủ trương của Trung ương về kháng chiến toàn dân, toàn diện và lâu dài, Đảng bộ Phú Bình đã phát động phong trào toàn dân luyện tập quân sự; đồng thời tích cực củng cố các lực lượng vũ trang cả về tổ chức, biên chế. Đảng bộ đã tăng cường huấn luyện và xây

dựng thêm các đơn vị mới. Có sự chỉ đạo từ trên, phong trào luyện tập quân sự trong huyện dần dần được khôi phục và phát triển.

Từ cuối năm 1946, lực lượng tự vệ tại các xã được chú ý đặc biệt. Ở Đức Dương, vào tháng 7 năm 1946, tại đình chùa Đức Lâm, đã chứng kiến lễ kết nạp những người con quê hương vào Vệ quốc đoàn, gồm các đồng chí: Nguyễn Văn Sự, Nguyễn Văn Thành (làng Quấn), Dương Văn Chuyền (làng Diễn), Đào Văn Huân (làng Lệnh), Dương Văn Khiêm (làng Quại) và các đồng chí Hoàn (làng Ngoài), Đinh Văn Trọng (làng Diễn), Đào Văn Bính (Ngọc Lý)... Số lượng tự vệ ngày một tăng, tổng cộng đã xây dựng được một trung đội tự vệ nòng cốt gồm 20 người do đồng chí Hoàng Văn Tường (làng Hân) làm Trung đội trưởng. Trung đội được trang bị 2 khẩu súng “Dóp 5” và các loại dao, kiếm, mã tấu... Trung đội tự vệ đã được tổ chức chặt chẽ, được huấn luyện các chiến thuật đánh địch như: gài mìn, cắm chông, đánh giáp lá cà, sử dụng các loại vũ khí, đánh phá hoại giao thông...

Đội tự vệ có nhiệm vụ giữ gìn trật tự trị an, đối phó với âm mưu chống phá của kẻ thù và sẵn sàng tham gia chiến đấu bảo vệ quê hương khi có chiến sự xảy ra.

Như vậy, tuy thời gian từ 1945 đến năm 1946 là khoảng thời gian ngắn sau khi đất nước giành được độc lập nhưng lại là giai đoạn rất quan trọng đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp sau này. Trong thời gian đó, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ Huyện Phú Bình, chi bộ Đức Dương đã lãnh đạo nhân dân thực hiện xuất sắc nhiều nhiệm vụ quan trọng, cấp bách của

đất nước. Đó là diệt giặc đói, giặc dốt, xây dựng, củng cố chính quyền cũng như chuẩn bị lực lượng quân sự để sẵn sàng cho cuộc kháng chiến chống Pháp trong giai đoạn tiếp theo. Trong hai năm đó, chi bộ và chính quyền cơ sở đã nhanh chóng trưởng thành cả về số lượng lẫn chất lượng, phát huy vai trò tổ chức, hướng dẫn và lãnh đạo quần chúng tham gia xây dựng chế độ mới. Những gì mà chi bộ và nhân dân Đức Dương làm được khi đó không chỉ thể hiện rõ lòng yêu nước và quyết tâm giải phóng dân tộc của nhân dân mà còn chứng tỏ sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân - truyền thống lâu đời của dân tộc Việt Nam. Không những thế, thắng lợi của nhân dân Đức Dương còn củng cố lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ và Bác Hồ đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

II. Chi bộ Đức Dương lãnh đạo nhân dân tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 – 1954)

1. Nhân dân Tân Đức giúp đỡ đồng bào tản cư, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài

Ngay sau khi Trung ương Đảng và Chính phủ phát động toàn quốc kháng chiến, nguy cơ chiến tranh ngày càng lan rộng với chiến sự ngày càng ác liệt hơn. Để đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân trên địa bàn xảy ra chiến sự, Chính phủ có chủ trương di dân đến khu vực an toàn.

Chỉ một tuần lễ sau ngày toàn quốc kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ thị mỗi tỉnh, huyện, xã đều phải thành lập Ủy ban tản cư, tiếp cư để động viên và tổ chức đồng bào tản cư sớm nhằm ổn định đời sống và

tham gia các hoạt động kháng chiến, kiến quốc.

Ngày 31 tháng 12 năm 1946 Chính phủ chính thức ban hành Sắc lệnh số 05-SL thành lập Ủy ban Trung ương tản cư và di cư. Đầu năm 1947, Ủy ban tản cư, tiếp cư của các tỉnh, huyện, xã nhanh chóng được tổ chức, đặt dưới sự chỉ đạo của Ủy ban hành chính các cấp.

Trong những năm đầu toàn quốc kháng chiến, Thái Nguyên nằm trong khu an toàn nên đồng bào từ các tỉnh dưới xuôi tản cư lên ngày càng đông. Thực hiện Sắc lệnh của Chính phủ và chỉ đạo của Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện Phú Bình đã tổ chức tiếp nhận đồng bào tản cư, chăm lo ổn định đời sống cho đồng bào. Đây vừa là nhiệm vụ quan trọng, vừa là vinh dự của Phú Bình đối với đồng bào cả nước.

Chấp hành Chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “*Vô luận thế nào, các Ủy ban hành chính cũng không được để dân bơ vơ*”, các cấp ủy Đảng, chính quyền và Mặt trận đã khẩn trương triển khai phân chia khu vực định cư, ổn định cuộc sống cho đồng bào. Đến tháng 2 tháng 1947, trên toàn tỉnh Thái Nguyên đã tiếp đón được 12.000 đồng bào từ các tỉnh tản cư đến. Riêng Phú Bình đã có tới hàng nghìn đồng bào cùng ăn cùng ở với nhân dân địa phương. Đặc biệt, sau khi thực dân Pháp đánh chiếm vùng đồng bằng và trung du, gồm các tỉnh: Bắc Giang, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc (năm 1947) thì số dân đến Phú Bình ngày càng đông hơn. Tính đến cuối năm 1949, toàn huyện đã đón tiếp thêm gần 1 vạn đồng bào.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ, xã Đức Dương đã thành lập Ban tiếp nhận để đón tiếp đồng bào, phân

chia khu vực định cư để bà con sớm ổn định cuộc sống. Trong suốt thời kỳ kháng chiến, nhân dân xã đã tổ chức đón tiếp được hàng trăm gia đình từ dưới xuôi chuyển lên. Với truyền thống tương thân tương ái, đoàn kết, đùm bọc lẫn nhau, nhân dân Đức Dương đã thực hiện nhường cơm, sẻ áo, chia cho đồng bào tản cư từng bát cơm, củ sắn, mời ở chung nhà. Nhằm giảm bớt những khó khăn trước mắt, nhân dân Đức Dương còn chia sẻ với bà con tản cư ruộng nương và công cụ lao động để bà con cùng tham gia sản xuất. Sự quan tâm, giúp đỡ tận tình của chi bộ và nhân dân trong xã đã làm cho đồng bào tản cư thêm an tâm, phấn khởi, gắn bó hơn với quê hương mới, coi đó là quê hương thứ hai của mình. Chưa bao giờ tình cảm, tình nghĩa đồng bào lại gắn bó sâu nặng đến vậy. Vì lẽ đó, ngay sau khi ổn định nơi ăn chốn ở, những người tản cư đã tích cực tham gia hoạt động kháng chiến, kiến quốc tại địa phương, hăng hái vận động con em tham gia bộ đội, dân quân du kích.

Song song với nhiệm vụ đón đồng bào tản cư, chi bộ và nhân dân Đức Dương thực hiện chỉ đạo của Trung ương về công tác phá hoại để kháng chiến, coi đó là nhiệm vụ quan trọng trước khi bước vào cuộc kháng chiến mới. Bởi vì phá hoại là một bộ phận quan trọng của chiến tranh du kích. Phải tìm mọi cách để gây khó khăn cho địch, phá hoại cũng chính là một cách đánh địch, cũng là một mặt trận.

Tại Phú Bình, tuy có một số công trình công cộng như nhà thờ Nhã Lộng, Công đường huyện... Nhưng với niềm tin tất thắng vào cuộc kháng chiến, nhân dân Phú Bình, trong đó có Đức Dương, đã tự tay phá Công

đường huyện, quốc lộ 119 đi Hà Châu cùng một loạt hệ thống giao thông, nhà cửa, cầu cống... để địch không thể lợi dụng, nhằm ngăn chặn bước tiến công của địch. Phá đến đâu, vật cản và chiến lũy được dựng lên đến đó. Nhân dân còn thực hiện tốt việc tản cư, cất giấu của cải, sơ tán người già, trẻ em đến nơi an toàn.

Chỉ trong 6 tháng, công tác phá hoại căn bản hoàn thành. Trên địa bàn huyện, nhân dân tích cực thực hiện “*vườn không, nhà trống*”. Mặt khác quân và dân Phú Bình đã đào các hầm, hào công sự, xây dựng trận địa chiến đấu, đặt bãi chông, mìn sẵn sàng đón tiếp khi quân thù đặt chân đến.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến, nhận thấy vị trí chiến lược quan trọng “*tiến khả dĩ công, thoái khả dĩ thủ*” của Thái Nguyên, Trung ương đã chọn nơi đây làm an toàn khu kháng chiến (gọi tắt là ATK). Đến đầu 1947, hầu hết các cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ, Mặt trận, Bộ Quốc phòng và các cơ quan kinh tế, văn hóa, giáo dục... đều chuyển lên căn cứ địa Việt Bắc.

Do vậy, những năm kháng chiến chống Pháp, Thái Nguyên không chỉ thực hiện nhiệm vụ đón tiếp đồng bào tản cư mà còn đảm nhận một trọng trách vô cùng nặng nề nhưng cũng hết sức vinh dự, đó là bảo vệ các cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ... và toàn bộ hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật của cách mạng. Vì lẽ đó, khi chiến tranh ngày càng lan rộng, việc xây dựng căn cứ địa, xây dựng hậu phương vững mạnh ngày càng trở nên bức thiết hơn bao giờ hết. Đặc biệt, điều này càng trở nên quan trọng khi địch có kế hoạch đánh úp cơ quan đầu não kháng chiến tại chiến khu để nhanh

chống kết thúc chiến tranh.

Trong kháng chiến chống Pháp, Phú Bình ở vị trí cửa ngõ ra vào, là nơi giáp ranh giữa vùng tự do và vùng địch tạm chiếm nên có ý nghĩa chiến lược vô cùng quan trọng. Do vậy, cũng như một số địa phương khác, Đức Dương đã được chọn để một số cơ quan Trung ương, Tỉnh và Khu đặt đại bản doanh và xây dựng các hệ thống cơ sở vật chất.

Cụ thể: Tiểu đoàn Thiên Đức và trung đoàn Bắc Bắc đã từng về đóng quân tại các làng: Lệnh, Vàng, Dầu, Hản, Lũa, Viên, Ngò, Diễn luyện tập quân sự để bổ sung cho các chiến trường. Đây là những đơn vị bộ đội chủ lực của cuộc kháng chiến chống Pháp. Ngoài ra, tại đình và chùa Đức Lân đã từng đặt xưởng chế tạo quân khí, chế tạo các loại mìn, lựu đạn. Tại đình Đông (làng Vàng) cũng là nơi Cục Quân nhu sử dụng để chứa các dụng cụ hậu cần, quân lương. Tại đình - chùa Lũa, đình - chùa Ngò cũng là nơi sản xuất các thiết bị y tế và thuốc men phục vụ cứu chữa thương, bệnh binh và cũng là bệnh viện của trung đoàn Bắc Bắc. Đặc biệt, từ năm 1946 đến năm 1952, Đức Dương thường xuyên là nơi Ủy ban hành chính - kháng chiến Liên khu 12 và các cơ quan Đảng, quân đội, trường Quân chính... tổ chức các hội nghị và nhiều cuộc họp quan trọng. Vị trí diễn ra các hoạt động trên thuộc các làng Lệnh, Vàng, Hản, Lũa, Diễn, Ngoài, Ngò... Địa bàn Đức Dương khi đó còn là nơi tập kết, đón nhận các đồng chí thương, bệnh binh về điều trị, cứu chữa, sớm phục hồi sức khỏe để trở lại chiến trường.

Nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm nặng nề đối với cuộc kháng chiến, nhất là việc bảo vệ an toàn cho các

cơ quan đóng trên địa bàn nên nhân dân các dân tộc xã Đức Dương đã rất coi trọng công tác phòng gian, bảo mật, coi việc bảo vệ các cơ quan đóng tại địa phương là nhiệm vụ của mình. Nhiều gia đình còn nhường cả nhà cho cán bộ, chiến sỹ ở. Từ cụ già đến em nhỏ đều nâng cao ý thức tự giác bảo vệ ATK. Trước con mắt tinh tường và sự giúp đỡ tận tình của đồng bào địa phương, lực lượng công an và bộ đội đã kịp thời phát hiện và phá tan mọi âm mưu phá hoại của kẻ thù, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn.

Ngoài công tác bảo vệ, nhân dân Đức Dương còn đóng góp công sức xây dựng và ủng hộ cho cơ quan đầu não kháng chiến tại ATK. Đồng bào đã đóng góp nhiều tre, nứa, gỗ, lá để xây nơi ở và làm việc, kho tàng, nhà xưởng cho các cơ quan kháng chiến. Ngoài ra, nhân dân còn nỗ lực tăng gia sản xuất lương thực, thực phẩm để vừa bảo đảm đời sống, vừa cung cấp cho kháng chiến.

Nhờ sự che chở, đùm bọc của nhân dân Đức Dương nói riêng, nhân dân Thái Nguyên nói chung, cơ quan đầu não của kháng chiến vẫn tồn tại vững chắc trong vòng vây của kẻ thù, phát huy được vai trò là trung tâm lãnh đạo sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc của cả nước.

2. Chi bộ Đức Dương lãnh đạo nhân dân tham gia kháng chiến, chi viện cho các chiến dịch (1947 – 1954)

Bước sang năm 1947, cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta chuyển sang một giai đoạn mới với khó khăn và ác liệt hơn; xét về tương quan lực lượng, quân đội của ta còn nhiều hạn chế, đặc biệt là sự thiếu thốn

về các loại phương tiện, vũ khí hiện đại. Điều đó đòi hỏi chúng ta phải khắc phục khó khăn, xây dựng lực lượng quân sự vững mạnh hơn.

Ngày 19 tháng 2 năm 1947, Bộ Quốc phòng ra Thông tư quy định về tổ chức, nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ và du kích. Sau Thông tư của Bộ Quốc phòng, việc xây dựng lực lượng vũ trang địa phương trong tỉnh được triển khai nhanh chóng.

Tháng 4 năm 1947, Ban chỉ huy Tỉnh đội bộ dân quân Thái Nguyên được thành lập đặt dưới sự chỉ đạo của Ủy ban hành chính Tỉnh. Tỉnh uỷ chủ trương động viên sức người, sức của của nhân dân để củng cố lực lượng vũ trang địa phương. Chỉ trong một thời gian ngắn, hầu hết các huyện, xã đều xây dựng, phát triển lực lượng tự vệ, tự vệ chiến đấu và du kích tập trung. Tại Phú Bình, cuối năm 1947, Huyện đội bộ dân quân và các Xã đội bộ dân quân cũng được tổ chức và đi vào hoạt động. Còn ở Đức Dương, vào tháng 7 năm 1946, địa phương đã xây dựng được một trung đội tự vệ nông cốt gồm 20 đồng chí. Đây chính là yếu tố thuận lợi đối với việc xây dựng lực lượng vũ trang tại xã nhà.

Với âm mưu tấn công cơ quan đầu não kháng chiến của ta, thực hiện chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh”, ngày 7 tháng 10 năm 1947, thực dân Pháp huy động khoảng 12.000 quân với đủ các loại phương tiện, vũ khí hiện đại nhất mở cuộc tấn công lớn vào căn cứ địa Việt Bắc hòng tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và bộ đội chủ lực của ta, khóa chặn biên giới Việt Trung, ngăn cản sự liên hệ của ta với quốc tế.

Trong thời gian này, một binh đoàn bộ đội đường

không do Xôvanhắc chỉ huy đã nhảy dù xuống chiếm thị xã Bắc Cạn, thị trấn Chợ Mới. Cùng thời điểm đó, thực dân Pháp cho hai binh đoàn tiến theo hai đường thủy và bộ, tạo thành hai gọng kìm bao vây Việt Bắc ở phía Đông và phía Tây nhằm tiêu diệt lực lượng chủ lực, bắt cán bộ và phá tan cơ quan đầu não kháng chiến.

Để đối phó với cuộc tấn công quy mô lớn này của giặc Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước và lực lượng vũ trang ra sức chiến đấu tiêu diệt địch. Ngày 15 tháng 10 năm 1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị: *“Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp”*.

Thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy Thái Nguyên và Đảng bộ Phú Bình, nhân dân Đức Dương đã khẩn trương xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang để sẵn sàng chihến đấu khi chiến sự lan tới địa bàn. Tranh thủ khoảng thời gian hòa bình ngắn ngủi, một mặt làm tốt nhiệm vụ bảo vệ các cơ quan đầu não kháng chiến đóng tại địa phương, mặt khác tích cực ngăn chặn mọi âm mưu, hành động chống phá của các phần tử phản cách mạng. Mặc dù trong chiến dịch Việt Bắc Thu – Đông 1947, chiến sự không lan tới địa bàn Đức Dương, nhưng nhân dân trong xã đã có đóng góp không nhỏ cho chiến dịch. Nhân dân đã tự đào hầm hào bí mật, cất giấu lương thực, tổ chức lực lượng phòng chữa cháy, sơ tán hàng hóa và kho tàng nếu bị địch đánh phá. Nhiều tổ tự vệ, cứu thương, tải đạn, liên lạc đã được thành lập để phục vụ cho chiến dịch.

Từ ngày 25 đến ngày 28 tháng 11 năm 1947, Pháp bắt đầu đánh chiếm Thái Nguyên cùng một số tỉnh khác

từ nhiều hướng và bằng nhiều hình thức: cho quân nhảy dù, ném bom, bắn phá, càn quét bằng đường thủy và đường bộ... Nhân dân Thái Nguyên, cùng với nhân dân các tỉnh đã bình tĩnh đương đầu với cuộc tấn công của địch, diệt hàng trăm tên. Qua hơn một tháng, đến ngày 20 và ngày 21 tháng 12 năm 1947, toàn bộ quân Pháp ở Thái Nguyên đã phải rút về Hà Nội, tỉnh Thái Nguyên hoàn toàn được giải phóng.

Thất bại trong cuộc tấn công lên Việt Bắc năm 1947 đã buộc thực dân Pháp phải chuyển từ chiến lược “*đánh nhanh, thắng nhanh*” sang chiến lược đánh lâu dài. Điều đó đòi hỏi sự chỉ đạo của chúng ta cũng phải có sự thay đổi.

Để triển khai những nhiệm vụ trong giai đoạn mới, năm 1948, Huyện uỷ Phú Bình triệu tập Đại hội Đảng bộ lần thứ III. Bên cạnh việc tổng kết những thành tích đạt được và những mặt hạn chế trong thời gian qua, Đại hội chủ trương phát triển tổ chức Đảng, đồng thời đề ra nhiệm vụ giáo dục nhân dân nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng. Tại Đại hội này, đồng chí Đào Minh Thư, Bí thư chi bộ xã Đức Dương đã được bầu vào Ban chấp hành Đảng bộ huyện khoá III (1948-1949).

Thực hiện Nghị quyết của Huyện uỷ, chi bộ đã đặt công tác xây dựng, củng cố tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng là nhiệm vụ hàng đầu. Trên cơ sở đó, chi bộ chủ trương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, bồi dưỡng lý luận cho đảng viên và cán bộ, chiến sỹ trong lực lượng tự vệ. Trong 2 năm, từ 1947-1948, chi bộ đã kết nạp thêm được 11 đồng chí đảng viên. Cụ thể: năm 1947, có 4 đồng chí đã được kết nạp là: Hoàng Văn Thiện, Nguyễn

Hữu Cần, Đào Quang Hậu, Hoàng Văn Tường; năm 1948, kết nạp được 8 đồng chí là: Hoàng Văn Hoàn, Đào Văn Bạo, Dương Văn Kinh, Dương Văn Chuyện, Dương Văn Hạ, Nguyễn Hữu Thấp, Đào Văn Ty, Dương Văn Ký.

Sự phát triển về số lượng đảng viên đã giúp chi bộ được tăng cường, nâng cao vai trò lãnh đạo đối với các nhiệm vụ quan trọng của địa phương nói riêng và đất nước nói chung trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Để nâng cao tổ chức đảng, những đảng viên thoái hoá, biến chất không còn đủ tư cách đã bị đưa ra khỏi Đảng. Ngược lại, những quần chúng ưu tú, xuất phát từ thành phần bần, cố nông và những người đã qua rèn luyện, thử thách trong phong trào cách mạng tại địa phương được bồi dưỡng, kết nạp vào Đảng.

Từ thắng lợi bước đầu của công tác xây dựng, củng cố và phát triển Đảng, cuối năm 1949, Đại hội Đảng bộ huyện Phú Bình lần thứ IV được tổ chức. Đại hội đã chủ trương nhanh chóng phát triển lực lượng dân quân, du kích, đảm bảo cả số lượng và chất lượng. Để nâng cao trình độ tác chiến, Huyện đội đã thành lập tại mỗi thôn một Đội gương mẫu chiến đấu¹.

Đi đôi với việc xây dựng lực lượng dân quân, du kích, từ tháng 10/1949, Phú Bình còn tăng cường xây dựng lực lượng bộ đội địa phương. Từ trung đội du kích tập trung gồm 35 chiến sỹ, Huyện đội Phú Bình đã phát triển và xây dựng Đại đội 244 bộ đội địa phương gồm 126 cán bộ, chiến sỹ biên chế thành 1 đại đội và 3 trung đội. Sau khi được thành lập và kiện toàn biên chế, Đại đội 244 bộ đội địa phương đã tổ chức huấn luyện theo

¹ Lịch sử Đảng bộ Huyện Phú Bình (1930 – 2005), Xuất bản năm 2005, tr 88

một chương trình thống nhất gồm cá nhân, tiểu đội tác chiến, tổ chức đánh phục kích, đánh mìn... Đặc biệt, thực hiện chủ trương của cấp trên, Huyện đội bộ dân quân đã phát động một phong trào thi đua sôi nổi lấy tên là “*Ba tháng rèn cán, luyện và chinh quân*”.

Tháng 7 năm 1949, huyện đội cử một tiểu đội thuộc Trung đội du kích tập trung đi chiến đấu cùng với quân dân Bắc Ninh. Tiếp đó, tháng 11 năm 1949, Huyện đội lại cử thêm một trung đội nữa thuộc Đại đội 244 đi tham gia tác chiến tại Phúc Yên.

Thông qua công tác huấn luyện cũng như trực tiếp chiến đấu ở các vùng địch hậu, chỉ trong một thời gian ngắn, lực lượng bộ đội địa phương Phú Bình đã trưởng thành nhanh chóng. Trình độ tổ chức chỉ huy cũng như kỹ thuật chiến đấu của cán bộ, chiến sỹ được nâng lên một bậc. Bộ đội Phú Bình có đủ khả năng đảm nhận nhiệm vụ tác chiến độc lập trên địa bàn. Trong quá trình xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, Đảng bộ Phú Bình đã chỉ đạo công tác xây dựng làng chiến đấu. Tính đến tháng 3 năm 1949, toàn huyện đã xây dựng được 21 làng. Công tác động viên tòng quân, xây dựng lực lượng bộ đội thường trực cũng đạt được nhiều kết quả với hàng trăm người được tuyển vào bộ đội.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Huyện lần thứ IV, chi bộ đảng Đức Dương đã tập trung giải quyết nhiều nhiệm vụ quan trọng. Đối với nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang, xã đã chỉ đạo nhanh chóng phát triển số lượng dân quân du kích, củng cố tổ chức biên chế. Đức Dương đã xây dựng tại mỗi làng một tiểu đội dân

¹ Nghị quyết quân sự của Đảng 1930 – 1960, Nxb QĐND, Hà Nội, 1959, tr 100.

quân du kích. Đồng chí Đào Minh Thư, Bí thư Chi bộ đã được giao phụ trách luôn công tác quân sự để tiện cho việc lãnh đạo, điều hành.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị toàn quốc lần thứ 3 của Đảng *“quét sạch lực lượng địch ra khỏi miền biên giới Bắc Bộ”*, khai thông đường liên lạc giữa nước ta với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Biên giới Thu Đông 1950 (chiến dịch Lê Hồng Phong II). Ngày 15 tháng 7 năm 1950, thực hiện Chỉ thị của Liên khu Việt Bắc, Tỉnh ủy Thái Nguyên giao cho các huyện huy động 277 cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang địa phương đi phục vụ chiến dịch trong thời gian 3 tháng. Huyện ủy Phú Bình cùng các huyện khác đã huy động được 308 cán bộ, chiến sỹ (vượt chỉ tiêu 31 người) đi phục vụ chiến dịch. Ngoài ra, để đảm bảo giao thông, đáp ứng kịp thời nhu cầu vận chuyển lương thực, thực phẩm, vũ khí phục vụ cho chiến dịch Biên giới, Đảng bộ Tỉnh đã phát động *“Chiến dịch sửa chữa, xây dựng cầu đường lần thứ nhất”*. Sau khi chiến dịch được phát động, đã thu hút được đông đảo nhân dân tham gia, nhất là lực lượng thanh niên. Nhân dân và lực lượng vũ trang Phú Bình, trong đó có Đức Liên, đã đóng góp được hàng nghìn ngày công lao động, đào đắp hàng trăm mét khối đất đá, sửa chữa và làm mới hàng chục cầu lớn, nhỏ, khai thông tuyến đường 13A (Thái Nguyên - Tuyên Quang) và đường 1B (Thái Nguyên - Lạng Sơn).

Để góp phần cho chiến dịch Biên giới Thu Đông nhanh chóng đi đến thắng lợi, chi bộ Đức Dương đã lãnh đạo nhân dân tích cực tăng gia sản xuất đáp ứng

nhu cầu quân sự, góp phần cải thiện đời sống nhân dân, đồng thời tăng cường công tác phòng gian bảo mật.

Sau một thời gian chuẩn bị khẩn trương, ngày 16 tháng 9 năm 1950, quân ta nổ súng đánh Đông Khê (Cao Bằng) mở màn chiến dịch Biên giới. Chỉ trong 2 ngày, cứ điểm Đông Khê bị ta tiêu diệt. Chiến thắng Đông Khê đã làm rung chuyển hệ thống cứ điểm của địch dọc theo Quốc lộ số 4, làm cho thế bao vây phong toả căn cứ địa Việt Bắc của địch bị phá vỡ. Quân địch ở Thất Khê bị uy hiếp, Cao Bằng bị cô lập. Địch phải huy động lực lượng dự bị chiến lược ở Bắc Bộ mở chiến dịch “Phôcơ” (Hải cẩu) tấn công lên thị xã Thái Nguyên, nhằm kéo lực lượng chủ lực của ta ở biên giới về, đỡ đòn cho đồng bọn ở mặt trận biên giới.

Mở màn chiến dịch “Hải cẩu”, ngày 29 tháng 9 năm 1950, địch huy động khoảng 3.000 quân với máy bay yểm trợ, tấn công đánh chiếm thị xã Thái Nguyên theo 3 hướng:

- Hướng thứ nhất: Từ quốc lộ 3 qua Phổ Yên, Đồng Hỷ đánh lên thị xã Thái Nguyên.

- Hướng thứ hai: Từ Phúc Yên theo sườn Tam Đảo, vượt đèo Nhe đánh sang Phúc Thuận (Phổ Yên).

- Hướng thứ ba: Từ Đa Phúc theo sông Cầu tiến đánh Hà Châu (Phú Bình) rồi theo đường 19 đánh lên.

Ngày 29 tháng 9 năm 1950, khoảng 1.000 quân Pháp do một tên quan tư chỉ huy từ Bắc Ninh, Bắc Giang qua Hiệp Hòa, tiến vào phía nam huyện Phú Bình theo hai đường: đường bộ dọc theo sông Cầu và đường thủy với ca nô từ Sà Ngọt theo sông Cầu lên Chã, Hà Châu rồi vào Phương Độ.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng và chính quyền địa phương, nhân dân Đức Dương đã phối hợp với quân và dân Phú Bình bình tĩnh đánh địch, giành thắng lợi ngay từ trận đầu. Vì vậy, vừa đặt chân lên bến đò Hà Châu, quân Pháp đã bị Đại đội 244 bộ đội huyện phối hợp với dân quân, du kích các xã phục kích, đánh đòn phủ đầu, giết và làm bị thương 20 tên, khiến chúng hoảng sợ, phải bỏ ca nô, hành quân bộ men theo dọc bờ sông Máng hướng lên thị xã Thái Nguyên. Khi hành quân đến kè Đá Gân, quân Pháp lại bị quân và dân Phú Bình phục kích, chặn đánh quyết liệt, diệt 45 tên. Trong trận này, 1 du kích Phú Bình đã hi sinh.

Cuộc hành quân “Hải cẩu” đánh lên Thái Nguyên không đạt được như ý đồ ban đầu, lại bị tổn thất nặng nề nên từ ngày 10 đến ngày 12 tháng 10 năm 1950, quân Pháp buộc phải rút về Hà Nội.

Chiến thắng Biên giới Thu – Đông 1950, đã đưa cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta bước sang một thời kỳ mới. Quân đội ta đã giành được thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ. Thế bao vây, phong toả của địch đối với căn cứ địa Việt Bắc bị phá vỡ, con đường liên lạc giữa nước ta với các nước được khai thông trên nhiều hướng.

Sau chiến thắng trên mặt trận quân sự, năm 1950, Đại hội Đảng bộ huyện Phú Bình lần thứ V được tổ chức. Đại hội đã đề ra những nhiệm vụ cấp thiết trước mắt như: lãnh đạo nhân dân thực hiện chính sách giảm tô, giảm tức, phát động phong trào thi đua lao động sản xuất. Đại hội cũng nhấn mạnh việc tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang địa phương cũng như làm tốt

công tác giáo dục, vận động thanh niên hăng hái lên đường tòng quân bổ sung cho bộ đội chủ lực.

Năm 1952, người chiến sỹ của xã là đồng chí Đào Văn Vọng tham gia chiến dịch Núi Đồi, đã chiến đấu dũng cảm, tuy bị thương nhưng vẫn chiến đấu, và tiêu diệt thêm 3 tên lính Pháp. Sau trận đánh, đồng chí được tuyên dương là chiến sỹ thi đua, được Bác Hồ tặng áo trấn thủ.

Trong những năm 1949 – 1950, địa bàn huyện Phú Bình cũng như xã Đức Dương nằm trong trong địa bàn ATK 2 và là địa bàn đón nhận nhiều cơ quan của quân đội, Ủy ban kháng chiến. Tháng 9 năm 1949, giặc Pháp ném bom xuống làng Lũ làm cháy toàn bộ sổ nhà tranh trong làng. Tháng 10 năm 1950 giặc Pháp lại dùng không quân ném bom xuống làng Ngoài, làng Vàng, làng Hản, làng Diễn làm chết 14 người, thiệt hại tài sản ước khoảng 1000 đồng. Trong năm 1950, do ảnh hưởng của thiên tai, một đợt hạn kéo dài. Khó khăn chồng chất khó khăn, tháng 12 năm 1950 thực dân Pháp lại ném bom phá hoại đập Thác Huống, cống Vạn Già gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp. Đến ngày 14 tháng 5 năm 1952, thực dân Pháp lại ném bom lần nữa xuống khu vực làng Lệnh, làng Ngọc Lý làm thiệt hại nhiều dân thường và phá huỷ nhiều nhà cửa, hoa màu của nông dân, ước tính thiệt hại 900 ngàn đồng.

Bên cạnh những khó khăn, thử thách về thiên tai, địch họa, nhân dân Đức Dương dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là chi bộ Đức Dương đã đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, đặc biệt là phong trào tăng gia sản xuất, chi viện cho tiền tuyến và cải thiện đời sống nhân

dân đã được đẩy mạnh.

Để đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ mới, từ cuối 1950, xã Đức Dương và xã Phú Thanh (tức xã Lương Phú và Thanh Ninh ngày nay) sáp nhập thành xã Đức Liên. Sự sáp nhập đó đã tạo thêm động lực, sự phấn khởi cho nhân dân, vì vậy phong trào tăng gia sản xuất phát triển rất mạnh. Cùng với nhân dân các xã khác, nhân dân Đức Liên đã hưởng ứng tích cực các phong trào như “*Tuần lễ làm cỏ, bón phân*”, “*Tuần lễ toàn dân công tác*”. Năm 1950, mặc dù lụt lớn xảy ra, gây ngập úng nhiều nơi, nhưng sản lượng lương thực toàn huyện vẫn đạt 21.000 tấn, cao hơn so với cùng kỳ của tất cả các năm trước. Nhờ sản lượng lương thực cao, Phú Bình đã huy động được hơn 10 tấn thóc chuyển giao cho bộ đội chủ lực, và gần 100 tấn thóc cho bộ đội địa phương. Đời sống nhân dân vì thế cũng được cải thiện một bước.

Không chỉ tăng gia sản xuất, ủng hộ kháng chiến, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ V, chi bộ Đảng đã lãnh đạo nhân dân Đức Liên tham gia xây dựng đời sống văn hoá mới cũng như phát triển giáo dục, y tế. Phát huy thắng lợi của phong trào “*diệt giặc đói*”, nhiều lớp bình dân học vụ, xoá mù chữ đã được mở. Đặc biệt, phong trào tự học trong nhân dân được đẩy mạnh đã đưa số học sinh của Phú Bình lên tới hàng nghìn người và hàng trăm giáo viên. Nhiều trường, lớp học đã được xây dựng đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân. Kết quả, đến cuối năm 1949, Phú Bình trở thành một trong những huyện đầu tiên của Thái Nguyên cơ bản thanh toán được nạn mù chữ. Các hoạt động văn

hoá, văn nghệ, thông tin tuyên truyền cũng được chú trọng, góp phần loại trừ các tệ nạn xã hội và nhen lên ngọn lửa đoàn kết, yêu nước trong nhân dân.

Mặc dù trong điều kiện kháng chiến gặp nhiều khó khăn, gian khổ, song thời gian này, công tác y tế, chăm lo sức khoẻ cho nhân dân cũng được chú ý. Để khắc phục khó khăn về trang thiết bị, cơ sở vật chất cũng như đội ngũ cán bộ chuyên môn, chi bộ đã lãnh đạo cử sở Y tế tăng cường sử dụng thuốc nam, đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ của bệnh viện tỉnh đóng tại xã Phương Độ. Nhờ đó, từ năm 1947, Phú Bình đã thành lập được phòng phát thuốc với 3 y tá có sự am hiểu nhất định về chuyên môn, nghiệp vụ. Công tác tuyên truyền nhân dân giữ gìn vệ sinh, phòng bệnh cũng được đẩy mạnh, góp phần ngăn chặn một số căn bệnh truyền nhiễm nguy hiểm.

Bước sang năm 1951, cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta chuyển sang một giai đoạn mới, giành được nhiều ưu thế hơn so với đối phương. Phần khởi trước những thành tựu đã đạt được, Đảng bộ Phú Bình đã tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ VI. Đại hội tổng kết những thành tích, chỉ ra những thiếu sót trong công tác lãnh đạo nhiệm kỳ trước và đề ra phương hướng cho giai đoạn tiếp theo. Tại khoá Đại hội này, đồng chí Đào Minh Thư, Bí thư chi bộ Đức Dương đã trúng cử vào Ban chấp hành Huyện uỷ. Cuối năm 1951, đồng chí Đào Minh Thư được điều về Tỉnh nhận công tác khác. (Đến năm 1968, đồng chí qua đời do bị bệnh tim hiểm nghèo)¹. Sau khi đồng chí Thư chuyển đi, đồng chí

¹ Đồng chí Đào Minh Thư sinh năm 1924 tại làng Hân, sinh ra trong một gia đình trung nông lớp trên, có điều kiện học hành, đồng chí sớm giác ngộ lý tưởng cách mạng và trở thành đảng viên đầu tiên của xã Tân Đức.

Dương Duy Du (tức Thơ Rằng) được cử thay thế cho đến tháng 6 năm 1953.

Sau Đại hội Đảng bộ Huyện, Đức Liên tổ chức Đại hội chi bộ xã với mục tiêu kiện toàn bộ máy lãnh đạo và sàng lọc đội ngũ cán bộ, đảng viên. Những đảng viên không đủ phẩm chất chính trị bị đưa ra khỏi tổ chức, thay vào đó là những thành cá nhân xuất thân từ tầng lớp lao động, tích cực trong công tác cách mạng.

Từ sau chiến dịch Thu – Đông 1950, bộ đội ta liên tiếp chủ động mở các chiến dịch tiến công địch trên các chiến trường. Do vậy, nhu cầu cung cấp sức người, sức của cho kháng chiến càng trở nên bức thiết.

Thực hiện chính sách ruộng đất, trong 2 năm từ 1950 – 1951, chi bộ Đức Liên thực hiện chính sách giảm tô và tạm cấp ruộng đất, đem lại quyền lợi cho nông dân, đặc biệt là người dân nghèo. Trên cơ sở cải cách ruộng đất, cuộc đấu tranh giữa nông dân với địa chủ đã được phát động. Qua 3 tháng thực hiện, một bộ phận lớn nông dân được chia ruộng đất, nông dân phấn khởi tham gia vào hội nông dân, thi đua lao động sản xuất, tích cực góp sức người, sức của cho kháng chiến.

Tuy việc cải cách ruộng đất, đấu tranh với địa chủ thu được thắng lợi là đánh đổ giai cấp phong kiến, nâng cao địa vị làm chủ của nông dân, nhưng trong quá trình thực hiện chính sách giảm tô còn bộc lộ những khuyết điểm như: việc đấu tố còn tràn lan, có nơi đấu tố cả trung nông và những gia đình có công với cách mạng. Ngược lại, có những nơi còn e dè, sợ địa chủ trả thù.

Trong bối cảnh lịch sử đó, để tăng cường công tác quản lý, lãnh đạo ở cơ sở. Ngày 5 tháng 4 năm 1953,

xã Tân Đức được thành lập trên cơ sở tách xã Đức Liên chia thành 4 xã là Tân Đức, Dương Thành, Thanh Ninh và Lương Phú. Ông Dương Văn Bạch giữ chức Chủ tịch Ủy ban hành chính – kháng chiến xã Tân Đức. Cuối năm 1953 đầu năm 1954, ông Nguyễn Văn Sách được bầu làm Chủ tịch Ủy ban hành chính – kháng chiến xã. Sự ra đời của xã Tân Đức đã đánh dấu bước ngoặt trong tiến trình lịch sử của xã, chứng tỏ sự lớn mạnh của tổ chức đảng ở cơ sở và vai trò của Tân Đức trong xã Đức Liên. Xã Tân Đức ra đời đã cùng với chi bộ Đảng kịp thời lãnh đạo nhân dân thực hiện sửa sai trong cải cách ruộng đất, phát triển kinh tế xã hội, đóng góp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc.

Tháng 12 năm 1953, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VII được tổ chức. Sau khi phân tích tình hình cách mạng trong nước nói chung và ở Phú Bình nói riêng, Đại hội đã tổng kết những ưu, khuyết điểm của nhiệm kỳ trước và chủ trương tích cực lãnh đạo nông dân đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất lương thực, thực phẩm.

Từ ngày 15 tháng 10 đến ngày mừng 5 tháng 11 năm 1952, Phú Bình đã huy động 688 dân công, tham gia công tác thủy lợi, đắp đập, đào kênh, mương dẫn nước, đảm bảo tưới tiêu cho lúa và hoa màu. Tuy vậy chiêm năm 1953, thời tiết không thuận lợi, hạn hán xảy ra tại nhiều nơi, nhưng với khí thế của những người nông dân lần đầu tiên được làm chủ ruộng đất của mình, công tác chống hạn đã được đẩy mạnh. Kết quả, đã hạn chế đáng kể mức sụt giảm năng suất lương thực.

Bên cạnh đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, công tác nâng cao đời sống văn hoá, giáo dục cho nhân dân được

chú trọng. Mặc dù điều kiện kháng chiến gặp nhiều khó khăn, song chi bộ Đảng vẫn vận động toàn dân tích cực tham gia học bổ túc văn hoá và theo học các chương trình phổ thông từ cấp 1 đến cấp 2 trong huyện. Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên đã được tăng cường. Một số địa điểm công cộng trên địa bàn như: chùa Lũ, đình Đông, chùa Đức Lâm, chùa Lành, chùa Viên, đình Ngò... đã được tận dụng làm lớp học với hàng trăm học viên. Trong số đó, có cả các cán bộ của xóm, xã. Một số thương binh vốn là thầy giáo xếp bút nghiên đi đánh giặc trở về lại quay lại bục giảng tiếp tục dạy chữ cho con em trong xã.

Công tác văn hóa - văn nghệ có nhiều nét mới. Tổ văn nghệ của các xóm đã tự mua sắm trang thiết bị như: đèn măng sông, quần áo, trang phục để tổ chức luyện tập, biểu diễn phục vụ nhân dân cũng như giao lưu với các đơn vị trong và ngoài xã. Các tiết mục đều tập trung vào chủ đề khích lệ phong trào thi đua sản xuất, tiết kiệm, bài trừ các tập tục lạc hậu, và giáo dục tình yêu quê hương, đất nước.

Công tác y tế, liên quan đến chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được cải thiện đáng kể. Năm 1953, Đức Liên có 2 y tá là ông Lộc và ông Châu. Mặc dù trình độ chuyên môn và hệ thống cơ sở vật chất còn thiếu thốn, lạc hậu, song thời gian này trên địa bàn không để dịch bệnh lớn xảy ra. Đầu năm 1954, khi phát hiện dịch thủy đậu xuất hiện, y tế xã đã phối hợp với ngành y tế huyện tổ chức tiêm chủng phòng ngừa cho nhân dân. Kết quả, dịch bệnh đã được dập tắt. Ngoài ra, y tế xã còn vận động nhân dân quyên góp tiền lập tủ

thuốc tập thể tại các thôn xóm cũng như ăn chín uống sôi, giữ gìn vệ sinh để phòng dịch bệnh.

Từ sau chiến thắng Biên giới Thu – Đông 1950, nhu cầu chi viện sức người, sức của cho các chiến trường càng trở nên cấp bách. Nhiệm vụ xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh, sẵn sàng chiến đấu và chi viện cho mặt trận đã được chi bộ xã coi như nhiệm vụ hàng đầu. Thực hiện sự chỉ đạo của Huyện uỷ, chi bộ Đảng đã lãnh đạo vận động dân quân, du kích hăng hái lên đường nhập ngũ. Trong suốt 9 năm kháng chiến chống Pháp, có 58 người con Tân Đức tham gia vào các đơn vị bộ đội chủ lực. Trong số đó, có 12 đồng chí đã anh dũng hy sinh và được công nhận là liệt sỹ, 5 đồng chí là thương binh. Ngoài ra, xã còn có 16 đồng chí là thanh niên xung phong, tình nguyện tham gia dân công hỏa tuyến phục vụ cho các chiến dịch.

Được tin quân dân ta dành chiến thắng trong chiến dịch Đông – Xuân 1953 – 1954, nhân dân Tân Đức càng thêm tích cực đẩy mạnh sản xuất, khắc phục khó khăn, chi viện cho tiền tuyến. Hàng chục lượt thanh niên đã xung phong tham gia vào bộ đội, tham gia dân công hỏa tuyến lên Tây Bắc để phục vụ cho chiến dịch Điện Biên Phủ.

Sau 55 ngày đêm “khoét núi, ngủ hầm”, ngày mùng 7 tháng 5 năm 1954, chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi hoàn toàn, chấm dứt 9 năm kháng chiến chống Pháp trường kỳ.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp đã đem lại hòa bình trên toàn miền Bắc, cuộc cách mạng dân chủ nhân dân đã hoàn thành trên một nửa đất nước. Trong

chiến thắng đó, có một phần đóng góp không nhỏ của chi bộ và nhân dân Đức Dương. Qua 9 năm trường kì kháng chiến, dù khó khăn, thiếu thốn về cơ sở vật chất, dù còn hạn chế về nhận thức cũng như trình độ chuyên môn, song chi bộ Đảng và nhân Đức Dương luôn đoàn kết một lòng hướng về cuộc kháng chiến của dân tộc. Chi bộ, các lực lượng vũ trang, dân quân và du kích đã cùng nhân dân đồng tâm hiệp lực, tích cực tham gia lao động sản xuất và chiến đấu. Vì vậy, Tân Đức đã hoàn thành xuất sắc nhiều nhiệm vụ được giao, xây dựng quê hương trở thành hậu phương vững chắc, vừa bảo vệ an toàn cho các cơ quan Trung ương cùng hệ thống cơ sở vật chất đóng trên địa bàn, vừa đóng góp sức người, sức của cho tiền tuyến.

Sau chiến dịch Điện Biên Phủ, hòa bình được lập lại trên toàn miền Bắc. Đó là điều kiện vô cùng thuận lợi để nhân dân Tân Đức dưới sự lãnh đạo của Đảng, bước vào thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc trên quê hương mình. Đó cũng chính là động lực to lớn để bước vào một giai đoạn lịch sử khác, hào hùng nhưng ác liệt hơn: Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đấu tranh thống nhất nước nhà.

CHƯƠNG III

CHI BỘ, ĐẢNG BỘ XÃ TÂN ĐỨC LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC GIAI ĐOẠN (1954 - 1975)

I. Tân Đức khắc phục hậu quả chiến tranh, tiến hành cải cách ruộng đất, khôi phục phát triển kinh tế và thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1954 – 1965)

1. Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế, thực hiện cải cách ruộng đất (1954 – 1957)

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lần thứ 2 của nhân dân ta với chiến thắng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu đã đặt dấu chấm hết cho hàng trăm năm đô hộ của chủ nghĩa thực dân trên đất nước ta, đưa lịch sử dân tộc Việt Nam sang một trang mới: Giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và tiếp tục đấu tranh thực hiện nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, tiến tới thống nhất nước nhà.

Hòa bình được lập lại, song cũng như bao vùng quê khác trên đất nước Việt Nam, Tân Đức bị chiến tranh tàn phá ác liệt, hậu quả để lại hết sức nặng nề. Các địa bàn

dân cư trong xã sau giải phóng đều đối mặt với vô số khó khăn trên nhiều phương diện.

Trước hết, về kinh tế, sức sản xuất yếu kém, nhiều diện tích đất ở các xóm, làng để hoang hóa, không người cày cấy; các công trình thuỷ lợi phần lớn bị phá, phần do kháng chiến, không có điều kiện tu bổ nên bị sạt lở. Thêm nữa, nạn hạn hán kéo dài càng làm cho đồng ruộng bị khô nẻ, tình trạng thiếu nước cho sản xuất kéo dài. Hệ thống đường giao thông một phần do bom, đạn của địch cày xới, một phần do lực lượng tự vệ, du kích địa phương phá để ngăn cản bước tiến của địch khi thực hiện chủ trương “*Tiêu thổ kháng chiến*”... chưa khắc phục được, làm cho việc sản xuất, giao lưu kinh tế gặp khó khăn. Nhiều ngôi nhà, chùa chiền bị thực dân Pháp đốt, phá để lấy vật liệu xây dựng đồn bót, khiến hàng trăm người phải tản cư đi nơi khác, nay hồi hương trở về nhưng không còn chỗ ở...

Về chính trị, mặc dù hòa bình được lập lại, nhưng tình hình an ninh trật tự trong xã còn khá phức tạp do thực dân Pháp và đế quốc Mỹ cài gián điệp, tung biệt kích phá hoại, gây rối. Sau khi giặc rút khỏi Phú Bình, chúng tung tin xấu về chính phủ, đưa chiêu bài “Chúa đã vào Nam” để xúi giục những xã có giáo dân rời bỏ quê hương di cư vào Nam. Xã Tân Đức mặc dù không có giáo dân, nhưng trước sự tuyên truyền, lừa bịp của chúng cũng ít nhiều gây dao động về tâm lý trong quần chúng nhân dân, gây tâm trạng lo lắng, bất an. Nhiều gia đình có thân nhân trong thời kỳ kháng chiến bị giặc bắt bớ, tra tấn, tù đày, hoặc bị giết hại; một số cán bộ, bộ đội du kích trong chiến đấu đã dũng cảm hy sinh;

nay trong điều kiện hòa bình, những người thân trong gia đình lại càng buồn ngùi thương nhớ. Một điều nữa, tuy trong kháng chiến, Tân Đức là một xã mạnh của huyện, nhiều cán bộ được rèn luyện trưởng thành, nhưng cán bộ chỉ quen tổ chức đánh giặc, chưa quen với công tác lãnh đạo các mặt kinh tế, chính trị trong điều kiện mới.

Về văn hóa xã hội, mặc dù sau Cách mạng tháng Tám, nền văn hóa mới đã được xác lập, nhưng khi Pháp trở lại chiếm đóng, vây cản nên các phong trào bình dân học vụ, văn hóa, văn nghệ cũng bị chững lại, tình trạng tái mù chữ trở lại. Ngoài ra ở một số khu vực dân cư còn chẳng chặt dây thép gai, chông mìn, luôn đe dọa đến sự an toàn của nhân dân.

Như vậy, dù đã được sống trong hòa bình, nhưng nhân dân Tân Đức vẫn gặp phải chông chênh khó khăn. Tuy nhiên với khí thế của một dân tộc chiến thắng, phấn khởi trước thắng lợi huy hoàng, nhưng không quá say sưa, và có đường lối đúng đắn của Trung ương Đảng, Bác Hồ, sự chỉ đạo sát sao của huyện uỷ Phú Bình, chi bộ Đảng, chính quyền và nhân dân xã Tân Đức không quản ngại khó khăn trước nhiệm vụ mới, nêu cao tinh thần đoàn kết, tiếp tục bắt tay vào những nhiệm vụ trong giai đoạn lịch sử mới.

Xác định nhiệm vụ quan trọng trước mắt là tập trung khắc phục hậu quả chiến tranh, tập trung sản xuất, đảm bảo cho nhân dân trở lại cuộc sống bình thường. Với quyết tâm ấy, chi bộ Đảng đã vận động nhân dân cấy lúa Ba giăng ngắn ngày, tăng vụ, trồng khoai lang và rau muống độn thay lương thực một phần.

Ủy ban hành chính xã còn phát động rộng rãi trong

nhân dân đợt thi đua sản xuất vụ xuân – hè nhằm đẩy mạnh việc trồng lúa và hoa màu ngắn ngày, tích cực cải tạo hệ thống nương máng, phục vụ trực tiếp cho sản xuất. Với mục tiêu nhanh chóng củng cố, phát triển sản xuất nông nghiệp để đẩy lùi nguy cơ nạn đói tái diễn do ruộng đất bị bỏ hoang nhiều trong chiến tranh. Thực hiện khẩu hiệu “*tắc đất, tắc vàng*”, với quyết tâm không để đất hoang hóa, đưa giống mới vào sản xuất.. đã góp phần nâng cao năng xuất, hiệu quả lao động, ổn định tình hình kinh tế địa phương.

Ngày 12 tháng 9 năm 1954, quán triệt tinh thần Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, trong quý IV năm 1954 Tân Đức đã tiến hành xong việc phân định thành phần giai cấp, đồng thời chia và hướng dẫn nông dân cầm thẻ nhận ruộng theo tinh thần chỉ đạo tại Hội nghị tổng kết đợt 1 cải cách ruộng đất ngày 12 tháng 9 năm 1954. Chi bộ Đảng, chính quyền xã Tân Đức đã phân, giao nhà ở, trâu bò, các công cụ phục vụ sản xuất trước đây đã tịch thu, trưng thu của địa chủ đến tay người nông dân, tạo điều kiện để các hộ nông dân chủ động tìm giống lúa, rau màu ngắn ngày cho phù hợp với thời vụ.

Bước sang năm 1955 đời sống nhân dân xã Tân Đức gặp rất nhiều khó khăn do hạn hán kéo dài, lúa và hoa màu bị khô héo, năng suất thu hoạch đạt rất thấp, chỉ từ 50 đến 60 kg/sào. Nguyên nhân chính là do hệ thống thủy nông sông Cầu, trong đó có đập Thác Huồng và đập Vạn Giã bị máy bay của Pháp ném bom phá hoại, hỏng nặng, chưa có điều kiện sửa chữa, khắc phục. Tuy nhiên với quyết tâm “*nhường cơm, sẻ áo*” “*lá lành đùm lá rách*”, bà con đã đỡ đần nhau kịp thời, nạn đói nhanh

chống được đẩy lùi, đời sống dần đi vào ổn định.

Để mở rộng diện tích sản xuất, phong trào khai hoang, phục hóa trên địa bàn xã tiếp tục được đẩy mạnh. Thực hiện khẩu hiệu “*tắc đất, tắc vàng*”, với quyết tâm không để đất hoang hóa, dưới sự lãnh đạo của chi bộ xã và chính quyền các cấp, các phong trào làm thủy lợi cải tạo đồng ruộng được nhân dân hưởng ứng nhiệt liệt, nhiều kênh, mương dẫn nước đã được đào mới, thuận tiện đưa nước vào đồng ruộng. Các phong trào “*sạch làng tốt ruộng*”, làm phân xanh, phân chuồng, đưa giống mới vào sản xuất được đẩy mạnh khiến năng suất và sản lượng ngày càng được nâng lên. Với khí thế và quyết tâm mạnh mẽ, đến cuối năm 1955, xã đã khai hoang phục hóa được hàng chục ha đất sản xuất, chỉ còn một số diện tích ruộng cạn phải bỏ trống. Nhiều gia đình khai hoang được hàng mẫu ruộng, có những gia đình neo đơn cũng khai hoang được vài ba sào ruộng để sản xuất. Để nhanh chóng thoát khỏi cái đói đang đe dọa, ngay trong vụ mùa năm 1955, cùng với việc trồng lúa nước trên đồng trũng và gieo lúa nương, bà con nhân dân trên toàn xã đã đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, ưu tiên trồng các loại cây ngắn ngày và rau màu để cứu đói. Bên cạnh cây lúa, tận dụng những khu vực không cấy được, nhân dân trồng thêm các loại hoa màu, chủ yếu là ngô, sắn, khoai lang, đỗ, lạc... để bổ sung nguồn lương thực, cứu đói lúc giáp hạt. Mặt khác, để đảm bảo năng suất cây trồng, chính quyền xã còn phát động phong trào làm phân bón ruộng, thâm canh tăng vụ, phát động các xóm tiến hành diệt chuột, phòng trừ sâu bệnh và làm nhiều công chăm bón lúa và cây trồng khác.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nói chung đã xuất hiện việc thành lập các tổ đổi công; đó là hình thức tổ chức sản xuất tập thể, các tổ viên lao động đổi công cho nhau, không lấy tiền công. Đối với Tân Đức, đến năm 1955, xã mới bắt đầu thành lập các tổ đổi công, tổ trưởng kiêm trưởng xóm là người đứng ra chỉ đạo nhân dân sản xuất. Mỗi tổ đổi công có từ 3 đến 5 hộ gia đình tham gia, cùng nhau tiến hành sản xuất quay vòng hết nhà này đến nhà khác. Quán triệt sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Thái Nguyên: Nhiệm vụ xây dựng tổ đổi công là do cấp ủy trực tiếp lãnh đạo, tổ đổi công là lực lượng chủ chốt thực hiện kế hoạch sản xuất nông nghiệp. Thực hiện nhiệm vụ đó, Tân Đức đã cử cán bộ học tập, nghiên cứu đường lối, chính sách, nguyên tắc, tổ chức, hoạt động của tổ đổi công do Huyện ủy tổ chức. Do có nhiều thuận lợi, lại có kinh nghiệm của các xã khác làm điểm nên phong trào tổ đổi công ở Tân Đức phát triển nhanh chóng và mạnh mẽ.

Tóm lại trong 3 năm (1955 – 1957) chi bộ Đảng xã Tân Đức đã lãnh đạo nhân dân thực hiện nhiều nhiệm vụ quan trọng để khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội trên quê hương. Chi bộ Đảng và các cấp chính quyền còn phối hợp chặt chẽ với các huyện thuộc tỉnh Bắc Giang như Hiệp Hòa, Tân Yên và Việt Yên khắc phục, sửa chữa đập Thác Huống và hàng loạt các cống 5 cửa án ngữ các đập nước, nạo vét sông máng, các kênh trong hệ thống thủy nông sông Cầu, đảm bảo nước tưới phục vụ sản xuất. Nhờ đó sản xuất nông nghiệp từng bước ổn định, đời sống người lao động được cải thiện

hơn trước.

Bên cạnh việc khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa, Tân Đức cũng như các xã khác trong huyện Phú Bình còn phải hoàn thành nhiệm vụ cải cách ruộng đất để thực hiện khẩu hiệu “*người cày có ruộng*” như trong Cương lĩnh của Đảng năm 1930 đã nêu. Mặc dù công tác cải cách ruộng đất ở xã không diễn ra quá gay gắt do số địa chủ trên địa bàn xã Tân Đức ít, trong đó có nhiều địa chủ thân cách mạng (địa chủ kháng chiến). Nhưng công tác cải cách vẫn được diễn ra theo đúng trình tự. Đội cải cách đã xác định thành phần các giai cấp trong xã như cổ nông, bần nông, trung nông, phú nông, địa chủ cường hào, địa chủ thường, địa chủ kháng chiến. Đội đã tịch thu hàng trăm héc-ta ruộng đất, công cụ sản xuất do địa chủ cường hào chiếm đoạt vô lý chia cho nông dân nghèo. Đến tháng 4 năm 1956, bà con nông dân đã phấn khởi đi cấy thuê nhận ruộng; đây là một ngày hội của nông dân, chính thức làm chủ ruộng đồng. Cuộc cải cách ruộng đất ở Tân Đức đã cơ bản thắng lợi, chấm dứt vĩnh viễn nạn chiếm đoạt ruộng đất, nạn bóc lột của giai cấp địa chủ với nông dân hàng nghìn năm nay. Trong khi vừa tiến hành cải cách, các phong trào sản xuất, xây dựng tổ đổi công và bình dân học vụ vẫn phát triển và diễn ra sôi nổi.

Chủ trương, đường lối của Đảng về cải cách ruộng đất là hoàn toàn đúng đắn song do nhìn nhận không sát với thực tế về tình hình ruộng đất, về giai cấp địa chủ và tổ chức cơ sở Đảng ở địa phương trong cuộc kháng chiến vừa qua, nên trong công tác chỉ đạo thực hiện chỉ dựa vào lý thuyết, xa rời thực tế vì vậy đã mắc phải

một số sai lầm nghiêm trọng. Việc quy thành phần địa chủ theo tỷ lệ dân đã dẫn đến tình trạng một số người bị kích thành phần, kích diện tích ruộng đất, bị quy là phản động, bị đầu tố sai sự thật. Một số cán bộ đảng viên, bị nghi ngờ, bị xử lý oan, bị quy là địa chủ, bị tước Đảng tịch, đình chỉ công tác.

Trước tình hình trên, Đảng ta đã kịp phát hiện ra những sai lầm trong cải cách ruộng đất. Ngày 8 tháng 8 năm 1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Đảng, Chính phủ gửi thư cho đồng bào nông thôn và cán bộ, công khai thừa nhận sai lầm của cải cách ruộng đất, chỉnh đốn tổ chức, kêu gọi mọi người đoàn kết, kiên quyết sửa chữa sai lầm. Tháng 9 năm 1956, Hội nghị lần thứ 10 Ban chấp hành Trung ương Đảng đã nghiêm khắc kiểm điểm, rút kinh nghiệm về những sai lầm trong cải cách ruộng đất và đề ra chủ trương, biện pháp sửa sai.

Ở Tân Đức, năm 1957 công tác sửa sai mới được tiến hành do huyện Phú Bình được chuyển về tỉnh Thái Nguyên (huyện Phú Bình thuộc tỉnh Bắc Giang từ ngày 01 tháng 7 năm 1956 đến ngày 06 tháng 7 năm 1957) nhưng công tác sửa sai đã được thực hiện một cách triệt để, nghiêm túc. Dù gặp phải những vấn đề khá phức tạp trong công tác đền bù tài sản do ruộng đất, trâu bò của các hộ bản cổ nông được chia trong cải cách ruộng đất, đến khi sửa sai đã có sự thay đổi, chuyển nhượng mua bán thuộc quyền sở hữu của người khác; hoặc người được chia không còn khả năng trả lại, hay người bị quy oan lợi dụng đợt sửa sai đòi cả những diện tích không thuộc diện sửa sai. Từ đó dẫn đến tình

trạng căng thẳng, xung đột giữa các đối tượng, gây hoang mang, dao động nhân dân. Tuy nhiên với quyết tâm đền đúng người, làm đúng việc, đến cuối năm 1958 Tân Đức đã cơ bản hoàn thành công tác sửa sai. Hộ quy oan được hạ thành phần gia cấp, trao trả đầy đủ tài sản; gần 100 mẫu ruộng, hơn chục con trâu, bò cùng hàng chục tấn thóc được trả cho chủ cũ. Như vậy công tác sửa sai đã hoàn thành, kết thúc thắng lợi công cuộc cải cách ruộng đất, chế độ chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ phong kiến bị vĩnh viễn xóa bỏ, quyền sở hữu ruộng đất của nông dân đã được xác lập lại. Một số đồng chí đảng viên bị quy sai như Đào Minh Thư, Đào Duy Lộc... được trả lại chức vụ và phục hồi danh dự như trước.

Trong hai năm từ 1957 – 1958 song song với việc thực hiện các nhiệm vụ lớn, các mặt công tác khác được chi bộ Đảng chỉ đạo sát sao.

Trong công tác xây dựng Đảng: Chi bộ Đảng xã Tân Đức đã tổ chức các đợt sinh hoạt “*chỉnh đốn chi bộ*”. Nội dung chủ yếu là kiểm điểm ưu, khuyết điểm của từng đảng viên và của cả chi bộ về thực hiện nhiệm vụ trong chiến đấu, sản xuất và giữ gìn phẩm chất đạo đức. Thông qua đợt chỉnh đốn chi bộ, các đảng viên và tập thể đã thẳng thắn chỉ ra một số mặt còn tồn tại đó là: công tác chỉ đạo của chi bộ còn yếu, chưa đề ra được các biện pháp tích cực trong sản xuất như: thâm canh, tăng năng suất nên hiệu quả sản xuất còn thấp, hoạt động thủy lợi phục vụ sản xuất còn yếu kém. Hoạt động của các đoàn thể chưa mạnh và thiếu đồng đều... Cuộc vận động chỉnh đốn chi bộ Đảng diễn ra rất nghiêm túc, kiên quyết, nên đã có tác dụng làm cho cho nội bộ Đảng

trong sạch, tăng cường sức chiến đấu của Đảng, tăng cường trách nhiệm của chi bộ và từng đảng viên trước quần chúng nhân dân. Qua đó chi bộ và từng đảng viên đã thể hiện thái độ quyết tâm tích cực sửa chữa khuyết điểm và đoàn kết chặt chẽ nội bộ Đảng với nhân dân để khắc phục khó khăn, thực hiện tốt nhiệm vụ cách mạng trong tình hình mới.

Các phong trào bình dân học vụ, văn hóa, văn nghệ, giáo dục, vệ sinh phòng bệnh được phục hồi. Để còn em Tân Đức được đến trường trong điều kiện hòa bình, chi bộ và chính quyền các làng đã tổ chức xây dựng các lớp vỡ lòng. Để thanh toán nạn mù chữ và nâng cao trình độ cho nhân dân, xã đã thành lập Ban quản trị về bình dân học vụ và thành lập tổ giáo viên ở các làng. Trong thời gian này, phong trào bình dân học vụ ở Tân Đức rất sôi nổi như những ngày đầu giành chính quyền. Các đoàn thể quần chúng tiếp tục hoạt động mạnh. Hội nông dân đã vận động phong trào tổ đổi công để giúp đỡ nhau. Ở các làng còn cử một vệ sinh viên, thành lập một tủ thuốc để phòng và chữa bệnh cho nhân dân. Ngoài ra ở các làng có có các thông tin viên làm công tác tuyên truyền, phổ biến những chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ và địa phương tới nhân dân...

Như vậy trong ba năm, kể từ khi miền Bắc được giải phóng đến năm 1957, trong khoảng thời gian rất ngắn, cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Tân Đức đã khắc phục và vượt qua mọi khó khăn thử thách, nhất là khắc phục những hậu quả nặng nề do cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp để lại trên tất cả các lĩnh vực để từng bước ổn định xã hội, khôi phục và phát triển sản

xuất. Những thành tựu bước đầu trong việc hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế đã dần dần tạo ra những điều kiện để chi bộ Đảng và nhân dân Tân Đức bước vào thời kỳ thực hiện nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế - văn hóa xã hội toàn diện hơn trong những năm tiếp theo.

2. Tân Đức tiếp tục xây dựng tổ đổi công, phát triển phong trào hợp tác xã nông nghiệp (1958 - 1960)

Sau khi hoàn thành kế hoạch khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, cải cách ruộng đất và sửa sai thắng lợi. Bước sang năm 1958, chi bộ Đảng xã Tân Đức đã tiến hành nhiều phiên họp quan trọng nhằm tổng kết, đánh giá thành tựu đạt được qua một số năm khôi phục kinh tế, đồng thời đề ra chủ trương, biện pháp để đưa các phong trào ở địa phương tiếp tục tiến lên, phù hợp hơn với tình hình mới.

Quán triệt sự chỉ đạo của Đảng theo tinh thần Hội nghị lần thứ 14 (khóa 2) về đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp, lấy nông nghiệp làm khâu chính, đẩy mạnh cuộc vận động hợp tác hóa. Thời gian này phong trào tổ đổi công ở Tân Đức tiếp tục được duy trì, nhưng đã được phát triển với mức độ cao hơn. Tổ đổi công không chỉ dừng lại ở mức độ bình thường mà được phát triển cao hơn ở mức độ bình công chấm điểm, làm cho tổ đổi công thực sự cần thiết trong lối làm ăn tập thể và như một tiền đề để xây dựng hợp tác xã nông nghiệp sau này. Để tổ đổi công đi sâu, đi sát hơn, đầu năm 1958 chi bộ Đảng đã lãnh đạo nhân dân xây dựng tổ đổi công ở các cụm dân cư nhằm giúp đỡ nhau trong sản xuất, nhất là quan tâm đến hộ thiếu lao động hoặc ốm

đau, hoạn nạn, giúp họ cày bừa, cấy và thu hoạch, từ đó khơi dậy tính cộng đồng, tình làng nghĩa xóm, tôi lửa tắt đèn, sau là tập sự phương pháp quản lý điều hành để tiến tới xây dựng mô hình làm ăn tập thể. Chi bộ Đảng đã lựa chọn xóm Lũ làm nơi xây dựng tổ đổi công thí điểm để rút kinh nghiệm, sau nhân rộng ra toàn xã. Lúc đầu tổ đổi công chỉ có hơn 10 hộ tham gia, do ông Nguyễn Tiến Uông làm tổ trưởng. (Đây là hình thức sơ khai lao động mang tính tập thể, đơn giản, chấm công theo ngày (công nhật) đến hết vụ thì tiến hành tổng kết lại số công tham gia của từng hộ, sau khi bù trừ số nợ lại sẽ thanh toán bằng thóc, trung bình là 03kg thóc/công). Sau một vụ đầu tiên, tổ đổi công đã tổng kết rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm quý báu, trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm còn bộc lộ. Sau đó, mô hình tổ đổi công xóm Lũ được triển khai đồng loạt trong toàn xã, xóm nào cũng xây dựng tổ đổi công, mỗi xóm có từ 3 đến 5 tổ, mỗi tổ có quy mô từ 7 đến 12 hộ, cả xã đã có trên 80% số hộ tham gia tổ đổi công.

Từ khi xóm Lũ bắt đầu xây dựng tổ đổi công thí điểm đến khi tất cả các thôn xóm trong xã đều có tổ đổi công, nhân dân rất phấn khởi và tin tưởng sự chỉ đạo của các tổ trưởng cũng như rất tin tưởng là năng suất sản lượng vụ sau sẽ cao hơn vụ trước. Mặc dù hạn nặng xảy ra trong vụ mùa khiến sản lượng lương thực sụt giảm so với năm 1957 nhưng bà con nhân dân xã Tân Đức vẫn phấn khởi, hăng say trên đồng ruộng khắc phục khó khăn, chuẩn bị những điều kiện tốt hơn cho vụ tới. Bên cạnh phát triển sản xuất nông nghiệp đó,

chăn nuôi gia súc, gia cầm có bước phát triển mới, do vậy, số lượng trâu, bò, lợn đều tăng và vượt kế hoạch.

Cùng với cả tỉnh Thái Nguyên, qua hai năm đẩy mạnh phong trào phát triển tổ đổi công, hoạt động sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã Tân Đức đã có sự thay đổi căn bản. Tập quán canh tác lạc hậu được thay thế bằng phương thức sản xuất tiên tiến hơn. Việc cày sâu, cấy dày, phương pháp chăm sóc cho từng loại cây trồng đã được áp dụng. Kết quả sau mỗi vụ thu hoạch sản lượng thóc đều tăng trên dưới 10%, bước đầu một số hộ có nhiều ruộng đã đủ ăn, ngoài ra còn dành một phần cho chăn nuôi lợn, gà vịt. Hàng năm, số lượng và trọng lượng xuất chuồng của gia súc, gia cầm đều tăng. Từ chỗ cái đói thường xuyên đe dọa, đến chỗ chỉ diễn ra vài tháng trong năm, cái ăn, cái mặc của bà con nông dân được cải thiện hơn rất nhiều so với những năm trước đây. Nhu cầu ăn, mặc, học hành cũng từng bước được cải thiện, mùa hè nhân dân đã sắm được màn chống muỗi, mùa đông bà con đã có quần áo, chăn chống rét, một số hộ khá giả đã mua sắm được phương tiện phục vụ như giường nằm, bàn ghế bằng gỗ, lớn hơn nữa là đã xây dựng được nhà ở rộng rãi và chắc chắn hơn.

Năm 1960, theo Hiến pháp mới, nhân dân xã Tân Đức đã tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân khóa I theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu. Sau đó, Hội đồng đã phê duyệt đồng chí Hoàng Văn Hoán làm Chủ tịch, đồng chí Tô Văn Mỹ làm phó Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Năm 1960 căn cứ vào chủ trương của Trung ương, Tỉnh ủy Thái Nguyên quyết định tiến hành cuộc vận

động: “xây dựng hợp tác hóa kết hợp cải cách dân chủ”.
Yêu cầu của cuộc vận động là:

- Xây dựng và mở rộng phong trào hợp tác hóa tiến kịp với phong trào cách mạng chung của miền Bắc. Thủ tiêu nốt những tàn tích bóc lột phong kiến còn sót lại ở địa phương.

- Nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa và con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Giác ngộ sâu sắc lập trường giai cấp, nâng cao ý thức làm chủ tập thể của nông dân. Xác định được ranh giới rõ ràng giữa địa chủ và nông dân, giữa lao động và bóc lột.

- Giải quyết tốt những thành kiến, xích mích do đế quốc phong kiến còn để lại, giáo dục kỷ chính sách đại đoàn kết của Đảng cho nhân dân.

- Củng cố cơ sở Đảng, chính quyền, Đoàn Thanh niên lao động, công an, dân quân, ... phát triển Đảng ở hầu khắp khắp các xã trong huyện, tỉnh.

- Bài trừ dần những tàn tích văn hóa xã hội lạc hậu, nâng cao trình độ văn hóa, kiến thức phổ thông cho nhân dân.

Thực chất, cuộc vận động chính là thực hiện nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa và giải quyết những tồn tại còn lại của nhiệm vụ cách mạng dân tộc, đập tan nốt những tàn dư, thế lực chính trị và tư tưởng của địa chủ phong kiến, giải quyết sự chênh lệch về tài sản, trâu bò ruộng đất của một số địa chủ còn nhiều hơn nông dân. Hưởng ứng cuộc vận động trên, cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Tân Đức đã trở thành những chiến sỹ xung kích viết đơn tham gia hợp tác xã, 100% đảng viên ở Tân Đức tham gia phong trào làm ăn tập thể.

Qua cuộc vận động, cán bộ, đảng viên đã nắm vững phương châm vận động thuyết phục địa chủ, cường hào, làm cho các thành phần trong xã hội đều phải suy nghĩ về đường lối của Đảng, vì công bằng xã hội, để mọi người cùng suy nghĩ về cung cách làm ăn trong xã hội tiến bộ “*không còn người bóc lột người*”. Thông qua cuộc vận động, cán bộ, đảng viên xã Tân Đức đã trưởng thành cả về nhận thức và hành động. Nhờ vậy cuộc vận động đã trở thành bài học tốt cho công tác vận động quần chúng của Đảng bộ Tân Đức sau này.

Trong công tác xây dựng Đảng: Do có đường lối chỉ đạo đúng đắn, sát với tình hình thực tiễn nên chi bộ Đảng Tân Đức có bước trưởng thành về nhiều mặt. Các cơ sở Đảng tiếp tục được phát triển cả về số lượng và chất lượng. Đến năm 1959, chi bộ Đảng Tân Đức có 45 đảng viên, tất cả đảng viên đều được trải qua hai đợt chỉnh huấn chính trị, được học tập và kiểm tra theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 14 và 15. Do đó, ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa được nâng lên đáng kể. Nhìn chung, phần lớn đảng viên đều hăng hái đi đầu trong công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp, có tác động lôi cuốn, thúc đẩy quần chúng. Nhiều đồng chí tích cực, tận tụy công tác được quần chúng tín nhiệm, yêu quý. Số đảng viên thiếu gương mẫu, chây lười công tác chỉ chiếm một số lượng rất ít.

Thực hiện chỉ thị số 07 ngày 26 tháng 8 năm 1958 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên “*Về việc xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và đẩy mạnh phát triển tổ đổi công, phát triển sản xuất chuẩn bị cho*

việc mở rộng hợp tác xã sau này". Chi bộ Đảng xã Tân Đức đã thành lập Ban vận động hướng dẫn các hộ nông dân tự nguyện làm đơn xin vào hợp tác xã nông nghiệp. Trong vòng 3 tháng, hết quý I năm 1960, các hợp tác xã xóm Quẩn, Ngò Thái, Lũa, Ngọc Lý, Vàng, Lành, Quại, Diễn, Ngoài, Viên được thành lập. Đây là các hợp tác xã bậc thấp, quy mô nhỏ. Sau khi thành lập các hợp tác xã bậc thấp, các xóm đều tiến hành Đại hội để bầu Ban Quản trị, Ban kiểm soát của các hợp tác xã.

Ngay khi vừa ra đời, việc đầu tiên của các hợp tác xã là phân vùng ruộng đất để sản xuất theo quy hoạch và kế hoạch với quy mô tập trung, số còn lại chia đất 5% cho lao động làm nguồn phụ thu hỗ trợ kinh tế xã viên. Sau đó, các hợp tác xã đã mua sắm thêm sức kéo và nông cụ để phục vụ sản xuất kịp thời vụ, triển khai làm đường giao thông nội đồng, nạo vét, đào đắp, sửa chữa mương máng để chủ động tưới tiêu, đảm bảo chống hạn, cho cây trồng quanh năm.

Để làm tốt công tác vận động quần chúng, giúp nhân dân hiểu rõ về đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước,...chi bộ Đảng đã tổ chức cho nhân dân học tập điều lệ hợp tác xã nông nghiệp. Việc phân công lao động trong các hợp tác xã được tổ chức hợp lý, nhằm đảm bảo những nhu cầu cơ bản trong đời sống của bà con, đồng thời cũng quan tâm đến các gia đình chính sách, người có công với cách mạng. Ngoài ra, hợp tác xã còn trích một phần ruộng đất bằng 5% dành cho các khẩu sinh năm 1960 trở về trước, mỗi khẩu 120m² ruộng 2 vụ lúa, và trích 10% hoa lợi cho các hộ có ruộng công hữu khi vào hợp tác xã nông nghiệp sau mỗi vụ thu

hoạch bằng thóc. Các nội dung trên đã phù hợp với quy luật phát triển kinh tế, đảm bảo hài hòa cả 3 lợi ích: Nhà nước, tập thể và người lao động. Vì vậy, đến hết năm 1962 toàn xã có trên 95% hộ nông dân đã trở thành xã viên của hợp tác xã nông nghiệp, chỉ còn 9 hộ sản xuất cá thể. Giai đoạn này, nhà nhà, người người đều phấn khởi hăng hái tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, thu nhập của các hộ xã viên cao hơn khi còn làm ăn cá thể, đời sống nhân dân được cải thiện, tạo điều kiện cho văn hoá, giáo dục, y tế đạt được những tiến bộ đáng kể.

Đi đôi với việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, lĩnh vực văn hóa xã hội được chỉ bộ Đảng quan tâm phát triển. Theo sự chỉ đạo của Đảng bộ cấp trên, công tác văn hóa phải đi sâu vào thôn xóm, nhằm giáo dục tinh thần yêu nước, ý thức đoàn kết tương trợ giữa các dân tộc, nâng cao dân trình độ văn hóa cho mọi người dân, động viên các tầng lớp nhân dân hăng hái tham gia lao động xây dựng quê hương, đất nước. Đáp ứng các nhu cầu nâng cao văn hóa trong nhân dân, chỉ bộ Đảng đã khuyến khích và tạo điều kiện để các đội văn nghệ trong các xóm, làng được thành lập, sau đó tổ chức biểu diễn, góp phần cải thiện đời sống tinh thần, tạo một không khí xóm làng vui tươi, lành mạnh. Mạng lưới thông tin tuyên truyền được chấn chỉnh từ huyện đến các xã do đó hoạt động đi dần vào nền nếp, kịp thời cập nhật, phổ biến những tin tức thời sự thế giới và tình hình trong nước đến mọi người dân.

Riêng công tác giáo dục, chỉ bộ và các cấp uỷ Đảng luôn tạo điều kiện tối đa để các thầy cô giáo được tham gia vào các lớp bồi dưỡng chính trị do huyện tổ chức

nhằm nâng cao nhận thức về tình hình và nhiệm vụ cách mạng cho các thầy, cô giáo. Trong các nhà trường phổ thông, ngoài công tác giảng dạy và học tập văn hóa, thầy và trò đều tham gia lao động sản xuất, tổ chức giúp bà con nông dân làm phân xanh, trừ sâu cắn lúa...

Để công tác giáo dục được phát triển hơn nữa, được sự quan tâm của cấp trên, năm 1961 xã Tân Đức tiến hành xây dựng trường cấp II mang tên Kim Đồng tại xóm Diên Cầu hiện nay, đánh dấu một bước phát triển mới trong sự nghiệp giáo dục của xã.

Để phổ cập văn hóa cho nhân dân, ngoài trường cấp II chính quy của xã với 2 lớp 5, hai lớp 6 và một lớp 7. Vào buổi trưa, ở các thôn xóm còn có nhiều lớp học bổ túc văn hóa từ lớp 1 đến lớp 4 cho những người trung niên do hợp tác xã nông nghiệp đứng ra tổ chức, nhằm xóa mù chữ cho lớp người trong độ tuổi lao động, giúp xã viên biết chữ để thuận tiện cho sinh hoạt và sản xuất. Những người dạy hoàn toàn tự nguyện, không nhận thù lao. Nhà trường đứng ra trang bị sách giáo khoa cho học sinh và đồ dùng giảng dạy cho giáo viên. Đến năm 1962, về cơ bản các xã trong toàn huyện Phú Bình, trong đó có Tân Đức đã hoàn thành việc thanh toán nạn mù chữ trong toàn dân.

Lĩnh vực y tế được đầu tư cơ bản: Từ nguồn kinh phí do Nhà nước cấp và các hợp tác xã nông nghiệp tham gia đóng góp, xã Tân Đức đã xây dựng Trạm với quy mô 5 gian, diện tích sử dụng vào khoảng 70m². Tuy chưa phải là kiên cố, nhưng cơ sở hạ tầng mới đã góp phần quan trọng trong công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Trước đây, mỗi khi ốm đau, bệnh tật nhân

dân đều phải mua thuốc của tư nhân thì nay trạm xá đã mua sắm đủ thuốc để cấp phát thuốc miễn phí cho bà con nhằm phòng và chữa các bệnh thông thường. Trạm xá xã luôn có 2 đến 3 nhân viên chuyên môn giúp đỡ các sản phụ khi sinh nở. Để giúp các sản phụ yên tâm sinh nở, tập thể đã hỗ trợ 20 ngày công và 50 kg thóc cho mỗi ca sinh đẻ. Đây là một cố gắng rất lớn của chi bộ Đảng và nhân dân xã Tân Đức.

Tuy hòa bình được lập lại trên miền Bắc, nhưng kẻ thù vẫn tìm mọi cách phá hoại, cản trở công cuộc khôi phục kinh tế của nhân dân ta. Để đảm bảo công tác an ninh trật tự trên quê hương, xã Tân Đức đã cử cán bộ xã đội tham dự các lớp huấn luyện ngắn hạn do Huyện đội Phú Bình tổ chức. Lực lượng dân quân, du kích xã được củng cố, tăng cường, dựa vào nhân dân đấu tranh chống bọn tay sai do địch cài cắm tại địa phương để phá hoại cách mạng. Tình hình trật tự trị an của xã trong thời gian này luôn được đảm bảo.

Trong khi cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Tân Đức cùng nhân dân miền Bắc hăng hái thực hiện xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, thì tại miền Nam đế quốc Mỹ cùng bè lũ tay sai Ngô Đình Diệm ra sức đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân, điên cuồng hô hét “*Bắc tiến*”. Quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (tháng 5 năm 1959) về đường lối nhiệm vụ đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, chi bộ Đảng xã Tân Đức thường xuyên giáo dục cán bộ, đảng viên, lực lượng bán vũ trang và nhân dân địa phương nâng cao cảnh giác, tăng cường công tác an ninh chống mọi âm mưu thủ đoạn của kẻ thù, hết lòng ủng hộ

đồng bào miền Nam. Mạng lưới an ninh nhân dân được xây dựng và không ngừng củng cố, lực lượng bán vũ trang nhân dân ngày càng phát triển mạnh, hàng năm các lực lượng này đều được huấn luyện và củng cố về tổ chức làm nòng cốt trong việc giữ gìn an ninh bảo vệ xóm làng.

Sau ba năm nỗ lực phấn đấu, vừa cải tạo, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội (1958 - 1960), cán bộ, đảng viên và nhân dân Tân Đức đã đạt được những kết quả to lớn trên nhiều mặt, nhiều lĩnh vực. Cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã đã thay đổi, đời sống của nhân dân được cải thiện, diện mạo miền quê xã Tân Đức đổi mới từng ngày. Nhưng quan trọng hơn là Tân Đức đã xác lập được một hình thái kinh tế - xã hội mới. Đó là một bước chuyển biến sâu sắc trên mọi mặt sản xuất và đời sống xã hội, tạo tiền đề cho toàn xã bước vào một giai đoạn mới để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, tiếp tục thực hiện cải cách để góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và chi viện cho kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, Tân Đức còn bộc lộ nhiều nhược điểm khiến các phong trào chưa thật vững chắc. Để ổn định hơn, chi bộ Đảng xã Tân Đức đã có các biện pháp chỉ đạo kịp thời, củng cố thêm quan hệ sản xuất mới ở nông thôn, tăng cường xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, từng bước nâng cao năng lực lãnh đạo. Những kết quả thắng lợi của 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa chính là tiền đề quan trọng để chi bộ và nhân dân xã Tân Đức tiếp tục tiến lên thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất.

3. Đảng bộ xã Tân Đức lãnh đạo nhân dân thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 – 1965)

Sau 3 năm thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước đầu phát triển kinh tế, văn hóa (1958 – 1960), miền Bắc nước ta đã có nhiều thay đổi. Tuy nhiên đó vẫn chỉ là nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, năng suất thấp.

Từ ngày mùng 5 đến ngày 12 tháng 9 năm 1960, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam diễn ra ở thủ đô Hà Nội. Đây là sự kiện vô cùng quan trọng trong đời sống chính trị của toàn Đảng, toàn dân ta. Đại hội đã phân tích tình hình trong nước và quốc tế, vạch ra nhiệm vụ chiến lược của cách mạng cả nước và nhiệm vụ cụ thể của cách mạng hai miền Nam – Bắc. Đồng thời đại hội đề ra nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 – 1965) là: phần đầu xây dựng bước đầu cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa. Mục đích của kế hoạch 5 năm, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ là làm cho bà con nông dân biết mình là người làm chủ tập thể, làm chủ hợp tác xã, làm chủ nhà nước, mà đã làm chủ thì phải đoàn kết để tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của mình.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III và Nghị quyết đại hội Đảng bộ khu tự trị Việt bắc lần thứ II, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ VI (10 - 18/3/1961) ra Nghị quyết nêu rõ nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa trong thời kỳ thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965): “*Ra sức phát triển nông*

ng nghiệp toàn diện, phát triển lâm nghiệp, đồng thời tích cực phát triển công nghiệp địa phương, trên cơ sở củng cố và hoàn thành tốt công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ. Hai nhiệm vụ phát triển công nghiệp và củng cố, phát triển phong trào hợp tác hóa nông nghiệp là hai nhiệm vụ trung tâm, gắn chặt với nhau, thúc đẩy nhau phát triển, nhằm dần dần đảm bảo được những nhu cầu chính về lương thực, thực phẩm, về nông cụ cải tiến, nông cụ thường và hàng tiêu dùng trong tỉnh, góp phần tích cực phục vụ nhu cầu kiến thiết cơ bản, phát triển công nghiệp, nông nghiệp, thăm dò khảo sát xây dựng của trung ương ở tỉnh được thuận lợi. Đồng thời ra sức phát triển văn hóa, đào tạo cán bộ cho phong trào hợp tác hóa và công nhân biết nghề; điều tra, nghiên cứu thăm dò tài nguyên, làm cho kế hoạch 5 năm ở tỉnh ta hoàn thành tốt và trước thời hạn”(1).

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI cũng đề ra nội dung, phương hướng, nhiệm vụ và những chỉ tiêu cơ bản, những biện pháp thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong kế hoạch 5 năm (1961 -1965); xác định công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ hàng đầu, công tác củng cố chính quyền, củng cố các đoàn thể quần chúng, củng cố quốc phòng, an ninh là những nhiệm vụ quan trọng có tính quyết định đến việc hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa ở địa phương.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy ban thống nhất, mỗi tỉnh miền Bắc kết nghĩa với một tỉnh Miền Nam là thể hiện sâu sắc tính dân tộc, tính thống nhất như Chủ tịch

¹ Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên. Tập I (1936-1965), 2003, tr, 249,350.

Hồ Chí Minh đã nói “*Miền Nam là máu, là thịt của Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn. Song chân lý đó không bao giờ thay đổi...*” tỉnh Thái Nguyên kết nghĩa với tỉnh Khánh Hòa, nhân dân Thái Nguyên vừa tiến hành xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh vừa chi viện sức người, sức của cho Miền nam, làm tiền đề để đấu tranh thống nhất Tổ quốc.

Để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, ngay từ đầu năm 1961, cùng với nhân dân các dân tộc huyện Phú Bình, chi bộ Đảng và nhân dân xã Tân Đức bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất với khí thế sôi động. Hưởng ứng chiến dịch Đại vận động sản xuất Đông - Xuân (1960 - 1961) do Ủy ban hành chính tỉnh phát động: “*Phát cao cờ hồng, quyết thắng Đông Xuân, tiến quân toàn diện*”, nhằm mục tiêu phát triển nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc, làm cơ sở cho sự phát triển công nghiệp. Đến cuối năm 1961, chi bộ Đảng đã lãnh đạo nhân dân tích cực tham gia các phong trào thi đua, các chiến dịch do tỉnh phát động như: “*Gió Đại Phong trong nông nghiệp, sóng Duyên Hải khai thác nghề cá,*”, ra sức phấn đấu để “*cót đầy thóc, bờ đầy khoai, đồi cỏ xanh tươi, trâu bò béo khỏe, ao hồ đầy tôm cá, để không ngừng nâng cao đời sống nhân dân*”(1). Tân Đức cũng tổ chức các chiến dịch nhằm đẩy mạnh phong trào thi đua giữa hậu phương miền Bắc với tiền tuyến miền Nam.

¹ Nghị quyết phát động Chiến dịch Đại vận động sản xuất Đông Xuân 1960 - 1961 của Ủy ban hành chính tỉnh Thái Nguyên, ngày 14/10/1960.

Tiến quân vào củng cố các hợp tác xã nông nghiệp, hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ Tịch: “*Mùa xuân là tết trồng cây, làm cho đất nước càng ngày càng xuân*”, tết Nhâm Dần, các hợp tác xã đều tổ chức trồng cây lấy gỗ ở các tuyến đường giao thông, các gò đồi trồng để phủ xanh tạo bóng mát và sau này là lấy gỗ, đáp ứng xây dựng các công trình phúc lợi như nhà kho, nhà trẻ... hàng vạn cây đã được trồng do các cụ phụ lão nhận trông nom, chăm sóc và trở thành tiền lệ hàng năm trên miền Bắc, năm sau trồng nhiều hơn năm trước.

Từ đầu năm 1962, tiếp theo đợt 2 chiến dịch “*Thi đua 10 giỏi*” do Tỉnh ủy Thái Nguyên phát động, nhân dân Tân Đức tiếp tục tham gia vào 2 đợt thi đua do Huyện ủy phát động đó là: “*Tiến quân vào củng cố hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất Đông – Xuân đón mừng Xuân 1962*” (từ ngày 1/1 – 15/1/1962) và thi đua “*Lấy thành tích kỷ niệm ngày thành lập Đảng, ngày 3 tháng 2 và lấy thành tích chào mừng Đại hội Đảng bộ huyện*” (từ ngày 15/1 – 15/2/1962). Vừa kết thúc thắng lợi 2 đợt thi đua, sau đại hội Đảng bộ huyện Phú Bình lần thứ IX (2/1962), nhân dân Tân Đức cùng nhân dân các xã trong huyện Phú Bình lại tiếp tục bước vào 6 đợt thi đua do huyện ủy liên tiếp phát động.

- Đợt thi đua “*Khuếch trương chiến quả của Đại hội Đảng bộ huyện, đẩy mạnh công tác trước mắt*” (từ ngày 25/2 – 15/3/1962).

- Đợt thi đua “*Dọn hết phân ra đồng bón cho lúa chiêm, làm cỏ sục bùn đẩy mạnh tăng năng suất lúa*” (từ ngày 21/3 – 5/4/1962).

- Đợt thi đua “*Đẩy mạnh hoàn thành vụ sản*

xuất Đông – Xuân và chuẩn bị cho vụ Thu” (từ ngày 6/4 – 20/4/1962).

- Đợt thi đua “Nâng cao khí thế cách mạng của ngày 1 tháng 5, đẩy mạnh sản xuất, lấy thành tích kỷ niệm sinh nhật Hồ Chủ Tịch” (từ ngày 1/5 – 19/5/1962).

- Đợt thi đua “Đẩy mạnh sản xuất, củng cố cải tiến quản lý hợp tác xã để chào mừng ngày kỷ niệm cách mạng tháng Tám” (từ ngày 19/5 – 19/8/1962).

- Đợt “Thi đua với Hợp tác xã Đại Phong, đẩy mạnh phong trào thi đua thực hiện vụ mùa 4 nhất” (từ ngày 20/8 – 20/11).

Bên cạnh việc phát triển các hợp tác xã nông nghiệp, Ủy ban hành chính xã và các hợp tác xã đã tổ chức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong toàn xã tiến hành học tập, sau đó tham gia góp vốn xây dựng hợp tác xã mua bán. Ban đầu Tân Đức được huyện Phú Bình quan tâm xây dựng một cửa hàng cung tiêu tại chợ trung tâm của xã. Ngoài chức năng là kho chung chuyển cung cấp cho các xã lân cận, cửa hàng còn bán lẻ các mặt hàng thiết yếu như: Vải, quần áo, muối, dầu hỏa và các đồ dùng gia đình và nông cụ, phân bón cho sản xuất nông nghiệp, giúp giảm ngày công lao động phải đi xa. Cửa hàng cũng là điểm thu mua các mặt hàng nông sản do nông dân sản xuất được đem bán rất tiện lợi, tạo điều kiện để bà con tập trung vào lao động tăng gia sản xuất.

Trong phát triển hợp tác xã, công tác quản lý thị trường bắt đầu được hình thành, chợ Tân Đức đã có Ban quản lý do nhân dân cử ra, hoạt động khá hiệu quả, giúp chính quyền và các ngành thương nghiệp kiểm soát các mặt hàng do Nhà nước độc quyền quản lý và phân phối,

ngăn chặn và xử lý các trường hợp buôn gian, bán lậu, làm hàng giả kém chất lượng.

Công tác đảm bảo an ninh, chính trị lúc này là một trong những nhiệm vụ trọng điểm của chi bộ Đảng, vì vậy chi bộ đã tập trung lãnh đạo công tác tuyên truyền cho nhân dân thấy rõ âm mưu, thủ đoạn của các thế lực phản động ngấm ngầm hoạt động như: Viết truyền đơn, khẩu hiệu xuyên tạc đường lối chính sách, nói xấu, bôi nhọ sự thật đối với chế độ xã hội, kích động, chia rẽ trong đội ngũ cán bộ đảng viên và xúi giục nhân dân cô lập những cán bộ nhiệt tình, năng nổ, thẳng thắn, có bản lĩnh trong công việc hàng ngày nhằm phá vỡ quan hệ sản xuất trong hợp tác xã, gây hoang mang cho nhân dân.

Những hành động chống phá của chúng đã bị ta kịp thời phát hiện và có thái độ dứt khoát, giúp các cơ quan bảo vệ pháp luật làm rõ âm mưu, thủ đoạn và có phương án xử lý tích cực nhất, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên phạm vi toàn xã, được xã viên tin tưởng, yên tâm sản xuất.

Thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất với trọng tâm xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể, đời sống kinh tế xã hội ở Tân Đức đã thay đổi đáng kể; cuộc sống của người có công với cách mạng được quan tâm hơn; văn hóa, giáo dục, y tế có bước phát triển; quốc phòng và an ninh trên địa bàn xã ổn định hơn trước...

Trong quá trình hợp tác hóa bậc thấp, các hợp tác xã mặc dù còn bộc lộ một vài bất cập như: Phương thức canh tác, công cụ sản xuất chưa có sự thay đổi lớn.

Những tiến bộ khoa học kỹ thuật áp dụng vào quy trình sản xuất, ứng dụng tại các hợp tác xã còn nghèo nàn, chủ yếu còn ở trình độ sơ khai. Ý thức làm chủ tập thể của xã viên trong các hợp tác xã còn có những hạn chế nhất định dẫn đến tình trạng “dong công, phóng điểm”, làm dối, làm ẩu từ khi gieo mạ, làm đất... Bên cạnh đó lại chưa chú trọng đến công tác xây dựng cơ bản, đường, trường, trạm còn dừng lại ở quy mô nhỏ. Thêm nữa sự bất cập nhất định trong công tác quản lý, điều hành, thiếu công bằng đã làm cho xã viên kém thiết tha, nhiệt tình với đồng ruộng, hợp tác xã không quản lý và điều hành được nhân lực, dẫn đến nhiều hoạt động bị trì trệ.

Tất cả những vấn đề trên là nguyên nhân làm cho phong trào hợp tác hóa ở Tân Đức ngày càng sút kém: Việc gieo trồng, thu hoạch không kịp thời vụ; giá trị ngày công lao động và thu nhập thực tế của xã viên cũng ngày càng thấp, dẫn đến tình trạng số xã viên xin ra khỏi hợp tác xã ngày càng tăng lên. Vì vậy, vấn đề củng cố phong trào hợp tác hóa trở thành nhiệm vụ cấp bách đối với Đảng bộ huyện Phú Bình nói chung và chi bộ Đảng xã Tân Đức nói riêng.

Trong bối cảnh lịch sử đó, tháng 3 năm 1963 Đảng bộ xã Tân Đức được thành lập tại nhà ông Đào Văn Kế và bà Ngô Thị Hải (xóm Ngoài). Đây là mốc son đánh dấu sự phát triển vượt bậc của chi bộ Đảng xã Tân Đức cả lượng và chất. Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời gồm 8 đồng chí do đồng chí Dương Văn Vượng làm Bí thư; các đồng chí Hoàng Văn Hoán - Chủ tịch, Phùng Văn Lâm - Xã đội trưởng, Tô Văn Mỹ - Phó Chủ tịch, Nguyễn Hữu Cần - Ủy viên thường trực, Hoàng Văn

Tường – Chính trị viên xã đội, Vũ Đình Hoạt, Đào Thị Soạn - Ủy viên. Trực thuộc Đảng bộ Tân Đức là 4 chi bộ: Chi bộ Tân Sơn do đồng chí Nguyễn Văn Xây làm Bí thư, chi bộ Cầu Thịnh do đồng chí Dương Hồng Việt làm Bí thư, chi bộ Liên Ngọc do đồng chí Hoàng Văn Ngoạn làm Bí thư, chi bộ Đức Thịnh do đồng chí Vũ Đình Hoạt làm Bí thư. Đảng bộ xã ra đời, tổ chức Đảng được củng cố và kiện toàn thêm một bước là điều kiện thuận lợi để Tân Đức hoàn thành các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội trên quê hương.

Ngay sau khi kiện toàn hệ thống tổ chức, để khắc phục những yếu kém còn tồn tại trong các hợp tác xã, Đảng bộ đã tiến hành nghiên cứu thực hiện Nghị quyết số 70 - NQ/TW ngày 19 tháng 2 năm 1963 của Bộ chính trị về “ *Cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp toàn diện mạnh mẽ và vững chắc...*”. Trong khi làm công tác điều tra, Đảng bộ đã tập hợp phân tích số liệu lịch sử qua 3 năm xây dựng hợp tác xã bậc thấp để có căn cứ khoa học lập các kế hoạch, quy hoạch phục vụ cho quy mô hợp tác xã liên thôn, liên xóm, tiến hành khoán định mức công điểm ở tất cả các khâu trong một quy trình sản xuất nông nghiệp, phân công lao động, xây dựng chuồng trại chăn nuôi tập trung, quản lý mặt nước ao hồ chăn thả cá, phát triển ngành nghề phụ, chăm sóc và trồng thêm các loại cây tập trung, cũng như phân tán. Để làm tốt các công việc trên, lãnh đạo xã đã tổ chức các đoàn thể đi thăm quan các mô hình sản xuất, quản lý giỏi trong tỉnh, ngoài tỉnh và cử những cán bộ trẻ theo học các lớp đào tạo ngắn hạn để làm nòng cốt sắp xếp vào các vị trí lãnh đạo, điều hành

của hợp tác xã sau này phù hợp với những quy mô mở rộng. Hưởng ứng lời kêu gọi của Bác Hồ với khí thế thi đua “*Mỗi người làm việc bằng hai vì đồng bào Miền Nam ruột thịt ...*” Toàn xã đã đề ra nhiều chiến dịch làm đường giao thông liên xóm, nội đồng, sửa chữa nạo vét mương máng, mở rộng diện tích thả bèo hoa dâu, phần lớn đều do lực lượng đoàn viên và thanh niên làm nòng cốt. Trong các đợt thi đua này, nhiều tấm gương tiêu biểu xuất hiện đã được chọn để bồi dưỡng, giúp họ phấn đấu để trở thành những đảng viên trung kiên của Đảng. Vì vậy, trong những năm 1964 – 1965, Đảng bộ đã kết nạp thêm được hàng chục đảng viên mới.

Lúc này, ở miền Nam chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*” của đế quốc Mỹ đang có nguy cơ bị phá sản hoàn toàn. Ngày 5 tháng 8 năm 1964 không quân và hải quân của Mỹ, bắt đầu khai chiến bằng không lực vào hải phận miền Bắc xã hội chủ nghĩa, phần nào đã gây tâm lý hoang mang trong nhân dân. Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát, kịp thời của cấp trên, cùng với sự quyết tâm của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong toàn xã, nhân dân Tân Đức tiếp tục phấn đấu thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu chống lại chiến tranh phá hoại của Mỹ khi được lệnh.

Để khắc phục hạn chế của các hợp tác xã nhỏ, quý I năm 1965, Tân Đức đã tiến hành hợp nhất 10 hợp tác xã nhỏ ở từng xóm thành 4 hợp tác xã liên xóm. Đó là: Hợp tác xã Tân Sơn (gồm các xóm: Quẩn, Ngò Thái, Lũa, Ngọc Sơn) do đồng chí Nguyễn Văn Xây làm Chủ nhiệm; hợp tác xã Liên Ngọc (gồm các xóm: Tân Ngọc, Ngọc Lý, Vàng, Trại Vàng, Tân Lập) do đồng chí Hoàng

Văn Tường làm Chủ nhiệm; hợp tác xã Đức Thịnh (gồm các xóm: Phúc Thịnh, Lành, Quại) do đồng chí Nguyễn Hữu Thấp làm Chủ nhiệm; và hợp tác xã Cầu Thịnh; (gồm các xóm: Diễn Cầu, Diễn, Ngoài Viên và Tân Thịnh (1) do đồng chí Dương Duy Lệ làm Chủ nhiệm.

Quy mô hợp tác xã phát triển cao hơn, các hoạt động sản xuất dần trở lại ổn định, các định mức khoán cho lao động đã được điều chỉnh sát với thực tế hơn, chăn nuôi có chiều hướng phát triển tốt, nguồn phân tại chỗ tăng, Nhà nước cũng đầu tư các loại phân vô cơ khá kịp thời tạo điều kiện thúc đẩy sự phát triển của các giống cây trồng trong xã. Các cán bộ chuyên môn đã đi sâu đi sát vào từng cơ sở để chỉ đạo và chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp. Vì vậy, năng suất các loại cây trồng, vật nuôi đều tăng. Sản phẩm được phân phối công khai minh bạch, đáp ứng nhu cầu cơ bản và cải thiện đời sống các xã viên làm cho nhân dân phấn khởi, tham gia lao động tích cực hơn.

Nếu như trước đây, mỗi hợp tác xã thôn xóm có một tổ Đảng lãnh đạo thì hiện nay các hợp tác xã thôn xóm và các đoàn thể đều được các chi bộ trực tiếp lãnh đạo, vì vậy các chủ trương, biện pháp đề ra đã sát và phù hợp hơn với thực tiễn của địa phương.

Xuất phát từ yêu cầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1965, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã có Nghị quyết phê chuẩn hợp nhất 2 tỉnh Bắc Cạn và Thái Nguyên thành tỉnh Bắc Thái. Ngày 01 tháng 7 năm 1965 các cơ quan của tỉnh Bắc Thái chính thức đi vào hoạt động trong điều kiện mới: vừa lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, các cấp tiếp tục hoàn thành các

mục tiêu kinh tế xã hội của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất; vừa triển khai các phương án phòng không, sơ tán đảm bảo giữ vững an ninh chính trị địa bàn, sẵn sàng đánh trả các cuộc tập kích bằng không quân của đế quốc Mỹ xâm lược vùng trời, vùng đất của Bắc Thái.

Ngày mừng 8 tháng 7 năm 1965, Ủy ban hành chính tỉnh ra chỉ thị phòng không nhân dân và tổ chức đợt tuyển quân phục vụ thời chiến. Tân Đức là vùng quê xa các khu công nghiệp, xa đường quốc lộ và các mục tiêu quan trọng về quân sự, vì thế xã đã được chọn làm nơi sơ tán của các lực lượng vũ trang và trường học của nhà nước chuyển về. Tháng 8 năm 1965, Tân Đức đã đón tiếp một đơn vị thuộc đoàn 250 sau này là sư đoàn 304B Quân khu Việt Bắc về trú quân huấn luyện bổ sung cho chiến trường miền Nam (gọi tắt là B) thuộc. Sau đó, trong suốt 9 năm 1965 - 1974 lúc nào Tân Đức cũng có các đơn vị bộ đội về đóng quân, huấn luyện quân sự, mỗi đợt thường kéo dài từ 3 đến 6 tháng. Mỗi khi có bộ đội về làng, không khí thôn xóm lúc nào cũng vui nhộn hẳn lên, tình cảm quân dân luôn thắm thiết như cá với nước. Dân nhường nhà cho bộ đội ở, ủng hộ cây tre, bó lạt để anh em làm lớp học và huấn luyện, dựng nhà ăn, nhà bếp cho đại đội. Ngược lại, bộ đội giúp đỡ các gia đình chính sách lợp nhà, đào giao thông hào, hố tránh máy bay ném bom, bắn rốc két. Bộ đội cũng cử các giáo viên huấn luyện dân quân, làm công tác dân vận trong các gia đình trú quân và kết nghĩa với các tổ chức thanh niên địa phương. Trong thời gian các đơn vị đóng quân tại địa phương, các đồng chí bộ đội đã làm tốt khẩu hiệu: Đi dân nhớ, ở dân thương, quân với dân chung một

ý chí, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Để phục vụ cho cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, trên địa bàn xã Tân Đức đã diễn ra nhiều đợt tiễn đưa con em lên đường làm nhiệm vụ. Tháng 5 năm 1965, các đồng chí cán bộ đã phục viên đều tái ngũ vào các chiến trường. Số anh em tân binh còn lại, nhiều đồng chí đã có vợ, có con nhưng vẫn quyết tâm tham gia quân đội, trở thành lực lượng quan trọng bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Không ngại hy sinh, gian khổ, các đồng chí sẵn sàng lên đường hành quân vào các chiến trường B - C - K để trực tiếp tham gia chiến đấu.

Ở hậu phương, Hội phụ nữ phát động phong trào “3 đảm đang”, nhiều chị em đã thay chồng gánh vác việc nước, việc xã hội và gia đình. Các chị là nguồn động viên chồng, con yên tâm học tập, công tác và chiến đấu.

Thực hiện thi đua với tiền tuyến, tất cả vì miền Nam ruột thịt, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, hậu phương Tân Đức quyết tâm xây dựng và phát triển kinh tế trong thời kỳ mới. Đoàn thanh niên xã đã phát huy tốt vai trò xung kích trên mặt trận sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp với khí thế sục sôi của thế hệ thanh niên “3 sẵn sàng”. Trong các hợp tác xã, đoàn viên thanh niên luôn đi đầu trong phong trào làm thủy lợi, tích cực áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật (cây thẳng hàng, dùng cào cỏ cải tiến, ươm bèo hoa dâu, chọn và xử lý giống...) vào sản xuất. Đặc biệt trong phong trào làm thủy lợi, làm phân bón ruộng, thanh niên là lực lượng nòng cốt, chiếm từ 80% – 90% dân số. Trong vụ Đông – Xuân 1963 – 1964, Đoàn thanh niên

xã Tân Đức được Huyện đoàn công nhận là đơn vị điển hình, đi đầu trong việc đắp bờ vùng, bờ thửa, góp phần nâng cao năng suất và sản lượng lúa.

Như vậy, qua 5 năm vừa xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của chi bộ Đảng, nhân dân xã Tân Đức đã vượt qua khó khăn, đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ. Có thể nói, việc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) đã làm thay đổi diện mạo của quê hương, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp đã cơ bản hoàn thành, bước đầu đã xây dựng cơ sở vật chất và tinh thần cho nhân dân, đóng góp nghĩa vụ đối với Nhà nước. Đặc biệt là sự phát triển mạnh mẽ, toàn diện cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức của Đảng bộ. Những thành tích đó có ý nghĩa quan trọng cho nhân dân Tân Đức, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong thời kỳ mới, thời kỳ vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, chi viện sức người, sức của cho cách mạng miền Nam. Đồng thời, góp phần vào sự thay đổi to lớn của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết tại Hội nghị chính trị đặc biệt, tháng 3 năm 1964: Mười năm qua, miền Bắc nước ta đã tiến những bước dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc; đất nước, xã hội, con người đều đổi mới. Những thành tích đạt được đã tạo cơ sở vững chắc để Đảng bộ và nhân dân xã Tân Đức tiếp tục vươn lên, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ sản

xuất, sẵn sàng chiến đấu trong giai đoạn gay go quyết liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

II. Đảng bộ xã Tân Đức lãnh đạo xây dựng hậu phương vững mạnh, góp phần vào thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước (1965 - 1975)

1. Nhân dân xã Tân Đức tham gia chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (1965 - 1968)

Trong khi nhân dân miền Bắc đang giành được nhiều thắng lợi to lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội thì đồng bào miền Nam đã anh dũng đấu tranh chống lại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ. Sau thất bại nặng nề trong chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*”, từ cuối năm 1964, đế quốc Mỹ điên cuồng thực hiện chiến lược “*Chiến tranh cục bộ*” với hy vọng giành lại thế chủ động trên chiến trường, thủ tiêu lực lượng quân sự và ý chí chiến đấu của quân và dân ta.

Sau khi dựng lên sự kiện “*Vịnh Bắc Bộ*”, ngày 5 tháng 8 năm 1964 đế quốc Mỹ cho không quân ném bom bắn phá một số nơi trên miền Bắc, như cửa sông Gianh, Vinh - Bến Thủy, Lạch Trường, thị xã Hồng Gai... Trước tình hình đó, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) đã họp Hội nghị lần thứ XI (tháng 3 năm 1965) và XII (tháng 12 năm 1965) tại Hà Nội để bàn về nhiệm vụ chiến lược cách mạng của cả nước. Nghị quyết của hai Hội nghị trên nhấn mạnh: Trong bối cảnh cả nước có chiến tranh, công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta; công cuộc xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa xã hội ở miền Bắc trước hết phải vì sự nghiệp đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng

miền Nam; chủ trương chuyển hướng xây dựng nền kinh tế miền Bắc từ thời bình sang thời chiến, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo đảm sự chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam, vừa tăng cường lực lượng quốc phòng để đánh trả có hiệu quả sự xâm phạm của hải quân và không quân Mỹ, sẵn sàng chiến đấu khi chúng mở rộng chiến tranh cục bộ ra phạm vi cả nước.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ XI về việc chuyển hướng xây dựng kinh tế từ thời bình sang thời chiến, dưới sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Huyện ủy Phú Bình, Đảng bộ xã Tân Đức đã tiến hành đợt chỉnh huấn mùa xuân theo Chỉ thị 88 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nhằm bồi dưỡng nhận thức tư tưởng cho toàn thể cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ, để từng chi bộ Đảng, từng đảng viên phụ trách công tác đoàn thể vững vàng trong tình hình mới. Cuộc chỉnh huấn mùa xuân đã tạo nên khí thế sôi động trong các thôn xóm và trở thành động lực thúc đẩy xã Tân Đức chuyển biến mạnh mẽ trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, an ninh, quốc phòng và công tác xây dựng Đảng... Phong trào thi đua “mỗi người làm việc bằng hai” được phát triển trong toàn Đảng, toàn dân đã cổ vũ, thôi thúc, động viên mọi tầng lớp nhân dân tham gia.

Ngày 17 tháng 10 năm 1965 lần đầu tiên không quân Mỹ ném bom cầu Gia Bẫy nhằm cắt đứt tuyến quốc lộ 1B nối liền Bắc Thái với Lạng Sơn, chặn đường chi viện của nước bạn Trung Quốc giúp đỡ Việt Nam đánh Mỹ. Sau đó, một số xã trong huyện bị máy bay bắn phá oanh tạc.

Là xã tiếp giáp bảo vệ vành đai an toàn khu của

Trung ương, Đảng bộ và nhân dân Tân Đức luôn chuẩn bị tinh thần sẵn sàng chiến đấu. Với khẩu hiệu “*Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*”, “*Vừa chiến đấu, vừa sản xuất*”, trong 3 năm từ năm 1965 đến năm 1967, nhân dân xã Tân Đức được huyện công nhận là đơn vị làm tốt nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước. Hưởng ứng phong trào sẵn máy bay địch bằng súng bộ binh nhiều cuộc chiến đấu của dân quân du kích xã đã phối hợp với bộ đội chủ lực tạo thành lưới lửa trên không, chống trả quyết liệt các hành động phá hoại của kẻ thù. Trong thời gian này, xã đã thành lập 2 trung đội 12,7 ly và lập trận địa tại các nơi trọng điểm mà địch có thể đánh phá. Đồng thời, phối hợp với các đơn vị bộ đội phòng không và dân quân du kích của xã bạn tham gia nhiều trận đánh máy bay bảo vệ xã, huyện và an toàn của khu Trung ương.

Ngày 16 tháng 11 năm 1965, một lần nữa máy bay Mỹ lại bắn rốc két xuống xã Lương Sơn (nay thuộc thành phố Thái Nguyên) và xã Tân Khánh, tuy thiệt hại không lớn nhưng đã gây hoang mang trong nhân dân. Trước sự leo thang đánh phá của đế quốc Mỹ, được cấp trên thông báo, cấp ủy đã có những chủ trương kịp thời chuyển các hoạt động từ thời bình sang thời chiến, các phiên chợ được họp vào sáng sớm trong khoảng từ 4 đến 7 giờ, các cháu học sinh phải đội mũ bện bằng rơm để chống bom bi, mỗi lớp sơ tán về một xóm để phân tán, tránh tụ tập đông người, lực lượng lao động đã triển khai đào hầm, hố trong vườn, ngoài đồng để trú ẩn, khi có máy bay địch toàn xã tổ chức một trung đội dân quân trực chiến để đánh trả máy bay ở tầm thấp.

Ngày 17 tháng 7 năm 1966, Bác Hồ ra lời kêu gọi cả nước chống Mỹ cứu nước bằng khẩu hiệu bất hủ “*Không có gì quý hơn độc lập tự do*”. Khí thế tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, ý chí quật cường của các dân tộc đã khơi dậy trên quê hương Tân Đức, nhiều thanh niên chưa đủ tuổi đã đến Ủy ban hành chính xã nộp đơn tình nguyện nhập ngũ, có những lá đơn viết bằng máu tỏ rõ tinh thần của lớp trẻ quyết tâm tham gia lực lượng vũ trang lúc bấy giờ.

Trong lúc cuộc chiến tranh leo thang bằng không quân của Mỹ diễn ra ngày càng ác liệt, đời sống vật chất còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, với quyết tâm giữ vững và phát triển sản xuất, làm ngày không đủ tranh thủ làm đêm, Đảng ủy, ủy ban cùng với các ban chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp đã tăng cường chỉ đạo, giải quyết tháo gỡ từng vụ việc rất cụ thể, bằng động viên thuyết phục, kết hợp với chế độ công điểm nhằm đáp ứng các chiến dịch sản xuất.

Thời gian này đội ngũ cán bộ, đảng viên đã thể hiện được vị trí vai trò tiên phong gương mẫu, đứng mũi chịu sào trong những lúc, những việc khó khăn nhất, nên đã động viên và thực sự trở thành gương người tốt việc tốt cho đông đảo nhân dân học tập noi theo. Vì vậy, đến năm 1967 hầu hết đảng viên xã Tân Đức đều trực tiếp lãnh đạo, chỉ huy và tham gia dân quân, du kích.

Ngày 31 tháng 3 năm 1968, Mỹ tuyên bố ngừng ném bom từ vĩ tuyến 20 trở ra. Tranh thủ điều kiện thuận lợi Đảng ủy, chính quyền và HTX đã khẩn trương tập trung lực lượng lao động tối đa, triển khai chăm sóc vụ lúa chiêm xuân 1967 – 1968 với mục tiêu đạt diện tích,

năng suất, tổng sản lượng cao nhất để bù đắp cho những năm trước đó trong điều kiện chiến tranh nên chăm bón không kịp thời, sản lượng lúa hàng năm đều giảm nhẹ. Các vùng đất 1 vụ lúa, 1 vụ màu đều được giao cho xã viên trồng khoai và rau màu để hỗ trợ chống đói khi giáp hạt và phục vụ cho chăn nuôi đàn lợn, đàn gà để tăng thêm nguồn phụ thu dành cho sinh hoạt gia đình. Tập thể các hợp tác xã đã triển khai và đầu tư vào các chuồng trại nuôi lợn tập trung, sản xuất gạch ngói và phát triển các nghề phụ khác, trên cơ sở khoán định mức, khoán sản phẩm, tổ chức đội ngành nghề, đội thủy lợi 202 để khai thác chuyên môn, kỹ thuật đồng thời khuyến khích người lao động có tay nghề cao tham gia, mục đích cuối cùng là làm tăng thu nhập, đảm bảo 3 lợi ích: Nhà nước, tập thể, người lao động một cách hài hòa.

Tháng 5 năm 1968, nhân dân Tân Đức đón nhận sinh viên trường Đại học Kinh tế Quy hoạch, nay là trường Đại học Kinh tế Quốc dân từ Hà Nội về sơ tán để tiếp tục học tập. Nhân dân đã dành nhà cho sinh viên ở, dành đất và ủng hộ vật liệu để nhà trường dựng lớp học sâu dưới mặt đất trung bình khoảng 2 mét, có giao thông hào phòng tránh máy bay khi có báo động. Trong hơn 4 năm sơ tán về địa phương, sinh viên đã giúp đỡ xã nhà trên nhiều mặt như tham gia xây dựng tổ chức đoàn thanh niên, giúp nhân dân nâng cao trình độ dân trí, ngược lại Đảng bộ và nhân dân Tân Đức cũng giúp nhà trường một số ngày công và vật tư cần thiết tạo điều kiện cho sinh viên khắc phục khó khăn trong thời gian sống tại địa phương.

Qua bốn năm (1965 - 1968) Đảng bộ xã Tân Đức lãnh đạo nhân dân vừa sản xuất, vừa chiến đấu, cũng là bốn năm Đảng bộ tiến hành cuộc vận động xây dựng Đảng bộ, chi bộ “*bốn tốt*”. Công tác phát triển Đảng đảm bảo chất lượng, đúng hướng, thành phần cơ bản chiếm từ 60 - 80%. Đảng bộ đã kết nạp thêm được nhiều đảng viên mới. Thông qua các cuộc vận động lớn của Đảng, việc đấu tranh phê bình trong nội bộ Đảng được đẩy mạnh hơn. Sự đoàn kết nhất trí trong Đảng được tăng cường. Những đảng viên trước đây chưa năng nổ, qua thời gian đã có nhiều chuyển biến tích cực. Tư tưởng hữu khuynh, bảo thủ, thỏa mãn, chủ quan và dao động khi máy bay Mỹ đến đánh phá được khắc phục dần.

2. Nhân dân xã Tân Đức chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ (1969 - 1972)

Mặc dù bị thất bại, song với bản chất ngoan cố và hiếu chiến, năm 1969 đế quốc Mỹ chuyển sang chiến lược “*Việt Nam hóa chiến tranh*”, ráo riết mở rộng chiến tranh xâm lược trên toàn Đông Dương, xúc tiến các hoạt động ngoại giao nhằm làm lạc hướng dư luận thế giới và nhân dân Mỹ. Những hành động mới của đế quốc Mỹ, làm cho tình hình chiến sự ở Việt Nam phức tạp thêm.

Trước tình hình và yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng cả nước, nhiệm vụ của miền Bắc lúc này được Bộ Chính trị nêu rõ là: “*Tranh thủ thời gian đế quốc Mỹ ngừng ném bom, đẩy mạnh phát triển kinh tế - văn hóa, củng cố hậu phương vững mạnh và tiếp tục chi viện cho cách mạng miền Nam*”.

Cụ thể hóa chủ trương của Đảng, đồng thời căn cứ vào tình hình của tỉnh, Tỉnh ủy Bắc Thái đề ra các nhiệm

vụ cụ thể cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong tỉnh tiếp tục đẩy mạnh sản xuất, nhất là nông - lâm nghiệp, đảm bảo nhu cầu về lương thực, thực phẩm, làm tròn nghĩa vụ của hậu phương đối với tiền tuyến. Trên cơ sở đó, thúc đẩy các ngành sản xuất, chế biến, phát huy thế mạnh của một tỉnh miền núi, đáp ứng kịp thời nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trong tỉnh. Đồng thời, phải đẩy mạnh nhịp độ tăng trưởng, chú trọng củng cố và khôi phục giao thông, cải tiến công tác quản lý, phù hợp với yêu cầu của phát triển kinh tế. Gắn với nhiệm vụ khôi phục phát triển kinh tế là nhiệm vụ củng cố xây dựng lực lượng địa phương, giữ vững trật tự trị an và an toàn xã hội, sẵn sàng đối phó với âm mưu mới của kẻ thù.

Năm 1968, huyện uỷ Phú Bình ra Nghị quyết về “Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng phát triển kinh tế văn hóa 3 năm 1968 – 1970” chỉ rõ: “*Đẩy mạnh lãnh đạo sản xuất nông nghiệp toàn diện, cân đối, mạnh mẽ; phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp địa phương phù hợp với khả năng và đặc điểm của huyện; xây dựng đời sống văn hoá tinh thần lành mạnh, phù hợp với bước phát triển của cách mạng, của tỉnh, làm tròn nhiệm vụ của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn*”¹. Ban thường vụ huyện uỷ Phú Bình đã chia địa bàn huyện thành 7 khu vực, đồng chí Hoàng Văn Lược (Ủy viên Thường vụ) được giao phụ trách địa bàn 5 xã, trong đó có Tân Đức.

Giữa lúc quân, dân hai miền Nam - Bắc đang giành được những thắng lợi quan trọng trên mặt trận chính trị

¹ Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Bình. Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Bình 1930 – 2005. Thái Nguyên. Tr 201.

- quân sự, ngoại giao và xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội thì Chủ tịch Hồ Chí Minh - lãnh tụ vĩ đại của Đảng và dân tộc đã vĩnh biệt chúng ta (ngày 2 tháng 9 năm 1969) tại Hà Nội. Sự ra đi của Người là một tổn thất lớn lao, là nỗi đau thương vô hạn đối với toàn Đảng và dân tộc ta. Trước khi đi xa, điều mong muốn cuối cùng của Người là: *“Toàn đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”*¹.

Biến đau thương thành hành động cách mạng, Đảng bộ xã Tân Đức đã tiến hành đợt sinh hoạt chính trị đặc biệt: Cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Tân Đức đoàn kết một lòng, biến đau thương thành sức mạnh, phấn đấu vươn lên, khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, tiếp tục thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội đặt ra.

Trong điều kiện phong trào hợp tác xã gặp khó khăn, cơ sở vật chất xuống cấp, Đảng bộ có nghị quyết *“Tăng cường củng cố hợp tác xã gắn liền với xây dựng tổ chức Đảng”*. Vì vậy, các hợp tác xã nông nghiệp ở Tân Đức vẫn được duy trì và giữ vững. Quan hệ sản xuất không bị chao đảo như một số địa phương khác.

Bên cạnh đó, Đảng bộ xã cũng chỉ đạo các hợp tác xã mạnh dạn đưa một số giống mới vào thâm canh nên sản lượng lương thực có xu hướng tăng lên. Đàn trâu bò, đàn lợn đều tăng đáng kể, đời sống được cải thiện,

¹ Hồ Chí Minh. Toàn tập. Tập 12. NXB Chính trị quốc gia. H. 1996. Tr 500.

các chỉ tiêu giao nộp cho nhà nước như: Thuế nông nghiệp, nghĩa vụ, lợn hơi, lạc vỏ, đậu đỗ các loại đều hoàn thành ở mức cao; hợp tác xã nông nghiệp còn làm tốt công tác phân phối nên phần nào đã giảm những thắc mắc trong nội bộ xã viên. Hợp tác xã mua bán hoạt động khá ổn định làm tốt khâu thu mua (đại lý) cho các ngành lương thực, thực phẩm, nông sản... đồng thời cũng tổ chức phân phối các mặt hàng thiết yếu đến tay người tiêu dùng. Phong trào làm đường giao thông nông thôn, bờ vùng, bờ thửa được chú trọng. Các hộ xã viên đã tiến hành mua sắm hoặc tự đóng các công cụ như xe trâu, xe bò, xe cải tiến để tăng hiệu suất lao động. Các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế vẫn duy trì và có chiều hướng phát triển.

Đầu năm 1970, thực hiện Nghị quyết 195, 196, 197 của Trung ương Đảng, xã Tân Đức đã tiến hành ba cuộc vận động: Cuộc vận động nâng cao chất lượng Đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh, cuộc vận động lao động sản xuất và cuộc vận động phát huy dân chủ và tăng cường chế độ làm chủ tập thể của quần chúng xã viên ở nông thôn. Thực hiện ba cuộc vận động, xã viên được tham gia phê bình cán bộ, đảng viên về cách làm ăn, cách quản lý hợp tác xã. Xã viên cũng được tham gia bàn bạc kế hoạch sản xuất nên rất phấn khởi, ý thức làm chủ tập thể được phát huy, trình độ quản lý hợp tác xã của đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng lên, một số hợp tác xã đã xây dựng được kế hoạch sản xuất và kinh doanh cá thể, việc xây dựng cơ sở vật chất và áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật trong hợp tác xã được tăng cường hơn. Sau 3 cuộc vận động,

các hợp tác xã Tân Sơn, Liên Ngọc đã có nhiều tiến bộ.

Công tác xây dựng Đảng tiếp tục được đẩy mạnh. Trong năm 1971, cơ sở Đảng vẫn căn cứ vào nhiệm vụ chính trị cụ thể ở địa phương với 7 yêu cầu nâng cao chất lượng đảng viên nêu trong Nghị quyết 195 đề ra kế hoạch, biện pháp cụ thể để rèn luyện đảng viên trên các lĩnh vực học tập, lao động, chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Đảng bộ đã đấu tranh với những tư tưởng tư lợi, hữu khuynh, ngại khó, ngại khổ... Thông qua đợt sinh hoạt chính trị, một số đảng viên mất uy tín với quần chúng đã bị đưa ra khỏi Đảng, làm trong sạch Đảng, khối đoàn kết nhất trí giữa Đảng và quần chúng nhân dân được nâng lên. Đảng bộ xã Tân Đức ngày càng vững mạnh, đã tạo nên khối đoàn kết toàn dân ngày càng vững chắc hơn. Các tổ chức Mặt trận, Thanh niên, Phụ nữ đều đã thực hiện tốt chức năng của mình, kịp thời động viên mọi người hăng hái lao động sản xuất và chiến đấu, chi viện lực lượng cho tiền tuyến.

Ngày mùng 6 tháng 4 năm 1972 không quân Mỹ tiếp tục ném bom bắn phá miền Bắc lần thứ hai với mật độ bom đạn dày hơn. Chúng đã trắng trợn tuyên bố tại Hội nghị Pari là: Hủy diệt Thủ đô Hà Nội và một số thành phố khác. Thực hiện mưu đồ đó, 8 tháng chống chiến tranh phá hoại lần thứ 2 là cuộc đọ sức quân sự giữa ta và địch, từ ngày 18 đến ngày 29 tháng 12 năm 1972 là trận Điện Biên Phủ trên không, suốt 12 ngày đêm không quân Mỹ đã trút hàng ngàn tấn bom đạn các loại, hủy diệt các cơ sở kinh tế, các bệnh viện, trường học gây tổn thất người và tài sản hòng khuất phục nhân dân ta, nhưng chúng đã nhầm, vì dân tộc Việt Nam có

truyền thống đoàn kết, có tinh thần yêu nước nồng nàn, có Đảng cách mạng chân chính, có đường lối quân sự ngoại giao sáng tạo, dân tộc ta tiến hành chiến tranh chính nghĩa được bầu bạn quốc tế và nhân dân tiến bộ toàn thế giới ủng hộ vô tư có hiệu quả.

Trên quê hương Phú Bình, vào đêm 24 tháng 12 năm 1972, trong số 59 cán bộ, đội viên Đội 91 thanh niên xung phong hy sinh trong khi làm nhiệm vụ giải tỏa hàng hóa, lương thực ở ga Lưu Xá thì bị máy bay B52 ném bom rải thảm trúng khu vực trú ẩn. Trong số liệt sỹ đó có 1 đội viên là con em của xã Tân Đức đó là liệt sỹ: Dương Thị Năm.

Trận Điện Biên Phủ trên không của quân và dân ta đã khiến đế quốc Mỹ phải chịu thất bại nặng nề. Buộc chúng phải ngồi vào bàn đàm phán 4 bên và ký hiệp định Pa-ri công nhận độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam, ngừng ném bom miền Bắc vô điều kiện, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Đây là một thắng lợi to lớn của nhân dân ta trong công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

3. Đảng bộ và nhân dân Tân Đức tập trung cho nhiệm vụ giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (1973 - 1975)

Trước yêu cầu nhiệm vụ mới của cách mạng, tháng 6 năm 1973 Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra chủ trương khôi phục và phát triển kinh tế trong ba năm (1973 - 1975) đối với miền Bắc, trong đó nhấn mạnh: Nhiệm vụ và phát triển kinh tế trong ba năm có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc ổn định tình hình sản xuất và đời sống trước mắt và đối với phát triển kinh tế trên

quy mô lớn trong những năm sau... Đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất, bảo đảm sản lượng lương thực, các loại cây khác tăng nhanh và ổn định phát triển chăn nuôi...

Tháng 7 năm 1973, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 (khóa III) ra Nghị quyết về nhiệm vụ sức người, sức của cho miền Nam, hoàn thành sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Nghị quyết chỉ rõ: Trong điều kiện thuận lợi mới, miền Bắc cần ra sức khôi phục và phát triển kinh tế quốc dân, làm cho miền Bắc tiến bộ nhanh chóng về mọi mặt, làm chỗ dựa vững chắc cho cách mạng miền Nam. Trong khi đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội và củng cố quốc phòng, miền Bắc phải tiếp tục làm nhiệm vụ hậu phương lớn đối với miền Nam trên các mặt đấu tranh chính trị, kinh tế, quân sự, ngoại giao.

Quán triệt các Nghị quyết của Trung ương, từ ngày 9 đến ngày 11 tháng 4 năm 1973, Tỉnh ủy Bắc Thái họp và đề ra chủ trương: Nhanh chóng chuyển hướng về mọi mặt hoạt động, nhất là về kinh tế, văn hóa từ thời chiến sang thời bình, đảm bảo đầy đủ và kịp thời mọi yêu cầu của nhân dân miền Nam và yêu cầu củng cố quốc phòng, tăng cường hơn nữa lực lượng vũ trang, nêu cao tinh thần cảnh giác để phát triển kinh tế, văn hóa cho những năm sau.

Thời gian này, Đảng bộ xã Tân Đức tập trung lãnh đạo nhân dân khắc phục khó khăn, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Tỉnh ủy. Trong hai năm 1973 – 1974, Đảng bộ xã đã lãnh đạo sản xuất nông, lâm nghiệp. Trong điều kiện phong trào hợp tác xã chưa ổn định, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho sản xuất nông

nghiệp còn nhiều hạn chế. Nhưng với quyết tâm khắc phục khó khăn hợp tác xã đã hoàn thành việc kiểm kê, quyết toán, tập nên sự minh bạch trong thu, chi nên được quần chúng và xã viên phấn khởi, tin tưởng. Hợp tác xã còn đẩy mạnh việc đưa các giống lúa mới, có năng suất cao vào sản xuất, nhờ đó sản lượng lương thực không ngừng tăng lên. Bên cạnh cây lúa, sản lượng ngô, lạc, khoai, đậu đỗ và rau xanh tăng cao hơn những năm trước. Chăn nuôi gia súc, gia cầm có bước phát triển khá. Phong trào nuôi, thả ở ao hồ được giữ vững và phát triển.

Cùng với sản xuất nông nghiệp, hoạt động của hợp tác xã mua bán cơ bản vẫn được giữ vững, phát huy tốt chức năng phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân, có nhiều tiến bộ so với các năm trước đó. Năm 1974, số lượng xã viên hợp tác xã mua bán tăng 10% so với năm 1972, kế hoạch mua vào vượt 18,3%, bán ra vượt 7%, hàng tư doanh vượt 28,7% so với năm 1973, được huyện Phú Bình công nhận là một trong những hợp tác xã mua bán hoạt động có hiệu quả trên địa bàn huyện.

Với tinh thần tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược Đảng bộ đã động viên nhân dân thực hiện tốt khẩu hiệu "*Quân không thiếu một người*". Trong 2 năm 1973 đến năm 1974 trong toàn xã đã có hàng chục thanh niên lên đường tòng quân giết giặc lập công. Xã Tân Đức luôn được huyện công nhận là đơn vị hoàn thành đủ và vượt kế hoạch tuyển quân.

Trong thời gian này, công tác xây dựng và củng cố lực lượng dân quân, tự vệ được Đảng bộ xã Tân Đức quan tâm và chỉ đạo sát sao; tỷ lệ dân quân, tự vệ

luôn đạt 10% dân số toàn xã. Từ năm 1973, dân quân tự vệ xã Tân Đức luôn đạt danh hiệu quyết thắng, tiêu biểu của huyện. Hàng năm, có từ 80% đến 92% đội ngũ dân quân tự vệ trong toàn xã hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện chính trị, quân sự. Bên cạnh đó, công tác bảo vệ trật tự trị an trên địa bàn luôn được chú trọng. Các đồng chí trưởng, phó công an đã tham dự đầy đủ các buổi tập huấn do huyện tổ chức, và tham gia tuyên truyền vận động nhân dân củng cố quốc phòng, phòng chống bạo loạn. Năm 1974, xã Tân Đức tổ chức Hội nghị tổng kết 13 năm công tác bảo vệ hợp tác xã đạt kết quả tốt. Nhờ những hoạt động thiết thực, tình hình trật tự trị an trên địa bàn xã từng bước được ổn định và giữ vững.

Để nâng cao năng lực và trình độ lãnh đạo, chỉ đạo của đội ngũ cán bộ, đảng viên, xã Tân Đức đã củng cố lại các lớp bồi túc văn hóa, cử cán bộ đi học các lớp bồi dưỡng trình độ văn hóa, chuyên môn do huyện tổ chức. Vì vậy, sau các khóa học các đồng chí cán bộ xã đã vận dụng tốt những kiến thức đã học, phát huy tốt vai trò lãnh đạo của mình đối với phong trào và kế hoạch của địa phương.

Sau hai năm, được tam sống trong không khí hòa bình, đời sống nhân dân Tân Đức đã được nâng lên rõ rệt. Đầu năm 1975, tin chiến thắng dồn dập từ chiến trường dội về làm nức lòng và cổ vũ mạnh mẽ cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Tân Đức. Ngày 30 tháng 4 năm 1975, miền Nam được hoàn toàn giải phóng. Đất nước hòa bình, thống nhất, non sông thu về một mối. Cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Tân Đức tổ chức mít tinh, treo cờ, ảnh Bác và biểu ngữ, tổ chức hoạt động chào mừng

ngày đại thắng. Đảng bộ và nhân dân xã Tân Đức phấn khởi cùng với cả nước bước sang một thời kì mới.

Hơn 3 năm, từ 1973 đến 1975 lãnh đạo nhân dân các dân tộc xã Tân Đức chiến đấu, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chi viện cho tiền tuyến miền Nam, là thời kỳ Đảng bộ xã Tân Đức phải đương đầu với nhiều khó khăn, thử thách khốc liệt, song nhờ sự kế thừa, phát huy sáng tạo của thời kỳ trước, bình tĩnh phân tích hoàn cảnh của địa phương, bám sát các Nghị quyết của Trung ương Đảng, của tỉnh, huyện, Đảng bộ và nhân dân xã Tân Đức đã đạt được nhiều thành tích quan trọng, góp phần cùng cả nước thực hiện nhiều nhiệm vụ cách mạng ở từng thời điểm lịch sử cụ thể.

Tóm lại chặng đường từ năm 1954 đến năm 1975, Đảng bộ và nhân dân xã Tân Đức đã cùng cả nước trải qua một chặng đường đầy khó khăn, thử thách nhưng vô cùng tự hào.

Từ năm 1954 đến năm 1965, là thời kỳ Đảng bộ và nhân dân xã Tân Đức thực hiện thắng lợi khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, tiếp tục hoàn thành Cách mạng dân tộc dân chủ đem lại ruộng đất cho nhân dân lao động. Trải qua những thử thách lịch sử chi bộ Đảng và Đảng bộ xã nhà ngày càng trưởng thành trong đường lối lãnh đạo và chỉ đạo.

Trong 10 năm cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1965 - 1975), cùng với nhân dân miền Bắc, cán bộ, đảng viên và nhân dân Tân Đức trong giai đoạn này dù phải đối mặt với nhiều khó khăn do thiên tai thường xuyên xảy ra, hơn nữa phải huy động một khối lượng lớn của cải, nhân lực, vật lực cho cuộc

kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, cán bộ, đảng viên và nhân dân Tân Đức đã phát huy cao độ truyền thống cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất, bản lĩnh anh hùng cách mạng để vượt qua nhiều khó khăn thử thách trên tất cả các mặt trận. Sản xuất nông nghiệp phát triển năm sau cao hơn năm trước. Sự ổn định và phát triển của sản xuất ở hậu phương là nhân tố quan trọng để góp phần đánh thắng giặc Mỹ trên chiến trường. Cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ trên địa bàn xã có thời gian diễn ra rất quyết liệt nhưng Đảng bộ đã tổ chức, hướng dẫn thực hiện tốt công tác phòng không, sơ tán nên hạn chế được nhiều tổn thất.

Nhận thức rõ sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc, từ năm 1965 đến năm 1975, Đảng bộ xã Tân Đức đã chỉ đạo nhân dân đóng góp lương thực, thực phẩm cho Nhà nước, tổ chức tốt các đợt tuyển quân, tiễn đưa thanh niên vào chiến trường, đó là chưa kể số cán bộ, công nhân viên là những người con quê hương Tân Đức tham gia công tác ở các ngành, các cấp và các địa phương khác trong cả nước.

Trong giai đoạn này, đình Đông, xóm Vàng là nơi đã chứng kiến và tiễn đưa hàng trăm lượt thanh niên lên đường nhập ngũ, với khí thế sôi sục của những ngày chiến tranh và khẩu hiệu: *"Ra đi giữ trọn lời thề, chưa hết giặc Mỹ chưa về quê hương"* của thanh niên lúc bấy giờ, đã thôi thúc thanh niên xã nhà tình nguyện lên đường bảo vệ Tổ quốc. Toàn xã đã có trên 400 thanh niên xung phong lên đường chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, trong đó 89

đồng chí đã anh dũng hy sinh tại các chiến trường và hàng trăm đồng chí đã hy sinh một phần xương máu của mình góp phần tô thắm thêm truyền thống vẻ vang của quê hương.

Bên cạnh sự đóng góp bằng sức người, Đảng bộ và nhân dân Tân Đức còn đóng góp sức của to lớn cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước giành thắng lợi hoàn toàn. Mỗi năm nhân dân Tân Đức đã đóng góp cho chiến trường hàng trăm tấn lương thực và hàng chục tấn thực phẩm các loại.

Trong quá trình lãnh đạo nhân dân thực hiện hai nhiệm vụ: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, Đảng bộ Tân Đức luôn lấy công tác xây dựng Đảng làm then chốt. Cuộc vận động xây dựng Đảng bộ, chi bộ, đảng viên thực hiện “*bốn tốt*”, các đợt học tập Nghị quyết của Trung ương Đảng, các lớp đào tạo, bồi dưỡng đảng viên... đã thực sự làm cho Đảng bộ ngày một vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, các chi bộ Đảng dần củng cố và trưởng thành. Hầu hết cán bộ, đảng viên đều nêu cao phẩm chất đạo đức cách mạng, gương mẫu trong tư tưởng và hành động, kịp thời đấu tranh khắc phục những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, mất đoàn kết nội bộ.

Từ thực tế cách mạng, Đảng bộ Tân Đức đã trở thành trung tâm khối đoàn kết toàn dân, trở thành cầu nối giữa Đảng với quần chúng, từ đó huy động được sức mạnh tổng hợp, thực hiện thắng lợi những mục tiêu cách mạng do Trung ương Đảng và Bác Hồ đề ra.

Kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, xã

Tân Đức đã được Nhà nước tặng thưởng 1 Huân chương Kháng chiến hạng Ba, 1 Huy chương Chiến công hạng Nhất và nhiều cờ, Bằng khen, Giấy khen của các cấp, các ngành. Hàng trăm cá nhân được tặng thưởng Huân, huy chương các loại.

Đó là hành trang vô cùng quan trọng, là niềm vinh dự tự hào, để cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Tân Đức vững vàng bước vào thời kỳ cách mạng mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội khi đất nước đã hoàn toàn thống nhất.

CHƯƠNG IV

ĐẢNG BỘ TÂN ĐỨC LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1976 - 1985)

I. Tân Đức trong thời kỳ khôi phục và phát triển kinh tế, thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ hai (1976 - 1980)

Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 với đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã kết thúc vẻ vang sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta, mở ra một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trên tinh thần Hội nghị lần thứ 24 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp ngày 29 tháng 9 năm 1975: *“Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội”*, Đảng bộ và nhân dân Tân Đức cùng cả nước khẩn trương bắt tay vào công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng và phát triển kinh tế, tạo dựng cơ sở vật chất và tinh thần cho xã hội mới. Thực hiện chỉ thị số 18 của Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Thái về: *“Đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, tăng cường*

quản lý chặt chẽ việc cung cấp và sử dụng lương thực, thực phẩm Nhà nước". Đảng bộ và nhân dân xã Tân Đức đã quán triệt chủ trương bằng nhiều biện pháp để đẩy mạnh sản xuất, thâm canh lúa và hoa màu vụ đông xuân 1975 - 1976, chuẩn bị điều kiện thật tốt cho vụ mùa năm 1976; đồng thời đẩy mạnh sản xuất rau màu ngắn ngày để chống đói trong những tháng giáp hạt và hoàn thành nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước.

Cùng với việc tăng cường củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, cải tiến một bước quản lý kinh tế trong nông nghiệp, nhằm đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu tiêu dùng của nhân dân địa phương, Đảng bộ đã phát động phong trào lao động sản xuất sâu rộng trong các hợp tác xã mang tên: "*Mừng miền Nam hoàn toàn giải phóng*". Để đạt được mục tiêu đó, Đảng bộ đề ra Nghị quyết lãnh đạo: "*Tập trung đẩy mạnh thâm canh cây lúa, cây lạc, phát triển đàn lợn, đàn vịt và nuôi cá để nhanh chóng tạo ra nhiều sản phẩm đóng góp với Nhà nước và phục vụ đời sống của nhân dân*". Một số giống lúa cũ có nhiều nhược điểm đã được thay thế bằng những giống mới ngắn ngày, kháng sâu bệnh và chịu rét tốt, năng suất cao. Bên cạnh đó, xã phát động nhân dân đẩy mạnh tăng diện tích, tăng vụ, thực hiện các biện pháp kỹ thuật về thâm canh tăng năng suất, chú trọng đến khâu chọn lọc, bảo quản, ngâm ủ giống...

Do vậy, năm 1975 toàn xã đã cấy được 625,3 ha lúa, đạt 100% kế hoạch, năng suất bình quân đạt 16 tạ/ha/năm. Cùng với cấy lúa, công tác trồng màu được chú ý, cả xã đã trồng được 256 ha màu, đạt 100% kế hoạch.

Đưa tổng sản lượng lương thực cả năm đạt 1085,7 tấn.

Về chăn nuôi: Trâu, bò của hợp tác xã được tổ chức chăn thả tốt hơn, có quy định trách nhiệm, công điểm rõ ràng. Chuồng trại được vệ sinh sạch sẽ, che chắn kín về mùa rét và có dự trữ thức ăn trong mùa khô; hạn chế được số lượng trâu, bò chết do đói, rét. Cùng với chăn nuôi trâu, bò, đàn lợn trong hợp tác xã và hộ gia đình được chú trọng. Các hợp tác xã đưa giống lợn lai vào chăn nuôi, thực hiện thay đổi nguồn thức ăn, do vậy trọng lượng xuất chuồng tăng hơn so với những năm trước.

Song song với quá trình chỉ đạo sản xuất, thực hiện Chỉ thị 192 và Nghị quyết 23 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, kế hoạch 82, 89 và 105 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường sự lãnh đạo và nâng cao sức chiến đấu của Đảng trong giai đoạn mới, công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ Tân Đức có nhiều chuyển biến tích cực. Chế độ sinh hoạt Đảng được diễn ra đều đặn và có nề nếp hơn, có tác dụng bồi dưỡng giáo dục đảng viên nâng cao trình độ giác ngộ lý luận chính trị, nâng cao ý thức trách nhiệm, tôn trọng kỷ luật và tổ chức của Đảng, pháp luật của nhà nước. Qua đó, Đảng bộ đã tạo nên sự nhất trí về chính trị và tư tưởng, cổ vũ được khí thế hăng hái thi đua lao động sản xuất trong toàn Đảng, toàn dân.

Từ trong phong trào sản xuất, một số cá nhân tiêu biểu được nhân dân tín nhiệm, được Đảng bộ quan tâm bồi dưỡng đã được bổ sung vào đội ngũ cán bộ địa phương; đồng thời một số cán bộ đảng viên do hạn chế về trình độ, năng lực và quan điểm, lập trường thiếu

kiên định, phẩm chất đạo đức sa sút, thiếu rèn luyện, không đáp ứng được yêu cầu chung đã bị kỷ luật, hoặc đề nghị khai trừ khỏi Đảng. Qua một năm phấn đấu, Đảng bộ Tân Đức đã hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chung của toàn huyện.

Bước sang năm 1976, trong không khí thi đua đẩy mạnh sản xuất, ngày 25 tháng 4 năm 1976, cử tri Tân Đức cùng cử tri cả nước tham gia bầu cử Quốc hội khóa VI (1976 - 1981). Đây là Quốc hội của nước Việt Nam độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong kỳ họp đầu tiên diễn ra từ ngày 24 tháng 6 đến ngày 3 tháng 7 năm 1976 tại Hà Nội, Quốc hội khóa VI đã thông qua chính sách đối nội và đối ngoại của đất nước; về nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới và quyết định đổi tên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ủy ban hành chính các cấp đổi tên thành Ủy ban nhân dân các cấp. Ủy ban nhân dân xã Tân Đức lúc này do đồng chí Đàm Thị Thu làm Chủ tịch; đồng chí Dương Văn Quyền - Phó Chủ tịch.

Cuộc bầu cử Quốc hội thành công cùng với sự củng cố lại chính quyền địa phương đã làm cho mỗi người dân Tân Đức hiểu rõ quyền lợi, nghĩa vụ người công dân của nước Việt Nam thống nhất, đồng thời là nguồn cổ vũ, động viên cán bộ và nhân dân Tân Đức hăng hái thi đua thực hiện nhiệm vụ năm 1976 và những năm tiếp theo. Để hoàn thành được nhiệm vụ chính trị, kinh tế của địa phương, các cấp ủy Đảng, chính quyền và các hợp tác xã đã tạo điều kiện thuận lợi để quần chúng nhân dân phát huy quyền làm chủ tập thể của mình trong việc tham

gia bàn bạc xây dựng kế hoạch sản xuất, kế hoạch phân phối sản phẩm, tham gia góp ý kiến đối với cán bộ, thực hiện chủ trương đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Sau khi tổ chức học tập trong Đảng, tiến hành tổ chức cho quần chúng nhân dân học tập, thảo luận, từ đó bàn biện pháp cụ thể tổ chức thực hiện ở từng cơ sở. Vì vậy, nhận thức của nhân dân không ngừng được nâng cao, làm cơ sở cho quyền làm chủ của họ ngày càng được phát huy đầy đủ trong mọi lĩnh vực.

Sản xuất nông nghiệp trong tình hình mới được xác định là chủ thể của nền kinh tế ở Phú Bình nói chung và Tân Đức nói riêng. Để đạt được mục tiêu sản xuất nông nghiệp, Đảng ủy Tân Đức chú trọng tới đồng ruộng, kết hợp với giao thông, thủy lợi. Đặc biệt, với tinh thần sáng tạo, cần cù, chịu khó, Đảng bộ và nhân dân Tân Đức đã chủ động đưa giống lúa mới có năng suất cao vào gieo cấy và tích cực thả bèo dậu làm phân xanh, nên mặc dù thời tiết không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp và thiếu đầu tư nghiêm trọng, nhất là vật tư phân bón nhưng diện tích gieo cấy và sản lượng lúa của năm 1976 vẫn đạt kế hoạch đề ra. Diện tích gieo cấy đạt 629,2ha; năng suất lúa bình quân đạt 16,2 tạ/ha/vụ.

Cùng với cây lúa, hoa màu được chú ý phát triển theo hướng mở rộng diện tích và thâm canh. Phong trào trồng lạc, khoai lang, khoai tây được phát động mạnh mẽ trong toàn xã. Kết quả, tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 1.114,05 tấn, trong đó: lúa 1.019,3 tấn; khoai lang: 30 tấn; lạc vỏ: 47,25 tấn và khoai tây: 17,5 tấn. Xã đã đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch về lương thực do huyện giao năm 1976, trong đó đóng thuế 76 tấn; thực

hiện nghĩa vụ 36 tấn và bán giá cao 11 tấn¹

Song song với trồng trọt, Đảng bộ cũng chú trọng tới công tác chăn nuôi. Mặc dù năm 1976, dịch bệnh xảy ra ở một số nơi, nhưng đàn gia súc, gia cầm của tập thể vẫn duy trì ổn định với 50 con lợn nái, 50 con lợn bột, 2 con lợn đực giống; vịt thịt 3.000 con; vịt đẻ 400 con; cá con thả 250.000 con. Số đầu gia súc, gia cầm trong chăn nuôi hộ gia đình tăng đáng kể. Đàn trâu, bò, ngựa được giữ vững, đáp ứng nhu cầu sức kéo cho sản xuất của nhân dân.

Sản xuất lâm nghiệp đã có nhiều cố gắng trong công tác trồng và bảo vệ rừng. Hợp tác xã và các đoàn thể đều tiến hành tổ chức trồng cây hưởng ứng Tết trồng cây vào dịp đầu năm mới, đồng thời đẩy mạnh trồng rừng, tổng diện tích trồng cây tập trung và phân tán toàn xã trong 2 năm 1975 - 1976 đạt trên 100 ha. Các loại cây chủ yếu là bạch đàn, xà cừ; hầu hết diện tích đồi, gò cao đều được phủ kín cây xanh. Việc chăm sóc cây lâm nghiệp và khai thác nhựa thông hàng năm đều đạt kế hoạch đề ra.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III), Nghị quyết số 45, số 46 của Tỉnh ủy Bắc Thái về xây dựng và phát triển kinh tế địa phương, phấn đấu đạt và vượt kế hoạch sản xuất của Đại hội Đảng bộ huyện đề ra, Đảng bộ Tân Đức đã tiến hành họp bàn và ra Nghị quyết chuyên đề về sản xuất nông nghiệp. Theo đó, từ ngày 21 đến 24 tháng 8 năm 1976, toàn Đảng bộ được phổ biến, quán triệt,

¹ Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất của HTX nông nghiệp Tân Đức năm 1975-1976

học tập Nghị quyết 61/CP của Hội đồng Chính phủ và Chỉ thị 208 của Ban Bí thư Trung ương về tổ chức lại sản xuất. Với sự tham gia của 105 đồng chí, Hội nghị đã thảo luận, biểu quyết tán thành hợp nhất các hợp tác xã trên địa bàn xã thành hợp tác xã toàn xã Tân Đức. 100% đại biểu dự Hội nghị đã nhất trí biểu quyết.

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ về hợp nhất các hợp tác xã trên địa bàn xã thành hợp tác xã toàn xã Tân Đức. Sau một thời gian ngắn tuyên truyền, vận động, Đại hội xã viên toàn xã được tổ chức tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã Tân Đức từ ngày 21 đến ngày 24 tháng 10 năm 1976. Dự Đại hội có 400 đại biểu đại diện cho xã viên toàn xã. Sau 4 ngày làm việc tích cực, Đại hội đã biểu quyết nhất trí hợp nhất các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn xã thành một hợp tác xã nông nghiệp xã Tân Đức.

Đại hội đã bầu Ban Quản trị và Kiểm soát Hợp tác xã nông nghiệp toàn xã do đồng chí Nghiêm Xuân Cánh làm Chủ nhiệm; Đồng chí Dương Văn Quyền - Phó Chủ nhiệm Thường trực; Đồng chí Nguyễn Tiến Phụ-Kế toán trưởng.

Trên cơ sở hợp tác xã toàn xã, Đảng bộ và chính quyền xã chỉ đạo, tổ chức lại các tổ, đội sản xuất theo quy mô lớn hơn như các tổ làm nghề rừng, làm màu, phân bón, giống, chăn nuôi, làm thủy lợi... và thực hiện các biện pháp thâm canh, quản lý sản xuất, quản lý lao động, từ đó tạo lên được định mức cơ bản; bộ máy Ban quản trị, các đội trưởng, đội phó sản xuất đều hoạt động tốt, có tinh thần trách nhiệm cao. Có thể nói quản lý tốt hoạt động của hợp tác xã trên quy mô toàn xã cùng với

việc đưa giống mới vào gieo trồng là hai thắng lợi có ý nghĩa quan trọng ở Tân Đức thời gian này.

Trong công tác xây dựng Đảng, phát huy những kết quả đã đạt được trong cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, Đảng bộ đã tăng cường và có nhiều biện pháp bồi dưỡng cán bộ, đảng viên như tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị để nghiên cứu về Điều lệ Đảng, các Nghị quyết của Trung ương, của Đảng bộ tỉnh Bắc Thái, Huyện ủy Phú Bình, hướng về Đảng quang vinh, Bác Hồ vĩ đại, dân tộc anh hùng... Qua đó, hầu hết cán bộ, đảng viên đều nâng cao nhận thức tư tưởng, thấy rõ tình hình cách mạng trong giai đoạn mới, xác định rõ trách nhiệm trong việc lãnh đạo và tổ chức thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối của Đảng.

Giữa lúc nhân dân cả nước đang phấn khởi thi đua đẩy mạnh sản xuất, xây dựng đời sống mới, tháng 12 năm 1976, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV của Đảng diễn ra tại thủ đô Hà Nội. Đại hội đã đề ra kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ hai (1976 – 1980) với nhiệm vụ và mục tiêu cơ bản là: Phát triển cải tạo kinh tế - xã hội, phát triển khoa học - kỹ thuật nhằm xây dựng một bước cơ cấu kinh tế mới trong cả nước, mà bộ phận chủ yếu là cơ cấu công - nông nghiệp, cải thiện một bước đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân lao động.

Tiếp theo đó, để nâng cao hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng bộ trong giai đoạn mới và cụ thể hóa phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ II (tháng 4 năm 1977), Đại hội Đảng bộ huyện Phú Bình lần thứ XIV, nhiệm kỳ 1977 - 1979

đã đánh giá, tổng kết các mặt công tác khóa XIII và ra Nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng bộ trong nhiệm kỳ mới là: *“Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng; tiếp tục củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới; phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động; ra sức phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; tăng cường công tác lưu thông phân phối; ra sức phát triển và mở rộng các mặt hàng xuất khẩu; tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa; giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao; cải tiến một bước hoạt động của hệ thống thông tin kinh tế phục vụ đắc lực cho sản xuất nông, lâm, tiểu thủ công nghiệp...”*¹

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, tháng 11 năm 1977, Đảng bộ xã Tân Đức đã tổ chức Đại hội lần thứ XI. Trên cơ sở phân tích và đánh giá toàn diện, đầy đủ, sâu sắc những kết quả mà Đảng bộ đã lãnh đạo đạt được trong nhiệm kỳ, chỉ ra những yếu kém và nguyên nhân tồn tại, Đại hội đã thống nhất đề ra Nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng bộ trong nhiệm kỳ mới với các nét chính: *“Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng bộ; tiếp tục củng cố quan hệ sản xuất mới; phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động; ra sức phát triển nông, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, giáo*

¹ Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Bình: Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Bình (1930-2005), Nhà in báo Thái Nguyên, Thái Nguyên, 2005, tr.263.

dục, y tế, thể dục thể thao”. Nghị quyết Đại hội cũng xác định một số biện pháp chủ yếu để đẩy mạnh sản xuất là: Tăng cường hoạt động của các hợp tác xã, đảm bảo giao thông, thủy lợi, giống cây, giống con, cung ứng kịp thời các loại vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất. Tổ chức sản xuất đúng theo tinh thần Nghị quyết 61 của Hội đồng Chính phủ.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ xã khóa XI gồm 11 đồng chí ủy viên. Tại phiên họp đầu tiên của Ban Chấp hành khóa mới, đồng chí Dương Văn Quyền được bầu làm Bí thư Đảng bộ; Đồng chí Trần Văn Nguyên, Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã khóa XI, được sự giúp đỡ, hướng dẫn, chỉ đạo của cán bộ huyện phân công về xã, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Tân Đức đã tăng cường chỉ đạo các chi bộ, các đội sản xuất tập trung lực lượng xây dựng kế hoạch và triển khai các chiến dịch như làm phân bón, phát triển thủy lợi, làm vụ đông, làm mùa... để hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Về sản xuất lúa, Đảng bộ tập trung lãnh đạo đưa các giống lúa mới có năng suất cao như Bao Thai lùn, Nông nghiệp 294... vào gieo cấy trên diện rộng. Cơ cấu mùa vụ được thay đổi ngày càng phù hợp hơn. Đối với cây màu, Đảng ủy chỉ đạo trồng 100% diện tích khoai lang trên đất màu thay thế một số cây màu khác. Các chỉ tiêu kế hoạch làm phân bón, cấy đúng kỹ thuật, hết diện tích và đảm bảo thời vụ được chỉ đạo chặt chẽ hơn. Bên cạnh đội thủy lợi 202 thường xuyên hoạt động, hàng năm Đảng ủy còn lãnh đạo tổ chức các chiến dịch tu bổ, sửa chữa các tuyến đường giao thông, hệ thống mương

máng, thu hút hàng trăm người tham gia, đào đắp được hàng ngàn mét khối đất đá, xây dựng được hàng chục công thủy lợi nhỏ.

Tuy nhiên, năm 1978 do thời tiết diễn biến phức tạp và khắc nghiệt, vụ xuân giá rét kéo dài làm nhiều loại cây trồng chậm phát triển, vụ mùa cơn bão số 10 gây ngập lụt nghiêm trọng làm lúa và hoa màu bị thiệt hại nặng nên sản xuất nông nghiệp của xã gặp nhiều khó khăn, sản lượng và năng suất đạt thấp. Các loại cây công nghiệp xuất khẩu như hương nhu, bạc hà được đưa vào trồng ở địa phương trong thời gian này nhưng do chưa có kinh nghiệm gieo trồng, chế độ thu mua chưa hợp lý nên sản lượng giảm sút nhanh chóng. Song phần đóng góp nghĩa vụ lương thực với nhà nước, Tân Đức vẫn là đơn vị hoàn thành nhất, nhì huyện.

Bước sang năm 1979, năm thứ tư Tân Đức cùng cả nước thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ hai (1976 - 1980). Giữa lúc nhân dân ta đang hăng say lao động để xây dựng cuộc sống mới trong hòa bình thì tháng 2 năm 1979, chiến tranh biên giới phía Bắc nổ ra. Trước hành động xâm phạm biên giới của kẻ thù, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra lời kêu gọi chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và Nhà nước ban hành lệnh tổng động viên, toàn dân sẵn sàng chiến đấu.

Quán triệt Nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy về tình hình, nhiệm vụ mới, đặc biệt là tình hình chiến tranh biên giới phía Bắc Tổ quốc, Đảng bộ Tân Đức đã huy động đóng góp nhiều ngày công phục vụ công tác chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, chuyển mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến để sẵn sàng chiến đấu và

chiến thắng quân xâm lược. Được sự chỉ đạo của Ban Chỉ huy quân sự huyện, cùng với việc tăng cường cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu của lực lượng dân quân, lực lượng dự bị động viên và nhân dân xã Tân Đức đã tiếp tục phát huy truyền thống “*ba sẵn sàng*” trong chống Mỹ, cứu nước, kết hợp với phong trào “*ba xung kích*” làm chủ tập thể trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, góp sức cùng lực lượng vũ trang sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Chỉ sau hơn 10 ngày xảy ra chiến tranh, nhân dân xã Tân Đức đã hoàn thành hàng nghìn chiếc chông tre chi viện cho hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn để xây dựng tuyến phòng thủ biên giới. Trong 2 năm (1978 - 1979), Tân Đức đã động viên 81 thanh niên lên đường làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Song song với công tác quân sự, thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái: “*Quyết tâm thi đua lao động sản xuất, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch để góp phần chiến thắng quân xâm lược*”, Đảng bộ xã Tân Đức đã phát động phong trào thi đua sôi nổi trong sản xuất nông nghiệp, với quyết tâm cao nhất: “*Chuẩn bị thật tốt các loại giống có năng suất cao. Gieo đủ giống, cấy trồng nhanh, thu hoạch gọn, phân phối lương thực chính xác, giao nộp nghĩa vụ đối với Nhà nước*”. Đảng ủy, chính quyền chỉ đạo nhân dân cấy hết diện tích theo chỉ tiêu kế hoạch. Phần đầu đạt năng suất lúa bình quân 24 tạ/ha, thực hiện các biện pháp đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chủ động phòng trừ sâu bệnh. Hưởng ứng phong trào thi đua do Đảng bộ phát động, hợp tác xã nông nghiệp cũng như các tổ chức, các xã viên đều đăng ký thi đua hoàn thành nghĩa vụ. Công tác phát triển chăn

nuôi được chú trọng, công tác phòng bệnh cho đàn gia súc, gia cầm được chú ý hơn.

Bên cạnh những kết quả đạt được, sản xuất nông nghiệp của xã còn bộc lộ nhiều yếu kém, khuyết điểm. Các mục tiêu về sản xuất nông nghiệp, mua bán đạt thấp so với kế hoạch, trong khi đó dân số tăng nhanh, việc đáp ứng nhu cầu lương thực càng trở nên khó khăn.

Nguyên nhân chính dẫn đến những khó khăn trên là do chưa thực hiện tốt việc áp dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, sử dụng chưa hiệu quả những tiềm năng sẵn có của địa phương như đất đai và lao động. Nhiều biện pháp kỹ thuật từ khâu tưới nước, làm đất, ngâm, ủ, gieo mạ, chỉ đạo thời vụ, chăm sóc, bảo vệ lúa và hoa màu chưa được thực hiện đầy đủ và đúng cách, nhất là khâu chọn giống chưa được coi trọng đúng mức. Các loại giống cây trồng bị thoái hóa nhiều, khả năng chịu úng, hạn và sâu bệnh kém.

Một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng sa sút của nền kinh tế trong những năm này là do trong quá trình lãnh đạo, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất, vai trò làm chủ tập thể của quần chúng chưa được phát huy, tư liệu sản xuất và sức lao động chưa được tận dụng tốt để phát triển sản xuất. Hiện tượng *"rong công phóng điểm"* trong các đội sản xuất của hợp tác xã nông nghiệp xảy ra khá nhiều, công tác quản lý, phân phối sản phẩm chưa thực sự dân chủ, công khai, gây bất bình cho xã viên làm cho phong trào hợp tác xã phát triển không ổn định. Mô hình quản lý phát triển kinh tế trong các hợp tác xã có biểu hiện không còn phù hợp.

Để phát huy những kết quả đạt được và khắc phục những hạn chế, yếu kém trong thời gian này, từ ngày 12 đến ngày 13 tháng 10 năm 1979, Đảng bộ xã Tân Đức tiến hành Đại hội lần thứ XII.

Sau 2 ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc, trên cơ sở đánh giá ưu, khuyết điểm của nhiệm kỳ trước, xuất phát từ đặc điểm tình hình của địa phương và yêu cầu của cách mạng trong giai đoạn mới, Đại hội đã quyết định nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã trong 3 năm 1980 - 1982: *“Phát huy truyền thống đoàn kết của Đảng bộ và nhân dân, khai thác mọi thuận lợi, khắc phục khó khăn, quyết tâm đẩy mạnh sản xuất, trước hết là sản xuất lương thực, thực phẩm, ổn định đời sống nhân dân, củng cố quan hệ sản xuất trên cơ sở tổ chức lại sản xuất. Đẩy mạnh công tác quân sự địa phương, công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đề cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Ra sức xây dựng Đảng vững mạnh về cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức. Nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền và chất lượng hoạt động của các đoàn thể quần chúng.”*

Quán triệt các Nghị quyết của Trung ương, của tỉnh và huyện, Đại hội chỉ rõ: *“Phải thực hiện đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng văn hóa, trong đó, cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt”*. Đại hội đề ra nhiệm vụ cụ thể và các giải pháp chủ yếu cho phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp là: *“Đẩy mạnh sản xuất, nông, lâm nghiệp, phát triển cả trồng trọt và chăn nuôi theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa,*

nhằm tăng nhanh tốc độ phát triển lương thực, thực phẩm để ổn định đời sống nhân dân”.

Đại hội đã bầu Ban chấp hành gồm 13 đồng chí. Đồng chí Dương Văn Quyền được bầu tái cử làm Bí thư Đảng bộ; Đồng chí Trần Văn Nguyên - Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã) và đồng chí Đào Quang Cư - Thường trực Đảng ủy.

Sau khi các Đảng bộ, chi bộ cơ sở tiến hành Đại hội, từ ngày 15 đến 19 tháng 1 năm 1980, Đảng bộ huyện Phú Bình tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ XVII. Căn cứ vào đường lối phát triển kinh tế của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Thái, Đại hội xác định: *“Trong những năm trước mắt cũng như lâu dài, vấn đề lương thực vẫn là nhiệm vụ cấp bách mang tính chiến lược. Do đó, nhiệm vụ của huyện là giải quyết cho được nhu cầu lương thực trên địa bàn và hoàn thành nghĩa vụ lương thực với Nhà nước”*¹.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã đề ra, khắc phục những khó khăn về thời tiết, nhân dân trong xã đã đẩy mạnh cải tiến kỹ thuật trong nông nghiệp, đặc biệt là việc đổi mới cơ cấu giống lúa mới ngắn ngày, kháng sâu bệnh và chịu rét tốt, năng suất cao, phù hợp với điều kiện tự nhiên của xã. Bên cạnh đó, Đảng ủy đã chỉ đạo thí điểm thực hiện nhiều công thức luân canh, tăng vụ, tăng diện tích cây trồng. Vì vậy đã tìm ra công thức phù hợp với điều kiện và trình

¹ Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Bình: Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Bình (1930-2005), Nhà in báo Thái Nguyên, Thái Nguyên, 2005, tr.283.

độ sản xuất của địa phương là: lúa chiêm xuân - lúa mùa sớm - lúa mùa muộn và khoai lang đông. Ba vụ chắc ăn đã thành tập quán sản xuất của nhân dân xã nhà. Nhờ vậy, sản xuất nông nghiệp đã đạt được những kết quả nhất định về diện tích, năng suất và sản lượng. Năm 1980, diện tích trồng lúa toàn xã là 537,7ha, năng suất đạt 18,2 tạ/ha và sản lượng đạt 924 tấn.

Chăn nuôi được xác định với hai hình thức chủ yếu là: chăn nuôi ở hộ xã viên kết hợp với chăn nuôi tập thể. Việc nuôi gia súc đảm bảo sức kéo và cung cấp một phần sức kéo cho miền xuôi, dần đưa ngành chăn nuôi lên thành ngành sản xuất chính trong nông nghiệp và được chú trọng đẩy mạnh. Công tác phòng dịch cho đàn gia súc, gia cầm được chính quyền xã quan tâm, đầu tư. Để đảm bảo về vấn đề nông nghiệp, xã cũng quan tâm đến việc bồi dưỡng trình độ chuyên môn cho cán bộ nông nghiệp. Vì vậy trong thời gian này, trên địa bàn Tân Đức không có dịch bệnh lớn xảy ra.

Trong năm 1980, Đảng bộ đã xác định được phương hướng sản xuất và kinh doanh, ngành nghề để sắp xếp bố trí cây trồng, con giống, ngành nghề kinh doanh cho phù hợp. Xã và hợp tác xã đã tiến hành khoanh làm 3 vùng sản xuất là vùng nước máng, vùng núi và vùng thủy lợi để bố trí cây, con vào sản xuất cho phù hợp với từng vùng sản xuất. Vùng I (vùng thủy lợi) tập trung phát triển lúa, lang, lợn; vùng II (vùng nước máng) tập trung phát triển lúa, lạc, lang, lợn, trâu, bò và vùng III (vùng núi) tập trung phát triển lúa, lạc, lợn, trâu bò, cây lấy gỗ. Tập trung phát triển nghề gạch và ngói máy. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp có nhiều cố gắng, nhưng nhìn

chung quy mô còn nhỏ. Năm 1976, mới sản xuất được 40 vạn viên gạch, 40 vạn viên ngói con; 6,4 vạn viên ngói máy. Ngoài ra, nghề mộc, nề, rèn, vận tải cũng dần hình thành và phát triển, chủ yếu phục vụ nhu cầu của người dân địa phương.

Các ngành phục vụ đời sống của nhân dân địa phương như hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng đều hoạt động tích cực, đạt từ 90% đến 105% kế hoạch của ngành, nhưng do khó khăn chung của cả tỉnh, cả huyện nên vật tư, hàng hóa nhìn chung còn thiếu và chậm, chất lượng không cao, hiệu quả doanh thu chỉ đạt ở mức thấp.

Thực hiện Nghị quyết 33 của Huyện ủy về công tác giao thông, thủy lợi, Đảng bộ, chính quyền xã đã chỉ đạo hợp tác xã nông nghiệp tập trung huy động lực lượng có lúc lên đến 150 người để làm giao thông của xã, các tuyến đường mới đã được mở, các tuyến đường cũ được củng cố, mở rộng, đảm bảo giao thông phục vụ sản xuất và đi lại của nhân dân. Trong thời gian này, xã đã cử một đội tham gia làm các công trình thủy nông trọng điểm trên địa bàn huyện và một đội trực tiếp tham gia xây dựng hệ thống hồ Núi Cốc của huyện Đại Từ¹.

Nhận thức sâu sắc vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và cán bộ đảng viên có ý nghĩa quyết định đến kết quả lãnh đạo phát triển kinh tế văn hóa ở địa phương, trong những năm qua Đảng bộ Tân Đức luôn quan tâm đến công tác xây dựng Đảng trên cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức. Thông qua các đợt học tập Chỉ thị,

¹ Báo cáo của Ủy ban nhân dân xã Tân Đức ngày 24.05.1976

Nghị quyết của cấp trên, trình độ nhận thức, ý thức giác ngộ chính trị của cán bộ, đảng viên ngày càng được nâng cao. Hết nhiệm kỳ, các chi bộ đều tiến hành tổ chức Đại hội và kịp thời kiện toàn cấp ủy. Năm 1979, thi hành Chỉ thị 72 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Đảng bộ Tân Đức đã hoàn thành bước kiểm tra trong Đảng. Năm 1980, thực hiện Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng về công tác giáo dục chính trị tư tưởng, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, Đảng bộ đã tiến hành công tác giáo dục chính trị tư tưởng với nhiều hình thức phong phú như: sinh hoạt nội bộ, tổ chức thông báo tình hình thời sự, mở lớp đào tạo bồi dưỡng... nhằm nâng cao lập trường cách mạng cho cán bộ đảng viên. Ngày 3 tháng 2 năm 1980, Đảng bộ đã tiến hành phát thẻ đảng viên đợt I cho 121 đồng chí, đạt 70%. Đảng bộ tiếp tục thực hiện Chỉ thị 72-CT/TW và Thông tri số 22-TT/TW của Trung ương Đảng về việc củng cố, nâng cao chất lượng đảng viên, đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, công tác phát triển đảng viên mới có nhiều tiến bộ hơn trước, thông qua hoạt động của các đoàn thể quần chúng, nhất là Đoàn Thanh niên, các cấp ủy Đảng đã lựa chọn những đoàn viên ưu tú để kết nạp vào Đảng.

Cùng với công tác xây dựng Đảng, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Tân Đức, công tác xây dựng chính quyền và các đoàn thể quần chúng của xã có bước tiến bộ, cấp ủy Đảng chỉ đạo chặt chẽ cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp. Đại biểu Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thường xuyên được bồi dưỡng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, do đó hoạt động ngày càng tốt hơn.

Công tác giữ gìn an ninh trật tự được đảm bảo. Lực lượng công an là nòng cốt trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh trật tự. Các xóm đều thành lập được tổ bảo vệ, giữ gìn an ninh trật tự. Ban công an xã thường xuyên nắm bắt diễn biến của các loại tội phạm để tham mưu cho Đảng, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo, giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn.

Mặt trận Tổ quốc xã làm tốt công tác động viên, cổ vũ các tầng lớp nhân dân tích cực lao động sản xuất xây dựng quê hương. Đoàn viên thanh niên Tân Đức hăng hái tham gia phong trào *“ba xung kích làm chủ tập thể”*, tích cực thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Hội Phụ nữ Tân Đức là lực lượng đi đầu trong phong trào cấy đúng kỹ thuật, phát triển chăn nuôi, nuôi dạy con, động viên chồng con lên đường làm nghĩa vụ quân sự và tham gia lực lượng dân quân tự vệ sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu. Hội Nông dân tập thể Tân Đức từng bước được kiện toàn tổ chức và chỉ đạo, vận động hợp tác xã nông nghiệp thi đua lao động sản xuất, hoàn thành nhiệm vụ được giao...

Thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Đảng bộ, chính quyền xã Tân Đức luôn xác định các hoạt động văn hóa xã hội là công tác góp phần thắng lợi vào thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng trên lĩnh vực văn hóa tư tưởng, đưa kinh tế phát triển và thực hiện mục tiêu xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Hoạt động văn hóa thông tin trên địa bàn thường xuyên bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương. Công tác tuyên truyền, cổ động đã tập trung vào các nhiệm vụ trung tâm như chiến dịch làm thủy

lợi, làm vụ đông, vụ mùa... Thực hiện Nghị quyết 214 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về xây dựng nếp sống mới, được sự chỉ đạo của Huyện ủy Phú Bình, việc thực hiện nếp sống mới của xã đã có những tiến bộ bước đầu, tập quán lạc hậu từng bước được đẩy lùi, mê tín dị đoan cơ bản được xóa bỏ, tổ chức đám cưới, đám tang gọn nhẹ và tiết kiệm.

Công tác y tế luôn được Đảng bộ và chính quyền xã quan tâm. Trạm y tế xã được tăng cường về cả cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ, đảm bảo cho nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân toàn xã. Trong điều kiện thuốc men còn khan hiếm, nên xã đã tổ chức trồng và chế biến thuốc nam phục vụ chữa bệnh cho nhân dân. Phong trào vệ sinh phòng bệnh được đẩy mạnh. Các chỉ tiêu tiêm chủng mở rộng đều đạt kết quả cao. Trên địa bàn xã không xảy ra các dịch bệnh lớn. Công tác bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em, kế hoạch hóa gia đình triển khai trong toàn xã được đông đảo quần chúng nhiệt tình hưởng ứng.

Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng không nhỏ đến các hoạt động văn hóa xã hội, nhưng công tác giáo dục vẫn được Đảng, chính quyền và các tầng lớp nhân dân quan tâm đầu tư phát triển. Năm học 1977 - 1978, toàn xã có 1.436 học sinh từ mẫu giáo đến cấp III, bình quân 3,1 người dân có 1 người đi học. Năm học 1978 - 1979, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV về cải cách giáo dục, ngành giáo dục đã có những nét nổi bật như phương pháp giảng dạy trong các trường được cải tiến, từng bước thực hiện 3 nguyên lý giáo dục: *"Học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với*

lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội". Nhờ những phong trào thi đua tích cực, chất lượng dạy và học ở các trường không ngừng được nâng cao. Tỷ lệ học sinh lên lớp và thi hết cấp II của xã luôn đạt 80% trở lên. Năm học 1979 - 1980 là năm học đầu tiên thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về cải cách giáo dục, các ngành học phát triển khá đồng bộ. Số học sinh các lớp và các cấp học được duy trì. Phong trào toàn dân chung sức xây dựng sự nghiệp giáo dục đã có những chuyển biến mạnh. Phong trào bổ túc văn hóa được coi trọng. Tân Đức là một trong những xã có phong trào bổ túc văn hóa khá của huyện Phú Bình.

Việc nuôi và dạy trẻ có nhiều cố gắng, được đông đảo chị em phụ nữ và các gia đình có con nhỏ tin tưởng và đồng tình, ủng hộ. Các xóm đều có nhà trẻ, nhưng do điều kiện cơ sở vật chất còn nhiều thiếu thốn, do nguồn kinh phí hạn chế, nhất là chế độ đối với giáo viên mẫu giáo có nhiều khó khăn, nên chỉ huy động được khoảng 30% số cháu trong độ tuổi mẫu giáo đến lớp, chế độ dinh dưỡng cho các cháu chưa đầy đủ, phương pháp nuôi dạy, công tác phòng và khám, chữa bệnh cho các cháu chưa thật khoa học, nên nhìn chung sức khỏe của các cháu chưa thật đảm bảo.

Như vậy, qua 5 năm thực hiện kế hoạch Nhà nước lần thứ hai (1976 - 1980) trải qua 2 kỳ Đại hội, Đảng bộ Tân Đức đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong xã không ngừng phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn thử thách, phát huy những mặt thuận lợi để xây dựng và bảo vệ quê hương, đạt được những kết quả quan trọng:

sản xuất nông nghiệp có những bước đi tương đối toàn diện, sự nghiệp văn hóa, y tế, giáo dục, quốc phòng an ninh được giữ vững và phát triển, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện, hoàn thành tốt nghĩa vụ đóng góp với Nhà nước... Với những thành tích đạt được đã góp phần ổn định đời sống của nhân dân, cùng nhân dân cả nước bước vào giai đoạn mới.

II. Đảng bộ Tân Đức lãnh đạo thực hiện cơ chế khoán sản phẩm nông nghiệp (1981 - 1985)

Ngày 13 tháng 1 năm 1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 100-CT/TW (thường gọi tắt là khoán 100) "*Về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp*", xác lập trách nhiệm, quyền lợi của người lao động, đảm bảo hài hòa các mặt lợi ích kinh tế, bước đầu quan tâm đến lợi ích kinh tế của người lao động đối với phần vượt khoán. Khoán 100 là kết quả quá trình khảo nghiệm, bước đầu tìm tòi, đổi mới tư duy của Đảng và Nhà nước nhằm "*cởi trói*" cho hộ xã viên, giải phóng sức sản xuất trong nông nghiệp, tạo động lực mới đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế. Đây là một chủ trương mới, một mốc quan trọng đánh dấu bước chuyển hướng chỉ đạo quản lý sản xuất nông nghiệp của Đảng và Nhà nước ta.

Trên thực tế, từ những năm 1978-1980, do yêu cầu đẩy mạnh sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh tế để đảm bảo đời sống nhân dân, một số hợp tác xã nông nghiệp ở địa bàn lân cận đã dùng hình thức khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động đối với nhiều loại cây trồng.

Ban Chấp hành Tỉnh ủy Bắc Thái đã có Nghị quyết số 03 chỉ đạo về khoán sản phẩm trong các hợp tác xã nông nghiệp.

Hợp tác xã Tân Đức đã khoán sản phẩm cây màu cho người lao động như cây khoai lang và một số cây màu khác. Bên cạnh đó hợp tác xã cũng đã mạnh dạn khoán một phần diện tích lúa cho người lao động.

Hình thức khoán này đã bước đầu phát huy tác dụng tích cực, nhưng vì chưa có sự chỉ đạo và hướng dẫn thống nhất, nên việc thực hiện giao khoán ở một số nơi có những thiếu sót, lệch lạc trong quá trình thực hiện. Nay để các cấp ủy Đảng từ huyện đến cơ sở đều nhận thức sâu sắc về sự cần thiết củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, để thấy được rằng đó là cơ sở để động viên mọi lực lượng lao động phấn đấu thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ của địa phương, Huyện ủy Phú Bình đã lãnh đạo chặt chẽ việc xem xét, điều chỉnh lại quy mô hợp tác xã cho phù hợp với trình độ quản lý của cán bộ và địa bàn hoạt động của miền núi. Đồng thời triển khai làm điểm rồi nhân ra diện rộng. Từ ý nghĩa kinh tế của việc khoán sản phẩm, lại phù hợp với nguyện vọng của đông đảo quần chúng nhân dân nên chủ trương này được nhân dân Phú Bình đồng tình hưởng ứng.

Theo cơ chế mới, hợp tác xã chịu trách nhiệm 5 khâu (làm đất, đảm bảo nước, giống, phân bón, phòng trừ sâu bệnh); xã viên đảm bảo 3 khâu (gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch). Khoán sản phẩm bắt đầu từ cây lúa, đến cây màu, cây công nghiệp và chăn nuôi, nghề rừng là chiều hướng phát triển, bước đầu phản ánh sự đổi mới trong công tác quản lý kinh tế nông lâm nghiệp, góp phần đẩy

mạnh phát triển kinh tế, tăng cường củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Để tăng cường sự lãnh đạo trong công tác khoán mới và tổ chức lại sản xuất, từ ngày 21 đến ngày 23 tháng 3 năm 1981, Đại hội Đảng bộ xã Tân Đức lần thứ XIII (vòng 1) diễn ra tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã. Đại hội có nhiệm vụ thảo luận, đóng góp ý kiến vào các văn kiện của Trung ương Đảng, của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Ban Chấp hành Đảng bộ huyện.

Trên cơ sở đánh giá những thuận lợi và khó khăn khi bước vào thực hiện cơ chế khoán mới, Đại hội đã đề ra phương hướng và nhiệm vụ cụ thể của xã trong 2 năm 1981 – 1982: Trong năm 1981, cùng với công tác tiến hành Đại hội, Đảng bộ Tân Đức đã tập trung củng cố, kiện toàn và tăng cường hiệu lực của chính quyền Nhà nước ở địa phương. Ngày 01 tháng 11 năm 1981, cuộc bầu cử Quốc hội khóa VII và bầu cử Hội đồng nhân dân đã diễn ra an toàn, thắng lợi và đúng luật. Ủy ban nhân dân xã Tân Đức do đồng chí Trần Văn Nguyên làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, đồng chí Nghiêm Xuân Cánh- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Thông qua bầu cử cán bộ cơ sở được kiện toàn theo hướng trẻ hóa và nâng cao trình độ kiến thức quản lý, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương.

Luôn coi nông nghiệp là lĩnh vực quan trọng, dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, những khó khăn, vướng mắc trong sản xuất nông nghiệp đã được Trung ương giải quyết, uốn nắn kịp thời, sản

xuất nông nghiệp trên địa bàn Tân Đức tiếp tục phát triển. Thực hiện Hướng dẫn số 03 của Tỉnh ủy, Đảng bộ xã đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch “*ba khoán*” bao gồm: khoán sản lượng, khoán chi phí, khoán công điểm cho các đội sản xuất. Cùng với việc thực hiện khoán, hợp tác xã nông nghiệp toàn xã Tân Đức đã củng cố ổn định quy mô hợp nhất của hợp tác xã nông - lâm nghiệp. Bộ máy quản lý được kiện toàn, đội ngũ cán bộ cốt cán được bồi dưỡng về chính sách khoán mới, khắc phục dần sự lúng túng về quản lý và điều hành, khí thế lao động của xã viên được phát huy mạnh mẽ. Nhờ đó, trong sản xuất nông nghiệp của xã đã đạt được nhiều kết quả quan trọng.

Với sự lãnh đạo sát sao của Đảng bộ Tân Đức, sản xuất nông nghiệp đã đạt bước phát triển khá. Cùng với đó tư liệu sản xuất cũng được đầu tư thêm để đẩy mạnh nông nghiệp phát triển, bà con nông dân đã tự giác đầu tư thêm công lao động, đầu tư phân bón, cải tiến giống lúa mới để tăng năng suất. Vì vậy, mặc dù năm 1981, diện tích lúa toàn xã chỉ đạt 499,5ha, giảm 8,2ha so với năm 1980, song năng suất và sản lượng đều tăng, năng suất lúa đạt 20,4 tạ/ha và sản lượng đạt 1.019 tấn¹.

Cùng với cây lúa, cây màu có vị trí quan trọng trong sản xuất lương thực của xã. Các loại cây hoa màu đều tăng cả về diện tích, năng suất và sản lượng. Năm 1981, xã trồng được 50 mẫu lạc, sản lượng 10 tấn. Việc trồng hoa màu đã phục vụ cho chăn nuôi, góp phần giải quyết khó khăn về đời sống của nhân dân trong xã và đóng góp nghĩa vụ với Nhà nước.

¹ Báo cáo tham luận của xã Tân Đức tại Đại hội thi đua yêu nước tỉnh Bắc Thái năm 1984.

Trong sản xuất nông nghiệp, song song với đẩy mạnh phát triển trồng trọt, Đảng bộ và nhân dân Tân Đức luôn coi trọng đẩy mạnh phát triển chăn nuôi. Với chủ trương phát triển chăn nuôi toàn diện gia súc, gia cầm ở cả hai khu vực kinh tế hộ gia đình và tập thể, địa phương đã chú trọng cải tiến các biện pháp kỹ thuật và làm tốt công tác quản lý để đảm bảo đáp ứng yêu cầu sức kéo của địa phương và ổn định đời sống nhân dân.

Cùng với những thắng lợi trong nông nghiệp, lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp cũng thu được những kết quả quan trọng. Năm 1981, sản xuất được 10,68 vạn viên gạch, tăng 5,68 vạn viên so với năm 1976; 56,6 vạn viên ngói mũi, tăng 16,6 vạn viên so với năm 1976; 45,7 vạn viên ngói móc (tăng 39,3 vạn viên so với năm 1976); 900 viên ngói bò¹.

Công tác giao thông, thủy lợi và các công trình công cộng được quan tâm đầu tư xây dựng. Nhiều nhà kho, sân phơi của hợp tác xã nông nghiệp được củng cố, mở rộng. Cửa hàng hợp tác xã mua bán được xây dựng với quy mô khá, phục vụ kinh doanh thương nghiệp.

Năm 1981, Đảng bộ Tân Đức tiếp tục thực hiện Chỉ thị 83 về công tác phát triển đảng viên và đợt sinh hoạt chính trị theo Chỉ thị 04 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Tính đến tháng 12 năm 1981, toàn Đảng bộ có 175 đảng viên, trong đó có 156 đảng viên được nhận thẻ. Công tác phát triển Đảng đã góp phần nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm của đảng viên, Đảng bộ xã được củng cố ngày càng vững mạnh đáp ứng được những nhiệm vụ trong thời gian tiếp theo.

¹ Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất của HTX nông nghiệp xã Tân Đức năm 1981.

Tháng 3 năm 1982, sau khi đánh giá những thành tựu và khuyết điểm, sai lầm, phân tích nguyên nhân của những thắng lợi và khó khăn chung của đất nước, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V đã nêu rõ 2 nhiệm vụ chính trong giai đoạn mới của cách mạng là: Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội; sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đại hội chỉ rõ hai nhiệm vụ đó có mối quan hệ mật thiết với nhau. Để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội trong chặng đường đầu, Đại hội đã đề ra phương hướng nhiệm vụ và những mục tiêu chủ yếu về kinh tế và xã hội trong 5 năm (1981 - 1985) và những năm tiếp theo. Đặc biệt, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xác định phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội và đặt mức phấn đấu cụ thể từ năm 1983 đến năm 1985.

Từ ngày 23 đến 25 tháng 10 năm 1982, Đảng bộ Tân Đức tiến hành Đại hội lần thứ XIII (vòng 2). Căn cứ vào đặc điểm tình hình và những nhiệm vụ mới của xã, Đại hội xác định: Nhiệm vụ những năm tiếp theo của Đảng bộ và nhân dân xã Tân Đức là ổn định sản xuất và từng bước cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững an ninh trật tự và an toàn xã hội.

Đại hội bầu Ban chấp hành gồm 13 đồng chí, do đồng chí Dương Văn Quyền làm Bí thư; Đồng chí Trần Văn Nguyên - Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân); đồng chí Nguyễn Hữu Vực - Thường trực Đảng ủy.

Sau thành công của Đại hội, Đảng bộ và nhân dân Tân Đức tích cực thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm

lần thứ ba; thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ huyện Phú Bình và những phương hướng, nhiệm vụ trong 3 năm (1983 - 1985).

Phát huy những thành tích đạt được trong năm 1981, những năm tiếp theo, nhân dân Tân Đức tiếp tục thực hiện cơ chế khoán sản phẩm, từng bước phá thế độc canh cây lúa, trồng đa dạng các loại cây màu đem lại giá trị kinh tế cao như ngô, sắn... Nhờ việc tận dụng thời gian lao động hợp lý, thực hiện các biện pháp kỹ thuật liên hoàn như nước, phân, cần, giống, thời vụ sản xuất nông nghiệp của xã đạt kết quả cao. Năm 1982, diện tích lúa đạt 496 ha, năng suất đạt 22,5 tạ/ha, sản lượng đạt 1.117 tấn. Và năm 1983, mặc dù diện tích lúa giảm xuống còn 454ha, song năng suất đạt tới 25,2 tạ/ha, đưa sản lượng lúa cả năm đạt 1.144 tấn¹. Nhưng năm 1984 thời tiết khắc nghiệt, mất mùa làm cho đời sống nhân dân hết sức khó khăn.

Bước sang năm 1985, năm có vị trí đặc biệt quan trọng vì đây là năm cuối cùng của kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ ba, xã đã tập trung nhân lực, vật lực vào phát triển sản xuất. Để đạt được mục tiêu sản xuất và chủ động nước tưới tiêu trong sản xuất, công tác thủy lợi được đặc biệt chú trọng, đồng thời, bà con cũng chú ý tăng nguồn phân bón, thay đổi cơ cấu giống lúa.

Đảng bộ và hợp tác xã nhận định: Sản lượng thóc hàng năm có tăng nhưng không thể đáp ứng đầy đủ cho nhu cầu ngày càng cao của sự phát triển, làm nghĩa vụ đối với Nhà nước và nhu cầu tiêu dùng của địa phương.

¹ Báo cáo tham luận của xã Tân Đức tại Đại hội thi đua yêu nước tỉnh Bắc Thái năm 1984.

Trong khi đó, tăng sản lượng lương thực bằng cách tăng diện tích trồng lúa là có hạn mà thực tế ở địa phương, diện tích gieo trồng lúa chưa tăng. Việc đầu tư để tăng năng suất cây trồng cũng còn nhiều khó khăn, nhất là giống mới và phân vô cơ.

Từ nhận thức trên, Đảng bộ nhận thấy: Để giải quyết vấn đề lương thực cho nhân dân không có con đường nào khác là phải phát triển mạnh cây màu và cây công nghiệp, tăng diện tích cây màu (khoai lang) để giải quyết lúc giáp hạt và phục vụ chăn nuôi. Mở rộng diện tích cây công nghiệp để xuất khẩu và trao đổi lấy phân bón phục vụ sản xuất. Đảng bộ xác định, trước hết phải mở rộng diện tích trồng lạc vì đây là cây trồng có giá trị kinh tế cao, có thể mang lại nguồn thu nhập cao cho xã viên. Quá trình sinh trưởng, phát triển cũng phù hợp với điều kiện đồng đất, sức đầu tư chăm bón của người dân địa phương. Ngoài ra, sản phẩm phụ của lạc cũng là nguồn phân xanh quan trọng để chăm bón lúa và hoa màu.

Năm 1985, cây lạc đã trở thành cây trồng chủ lực của xã viên, riêng hợp tác xã nông nghiệp chỉ đạo trồng 20ha, sản lượng đạt 20 tấn. Trong giai đoạn này, trình độ thâm canh, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất của nông dân cũng được nâng lên một bước. Đó là những yếu tố thuận lợi cơ bản cho phát triển nông nghiệp của xã những năm sau này.

Trong chăn nuôi, Đảng bộ Tân Đức rất chú trọng đến việc bồi dưỡng cho cán bộ nông nghiệp của xã những kiến thức về công tác chăn nuôi, thực hiện cơ chế khoán mới nhằm đưa chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính

trong nông nghiệp và cân đối với trồng trọt. Từng hộ gia đình được cán bộ xã hướng dẫn về việc chọn giống, áp dụng biện pháp phòng chống dịch bệnh cho gia súc gia cầm đem lại lợi ích kinh tế cao. Trên cơ sở 10% diện tích đất dành cho chăn nuôi, xã đã từng bước phát triển đàn gia súc, gia cầm một cách vững chắc để làm nghĩa vụ cho nhà nước và phục vụ nhu cầu của người dân, đồng thời cũng tạo ra một lượng phân bón đáng kể cho thâm canh tăng vụ trong điều kiện cụ thể của địa phương.

Bình quân cứ từ 3 đến 5 hộ gia đình có 1 con lợn nái, từ đó góp phần vào việc chủ động giải quyết con giống. Bình quân mỗi hộ chăn nuôi từ 2 đến 2,5 con lợn bột. Để đáp ứng nhu cầu sức kéo phục vụ sản xuất và phân bón cho cây trồng, bằng nhiều biện pháp, Đảng bộ đã lãnh đạo việc huy động nguồn vốn trong xã viên kết hợp với vốn của tập thể và của Ngân hàng nhà nước, chỉ đạo hợp tác xã nông nghiệp mua thêm được 485 con trâu cho tập thể. Nâng tổng số đàn trâu, bò do hợp tác xã nông nghiệp quản lý lên 678 con, cơ bản giải quyết đủ sức kéo phục vụ sản xuất. Bình quân 1,5 hộ có 1 con trâu hoặc bò.

Do sử dụng đất 10% đúng mục đích cho việc chăn nuôi nên đàn lợn của Tân Đức không ngừng tăng lên, hợp tác xã luôn hoàn thành nghĩa vụ thực phẩm với Nhà nước, đặc biệt năm 1983, hoàn thành vượt mức kế hoạch. Riêng ngày 13 tháng 10 năm 1983, chỉ chưa đến 3 giờ, hợp tác xã đã huy động được 15,6 tấn lợn hơi, vượt mức chỉ tiêu kế hoạch giao 3.316kg.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVII, coi sản xuất lâm nghiệp là một trong 3 mục

tiêu chính của huyện, Tân Đức đã đưa một số cây trồng vừa có giá trị kinh tế cao, vừa có tác dụng bảo vệ môi trường, màu xanh quê hương như: Vải, quýt, nhãn, cam... vào địa phương. Xã cũng đã xây dựng kế hoạch trồng và bảo vệ rừng chặt chẽ, diện tích trồng rừng chủ yếu là bạch đàn, đã che phủ hầu hết các đồi, núi của xã.

Sự phát triển của kinh tế nông nghiệp qua thực hiện Chỉ thị 100 đã tạo cho phong trào ba ngọn cờ hồng của xã phát triển với nhiều thành tựu; hợp tác xã nông nghiệp đã bớt khó khăn, hợp tác xã tín dụng nhờ có phong trào sản xuất phát triển, nhân dân bắt đầu có vốn tích lũy. Thực hiện chủ trương của Đảng, Tân Đức đã mở hai cuộc vận động mua công trái được 185.500 đồng. Hợp tác xã mua bán đã làm tốt công tác kinh doanh thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân, do vậy liên tục là đơn vị tiên tiến, lá cờ đầu của ngành hợp tác xã mua bán của huyện.

Như vậy, qua 5 năm thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, với sự phấn khởi, tinh thần nhiệt tình nhân dân Tân Đức đã đạt nhiều mục tiêu đề ra. Hợp tác xã nông nghiệp của Tân Đức đã làm tốt công tác quản lý, phân công và sử dụng lao động hợp lý. Đất đai được sử dụng đầy đủ và hợp lý hơn. Trách nhiệm của người lao động thực sự đã gắn với sản xuất và đời sống của họ nên các biện pháp kỹ thuật thâm canh được chú ý áp dụng hiệu quả... Công tác quản lý tài chính, phân phối lưu thông, gửi tiền tiết kiệm, đổi tiền... đều đạt kết quả khá, đảm bảo thực hiện đúng chủ trương, chính

sách của Đảng và nhà nước, hạn chế nảy sinh tiêu cực.

Đảng bộ Tân Đức luôn coi trọng việc xây dựng cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng phục vụ cho sản xuất và đời sống. Hệ thống đường giao thông liên xóm, liên xã thường xuyên được tu sửa, mở rộng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đi lại và phát triển sản xuất của nhân dân. Ngày 12 tháng 8 năm 1983, Ban Chấp hành Đảng bộ xã khóa XIII họp bàn và thống nhất chủ trương công tác đảm bảo giao thông trong thời gian tới, trong đó có chủ trương triển khai kế hoạch xây dựng cầu qua sông Đào, đây là mốc đánh dấu quan trọng trong công tác xây dựng cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện để Tân Đức xây dựng cơ sở hạ tầng, nhất là giao thông, thủy lợi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương sau này.

Trong thời gian thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ ba (1981 - 1985), song song với nhiệm vụ lãnh đạo sản xuất kinh tế, các lĩnh vực văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, an ninh, quốc phòng... được Đảng bộ Tân Đức quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, có những chuyển biến tiến bộ hơn trước.

Sự nghiệp văn hóa giáo dục được Đảng bộ đặc biệt quan tâm. Hàng năm xã đều tranh thủ sự giúp đỡ của huyện và sự ủng hộ của nhân dân để làm mới, sửa chữa phòng học bị hư hỏng, mua sắm thêm bàn ghế, đồ dùng học tập đảm bảo công tác dạy và học của thầy và trò. Phát huy phong trào thi đua hai tốt trong giáo dục, mặc dù trong điều kiện trường lớp chưa được quy hoạch gọn, các lớp 1, 2 còn học ở dưới các xóm nhưng các thầy, cô đã thi đua dạy tốt, học tốt. Tổng số học sinh phổ thông các cấp năm học 1982 - 1983 toàn xã lên tới 1.439 học

sinh, tăng gần 300 em so với năm học 1977 - 1978 ¹.

Chất lượng dạy và học tiếp tục được giữ vững; 82% - 87% học sinh cấp I và 90% học sinh cấp II đỗ tốt nghiệp và trên 90% số học sinh được lên lớp. Riêng hệ mẫu giáo, nhà trẻ do quá khó khăn về trường lớp và điều kiện nuôi dạy nên số cháu trong độ tuổi đến lớp còn thấp.

Công tác y tế: Chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân trong xã đã có những cố gắng vượt bậc. Trong thời gian 5 năm (1981 - 1985), với sự hướng dẫn của cán bộ y tế xã nên đã không xảy ra dịch bệnh lớn, trạm y tế xã với 3 y sĩ và y tá đã kết hợp với y tế tuyến trên khám chữa bệnh cho hàng ngàn lượt người, các bệnh thông thường đã được điều trị kịp thời, không có dịch bệnh lớn xảy ra. Việc chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, xây dựng củng cố các công trình vệ sinh gia đình được duy trì thường xuyên. Do làm tốt công tác tuyên truyền nên công tác kế hoạch hóa gia đình đã thu được kết quả khá, tỉ lệ phát triển dân số tự nhiên từ 4% năm 1980 giảm xuống còn 2,5% năm 1983.

Theo tinh thần Chỉ thị 24 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Nghị quyết 159 của Hội đồng Bộ trưởng về công tác văn hóa thông tin: Đẩy mạnh công cuộc xây dựng nền văn hóa mới, con người mới, bám sát yêu cầu của cách mạng và phù hợp với khả năng kinh tế, thúc đẩy tốt hơn nữa công cuộc xây dựng chế độ mới và nền kinh tế mới. Tăng cường đấu tranh xóa bỏ các tệ nạn xã hội cũ, những tàn dư của nền văn hóa phản động, cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh có nhiều tiến

¹ Báo cáo của Ủy ban nhân dân xã Tân Đức năm 1983.

bộ. Phong trào thể dục thể thao tiếp tục được duy trì, đội bóng đá, bóng chuyền của xã thu hút thanh niên Tân Đức tham gia tích cực. Tổ văn hóa thông tin xã thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước, đồng thời tích cực động viên nhân dân ra quân trong các chiến dịch làm thủy lợi, giao thông, bảo vệ mùa màng... Phong trào văn hóa văn nghệ diễn ra sôi nổi, góp phần cải thiện và nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân trong xã. Những biến đổi sâu sắc trong lĩnh vực đời sống tinh thần đã góp phần tạo nên những con người mới trong lao động, sản xuất.

Công tác quân sự địa phương luôn được chú trọng, cấp ủy Đảng luôn luôn quan tâm lãnh đạo việc tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức rõ về đường lối chiến tranh nhân dân và nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nêu cao tinh thần cảnh giác, đấu tranh ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu và các hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch. Công tác động viên tuyển quân hàng năm đều hoàn thành 100% chỉ tiêu trên giao. Lực lượng dân quân thường xuyên được luyện tập kỹ, sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu nếu có chiến sự xảy ra.

Quán triệt Chỉ thị số 92 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh, Đảng bộ xã đã chỉ đạo chặt chẽ các đợt sinh hoạt chính trị đối với cán bộ, trưởng, phó công an xã, qua đó đã tạo sự chuyển biến thực tế về nhận thức và hành động trong toàn Đảng, toàn dân về nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Lực lượng công an xã đã phối hợp với các đoàn thể, nhà

trường và hợp tác xã giáo dục cho nhân dân nhận thức sâu sắc về âm mưu, thủ đoạn phá hoại mới của kẻ thù đối với nước ta.

Trong quá trình lãnh đạo nhân dân thực hiện tốt hai nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng bộ Tân Đức cũng luôn chú trọng đến công tác xây dựng, củng cố tổ chức Đảng, chính quyền và các ban ngành, đoàn thể quần chúng.

Đảng bộ đã tiến hành tổ chức giáo dục về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho các cán bộ đảng viên học tập; triển khai thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy, Huyện ủy và chủ trương của xã. Sau khi hoàn thành công tác phát triển đảng viên, các đảng viên trong toàn Đảng bộ được tham gia nghiên cứu, học tập Nghị quyết 26 của Trung ương Đảng (khóa V) và Chỉ thị 79 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Qua học tập, nhận thức của mỗi đồng chí đảng viên đều được nâng lên, ý thức tổ chức kỷ luật của Đảng được tôn trọng. Công tác giữ gìn tổ chức kỷ luật của Đảng bộ thường xuyên và đi vào nền nếp, mỗi cán bộ đảng viên đều nâng cao ý thức kỷ luật một cách tự giác, đi sinh hoạt đều, đóng đảng phí đầy đủ, công tác đấu tranh phê bình và tự phê bình là một nhiệm vụ nhằm xây dựng Đảng bộ vững mạnh. Thông qua các kỳ sinh hoạt, sơ kết, tổng kết, Đảng bộ đều kiểm điểm, đánh giá kết quả lãnh đạo, đẩy mạnh đấu tranh phê bình và tự phê bình nhằm không ngừng nâng cao sức chiến đấu của từng đảng viên và tổ chức Đảng.

Tính đến năm 1984, Đảng bộ Tân Đức có 174 đảng viên, tổ chức thành 14 chi bộ, trong đó có 13 chi bộ

lãnh đạo 13 đội sản xuất, 1 chi bộ trường học. Đảng viên trong Đảng bộ luôn phấn đấu thực hiện 5 nhiệm vụ của người đảng viên do Trung ương quy định. Việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ thường xuyên hay đột xuất đều hoàn thành và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đảng bộ luôn phấn đấu là Đảng bộ vững mạnh, qua đánh giá phân loại hàng năm, Đảng bộ có 10/14 chi bộ đạt tiêu chuẩn chi bộ vững mạnh, 4/10 chi bộ khá, không có chi bộ yếu kém.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, công tác phát triển đảng viên của Đảng bộ trong những năm qua chưa đạt kế hoạch đề ra, chỉ có 6 đảng viên mới được kết nạp, trong khi đó xử lý xóa tên khỏi danh sách đảng viên là 8 đồng chí¹.

Trong quá trình lãnh đạo nhân dân thực hiện Chỉ thị 100 và thực hiện những nhiệm vụ của kế hoạch Nhà nước 5 năm (1981 - 1985), dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền xã được củng cố. Xã đã tổ chức thành công cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp vào ngày 6 tháng 5 năm 1984.

Cùng với Đảng bộ và chính quyền xã, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội của xã với vai trò là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, đã cùng với Đảng bộ xã vận động, chỉ đạo nhân dân thực hiện các nhiệm vụ mà Đảng đề ra. Mặt trận Tổ quốc xã đã phát huy truyền thống đoàn kết toàn dân, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân, tham gia xây dựng và củng cố chính quyền, động viên nhân dân thực

¹ Báo cáo tham luận của Tân Đức tại Đại hội thi đua yêu nước tỉnh Bắc Thái năm 1984.

hiện quyền làm chủ, nghiêm chỉnh thi hành hiến pháp và pháp luật của Nhà nước, phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo, tích cực sản xuất, thực hành tiết kiệm, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Các phong trào của các tổ chức thành viên Mặt trận Tổ quốc như Hội Nông dân với hội thi cày giỏi, sản xuất giỏi, chăn nuôi giỏi... đã tạo ra những chuyển biến mới trong phong trào sản xuất nông nghiệp. Đoàn Thanh niên đã làm tốt công tác động viên thanh niên hưởng ứng phong trào thi đua *“Ba xung kích làm chủ tập thể”*, *“Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”*, thành lập các đội *“Thanh niên xung kích”*, thu hút hàng trăm đoàn viên, thanh niên tham gia, làm trụ cột trong các chiến dịch làm phân bón, làm thủy lợi, làm đường giao thông, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, xây dựng lực lượng dân quân của xã.

Hội Phụ nữ tổ chức tốt phong trào thi đua *“Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”*. Các chi hội đảm nhận với hợp tác xã việc cấy đúng kỹ thuật, chăm sóc lúa cao sản, đẩy mạnh chăn nuôi kết hợp với các ngành đi sâu chỉ đạo việc xây dựng gia đình văn hóa mới, nuôi con khỏe, dạy con ngoan. Đời sống nhân dân đã ổn định hơn trước, các gia đình thuộc diện chính sách như: Thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng... được Đảng bộ, chính quyền xã quan tâm chăm sóc, giải quyết chu đáo mọi chế độ, chính sách do Nhà nước ban hành.

Mười năm sau chiến tranh, với tiềm năng đất đai và lao động dồi dào, giao thông, thủy lợi khá thuận tiện, cùng với sự chỉ đạo kịp thời, đúng hướng của Đảng bộ,

Tân Đức đã từng bước khai thác được tiềm năng, thế mạnh của mình một cách có hiệu quả. Đặc biệt, từ khi có Chỉ thị 100 đã tạo ra một động lực mới trong sản xuất nông nghiệp, ràng buộc trách nhiệm và quyền lợi xã viên đối với từng việc giao khoán và gián tiếp gắn với sản phẩm cuối cùng. Tân Đức cơ bản tháo gỡ được nhiều vướng mắc, bước đầu khơi dậy được tinh thần làm chủ của người lao động, tạo đà cho nông nghiệp phát triển. Nhờ đó, kinh tế ổn định hơn, đời sống nhân dân được cải thiện, tổng sản lượng lương thực ngày một tăng. Hàng năm, đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu trên giao.

Tuy nhiên, đây mới là thành tích bước đầu của chặng đường đầu tiên trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trước mắt, kinh tế còn rất khó khăn, đặc biệt là sai lầm trong tổng điều chỉnh giá, lương, tiền vào tháng 9 năm 1985 đã làm cho tình hình kinh tế của Tân Đức nói riêng, Phú Bình nói chung đứng trước nhiều khó khăn gay gắt. Khủng hoảng kinh tế - xã hội có dấu hiệu phức tạp trầm trọng. Cuối năm 1985 tình hình hợp tác xã nông nghiệp có biểu hiện hoạt động kém hiệu quả, tình hình ruộng đất vẫn ổn định nhưng hợp tác xã lớn đã không giải quyết được những đòi hỏi của sự phát triển trong tình hình mới, quan hệ sản xuất có biểu hiện không còn phù hợp với lực lượng sản xuất. Cơ sở vật chất của tập thể từ những năm đầu xây dựng hợp tác xã bị hư hại, lãng phí lớn, nhà kho, sân phơi, bờ vùng, bờ thửa, không còn được giữ nguyên vẹn như trước. Việc thanh toán khoán, các khâu điều hành chưa được kịp thời, nhất là khâu vật tư phân bón còn chậm, phòng trừ sâu bệnh

chưa được chỉ đạo chặt chẽ.

Giai đoạn 1975 - 1985, sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Tân Đức là một quá trình tích lũy kinh nghiệm để dẫn đến bước đổi mới là sự đấu tranh giữa cái cũ và cái mới, giữa nghèo nàn, lạc hậu với sự phát triển. Đó là quá trình khắc phục tư duy cũ trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Chính từ thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội, cùng những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân là nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Bằng bản lĩnh chính trị của một Đảng cầm quyền, những quyết sách của Đảng và Nhà nước trong 10 năm tiến hành đổi mới có ý nghĩa hết sức lớn lao không chỉ đối với hôm nay mà còn đối với tương lai đất nước.

Chặng đường phấn đấu 10 năm đầy gian nan, thử thách nhưng cũng rất đổi tự hào để Đảng bộ, quân và dân Tân Đức rút ra được những bài học quý báu bước vào giai đoạn đổi mới và phát triển tiếp theo, đó là: Cần phải cụ thể hóa đường lối chung và đường lối kinh tế sát với những điều kiện lịch sử cụ thể của đất nước, với những yêu cầu và khả năng của nhân dân trong từng chặng đường. Trong chặng đường đầu tiên, cần tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Phải luôn giữ gìn và phát huy sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ, sự đồng thuận trong nhân dân. Đoàn kết là sức mạnh, dù khó khăn mấy cũng sẽ vượt qua. Xây dựng, củng cố tổ chức Đảng thành một khối thống nhất về tư tưởng và hành động, tạo niềm tin của quần chúng vào Đảng. Từ

đó phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, đưa đường lối, Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống.

CHƯƠNG V
ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN TÂN ĐỨC THỰC HIỆN
ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG VÀ TIẾN
HÀNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA
NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN
(1986 - 2010)

I. Những năm đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, tập trung phát triển sản xuất, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân (1986 - 1995)

1. Đảng bộ và nhân dân xã Tân Đức trong kế hoạch kinh tế 5 năm lần thứ tư (1986 - 1990)

Sau 5 năm thực hiện kế hoạch Nhà nước (1981 - 1985), tiếp thu và vận dụng sáng tạo Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, Nghị quyết Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ V, Nghị quyết Đảng bộ huyện Phú Bình lần thứ XVIII vào điều kiện cụ thể của địa phương. Đặc biệt là Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng Về thực hiện công tác khoán hộ, quê hương Tân Đức đang ngày càng “*thay da đổi thịt*”. Bước sang năm 1986, năm mở đầu cho kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ tư (1986 - 1990), năm thực hiện Nghị quyết 8, Nghị quyết 9 của Trung ương Đảng (khoá V) về nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa xã hội. Vì vậy, ngay từ đầu năm, cùng với toàn tỉnh, Đảng bộ và nhân dân xã Tân Đức đã không ngừng cố gắng tập trung mọi tiềm năng,

phát huy tính năng động, sáng tạo, tự lực, tự cường, lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI.

Thực hiện Chỉ thị số 80-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tiến hành Đại hội Đảng các cấp, trong 2 ngày 18 và 19 tháng 5 năm 1986, Đảng bộ Tân Đức tiến hành Đại hội lần thứ XIV tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã, với sự tham dự của 187/198 đồng chí đảng viên trong Đảng bộ.

Với tinh thần thực sự đổi mới, khẩn trương, nghiêm túc, công khai và dân chủ, Đại hội đã ghi nhận và đánh giá cao kết quả đã đạt được và thẳng thắn chỉ ra những khuyết điểm yếu kém trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ khóa XIII. Để thực hiện mục tiêu tổng quát: *“Đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Khắc phục khó khăn, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân”*, Đảng bộ đã đề ra các nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu nhằm ổn định và phát triển sản xuất, thực hiện các chính sách xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng. Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền. Đồng thời, Đại hội cũng xác định mô hình kinh tế chung của toàn xã trong những năm tới là: *“Nông nghiệp, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.”*

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XIV gồm 15 đồng chí. Đồng chí Dương Văn Quyền tái cử làm Bí thư Đảng bộ xã, đồng chí Dương Công Sản - Phó Bí thư.

Sau thành công của Đại hội cơ sở, Đại hội Đảng bộ huyện Phú Bình đã tiến hành Đại hội lần thứ XVIII

(tháng 9 năm 1986). Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V (tháng 10 năm 1986) trên tinh thần của các văn kiện dự thảo của Trung ương, xuất phát từ tình hình thực tế địa phương, trong phương hướng, nhiệm vụ thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ tư (1986 - 1990), nêu rõ: *“Khắc phục hiện tượng tiêu cực xã hội, xây dựng nếp sống văn hóa mới, đặc biệt giải quyết thanh thiếu niên chậm tiến bộ, tăng thêm cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, trước hết là cơ sở hạ tầng của sản xuất; củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa theo hướng chuyển biến nhanh về chất. Hình thành cơ bản về cơ chế quản lý mới trong các hoạt động kinh tế - xã hội. Thường xuyên đề cao cảnh giác, giữ vững an ninh chính trị và đảm bảo trật tự an toàn xã hội...”*¹.

Tháng 12 năm 1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng thành công tốt đẹp. Trên cơ sở đánh giá 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước và tổng kết thực tiễn, Đại hội đã đề ra đường lối đổi mới nền kinh tế đất nước với 4 nội dung chính là đổi mới cơ cấu kinh tế, đổi mới cơ chế quản lý, đổi mới hoạt động kinh tế đối ngoại và đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng. Trong đổi mới nền kinh tế đất nước, nông nghiệp được xác định là trọng tâm hàng đầu. Trong đó đặc biệt chú trọng ba chương trình kinh tế lớn: lương thực - thực phẩm, hàng xuất khẩu và hàng tiêu dùng.

Thành công của Đại hội Đảng các cấp và đường lối đổi mới toàn diện của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ

¹ Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên khoá IV.

VI như tiếp thêm một luồng sinh khí mới, một khí thế cách mạng mới và quyết tâm mới để Đảng bộ và nhân dân xã Tân Đức phát huy truyền thống lao động cần cù, năng động, sáng tạo trong sản xuất, phấn đấu thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, chính trị, xã hội đã đặt ra để góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Ngay trong đầu năm 1987, thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW, ngày 20 tháng 1 năm 1987 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng về cuộc bầu cử Quốc hội khóa VIII và Hội đồng nhân dân các cấp. Dưới sự hướng dẫn của Huyện ủy, tháng 4 năm 1987, nhân dân Tân Đức hăng hái tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân huyện, xã và Quốc hội khóa VIII (1987 - 1992). Sau đó, Hội đồng nhân dân xã Tân Đức tổ chức kỳ họp thứ nhất bầu Ủy ban nhân dân. Đồng chí Dương Công Sản được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Đảng ủy chỉ đạo các đoàn thể tổng kết và phân loại đoàn viên, hội viên để nâng cao chất lượng hoạt động của đoàn thể. Chính quyền được kiện toàn một bước là điều kiện thuận lợi để tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp.

Bước vào thực hiện các mục tiêu phát triển, Đảng bộ Tân Đức đã xác định rõ, để thực hiện những chủ trương của Đảng, đặc biệt thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn, cần tập trung mọi sức lực, vật lực, tiền vốn để tiếp tục phát triển mô hình kinh tế chung của toàn xã là: “Nông nghiệp, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ”. Trên thực tế, cơ cấu kinh tế này đã được triển khai song chưa thực sự ổn định, chủ yếu vẫn mang tính tự túc, tự cấp. Khối lượng hàng hóa chưa nhiều, sản xuất nông

ng nghiệp phát triển chủ yếu phụ thuộc vào thiên nhiên. Sản xuất thủ công có nhiều tiến bộ, đã sản xuất được một số công cụ cầm tay như sửa chữa các công cụ cải tiến, sản xuất gạch ngói phục vụ xây dựng tại chỗ góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển. Song quy mô nhỏ chưa đáp ứng được sản xuất, cơ sở vật chất trình độ kỹ thuật còn nghèo nàn và thấp kém.

Xác định được rằng: Muốn đẩy mạnh công cuộc đổi mới trước mắt cần phải đổi mới về tư duy kinh tế, muốn vậy phải bắt đầu từ công tác nhân sự. Đảng bộ, Ủy ban nhân dân xã đã lãnh đạo Đại hội xã viên hợp tác xã nhiệm kỳ 1986 - 1988. Đại hội đã bầu đồng chí Nguyễn Văn Lợi làm Chủ nhiệm, đồng chí Dương Văn Quyền làm Trưởng ban kiểm soát, đồng chí Dương Văn Lân làm Kế toán. Đảng ủy đã chỉ đạo hợp tác xã và nhân dân đẩy mạnh sản xuất lương thực theo hướng thâm canh tăng vụ, tăng năng suất cây trồng, xây dựng và phát triển các ngành nghề mới; công tác thủy lợi, thâm canh mở rộng diện tích được chú trọng... nhờ đó đã tạo được sự thay đổi sâu sắc trong nông nghiệp, sản lượng cây trồng, vật nuôi năm 1987 đạt kết quả khá.

Tổng diện tích gieo trồng năm 1987 toàn xã là 830ha, trong đó, diện tích lúa là 720ha, diện tích màu là 110ha; năng suất bình quân 29 tạ/ha, sản lượng lúa đạt 2.088 tấn; sản lượng màu quy thóc đạt 2162 tấn, tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 4.250 tấn, đạt 126%¹ kế hoạch đề ra. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt.

Tuy nhiên, thời gian này việc thực hiện khoán 100

¹ Báo cáo tổng kết của Đảng bộ năm 1987.

ở Tân Đức xuất hiện một số khó khăn như mâu thuẫn trong việc ăn chia phân phối và khoán quản chưa phù hợp đã diễn ra ở một số đội sản xuất; cơ chế quản lý tài sản, tư liệu sản xuất, quản lý vật tư, tài chính không minh bạch của hợp tác xã tác động xấu đến tâm tư, đời sống của nhân dân và một bộ phận cán bộ đảng viên. Miền Đức Thịnh gồm xóm Lệnh, xóm Quại đề nghị chia tách hợp tác xã. Đội 7 được tách thành 2 đội là đội 7a và đội 7b.

Trước tình hình trên, Ban Chấp hành Đảng bộ xã đã họp bàn và ra Nghị quyết lãnh đạo nhằm ổn định tình hình, duy trì sản xuất và phát triển. Một mặt Ban chấp hành Đảng bộ đã thành lập đoàn kiểm tra của xã. Mặt khác báo cáo Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện đề xin ý kiến giải quyết. Đoàn công tác của Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện về trực tiếp làm việc và kiểm tra, hợp tác xã nông nghiệp Tân Đức, hợp tác xã tự phát miền Đức Thịnh. Đoàn công tác của Huyện ủy đã chỉ ra một số thiếu sót trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ và chỉ đạo Đảng bộ xem xét, xử lý một số đảng viên vi phạm. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình qua thanh tra kiểm tra đã có kết luận ngày 8 tháng 12 năm 1987 về những sai phạm trong quản lý tài sản, nguyên tắc ăn chia, phân phối, quyền làm chủ của xã viên và kiến nghị xử lý một số cán bộ. Với quy mô hợp tác xã toàn xã, sự tập trung cao trong tổ chức sản xuất, ăn chia phân phối. Quá trình chuyển đổi từ tập trung bao cấp sang kinh tế tự hạch toán, hợp tác xã gặp không ít khó khăn, nhiều hội nghị của Đảng bộ, của hợp tác xã diễn ra khá căng thẳng nhưng Đảng bộ đã dần đi đến thống

nhất: Tập trung lãnh đạo thực hiện công cuộc đổi mới, nhất là đổi mới về tư duy kinh tế, phát huy vai trò kinh tế tập thể, kinh tế hộ và giải quyết các vướng mắc của các năm trước.

Ngày 5 tháng 4 năm 1988, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI ban hành Nghị quyết 10-NQ/TW về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp (thường gọi tắt là khoán 10). Chính sách khoán 10 của Bộ Chính trị là một bước đổi mới trong cơ chế quản lý nông nghiệp ở nước ta, kế thừa và phát huy những ưu điểm của cơ chế khoán 100 trước đây, với hai định hướng cơ bản: Thứ nhất, thực hiện cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến hộ xã viên, hộ xã viên là đơn vị kinh tế tự chủ, tự quản, xóa bỏ chế độ công điểm; Thứ hai, xóa bỏ nghĩa vụ thu mua lương thực theo giá thấp, thực hiện cơ chế một giá, lưu thông lương thực tự do. Nghị quyết 10 là quyết sách tạo nguồn lực quan trọng để phát triển nông thôn và nông nghiệp nước ta trong thời kỳ đổi mới.

Luồng gió “*đổi mới*” từ Nghị quyết X của Đảng đã đưa Tân Đức cùng đất nước chuyển mình sang một thời kỳ mới. Thời kỳ đổi mới từng bước, xóa bỏ các hình thức bao cấp - một cơ chế đã làm xã hội trì trệ, chậm phát triển. Giờ đây các đơn vị kinh tế tự hoạch toán kinh doanh trang trải nội bộ, tự chịu trách nhiệm, các chế độ phân phối cung cấp hàng tháng, hàng quý như trước đã bị bãi bỏ. Ở cấp xã, các chế độ đóng góp như: thực phẩm, nông sản giảm. Tinh thần tự chủ dần được phát huy và tôn trọng... Để chuyển đổi sang cơ chế mới, Đảng ủy xã đã xác định: Đây là một thuận lợi cơ

bản nên Đảng ủy đã họp Hội nghị quán triệt, bàn bạc, vận dụng linh hoạt với thực tế của xã để đề ra những biện pháp cụ thể, hợp lý; cùng các ban, ngành mở nhiều cuộc họp bàn thực hiện nhiệm vụ.

Nhằm thực hiện tốt khoán 10, Đảng bộ Tân Đức lãnh đạo nhân dân nhanh chóng ổn định tổ chức sản xuất, kiện toàn cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Hội đồng nhân dân xã được củng cố và phát huy tốt vai trò đại biểu cho nhân dân trong quá trình đổi mới kinh tế xã hội. Công tác xây dựng Đảng, bước đầu phân định rõ chức năng quyền hạn giữa cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân xã với Hội đồng nhân dân đã có bước cải tiến hơn trước. Các đoàn thể quần chúng trong các hoạt động đã chủ động chuyển hướng vào việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của mình. Bên cạnh đó, Đảng ủy cũng khẩn trương kiện toàn Ban quản lý hợp tác xã nông nghiệp, học tập phương thức quản lý mới, bảo đảm cho việc thực hiện Nghị quyết 10 có hiệu quả. Tuy nhiên, khó khăn mới đặt ra khi Nghị quyết được triển khai là: Ủy ban nhân dân xã phải cân đối thu chi, mở mang nguồn thu, tự trang trải nội bộ hành chính và phục vụ hoạt động cho các đoàn thể xã hội.

Là một xã thuần nông nên đến cuối năm 1988, khi Nghị quyết 10 trong nông nghiệp được triển khai thì Tân Đức mới thực sự đổi mới. Tuy nhiên, trong công việc triển khai cụ thể, những tháng cuối năm 1988 và đầu năm 1989, Tân Đức đã gặp phải những vấn đề khó khăn, phức tạp. Với sự hỗ trợ của Huyện ủy Phú Bình, với sự đoàn kết nội bộ Đảng và chính quyền của xã, việc điều chỉnh ruộng đất canh tác giữa các đội sản xuất đã

được cán bộ và nhân dân toàn xã đồng tình ủng hộ, từ đó, nhân tài, vật lực, sự tự chủ, sáng tạo của từng người dân, của từng hộ gia đình, mới thực sự được tận dụng triệt để, người dân được tự chủ trên tất cả các khâu trong sản xuất với mảnh ruộng canh tác của mình. Xã viên được phân cấp ruộng đất lâu dài và ổn định nên an tâm tập trung sức lao động, vật tư, tiền vốn đầu tư vào sản xuất. Các hộ gia đình, nhất là thanh niên đều hăng hái tham gia áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, phát huy tinh thần chủ động sáng tạo trong sản xuất.

Khắc phục những hạn chế trong khoán 100, khi chuyển sang cơ chế khoán 10, Đảng bộ Tân Đức đề ra phương châm: tập thể và xã viên cùng làm, hợp tác xã từng bước giao khoán các khâu mà xã viên có thể đảm nhận như giống, phân bón, làm đất. Ban quản lý hợp tác xã chuyển chức năng quản lý sang chức năng dịch vụ kỹ thuật và vật tư, hướng dẫn xã viên thực hiện kỹ thuật tiên tiến trong trồng trọt và chăn nuôi, cung ứng giống mới có năng suất cao, chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cây trồng, chuyển đổi cơ cấu ngành nghề cung ứng phân bón, thực hiện bảo vệ thực vật, cung ứng và bơm thuốc trừ sâu kịp thời, làm thủy lợi theo mùa vụ, khuyến khích mở rộng vụ đông. Sự thay đổi trong chức năng này không làm giảm vai trò điều hành sản xuất chung của hợp tác xã, mà vai trò quản lý sản xuất của hợp tác xã vẫn được đề cao.

Trong chăn nuôi, hợp tác xã tiến hành xóa bỏ chăn nuôi tập thể, định hướng phát triển chủ yếu là khu vực gia đình, hợp tác xã chỉ hỗ trợ tìm nguồn giống tốt và

làm tốt công tác phòng chống bệnh cho gia súc, gia cầm, bảo vệ vật nuôi. Hợp tác xã tiến hành hóa giá trâu bò cho các hộ xã viên, thu hồi dần vốn trong 2 - 3 vụ sản xuất bằng công làm đất cho các hộ trong hợp tác xã, để xã viên có điều kiện trả vốn, khuyến khích các hộ phát triển chăn nuôi trâu bò lấy sức kéo và sinh sản.

Cũng như nông nghiệp, đối với các ngành nghề, hợp tác xã giao toàn bộ cơ sở vật chất, định mức kinh tế kỹ thuật để giao khoán. Sau khi nộp thuế, trừ chi phí, còn lại sẽ được hưởng. Cơ chế khoán này đã thúc đẩy ngành nghề thủ công phát triển, làm ăn có hiệu quả.

Từ vụ mùa năm 1988, các hộ nông dân ở Tân Đức đều phấn khởi, hăng hái đẩy mạnh sản xuất 2 vụ chính, mở rộng diện tích trồng cây vụ đông. Do vậy, sản xuất nông nghiệp ở Tân Đức phát triển với tốc độ khá nhanh, các giống lúa có năng suất cao, chịu hạn và kháng bệnh tốt như V15, CK39, Ô môn 80 và giống ngô TSB2, MSB 49 được người nông dân chấp nhận và đưa vào sản xuất đại trà. Cùng với trình độ thâm canh và ý thức tự chủ cao đã đẩy năng suất cây trồng tăng qua từng năm.

Chăn nuôi trong hộ gia đình, hợp tác xã phát triển khá, nhất là sau khi thực hiện theo cơ chế khoán 10, việc chăn nuôi trâu, bò, lợn được hợp tác xã giao khoán cho các hộ xã viên. Tính đến cuối năm 1988, đàn trâu, bò trong toàn xã có 893 con, đạt 98% kế hoạch, tăng 47 con so với năm 1986; đàn lợn là 2.318 con, gia cầm là trên 30.000 con, đạt 100% kế hoạch đề ra. Trong cơ chế giao khoán mới, ý thức trách nhiệm trong chăn nuôi tăng lên rõ rệt. Việc bảo vệ và phòng dịch cho gia súc như chữa bệnh, tiêm phòng được tiến hành nên đã hạn chế các

dịch bệnh phát sinh.

Bên cạnh lãnh đạo phát triển kinh tế, Đảng bộ và chính quyền xã đã cố gắng tạo điều kiện đẩy mạnh các hoạt động văn hóa - xã hội.

Về giáo dục: Xã đã quan tâm xây dựng cơ sở vật chất cho trường học và quan tâm tới đời sống của giáo viên. Thầy và trò trong các nhà trường luôn phát huy tinh thần dạy tốt học tốt, đưa ngành giáo dục của xã phát triển.

Về công tác y tế: Mặc dù cơ sở vật chất của trạm y tế xã còn thiếu nhưng các cán bộ y tế xã với tinh thần trách nhiệm cao đã không quản ngại khó khăn, tận tâm, tận lực khám chữa bệnh cho nhân dân. Phối hợp với các ngành, đoàn thể thực hiện tốt cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch. Hướng dẫn nhân dân cách phòng chống bệnh dịch, đặc biệt là bệnh sốt rét xảy ra nghiêm trọng trong những năm 1986 - 1988.

Về văn hóa, xã hội: Cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa tiếp tục được duy trì. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin truyền thanh đã góp phần động viên nhân dân Tân Đức cùng với nhân dân các dân tộc Phú Bình hoàn thành các nhiệm vụ chính trị và xây dựng nếp sống mới.

Song song với phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, công tác quân sự, an ninh luôn được Đảng ủy, chính quyền xã quan tâm đúng mức. Con em Tân Đức đến tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự đều hăng hái lên đường làm nhiệm vụ. Hàng năm toàn xã đều hoàn thành tốt chỉ tiêu kế hoạch giao quân, bảo đảm chất lượng tốt, hầu hết những người gia nhập quân ngũ đều hoàn thành

xuất sắc nhiệm vụ được giao. Trong thời gian này, Đảng bộ và chính quyền địa phương cũng thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội. Hàng năm, Ủy ban nhân dân xã đều tổ chức họp mặt với các đồng chí thương binh, gia đình liệt sĩ nhân ngày 27 tháng 7 để nghe tâm tư, nguyện vọng của họ. Xã cũng đã có những hành động thiết thực, nhất là việc cấp phát chế độ cho đối tượng được hưởng chính sách kịp thời, chính xác; giúp người thân của những liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng ổn định cuộc sống.

Công tác an ninh: Thời gian này tình hình an ninh trên địa bàn xã có nhiều phức tạp nhưng được sự chỉ đạo của ngành cấp trên, lực lượng công an xã đã có những thành tích nhất định trong công tác giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn xã, đã không để những vụ việc đáng tiếc xảy ra.

Công tác quân sự địa phương luôn được quan tâm. Hàng năm xã đều thực hiện tốt chỉ tiêu tuyển quân đạt 100% kế hoạch trên giao. Trong 2 năm 1986 - 1987, toàn xã có 30 thanh niên lên đường nhập ngũ. Công tác hậu phương quân đội, xây dựng lực lượng vũ trang sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu tại chỗ đạt kết quả tốt.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể quần chúng đã tập trung nỗ lực chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, tháo gỡ những khó khăn tìm hướng đi mới cho phát triển. Tuy nhiên do năng lực của đội ngũ cán bộ không đồng đều, lại ít được quan tâm đào tạo bồi dưỡng, nên hoạt động và quản lý kinh tế yếu dẫn đến một số phong trào sa sút, một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chưa hoàn thành với mục

tiêu đề ra.

Thông qua các hoạt động, các đoàn thể quần chúng đã có vai trò không nhỏ trong việc động viên nhân dân thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương. Các tổ chức đoàn thể đều được kiện toàn củng cố. Đặc biệt, Hội Phụ nữ xã có nhiều cố gắng trong việc động viên chị em chấp hành tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước; duy trì và phát huy các phong trào, nhất là phong trào lao động sản xuất, đóng góp nghĩa vụ đối với nhà nước, góp phần tích cực vào việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Công tác xây dựng Đảng luôn được Đảng bộ Tân Đức thực hiện tốt. Đặc biệt, kể từ khi thi hành Chỉ thị 79 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ xã và khi Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị đã được triển khai sâu rộng từ trong Đảng đến các đoàn thể quần chúng, các cán bộ đảng viên đã nhiệt tình tham gia học tập và góp ý xây dựng Đảng. Qua các đợt học tập, nhìn chung các đảng viên đều có chuyển biến về mặt tư tưởng, hạn chế được những vụ việc tiêu cực trong Đảng bộ. Hầu hết các đồng chí đảng viên trong Đảng bộ đều là những tấm gương tốt trong việc chấp hành Nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Cùng với công tác tư tưởng, công tác tổ chức cán bộ được coi là yếu tố quan trọng, đảm bảo việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Do đó cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể, các chi bộ được thường xuyên củng cố và kiện toàn, đảm bảo việc kế thừa và phát triển.

Công tác kiểm tra việc chấp hành điều lệ Đảng,

chấp hành chính sách pháp luật của Nhà nước tiếp tục được đẩy mạnh. Trong nhiệm kỳ có 27 đồng chí đảng viên vi phạm các quy định về quản lí kinh tế, phẩm chất đạo đức, điều lệ Đảng đã bị xử lý, trong đó có 7 trường hợp khai trừ ra khỏi Đảng, 7 trường hợp bị cảnh cáo và 13 đảng viên bị xóa tên khỏi danh sách đảng viên. Ủy ban kiểm tra Đảng ủy đã kiểm tra và phát hiện 4 cấp ủy chi bộ vi phạm, chủ yếu là vi phạm việc buông lỏng lãnh đạo trong công tác thu chi, tài chính và quản lý sản xuất của hợp tác xã.

Kết quả xếp loại đảng viên và chi bộ năm 1986: đảng viên tiên phong gương mẫu: 140 đồng chí, 11 chi bộ vững mạnh và 7 chi bộ khá, Đảng bộ xếp loại trong sạch vững mạnh. Năm 1988: đảng viên xếp loại I có 132 đồng chí, loại II có 73 đồng chí và loại III có 12 đồng chí. Trong xếp loại chi bộ: 13 chi bộ xếp loại I, 2 chi bộ xếp loại II và 3 chi bộ xếp loại III, Đảng bộ xếp loại yếu.

Nhìn một cách tổng quát, qua 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV, trong điều kiện tình hình chính trị có nhiều diễn biến phức tạp; tình hình kinh tế đất nước còn nhiều khó khăn gay gắt, cơ chế chính sách chưa ổn định, tiêu cực xã hội còn nhiều, nền sản xuất chủ yếu là nông nghiệp lại luôn bị thiên tai tàn phá, đời sống xã hội còn nhiều khó khăn thì việc giữ vững được an ninh, chính trị, đảm bảo được sản xuất, ổn định tình hình xã hội trên địa bàn, đảm bảo đời sống nhân dân là một cố gắng của toàn Đảng bộ.

Để chuẩn bị cho Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XV, Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XIV đã tổ chức họp Đảng bộ

từ ngày 05 đến ngày 12 tháng 01 năm 1989 nhằm giải quyết dứt điểm những thiếu sót, khuyết điểm tồn đọng trong 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ đã đề ra, trong đó lưu ý là 5 kiến nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, ngày 8 tháng 12 năm 1987.

Sau 8 ngày thảo luận sôi nổi, Đảng bộ đã đi đến thống nhất: *“Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo kế hoạch, quy trình phát triển kinh tế chưa đáp ứng được sản xuất trong tình hình mới, thiếu kiên quyết trong chỉ đạo và điều hành. Lơ lỏng trong quản lý kinh tế, ngành nghề và hợp tác xã. Đồng thời Hội nghị làm rõ trách nhiệm của từng cá nhân và quy trách nhiệm cho từng đồng chí với tinh thần dân chủ, khách quan, không áp đặt và đưa ra mức độ kỷ luật đúng mức”*¹. Nguyên nhân dẫn đến những khuyết điểm trên một phần là do chủ quan của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ chưa đoàn kết, trình độ, năng lực nghiệp vụ hạn chế nhiều mặt. Mặt khác do cơ chế chuyển đổi từ bao cấp sang tự hoạch toán kinh doanh không tránh khỏi những khó khăn gay gắt, nổi lên là tình trạng thiếu vốn, thiếu vật tư. Năng lực điều hành, quản lý của hợp tác xã tiếp tục nảy sinh nhiều phức tạp và ngày càng bức xúc, nhưng chưa được tháo gỡ kịp thời. Vai trò lãnh đạo của một số chi ủy, chi bộ bị buông lỏng, một số đảng viên có hiểu biết pháp luật nhưng vẫn cố tình làm sai.

Những việc làm trên đã có tác dụng tích cực, nâng cao ý thức, năng lực lãnh đạo của tổ chức Đảng, năng lực điều hành của chính quyền. Tuy nhiên, sự chuyển biến nhìn chung chưa vững chắc. Trước những diễn

¹ Kết luận tại Hội nghị Đảng bộ ngày 12/01/1989.

biến phức tạp nảy sinh trong nhiệm kỳ vừa qua đã tác động lớn tới cán bộ, đảng viên và nhân dân, không ít đảng viên hoang mang, dao động, phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí chiến đấu. Số đảng viên và chi bộ đạt trong sạch vững mạnh tiếp tục giảm, số yếu kém tăng lên. Lòng tin của nhân dân vào Đảng bộ bị giảm sút rõ rệt...

Chấp hành Chỉ thị số 37 của Bộ Chính trị và các hướng dẫn của Tỉnh ủy, Huyện ủy, từ ngày 22 đến ngày 25 tháng 2 năm 1989, Đảng bộ xã Tân Đức đã tổ chức Đại hội lần thứ XV, nhiệm kỳ 1989 - 1991. Về dự Đại hội có 242 đồng chí, trong đó có 239 đồng chí chính thức và 3 đồng chí dự bị.

Với tinh thần dân chủ và cởi mở, Đại hội đã nhìn thẳng vào sự thật và đánh giá đúng những kết quả đạt được, chỉ rõ những khuyết điểm và nguyên nhân. Đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm cho nhiệm kỳ tới. Căn cứ vào đặc điểm tình hình của địa phương và thực hiện tốt 3 chương trình kinh tế theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, Đại hội đã ra Nghị quyết xác định: *“Củng cố, kiện toàn và sắp xếp lại tổ chức. Tập trung mọi cố gắng của toàn Đảng, toàn dân trong xã, khai thác có hiệu quả tiềm năng của địa phương, tập trung đầu tư cho phát triển nông nghiệp, quan tâm phát triển lâm nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Phấn đấu thâm canh tăng vụ để đảm bảo lương thực phục vụ đời sống nhân dân”*¹.

Đại hội tiến hành bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XV gồm 15 ủy viên. Ngay sau Đại hội, Ban Chấp hành

¹ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XV.

khóa XV họp bầu Ban Thường vụ Đảng ủy gồm 5 ủy viên. Đồng chí Đào Đăng Dung được bầu làm Bí thư Đảng ủy; Đồng chí Trần Văn Mão - Ủy viên Thường vụ (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã); Đồng chí Đoàn Văn Quế, Thường vụ - Thường trực Đảng.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tân Đức lần thứ XV, Đảng ủy đã có nhiều cố gắng trong việc vận dụng đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước vào hoàn cảnh thực tiễn của địa phương. Nổi bật là về nông nghiệp, Đảng ủy đã lãnh đạo tốt chính sách giao đất, giao rừng cho các hộ gia đình để đẩy nhanh phát triển kinh tế vườn theo hộ gia đình. Được sự quan tâm của các cấp, các ngành, kết hợp với chính sách kinh tế của chương trình trồng rừng PAM, Tân Đức đã thực hiện có kết quả kế hoạch trồng rừng, 25ha rừng đã được trồng mới, góp phần tăng nguồn thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân.

Trong sản xuất nông lâm nghiệp, việc thực hiện khoán 10 đã đem lại quyền tự chủ cho từng hộ gia đình và người lao động, bước đầu đạt được những kết quả tích cực, tạo ra sự phân công mới trong nông nghiệp hợp lý trên cơ sở khoán gọn đến hộ lao động, tận dụng nhân lực nhàn rỗi tạo ra năng suất cây trồng tăng đáng kể, được nhân dân phấn khởi đón nhận, góp phần cải thiện đời sống của đại bộ phận xã viên trong xã. Bà con nông dân tiếp tục chú trọng đến sản xuất cả cây lúa và màu, thực hiện đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất, tận dụng hết đất đai hoang hóa, áp dụng các biện pháp kỹ thuật, chăm sóc và bảo vệ thực vật, đảm bảo thực hiện đạt trên cả ba mặt diện tích, năng suất

tang, lễ hội... đã và đang trở thành vấn đề gây nhức nhối xã hội, làm xói mòn những giá trị đạo đức truyền thống, đánh mất dần thuần phong mỹ tục của dân tộc. Trước tình hình đó, Đảng bộ đã chỉ đạo các ngành, đoàn thể, Mặt trận phối kết hợp thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về *"Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc"*. Đã có 12/16 khu dân cư được công nhận là khu dân cư tiêu biểu, rất nhiều gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa, những đám cưới vui tươi an toàn, những đám tang trang nghiêm tiết kiệm, giữ được bản sắc dân tộc, mang tính cộng đồng đoàn kết cao. Các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao được duy trì hoạt động thường xuyên, gắn với các hoạt động của đoàn thể làm phong phú đời sống tinh thần của nhân dân địa phương, phản ánh tinh thần lao động sản xuất, chấp hành chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Cùng với nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, công tác quân sự và an ninh luôn là nhiệm vụ quan trọng và có ý nghĩa thiết thực. An ninh chính trị có ổn định, kinh tế mới phát triển. Chính vì vậy, ngày càng đòi hỏi tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác này. Trong những năm qua, Đảng bộ luôn chăm lo chỉ đạo xây dựng kế hoạch tổ chức và phân công cán bộ đầu ngành quân sự, xem xét chỉ đạo, kiện toàn lực lượng dân quân, lực lượng công an xã và cơ sở, đảm bảo đủ biên chế tinh gọn, thuận tiện, sẵn sàng hoàn thành nhiệm vụ. Đồng thời chỉ đạo các ngành, đoàn thể, mặt trận và các tổ chức kinh tế xã hội hàng năm hoàn thành tốt khâu động viên khích lệ công tác gọi thanh niên lên đường nhập ngũ,

thực hiện chính sách hậu phương quân đội, không để xảy ra tình trạng chống lệnh khám tuyển. Trong 5 năm (1996 - 2000) toàn xã đã tuyển được 61 thanh niên vào bộ đội, hoàn thành 100% chỉ tiêu trên giao ¹

Công tác xây dựng Đảng được Đảng bộ xác định là nhiệm vụ hàng đầu trên cả 3 mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức nhằm xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Sau thành công của Đại hội Đảng bộ xã cuối năm 1995, Ban Chấp hành Đảng bộ đã chỉ đạo các chi bộ tiến hành Đại hội bầu Ban Chi ủy mới, chỉ đạo chi bộ trưởng học tiến hành tách chi bộ để phù hợp với công tác lãnh đạo trong 2 nhà trường vào ngày 12 tháng 12 năm 1996. Từ đó, Đảng bộ có 18 chi bộ trực thuộc.

Trong nhiệm kỳ 1996 - 2000, Đảng ủy đã quan tâm tổ chức cho đảng viên trong Đảng bộ quán triệt học tập các Nghị quyết của Đảng, Tỉnh ủy, Huyện ủy và Đại hội Đảng bộ xã; các Thông tri, Chỉ thị của Bộ Chính trị. Đồng thời, Đảng ủy đã tập trung tuyên truyền thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của địa phương về phát triển kinh tế, văn hóa. Để thực hiện có hiệu quả sau khi quán triệt học tập các Nghị quyết, Đảng ủy đã chỉ đạo chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân căn cứ vào thực tế địa phương đã xây dựng các chương trình hành động để các Nghị quyết của Đảng thực sự đi vào cuộc sống. Với sự chỉ đạo tích cực của Đảng ủy và sự quan tâm của các chi bộ, các ban, ngành, đoàn thể trong xã, 5 năm qua, Đảng bộ đã cử 79 quần chúng ưu tú tham dự lớp bồi dưỡng kết nạp Đảng và đã có 22

¹ Số lượng tuyển quân các năm: Năm 1996 là 17 người, năm 1997 là 14 người, năm 1998 là 9 người, năm 1999 là 12 người, năm 2000 là 10 người.

đồng chí được kết nạp.

Bên cạnh đó, hàng năm Đảng bộ tiến hành đánh giá phân loại chất lượng các chi bộ Đảng và đảng viên, từ đó đưa ra những đánh giá khách quan và giải quyết những mặt yếu kém còn tồn tại. Nội dung sinh hoạt chi bộ Đảng, quy chế làm việc của cấp ủy từng bước được cải tiến, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Đảng các cấp và cá nhân đảng viên, cũng như mối quan hệ công tác giữa cấp ủy, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng được định rõ. Kết quả đánh giá, phân loại chi bộ cho thấy: Trong nhiệm kỳ 1996 - 2000, Đảng bộ luôn đạt trong sạch vững mạnh với 16 chi bộ trong sạch vững mạnh, 2 chi bộ khá và không có chi bộ yếu kém.

Thực hiện Chỉ thị 29 của Bộ Chính trị về công tác kiểm tra trong tình hình mới, công tác kiểm tra của Đảng bộ Tân Đức được đổi mới về nội dung và phương pháp, nổi bật nhất là phát huy dân chủ trong sinh hoạt Đảng để cán bộ đảng viên đều có quyền và trách nhiệm tham gia. Ngoài những cuộc kiểm tra lớn theo chương trình kế hoạch của Huyện ủy, hằng năm Đảng ủy vẫn chủ động theo dõi, kiểm tra thường xuyên các đảng viên trong toàn Đảng bộ. Qua phân loại đánh giá, tỉ lệ đảng viên đủ tư cách xếp loại I trong toàn Đảng bộ năm 1996 đạt 90,1%; năm 1997 đạt 84% và năm 1999 đạt 85,8%.

Công tác kiểm tra Đảng được duy trì thường xuyên. Ủy ban kiểm tra Đảng ủy đã tiến hành kiểm tra việc chấp hành chế độ sinh hoạt Đảng ở tất cả các chi bộ. Qua kiểm tra, phát hiện 4 chi bộ sinh hoạt không đúng quy định của Điều lệ Đảng. Trong nhiệm kỳ, có 9 đồng chí đảng viên vi phạm phải xử lý kỷ luật Đảng, trong đó,

khuyến trách: 4 đồng chí, cảnh cáo: 4 đồng chí, khai trừ 1 đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành. Việc xử lý kỷ luật đảng viên kịp thời, đúng phương châm, nguyên tắc thi hành kỷ luật của Đảng. Điều đó khẳng định trong Đảng bộ, tình hình đảng viên chấp hành kỷ luật cơ bản tốt, giữ vững và phát huy vai trò tiên phong gương mẫu và phẩm chất đạo đức cách mạng của người đảng viên.

Như vậy, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, chính quyền, sự phối hợp của các đoàn thể và sự nỗ lực cố gắng của các tầng lớp nhân dân trong xã, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Tân Đức khóa XVIII đã được thực hiện thắng lợi. Đảng bộ và nhân dân Tân Đức tranh thủ những điều kiện thuận lợi, phát huy mọi tiềm năng thế mạnh của địa phương vượt qua khó khăn, thử thách bước vào thế kỷ XXI, thế kỷ khoa học công nghệ, tiếp tục cùng đất nước đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

2. Đảng bộ Tân Đức lãnh đạo nhân dân thực hiện phát triển kinh tế xã hội 5 năm đầu thế kỷ XXI (2000 - 2005)

Thực hiện Chỉ thị số 54-CT/TW ngày 25 tháng 5 năm 2000 của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 31 của Tỉnh ủy Thái Nguyên và các kế hoạch, hướng dẫn của Huyện ủy Phú Bình về tiến hành Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, từ ngày 25 đến ngày 26 tháng 9 năm 2000, Đại hội Đảng bộ xã Tân Đức lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2000 - 2005 được tổ chức trọng thể tại Hội trường Trường Tiểu học xã Tân Đức. Về dự Đại hội có 237/256 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đồng chí Lê Quang Dục - Tỉnh ủy viên, Bí

thư Huyện ủy và các đồng chí trong Ban tổ chức, Ủy ban kiểm tra Huyện ủy về dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội đã tập trung trí tuệ, thảo luận thông qua Báo cáo chính trị của Đảng ủy đánh giá sát thực, đúng mức thành tích, ưu điểm đồng thời cũng chỉ rõ những thiếu sót, khuyết điểm của Đảng bộ còn tồn tại trên tất cả những lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng và xây dựng Đảng khóa XVIII. Đại hội khẳng định, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và nhân dân trong xã đã nỗ lực hết mình nhằm hoàn thành hầu hết các mục tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và xây dựng hệ thống chính trị mà Nghị quyết Đại hội đã đề ra.

Mục tiêu tổng quát trong 5 năm (2000 - 2005) được Đại hội đề ra là: “Phát huy truyền thống đoàn kết của Đảng bộ và nhân dân trong xã, khai thác các nội lực, đồng thời tích cực tranh thủ sự đầu tư giúp đỡ của cấp trên, tiếp tục đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa, đảm bảo ổn định lương thực, thực phẩm, củng cố vững chắc an ninh quốc phòng, xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh”.

Đại hội đã bầu Ban chấp hành Đảng bộ khóa XIX gồm 12 đồng chí, bầu đại biểu chính thức đi dự Đại hội Đảng bộ huyện. Tại phiên họp lần thứ nhất, Ban chấp hành khóa mới đã nhất trí bầu đồng chí Trần Văn Mão giữ cương vị Bí thư; Đồng chí Dương Văn Hiên - Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã); Đồng chí Dương Công Hoan, Ủy viên Thường vụ - Thường trực.

Đại hội Đảng bộ xã Tân Đức lần thứ XIX là Đại hội tiếp tục đổi mới, dân chủ và đoàn kết. Đồng thời là

sự kiện lịch sử có ý nghĩa quan trọng trong đời sống chính trị của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong xã. Ngay sau thành công của Đại hội, Đảng bộ xã đã quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ khóa XIX đề ra. Ban chấp hành đã chủ động, kịp thời lãnh chỉ đạo, điều hành các mặt công tác của Đảng bộ, xây dựng quy chế làm việc và chương trình hành động cụ thể. Triển khai quán triệt các Chỉ thị, Nghị quyết, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến cán bộ, đảng viên và nhân dân địa phương. Chỉ đạo điều hành cụ thể hóa Nghị quyết của Đảng cấp trên có hiệu quả trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, đưa Nghị quyết của Đảng các cấp vào cuộc sống nhân dân, làm cho đời sống nhân dân địa phương không ngừng vươn lên cả về vật chất và tinh thần.

Trong nhiệm kỳ 2000 - 2005, với phương châm: Phát triển kinh tế là trọng tâm, toàn Đảng bộ tập trung cao sự lãnh đạo nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, quan tâm đến nông, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, Đảng bộ Tân Đức đã lãnh đạo cán bộ và nhân dân nỗ lực phấn đấu, vượt mọi khó khăn để phát triển kinh tế đồng bộ, nhiều chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch Đại hội khóa XIX đề ra. Kinh tế tăng trưởng bình quân là 7,5%.

Với việc đề ra các Nghị quyết chuyên đề hàng năm, đặc biệt là chuyên đề nhằm lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong nông nghiệp, tích cực cải tiến công tác khuyến nông, tuyên truyền phổ biến khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh các biện pháp

chỉ đạo, quy hoạch, khoanh vùng lại cây trồng, sản xuất giống lúa cấp I Khang dân 18, xây dựng cánh đồng có hiệu quả kinh tế cao... Năm 2005, tổng sản lượng lương thực toàn xã đạt 4.952 tấn, tăng 330 tấn so với kế hoạch, lương thực bình quân đầu người đạt 600kg, tăng 15kg so với kế hoạch.

Qua 5 năm, cơ cấu cây trồng vật nuôi phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, định hình được các vùng chuyên canh sản xuất cây trồng, để phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế. Với chủ trương là giảm mạnh tiến tới xóa bỏ diện tích lúa hè thu và đẩy mạnh trồng ngô đông, năm 2004, diện tích lúa hè thu chỉ còn 10ha, diện tích ngô đông là 240ha. Diện tích trồng rừng và cây ăn quả đạt 108ha, tăng 8ha so với kế hoạch. Bên cạnh đó, cây thanh hao hoa vàng bước đầu được đưa vào trồng thử nghiệm trên địa bàn xã, năng suất, chất lượng cũng như giá cả được đảm bảo, góp phần tăng thu nhập cho người dân. Song đây là loại cây công nghiệp nên khi giá cả biến động, việc ký kết hợp đồng tiêu thụ với công ty thiếu chặt chẽ, năm 2005 đã ứ đọng sản phẩm hàng trăm tấn, dẫn đến phải bán thanh lý giá chỉ bằng 50% hợp đồng sản xuất.

Công tác chăn nuôi gia súc, gia cầm tiếp tục phát triển, đã trở thành nghề chính của một số hộ gia đình. Năm 2005, toàn xã có 1.080 con trâu, tăng 60 con; 700 con bò, tăng 320 con. Sản lượng lợn hơi xuất chuồng đạt 1.020 tấn, tăng 700 con.

Trên cơ sở Nghị quyết số 13-NQ/HU khóa XXIII của Huyện ủy, Đảng bộ đã ban hành Nghị quyết chuyên đề về phát triển tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, đồng thời phân

công đồng chí Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã phụ trách. Các ngành nghề tiếp tục được duy trì và phát triển, dịch vụ được mở rộng, nhiều lao động được học nghề, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, thời điểm này toàn xã có 64 hộ tham gia sản xuất tiểu thủ công nghiệp, 91 hộ làm dịch vụ, hàng trăm lao động tham gia sản xuất mây tre đan xuất khẩu và bước đầu hình thành làng nghề, hàng trăm lao động tự học nghề xây dựng đang sống bằng nghề với thu nhập khá.

Trong nhiệm kỳ, có 23 lao động đi hợp tác lao động có thời hạn ở nước ngoài. Tuy vậy, sản xuất tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ của xã phát triển còn chậm, tỉ lệ thu nhập từ tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế của xã đạt thấp, từ 28 - 30%. Giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp đạt 1.250 triệu đồng, tăng 200 triệu đồng. Số hộ nghèo giảm 47 hộ, vượt chỉ tiêu 13 hộ. Thu nhập bình quân đầu người đạt 3,1 triệu đồng, tăng 346.000 đồng so với kế hoạch.¹

Về xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng: Trong 5 năm qua, bằng sức lao động của nhân dân, nguồn lao động công ích, quỹ đảm bảo phát triển giao thông. Với sự đầu tư của Nhà nước, các công trình giao thông thủy lợi đều được nạo vét và tu bổ thường xuyên, vì vậy giao thông cơ bản đảm bảo thông suốt. Trong nhiệm kỳ đã cứng hóa được 10,8km mương, xây dựng mới 2 trạm bơm, cứng hóa 2 bờ đập, xây dựng 1 cầu qua kênh 5 và nhiều cống lớn, nhỏ. Giá trị các công trình thủy lợi được cứng hóa, trong 5 năm đạt gần 2 tỉ đồng, trong đó Nhà nước đầu tư 900 triệu đồng.

¹ Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Đảng bộ khoá XIX.

Được sự giúp đỡ của Nhà nước, trong nhiệm kỳ này nhiều công trình trên địa bàn xã được triển khai xây dựng như: Hội trường Ủy ban nhân dân xã, nhà làm việc khối đoàn thể, sân khu trung tâm, cầu chợ với tổng giá trị đầu tư xây dựng là 2.733 triệu đồng, trong đó Nhà nước đầu tư 1.611 triệu đồng, còn lại do nhân dân đóng góp, 5 xóm xây dựng nhà văn hóa trị giá ba trăm triệu đồng¹.

Công tác thu chi ngân sách được thực hiện đúng Luật Ngân sách Nhà nước. Xã đã tích cực tận thu các nguồn thuế trên địa bàn, hoàn thành nghĩa vụ đóng góp với Nhà nước và đảm bảo các hoạt động của xã. Thu ngân sách năm 2001 đạt 335 triệu đồng, năm 2005 thu 520 triệu đồng, bình quân mỗi năm tăng 11%.

Phong trào văn hóa xã hội trong nhiệm kỳ qua đã có bước chuyển biến tích cực, đời sống tinh thần của nhân dân được đổi mới, trình độ dân trí được nâng lên, tính năng động sáng tạo của người lao động được khơi dậy và phát huy, lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước tiếp tục được củng cố.

Về giáo dục đào tạo: Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), Kết luận Hội nghị Trung ương 6 (khóa IX) về chiến lược phát triển giáo dục đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, sự nghiệp giáo dục của địa phương đã được cán bộ nhân dân đặc biệt quan tâm chăm lo xây dựng và đạt được kết quả quan trọng. Hệ thống trường lớp của ba cấp học được xây dựng kiên cố, khang trang, cơ bản đã thanh

¹ Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ XIX (trang 6).

toán được trường lớp tranh tre nửa lá, giải quyết tình trạng thiếu lớp học.

Năm 2002 Trường Tiểu học đã được công nhận trường chuẩn quốc gia. Năm 2003, xã đã thành lập Trung tâm học tập cộng đồng, Hội khuyến học ở xã và các chi hội khuyến học được thành lập đã phát huy tốt vai trò chức năng của hội, động viên khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân có thành tích trong học tập và giảng dạy. Năm 2004 có 43 học sinh trúng tuyển kỳ thi đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp và lên lớp hàng năm đều vượt chỉ tiêu do ngành đề ra: Năm học 2004 - 2005 tốt nghiệp tiểu học đạt 100%, tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 98,3%. Trường Trung học cơ sở được công nhận trường chuẩn quốc gia giai đoạn 1, năm 2005.

Năm học 2005 - 2006, toàn xã có 1.618 em học sinh, với tổng số lớp học là 50 lớp, tỷ lệ học sinh và biên chế lớp ổn định so với năm 2001, phong trào thi đua dạy tốt, học tốt trong các nhà trường tiếp tục phát triển, chất lượng dạy và học được nâng lên. Xã đã hoàn thành phổ cập Trung học cơ sở.

Về y tế: Được quan tâm thường xuyên, cơ sở vật chất của trạm y tế xã tiếp tục được quan tâm tu sửa nâng cấp, đảm bảo cho công tác khám chữa bệnh ngày càng tốt hơn. Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân có nhiều cố gắng, không để dịch bệnh lớn xảy ra, tỷ lệ tiêm phòng cho bà mẹ có thai, trẻ em trong độ tuổi đạt 96% kế hoạch. Công tác dân số gia đình, trẻ em tiếp tục được quan tâm và thu được kết quả khá. Mặc dù vậy, tỷ lệ giảm tử xuất sinh thô hàng năm mà Nghị quyết

đề ra là 0,04‰ nhưng chỉ đạt bình quân 0,35‰ số người sinh con thứ ba trở nên trong 5 năm là 27 người, trong đó có 2 đảng viên.

Về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao: Công tác quản lý Nhà nước về văn hóa từng bước đi vào nền nếp. Cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư” gắn liền với cuộc vận động xây dựng làng văn hóa, gia đình văn hóa được Đảng bộ, chính quyền và nhân dân hưởng ứng, nhiều làng, xóm, khu dân cư tiên tiến, gia đình văn hóa được công nhận. Năm 2001, có 5/17 xóm đạt làng văn hóa cấp huyện, 3 khu dân cư tiên tiến, 1.370 gia đình đạt gia đình văn hóa. Đến năm 2004, có 17/17 xóm đều đăng ký xây dựng làng văn hóa, đến cuối năm có 9/17 xóm được công nhận là làng văn hóa cấp huyện, 4 khu dân cư tiên tiến, 1.650 gia đình đạt gia đình văn hóa, chiếm 82% tổng số hộ trong toàn xã. 17/17 xóm xây dựng được quy ước. Xây dựng làng xóm văn hóa đi đôi với thực hành tiết kiệm theo tinh thần Nghị quyết 08 của Huyện ủy. Công tác bảo tồn các công trình di tích lịch sử văn hóa được bảo vệ và tôn tạo, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của nhân dân và giáo dục truyền thống cho các thế hệ trẻ. Đình chùa Phi Long đã được xếp hạng di tích lịch sử cấp tỉnh.

Với đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ người trồng cây”, Đảng bộ và nhân dân Tân Đức tiếp tục quan tâm chăm lo các gia đình chính sách, gia đình khó khăn và thăm hỏi tặng quà nhân ngày thương binh liệt sĩ, ngày Tết Nguyên đán và những ngày lễ lớn. Trong 5 năm (2000 - 2005), xã xây dựng được 2 nhà nhân đạo, 2 nhà đại đoàn kết. Mỗi năm thu hàng chục triệu đồng từ

các hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và Hội Chữ thập đỏ để giúp đỡ các gia đình chính sách.

Công tác phòng chống tệ nạn xã hội đã được cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quan tâm giáo dục, quản lý và tuyên truyền thường xuyên. Vì vậy, các tệ nạn xã hội cơ bản được đẩy lùi. Tuy nhiên, số người nghiện ma túy gia tăng, năm 2000 có 17 đối tượng, đến năm 2005 có 19 đối tượng.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững. Quán triệt Nghị quyết của cấp trên, trực tiếp là Nghị quyết Trung ương 8 về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Đảng bộ đã thường xuyên chú trọng lãnh đạo nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, tổ chức tốt, có hiệu quả công tác giáo dục quốc phòng cho lực lượng dân quân, lực lượng dự bị động viên. Công tác nắm bắt nguồn, tổ chức khám tuyển, xét tuyển gọi công dân nhập ngũ hàng năm được tổ chức đúng thời gian, nội dung yêu cầu đề ra. Từ năm 2000 - 2004, xã đã tiến hành công tác huấn luyện cho 498 dân quân đạt chất lượng khá, khám tuyển 419 thanh niên trong độ tuổi và có 58 thanh niên trúng tuyển lên đường nhập ngũ, đạt 100% chỉ tiêu được giao ¹.

Ban Công an xã, Ban thanh tra nhân dân, tổ an ninh nhân dân, tổ hòa giải có nhiều cố gắng. Đã hòa giải thành công hàng trăm vụ việc và giải quyết kịp thời, dứt điểm, đúng luật 173 vụ việc xảy ra trên địa bàn, góp phần làm ổn định tình hình và tạo niềm tin cho nhân dân. Nhiều cá nhân, tập thể được khen thưởng

¹ Trong đó năm 2000 là 10 người, năm 2001 là 11 người, năm 2003 là 12 người, năm 2004 là 13 người, năm 2005 là 12 người.

trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Ban Công an, Ban chỉ huy quân sự xã 5 năm liên tục được cấp trên xếp loại là đơn vị tiên tiến xuất sắc và đơn vị quyết thắng.

Công tác xây dựng Đảng: Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy Phú Bình, trong nhiệm kỳ qua, Đảng ủy luôn quan tâm tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên. Đảng bộ đã triển khai học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, của Tỉnh ủy, Huyện ủy và Đảng bộ xã lần thứ XIX cùng các Chỉ thị, chính sách pháp luật của Nhà nước và học tập tư tưởng, đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đồng thời Đảng ủy cũng tập trung tuyên truyền thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của địa phương.

Công tác củng cố xây dựng tổ chức cơ sở Đảng là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt quá trình chỉ đạo của Đảng ủy. Nhằm nâng cao vai trò tổ chức cơ sở Đảng về chính trị tư tưởng và tổ chức, trong nhiệm kỳ, Đảng bộ đã chăm lo công tác xây dựng Đảng, lấy Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và nội dung xây dựng tổ chức cơ sở vững mạnh làm cơ sở thực hiện. Các Nghị quyết của Trung ương, của tỉnh, của huyện đều được Đảng bộ quan tâm chỉ đạo, nghiên cứu học tập và thực hiện có chất lượng như Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, các Nghị quyết Trung ương V, VI, VII, VIII và các Nghị quyết 04, 08, 12, 13, 14, 15, 19, 24 của Huyện ủy tới toàn đảng viên trong Đảng bộ. Số đảng viên tham gia học tập Nghị quyết chiếm tỉ lệ từ 76 - 89% trở lên. Sau học tập, Đảng bộ tiến hành xây dựng kế hoạch, chương trình hành động

cụ thể để thực hiện Nghị quyết. Bên cạnh đó, Đảng bộ đã tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập 10 chuyên đề về tư tưởng Hồ Chí Minh, vì vậy trình độ chính trị của đảng viên được nâng lên một bước, tư tưởng trong Đảng được thống nhất. Tin tưởng, kiên trì phấn đấu vì mục tiêu lý tưởng của Đảng.

Về công tác tổ chức, năm 2000, Đảng bộ, Ủy ban nhân dân xã đã đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên chia tách xóm 4 thành 2 xóm là xóm Ngọc Sơn và xóm Tân Lập¹. Đồng thời chia tách chi bộ xóm 4 thành 2 chi bộ: chi bộ xóm Ngọc Sơn và chi bộ xóm Tân Lập. Từ đó, Đảng bộ có 19 chi bộ trực thuộc, với tổng số đảng viên tính đến năm 2005 là 274 đồng chí. Trong nhiệm kỳ, có 11 chi bộ liên tục đạt trong sạch vững mạnh, có trên 95% đảng viên đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ.

Công tác phát triển đảng viên mới được các cấp ủy Đảng quan tâm, các chi bộ đều có kế hoạch cụ thể, giúp đỡ quần chúng đối tượng cảm tình Đảng. Tuy nhiên, không đạt kế hoạch đề ra, trong 5 năm, Đảng bộ kết nạp được 27 đảng viên mới, đạt 54% kế hoạch đề ra.

Công tác kiểm tra, kỷ luật Đảng: Đảng ủy thường xuyên tổ chức xuống các chi bộ nắm bắt, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị đề ra trong năm, đồng thời kiểm tra việc thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng cấp trên và chấp hành Điều lệ Đảng. Kiểm tra định kỳ 6 tháng 1 lần và kiểm tra đột xuất. Đã có 19 cuộc kiểm tra do cấp trên kiểm tra và Đảng bộ kiểm tra theo Điều 32 Điều lệ Đảng. Trong nhiệm kỳ, Ủy ban kiểm tra Đảng ủy đã phát hiện và đề nghị xử lý kỷ luật 6

đảng viên, trong đó khai trừ 1 đồng chí, cảnh cáo 2 đồng chí, khiển trách 3 đồng chí.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII về đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, tham gia xây dựng Đảng và chính quyền, sau 5 năm, Đảng bộ Tân Đức đã có những chuyển biến tích cực về cả chính trị và dân vận. Nhận thức của cán bộ, đảng viên được nâng lên và cùng thống nhất, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, chất lượng công tác có hiệu quả, những sai phạm được đấu tranh, uốn nắn kịp thời.

Công tác chính quyền có nhiều cố gắng hoàn thành nhiệm vụ được giao. Hoạt động của Hội đồng nhân dân xã hiệu quả hơn, các kỳ họp có chất lượng, vai trò chức năng được nâng lên, tính hình thức trong hoạt động giảm. Ủy ban nhân dân xã đã chủ động, tích cực khắc phục khó khăn, đổi mới và nâng cao chất lượng quản lý và điều hành, phục vụ tốt hơn nhu cầu của nhân dân về quan hệ hành chính. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân trong nhiệm kỳ đã tổ chức triển khai có hiệu quả các mặt công tác như giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân theo thẩm quyền, tổ chức xuất khẩu lao động, giải quyết việc làm góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, tích cực xóa đói, giảm nghèo và thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã được củng cố, kiện toàn và đi vào hoạt động nền nếp, nhất là sau thành công của Đại hội các nhiệm kỳ. Nhiều chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước được tổ

chức quán triệt học tập, năng lực, trình độ của cán bộ, đoàn viên, hội viên được nâng lên một bước. Các phong trào của Mặt trận và các đoàn thể đã thu hút, tập hợp được đông đảo đoàn viên, hội viên vào sinh hoạt, đóng góp xứng đáng vào kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XIX đề ra.

Với những thành tích và kết quả đạt được trong nhiệm kỳ 2000 - 2005¹, Đảng bộ và nhân dân Tân Đức đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp do Nhà nước trao tặng, Chính phủ tặng cờ thi đua xuất sắc và Bộ Văn hóa Thông tin tặng bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong xây dựng và tổ chức hoạt động văn hóa thông tin cơ sở năm 2005¹. Đơn vị đạt thành tích xuất sắc trong công tác thi đua khen thưởng, đạt nhiều thành tích trong phong trào giao thông nông thôn năm 2003 do Ủy ban nhân dân tặng bằng khen; Hội đồng nhân dân tỉnh tặng bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong hoạt động Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 1999 - 2004². Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên tặng bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, tặng bằng khen cho Hội Phụ nữ xã Tân Đức vì đã có thành tích xuất sắc góp phần phát triển kinh tế - xã hội năm 2004² ... Đặc biệt, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tặng bằng khen và cờ thi đua xuất sắc cho Đảng bộ xã Tân Đức đạt Đảng bộ trong

¹ Quyết định số 98. QĐ - BTHTT ngày 16/01/2005.

² Quyết định số 03/QĐ - HDND ngày 17/03/2004

và sản lượng. Sản lượng lương thực quy thóc năm 1989 đạt 2.850 tấn, năm 1990 đạt 3.400 tấn, tăng 550 tấn so với năm 1989, vượt 580 tấn so với mục tiêu Đại hội đề ra. Tuy nhiên, hàng xuất khẩu chủ yếu của xã là lạc vỏ, nhưng do thị trường xuất khẩu như Đông Âu và Liên Xô gặp nhiều khó khăn, cơ chế thu mua giá cả không phù hợp nên diện tích, năng suất và sản lượng của xã đều giảm.

Công tác chăn nuôi của xã phát triển khá mạnh. Với chủ trương giao khoán cho các hộ xã viên chăm sóc trâu, bò nên người dân chú ý đến năng suất, chấm dứt tình trạng chăn thả bừa bãi, phá hoại sản xuất. Trong các xóm, đội đã có quy định rõ ràng một khu vực để làm đồng cỏ chăn nuôi không trồng xen lẫn hoa màu. Cùng với chăn nuôi đại gia súc, xã cũng đã đẩy mạnh chăn nuôi gia cầm nhằm giải quyết nguồn thực phẩm tự cung tự cấp trong nhân dân, đó là một trong ba chương trình kinh tế của Đảng bộ và kế hoạch phát triển kinh tế gia đình. Tính đến cuối năm 1990 đàn trâu, bò, ngựa trong toàn xã có 1.250 con (đạt 125% kế hoạch, tăng 30% so với nhiệm kỳ trước); đàn lợn có 3000 con (đạt 104% kế hoạch, tăng 120 con).

Nhằm tăng cường sự lãnh đạo trong phát triển nông nghiệp, Đảng bộ đã chỉ đạo hợp tác xã nông nghiệp tổ chức đại hội xã viên lần thứ V nhiệm kỳ 1990 - 1992 vào 2 ngày 09 và 10 tháng 01 năm 1990. Về dự đại hội có 204 đại biểu đại diện cho trên 3000 xã viên trong toàn xã. Với tinh thần dân chủ và nghiêm túc, Đại hội đã tổng kết hoạt động kinh doanh của ban quản trị khóa IV, nhiệm kỳ 1986 - 1989, đánh giá cao và ghi nhận kết quả

hoạt động kinh doanh, sản xuất của hợp tác xã trong 14 năm qua từ khi thành lập hợp tác xã toàn xã đến nay, đồng thời cũng khẳng định hướng đi của hợp tác xã trong suốt 14 năm qua là đúng hướng theo con đường đi lên chủ nghĩa xã hội do Đảng và Nhà nước đã vạch ra, vận dụng linh hoạt nhiều cơ chế chính sách đề ra cho từng giai đoạn cách mạng. Đại hội cũng khẳng định và đánh giá trong quá trình đi lên đều có những thuận lợi, khó khăn nhất định, song dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự phấn đấu nỗ lực của quần chúng nhân dân lao động, hợp tác xã nông nghiệp chắc chắn sẽ đẩy lùi được khó khăn, củng cố phát triển đi lên theo đúng quy luật phát triển của nó, đó là quy luật tất yếu đi đến mục tiêu của chủ nghĩa cộng sản. Đây là mục tiêu ưu việt, lâu dài mà Đảng và Bác Hồ đã chọn.

Đại hội thống nhất cao là tiếp tục duy trì quy mô hợp tác xã nông nghiệp toàn xã, đồng thời cũng đề ra phương hướng, nhiệm vụ mới cho nhiệm kỳ và bầu Ban quản trị khóa mới gồm 3 ông: Ông Dương Duy Lệ được bầu làm Chủ nhiệm, ông Nguyễn Đức Vượng được bầu làm Kiểm soát và ông Trần Mạnh Thường làm Kế toán.

Cùng với sản xuất nông nghiệp, sản xuất tiểu thủ công nghiệp được quan tâm, chú trọng tới các mặt hàng thiết yếu như vật liệu xây dựng (gạch, ngói và nông cụ). Tuy nhiên, trong thời gian này, tốc độ sản xuất còn chậm, không đồng đều và chưa vững chắc, từ khi chuyển đổi cơ chế từ bao cấp sang hạch toán kinh doanh, các đơn vị quốc doanh như hợp tác xã mua bán, tín dụng gặp nhiều khó khăn, sản xuất kinh doanh giảm

sút, các cơ sở tư nhân kinh doanh có chiều hướng phát triển khá nhưng lại gặp khó khăn về vốn nên không mở rộng được sản xuất. Lĩnh vực lưu thông phân phối gặp nhiều khó khăn, làm ăn kém hiệu quả nên tỉ lệ nộp ngân sách đạt thấp.

Với phương châm tận dụng khai thác mọi nguồn lực tại chỗ và công lao động nghĩa vụ công ích của nhân dân, trong hơn 3 năm (1989 - 1991) toàn xã đã sửa chữa và nâng cấp được 18km giao thông nông thôn và nạo vét được 15km mương mới, 5 công tưới tiêu đảm bảo cho việc đi lại và sản xuất của nhân dân. Quy hoạch mặt bằng trung tâm xã. Xây dựng và hoàn chỉnh cầu chợ 15 gian, củng cố tu sửa nghĩa trang và san ủi mặt bằng khu trung tâm xã.

Song song với phát triển kinh tế, công tác văn hóa xã hội tiếp tục được duy trì và phát triển.

Về giáo dục: Với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, cơ sở vật chất của các trường học trong xã được Đảng bộ và chính quyền chú trọng nên hầu hết các trường trong xã đã giảm tình trạng học ba ca, đảm bảo chất lượng dạy và học trong nhà trường. Số lượng học sinh đến lớp và tỉ lệ tốt nghiệp năm sau cao hơn năm trước. Thầy và trò trong các nhà trường tiếp tục duy trì phong trào dạy tốt, học tốt. Tuy nhiên, do cơ sở vật chất đang trong quá trình xây dựng phải học nhờ ở các kho hợp tác xã nên chất lượng học tập bị ảnh hưởng, học sinh bỏ học vẫn ở mức cao, chế độ đãi ngộ cho giáo viên chưa đảm bảo, ảnh hưởng tới chất lượng giảng dạy và học tập chung.

Công tác văn hóa: Với các phong trào thể dục thể

thao, văn nghệ, tuyên truyền trong 2 năm 1989 - 1990 luôn bám sát vào nhiệm vụ chính trị của địa phương, thường xuyên tuyên truyền phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng nếp sống văn hóa mới. Toàn dân, toàn xã thi đua xây dựng nếp sống văn hóa mới trên quê hương Tân Đức yên bình. Tuy nhiên, những tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan, tình trạng ăn uống tốn kém, lãng phí trong các dịp lễ, tết, hiếu, hỉ có chiều hướng gia tăng.

Công tác y tế: Được quan tâm hơn, tập trung vào công tác tuyên truyền, vận động nhân dân phòng bệnh. Được y tế huyện tăng cường, y tế xã đã đảm bảo việc khám chữa bệnh cho nhân dân, góp phần tích cực vào việc ngăn ngừa, phòng chống dịch bệnh, thực hiện tốt các chương trình tiêm chủng mở rộng, kế hoạch hóa gia đình, phòng chống sốt rét... phục vụ kịp thời cho nhân dân.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản được ổn định, đơn thư tố cáo, kiến nghị giảm. Việc điều tra, giải quyết được tích cực hơn, đã hạn chế những tiêu cực trong lĩnh vực kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, những hiện tượng tiêu cực, tình trạng vi phạm pháp luật có lúc, có nơi xảy ra nghiêm trọng.

Công tác quân sự địa phương luôn được cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm, sâu sát; hàng năm xã đều thực hiện chỉ tiêu giao quân đảm bảo 100%. Trong 3 năm (1989 - 1991) toàn xã có 60 thanh niên lên đường nhập ngũ. Công tác hậu phương quân đội, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu đạt kết quả tốt. Dưới sự lãnh đạo của Đảng

bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể quần chúng, hợp tác xã có nhiều cố gắng trong tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị, tập trung nỗ lực, chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, tháo gỡ khó khăn, tìm hướng đi mới cho sản xuất, kinh doanh.

Quán triệt phương châm “Xây dựng Đảng là then chốt quyết định mọi thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội”, công tác xây dựng Đảng ở Tân Đức tập trung vào việc thực hiện Nghị quyết 5, 6, 7, 8 của Ban Chấp hành Trung ương; Chỉ thị số 28, 31 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng, bộ máy quản lý Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội”. Đặc biệt, trong hai năm lãnh đạo nhân dân thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ xã, cùng với cả nước thực hiện thành công kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ tư (1986 - 1990), Đảng bộ, chính quyền và các đoàn thể nhân dân trong xã đã có bước trưởng thành. Tính đến tháng 12 năm 1990, Đảng bộ có 17 chi bộ với 251 đảng viên. Trong nhiệm kỳ đã kết nạp được 11 đảng viên mới.

Công tác kiểm tra đảng viên chấp hành điều lệ Đảng, chấp hành chính sách tiếp tục được đẩy mạnh. Trong Đảng ủy đã tiến hành 6 cuộc kiểm tra, phát hiện và đề nghị cấp trên xử lý 9 đảng viên vi phạm. Trong đó: cách chức 3, cảnh cáo 4 và khiển trách 2. Đồng thời giải quyết đơn thư khiếu nại của đảng viên và đề nghị cấp trên khôi phục đảng cho 4 đồng chí. Kết quả phân loại chi bộ, năm 1989, chi bộ trong sạch 3, chi bộ khá 10 và chi bộ yếu 4, Đảng bộ xếp loại yếu. Năm 1990, chi bộ trong sạch vững mạnh 5, chi bộ khá 10 và chi bộ yếu 2,

Đảng bộ xếp loại khá.

Năm 1989 Tân Đức tổ chức kiện toàn Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã theo tinh thần gọn nhẹ, tinh giản, có chất lượng, thật sự là những tổ chức chính trị của Đảng. Nhờ đó lòng tin của nhân dân đối với cán bộ đảng viên, đối với sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền được củng cố.

Những việc làm trên đã có tác động tích cực nâng cao ý thức, năng lực lãnh đạo của Đảng, năng lực quản lý điều hành của chính quyền, nhất là từ khi sắp xếp tổ chức lại bộ máy lãnh đạo của cấp ủy và chính quyền. Các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước được kịp thời chuyển hóa thành các chỉ tiêu, quyết định và quy định sát với tình hình thực tế của địa phương, có tác dụng thúc đẩy sản xuất phát triển. Tuy nhiên những chuyển biến trên chưa đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đổi mới toàn diện trên địa bàn.

Trong 5 năm qua, những kết quả đạt được đã làm thay đổi bộ mặt của xã, kinh tế phát triển giúp cho xã Tân Đức hoàn thành nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước, một bộ phận nông dân đã có lương thực dự trữ, đời sống nhân dân tương đối ổn định. Về mặt văn hóa xã hội của nhân dân phong phú, tạo động lực thúc đẩy sản xuất phát triển, xây dựng quê hương giàu mạnh. Để có được kết quả đó, vai trò của Đảng bộ là rất lớn, thông qua các kỳ họp Đảng bộ đã đề ra những chủ trương đúng đắn, các cán bộ đảng viên là những người đi đầu trong các phong trào, làm gương cho nhân dân trong việc thực hiện những chủ trương mà Đảng bộ đề ra.

Đặc biệt, quán triệt Nghị quyết 8B của Ban Bí thư Trung ương về *“Đổi mới công tác quần chúng của Đảng”* và Nghị quyết số 07-NQ/HU *“Về những nhiệm vụ cấp bách trong công cuộc vận động quần chúng của Đảng trong những năm 1989 - 1990”*. Đảng bộ và chính quyền xã đã quan tâm hơn đến công tác quần chúng, chú ý giải quyết những nguyện vọng của nhân dân; hoạt động của các đoàn thể quần chúng trong xã có nhiều đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động, tạo nên những thành tích chung trong toàn xã. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực đạt được, công tác xây dựng Đảng trong xã còn tồn tại thiếu sót, khuyết điểm mà chủ yếu là do nhận thức của cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ còn hạn chế dẫn đến lúng túng trong việc lãnh đạo nhân dân thực hiện những cơ chế, chính sách mới.

Cùng với nhân dân cả nước thực hiện đường lối đổi mới do Đại hội đại biểu Đảng lần thứ VI đề ra, qua 5 năm (1986 - 1990), dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Thái, Huyện ủy Phú Bình và trực tiếp nhất là của Đảng bộ Tân Đức với sự giúp đỡ của các cấp, các ngành, Đảng bộ và nhân dân Tân Đức đã đoàn kết đứng vững trước những khó khăn để đạt được những kết quả nhất định trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng và xây dựng Đảng. Tuy vậy, khó khăn, thử thách vẫn còn không ít, tỉ lệ hộ nghèo còn nhiều, nguồn lao động chưa được sử dụng hết, cơ sở hạ tầng ở địa phương còn thấp kém. Đây thực sự là một bài toán khó đối với Đảng bộ Tân Đức mà trực tiếp là Ban Chấp hành Đảng bộ. Song những kết quả mà toàn Đảng, toàn dân Tân Đức đã đạt được là những tiền đề quan trọng, tạo bước tiến trong

những năm tiếp theo, nhân dân Tân Đức sẽ phát huy những thành tích đạt được, khắc phục khó khăn, tiếp tục cùng với nhân dân cả nước bước đi trên chặng đường đầu tiên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

2. Tân Đức thực hiện kế hoạch đổi mới toàn diện (1991 - 1995)

Thực hiện Chỉ thị 59 ngày 22 tháng 5 năm 1990 của Ban Bí thư Trung ương và các Chỉ thị, kế hoạch của Tỉnh ủy Bắc Thái, Huyện ủy Phú Bình về Đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng. Trong 2 ngày 18 và 19 tháng 1 năm 1991, Đảng bộ Tân Đức tiến hành Đại hội lần thứ XVI (vòng 1) với sự tham dự của 135 đồng chí đảng viên, đại diện cho 255 đồng chí đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội đã tiến hành thảo luận đóng góp ý kiến vào các văn kiện dự thảo trình Đại hội Đảng toàn quốc, Dự thảo Cương lĩnh chính trị của Đảng và nghe Báo cáo tổng hợp ý kiến về công tác xây dựng Đảng. Đại hội đã bầu đoàn đại biểu gồm 9 đồng chí đi dự Đại hội Đảng bộ huyện Phú Bình lần thứ XXI.

Tháng 6 năm 1991, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng diễn ra tại Hà Nội đã thành công rực rỡ. Đại hội đã thông qua “*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*” và “*Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*”. Đại hội khẳng định tiếp tục xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Đặc biệt, để nâng cao sức chiến đấu của Đảng, phù hợp với nhiệm vụ mới, Đại hội đã

chỉ rõ: Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và sinh hoạt Đảng.

Sau gần 1 năm tiến hành Đại hội Đảng bộ vòng 1, ngày 7 và 8 tháng 1 năm 1992, Đại hội Đảng bộ xã Tân Đức lần thứ XVI vòng 2 diễn ra tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã, về dự Đại hội có 213/269 đồng chí đảng viên trong toàn Đảng bộ. Sau 2 ngày làm việc sôi nổi, trách nhiệm, Đại hội hoàn toàn nhất trí báo cáo tổng kết nhiệm kỳ XV: *“Trong nhiệm kỳ toàn Đảng bộ đã đoàn kết, Ban Chấp hành Đảng bộ tập trung trí tuệ tháo gỡ khó khăn, củng cố quan hệ sản xuất, kiện toàn, xây dựng ổn định công tác tổ chức. Hoạt động của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể đi vào chiều sâu, phần nào đáp ứng được yêu cầu đổi mới. Xây dựng Đảng bộ vươn lên đạt loại khá. Tuy nhiên, Đại hội cũng chỉ rõ một số khó khăn, hạn chế, khuyết điểm đó là: Quản lý kinh tế còn yếu, một số cán bộ cũ mắc khuyết điểm thiếu trách nhiệm hợp tác, cán bộ mới còn yếu về năng lực, chuyên môn, kết quả giải quyết vướng mắc để kéo dài. Những tổn động kinh tế đã được ban lãnh đạo của xã kết luận rõ nhưng phần thu hồi và xử lý chưa nghiêm, phần nào làm giảm lòng tin với nhân dân và một số công trình phúc lợi. Đại hội XV đề ra không thực hiện được như xây dựng lại nghĩa trang liệt sĩ, trạm xá, đường điện. Công tác xây dựng Đảng còn hạn chế một số mặt như kiểm tra, xử lý kỷ luật Đảng chưa nghiêm, phân loại đảng viên chưa sát.”*¹

¹ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI ngày 08/01/1992.

Trong bối cảnh đó, căn cứ vào Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ VI, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Phú Bình lần thứ XXI. Đại hội Đảng, bộ xã Tân Đức xác định mục tiêu tổng quát xuyên suốt nhiệm kỳ là: *“Giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; Ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân”*.

Để thực hiện mục tiêu tổng quát, Đại hội đề ra các nhiệm vụ cụ thể và những giải pháp chủ yếu nhằm ổn định và phát triển sản xuất, thực hiện tốt các chính sách xã hội, nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, chỉnh đốn và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đổi mới về quản lý kinh tế, nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền và vai trò của các đoàn thể quần chúng và toàn thể nhân dân trong xã.

Đại hội đã thống nhất bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa mới gồm 15 đồng chí, trong đó có 13 đồng chí chính thức. Đồng chí Đào Đăng Dụng được bầu làm Bí thư; Đồng chí Trần Văn Mão - Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã); đồng chí Dương Công Hoan, Ủy viên Thường vụ, Thường trực.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI, ngày 3 tháng 4 năm 1992, Đảng ủy tiến hành họp hội nghị mở rộng ra Nghị quyết về nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng bộ. Đề ra kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ trong cả nhiệm kỳ và học tập Quyết định 427 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sau khi quán triệt nội dung văn bản của tỉnh, Hội nghị quán triệt Hướng dẫn số 04 ngày 28 tháng 3 năm

1992 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình, Hội nghị đã thảo luận và quyết định: Giữ nguyên mô hình hợp tác xã nông nghiệp toàn xã. Giải tán 16 đội sản xuất và ban quản trị hợp tác xã. Thành lập ban kinh tế trực thuộc Ủy ban nhân dân xã quản lý, trực tiếp quản lý và điều hành hợp tác xã. Nhất trí tổ chức hội nghị các đội sản xuất để bầu trưởng xóm trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, giúp Ủy ban nhân dân quản lý và điều hành mọi công việc của xóm, ổn định đất nông nghiệp 10 năm và giao diện tích đất nông nghiệp theo định xuất. Ngày 19 tháng 05 năm 1992 được chọn là ngày chốt sổ khẩu để giao đất trực tiếp theo định xuất. Hội nghị phân công các đồng chí trong Ban Thường vụ phụ trách từng mảng công việc và phụ trách từng miền theo đúng tinh thần Quyết định 427 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Bước vào thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế, trong 3 năm 1991 - 1993, tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết 10 về đổi mới quản lý kinh tế trong nông nghiệp, Đảng bộ và nhân dân Tân Đức đã có nhiều cố gắng, khắc phục khó khăn trong sản xuất nông, lâm nghiệp, thực sự đi sâu vào thâm canh cây trồng, kết hợp phát triển chăn nuôi gia đình, trồng cây công nghiệp ngắn ngày, nhiều hộ gia đình đã có nhu nhập cao, đảm bảo đời sống và có dư thừa.

Mặc dù liên tiếp gặp khó khăn trong sản xuất nông nghiệp trong hai năm 1991 - 1993 do thời tiết không thuận lợi: Đầu năm 1993, do tình hình thời tiết rét đậm kéo dài, lúa chiêm xuân chết nhiều, không phát triển được, hoa màu phát triển chậm, sâu hại lại diễn ra trên diện rộng, năng suất và sản lượng chỉ đạt 50% kế hoạch.

Trước tình hình đó, Đảng bộ đã có Nghị quyết lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo nhân dân mạnh dạn đưa giống lúa CN2 (lúa cực nhanh) vào sản xuất vụ hè thu tại địa phương với diện tích 50ha, đồng thời phối hợp với cụm khuyến nông huyện Phú Bình hỗ trợ về giống, khoa học kỹ thuật, chỉ đạo các xóm tăng cường làm cỏ, bón phân thâm canh tăng năng suất lúa và đẩy mạnh trồng các loại cây hoa màu để bù vào sản lượng lúa, do đó năng suất, diện tích và sản lượng trong trồng trọt của xã đều tăng. Năm 1993, năng suất lúa mùa toàn xã đạt 34,6 tạ/ha. Tổng sản phẩm lương thực có hạt năm 1993 đạt 3.845 tấn, trong đó có 2.950 tấn thóc, 895 tấn màu quy thóc, đạt 98,7% kế hoạch, tăng 800 tấn so với năm 1992. Nộp thuế nhà nước đạt 175.550kg, đạt 100% chỉ tiêu giao.

Cùng với trồng trọt, chăn nuôi cũng từng bước được phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, đáp ứng được nhu cầu về sức kéo và thực phẩm cho nhân dân toàn xã. Chăn nuôi đã dần trở thành ngành sản xuất chính mang lại hiệu quả kinh tế trước hết là cho từng gia đình và phát triển kinh tế địa phương. Chăn nuôi hộ gia đình tiếp tục phát triển. Năm 1993, đàn trâu, bò của xã đạt 1.380 con, tăng 80 con so với năm 1992; đàn lợn có 3.830 con, đạt 127% kế hoạch, lợn hơi xuất chuồng đạt 250 tấn, tăng 30 tấn so với năm trước.

Ngay trong những năm đầu tiên thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, việc phát triển ngành lâm nghiệp luôn được Đảng bộ và chính quyền xã coi trọng. Thực hiện Chỉ thị số 90 ngày 13 tháng 3 năm 1993 của Chính phủ về tăng cường bảo vệ rừng, việc bảo vệ rừng được

chú trọng. Chính quyền xã đã quan tâm hơn đến việc giao đất, khoán rừng cho các hộ gia đình. Giữ vững diện tích rừng theo dự án PAM là 33,66ha, phong trào trồng rừng được phát triển, đất trống, đồi trọc được phủ xanh bằng các loại cây như bạch đàn, vải thiều và các loại cây ăn quả.

Cùng với sản xuất nông nghiệp, sản xuất tiểu thủ công nghiệp của xã đã từng bước phát triển, hàng năm giải quyết việc làm thường xuyên cho một số lao động nông nhân góp phần vào phát triển kinh tế trên địa bàn, số lao động làm tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ ngày một tăng.

Xây dựng cơ bản được chú trọng, tranh thủ khai thác được một số nguồn vốn, vật tư, kỹ thuật, hoàn thành việc xây dựng một số công trình trọng điểm trên địa bàn như làm mới mặt cầu tại trung tâm xã, nâng cấp bờ đập xóm Viên. Đặc biệt, xã đã khởi công xây dựng Trạm y tế xã với diện tích 236m² với tổng giá trị xây dựng trên 54 triệu đồng, trong đó tỉnh hỗ trợ 20 triệu đồng, huyện 10 triệu, bệnh viện huyện 5 triệu đồng, còn lại nhân dân đóng góp gần 20 triệu đồng. Trạm đã khánh thành và được đưa vào sử dụng tháng 4 năm 1993.

Thấm nhuần sâu sắc tư tưởng chỉ đạo “*Xây dựng Đảng là then chốt*” do Nghị quyết hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 3 (khóa VII) đề ra, Đảng bộ Tân Đức đã quan tâm lãnh đạo công tác tuyên truyền giáo dục các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Đảng bộ lãnh đạo tốt việc thực hiện các đợt học tập, quán triệt các Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII; Đại

hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI. Cùng với việc triển khai quán triệt học tập Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp. Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo thực hiện bước 1 và bước 2 Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 3 (khóa VII) “*về đổi mới chính đốn Đảng*”. Sau khi học tập, Đảng bộ luôn quan tâm đến công tác kiểm tra các chi bộ, đảng viên.

Qua 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI, Đảng bộ đã xử lý kỷ luật 17 đồng chí đảng viên bằng hình thức xóa tên, khai trừ 2 đảng viên, cảnh cáo 2 đảng viên và khiển trách 6 đảng viên. Việc thực hiện nghiêm túc đã góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên và tổ chức Đảng trong toàn Đảng bộ. Trong số 256 đảng viên trong toàn Đảng bộ năm 1992, đảng viên đã phân loại là 238, trong đó có 221 đảng viên xếp loại I (bằng 92,86%), 13 đảng viên xếp loại II (bằng 5,5,%), 4 đảng viên xếp loại III (bằng 1,68%). Trong số 17 chi bộ trực thuộc có: 8 chi bộ đạt trong sạch vững mạnh (bằng 47,06%), 8 chi bộ đạt khá (bằng 47,065), 1 chi bộ trung bình (bằng 5,88%). Đảng bộ đạt trong sạch vững mạnh ¹.

Song song với xây dựng Đảng về tư tưởng và chính trị, công tác phát triển đảng viên mới luôn được Đảng bộ chú trọng. Tuy nhiên công tác kết nạp đảng viên mới còn thấp, cả nhiệm kỳ chỉ kết nạp được 4 đảng viên mới.

Công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ Tân Đức trong nhiệm kỳ vừa qua đã tạo ra thế và lực mới để Đảng bộ bước vào lãnh đạo tổ chức thực hiện thắng lợi các

¹ Báo cáo tổng kết năm 1992 của Đảng bộ.

nhệm vụ chính trị của địa phương. Đảng bộ và nhân dân trong xã đã có nhiều cố gắng, năng động, tích cực trong lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương. Trong điều kiện còn gặp nhiều khó khăn, song Đảng bộ đã luôn đoàn kết, phát huy kết quả đã đạt được, từng bước khắc phục khó khăn, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng. Đảng bộ luôn được đánh giá cao và xếp loại Đảng bộ trong sạch vững mạnh, được Hội đồng thi đua của huyện xếp thứ 2 trong toàn huyện và đứng thứ nhất của cụm vùng nước máng. Tạo tiền đề vững chắc cho Đảng bộ và nhân dân Tân Đức bước vào tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị nhiệm kỳ tiếp theo.

Nhằm đánh giá kết quả lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XVI và đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng bộ nhiệm kỳ 1994 - 1996, từ ngày 9 đến ngày 10 tháng 4 năm 1994, Đảng bộ xã Tân Đức đã tiến hành tổ chức Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XVII, nhiệm kỳ 1994 - 1996.

Tham dự Đại hội có 219/245 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Thay mặt Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XVI, đồng chí Đào Đăng Dụng đã trình bày bản Báo cáo chính trị và Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ. Đại hội đã đánh giá sâu sắc tình hình thực hiện nhiệm vụ của Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI và đề ra phương hướng nhiệm vụ của Đảng bộ lần thứ XVII; trên cơ sở coi trọng nhiệm vụ phát triển kinh tế là hàng đầu, giải pháp trọng tâm là chuyển dịch được cơ cấu kinh tế và cơ cấu cây trồng. Báo cáo phương hướng trình đại hội đề ra mục tiêu tổng quát của nhiệm kỳ là: "*Chú trọng*

khai thác tiềm năng, đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tạo ra sản phẩm hàng hóa. Khuyến khích mở rộng ngành nghề. Xóa được đói, giảm được nghèo, tăng hộ giàu và khá". Xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, giữ vững Đảng bộ trong sạch vững mạnh toàn diện.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ xã nhiệm kỳ 1994 - 1996 gồm 14 ủy viên ¹. Ban Thường vụ Đảng ủy gồm 5 đồng chí, do đồng chí Đào Đăng Dụng làm Bí thư; Đồng chí Trần Văn Mão - Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã); Đồng chí Dương Công Hoàn - Thường trực Đảng.

Bước vào thực hiện mục tiêu nhiệm vụ phát triển trong 2 năm 1994 - 1995, quán triệt tinh thần Nghị quyết 5 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII về đổi mới và phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn, thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, Huyện ủy, đặc biệt là Chỉ thị 37 về phát triển kinh tế xã hội. Đảng ủy, chính quyền xã đã tổ chức học tập, nghiên cứu Nghị quyết và xin ý kiến của tập thể cán bộ, nhân dân, cần phải ổn định lại quy mô hợp tác xã cho phù hợp với cơ chế mới, phù hợp với khả năng quản lý của cán bộ địa phương. Việc chỉ đạo chia tách hợp tác xã được Đảng ủy chỉ đạo sát sao, đảm bảo sự đoàn kết và thống nhất cao từ cán bộ đến nhân dân, không gây sự xáo trộn lớn về tư liệu sản xuất và tài sản của tập thể, không ảnh hưởng đến sự

¹ Trong số 14 ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ khoá XVII có 12 đồng chí nam (bằng 85,7%), nữ 2 đồng chí (bằng 14,3%). Trình độ văn hoá tốt nghiệp THPT 5 đồng chí (bằng 35,7%). Tốt nghiệp THCS 9 đồng chí (bằng 64,3%), trình độ trung cấp chính trị 3 đồng chí (bằng 21,4%), trình độ chuyên môn trung cấp 4 đồng chí (bằng 28,6%).

chất “*anh bộ đội cụ Hồ*” góp phần tích cực trong công tác xây dựng kinh tế, phối hợp với Ngân hàng chính sách xã hội làm ủy thác, theo dõi vay vốn ngân hàng cho hội viên, gia đình nghèo đạt hiệu quả trong việc sử dụng vốn vay. Tổ chức tổng kết phong trào thi đua yêu nước “Cựu chiến binh gương mẫu” 5 năm lần thứ tư (2004 - 2009) và kỷ niệm 20 năm ngày truyền thống Cựu chiến binh Việt Nam. Trong 5 năm qua, Hội đã làm tốt công tác phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, tham gia xây dựng củng cố an ninh, tích cực tuyên truyền hội viên và nhân dân thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Đoàn Thanh niên xã đã tích cực phát huy vai trò xung kích đi đầu trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, góp phần phát triển kinh tế ở địa phương. Hội Phụ nữ tiếp tục duy trì thể mạnh hoạt động đều ở các chi hội, câu lạc bộ trong toàn xã, vận động quyền góp hàng trăm ngày công giúp nhau xây dựng kinh tế, xóa đói giảm nghèo. Hội viên phụ nữ đã phối hợp với Ban dân số kế hoạch hóa gia đình làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho bà mẹ, trẻ em. Hội Nông dân luôn đi đầu trong phát triển kinh tế, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, góp phần đẩy nhanh tiến độ xóa đói, giảm nghèo, làm ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội vay vốn, theo dõi hiệu quả đồng vốn đến từng hội viên gia đình nghèo.

Như vậy, trong 5 năm (2005 - 2010), toàn Đảng bộ đã tập trung nhiều hơn công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, quán triệt nghiêm túc các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, cụ thể hóa

thành các chương trình, kế hoạch hành động để tổ chức thực hiện; Tăng cường công tác kiểm tra giám sát của cấp ủy Đảng, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ủy ban kiểm tra. Nhìn chung, công tác xây dựng hệ thống chính trị đã thực hiện được những yêu cầu nội dung và chỉ tiêu mà Đại hội Đảng bộ xã Tân Đức lần thứ XX đề ra. Những kết quả đạt được trong 5 năm (2005 – 2010) của nhân dân và cán bộ xã Tân Đức đã vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba thời kì đổi mới (2003 - 2007) ¹.

Hơn 20 năm lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước của Đảng, một khoảng thời gian không dài nhưng dưới ngọn cờ vinh quang của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng bộ xã Tân Đức đã lãnh đạo nhân dân trong xã đạt nhiều những thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng và xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, góp phần đưa đời sống nhân dân xã nhà ngày một phát triển đi lên.

Những kết quả đạt được trong thời gian qua là nguồn cổ vũ động viên để khích lệ Đảng bộ và nhân dân trong xã phấn đấu vươn lên. Từ đó, Đảng bộ và nhân dân trong xã cần nghiêm túc xem xét, nhận rõ những khuyết điểm tồn tại để tích cực tham gia đóng góp trí tuệ, công sức nhằm khắc phục khó khăn, vươn lên hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội.

Trong nhiệm kỳ mới, Đảng bộ và nhân dân xã Tân

¹ Quyết định số 80/QĐ/BCQ ngày 02/01/2007 của Bộ Công an vì có thành tích xuất sắc trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2006.

Đức quyết tâm tăng cường đoàn kết, nỗ lực thi đua, tranh thủ thời cơ thuận lợi, khắc phục khó khăn, phấn đấu xây dựng xã Tân Đức vững về chính trị, mạnh về kinh tế quốc phòng và an ninh. Thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XXI đề ra, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu: *“Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”*.

KẾT LUẬN

Lịch sử Đảng bộ xã Tân Đức từ năm 1946 đến năm 2010 là khoảng thời gian đầy khó khăn, thách thức nhưng cũng rất đổi tự hào. Trải qua hơn 60 năm kể từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, người dân Tân Đức với truyền thống yêu nước, cần cù sáng tạo trong lao động, kiên cường bất khuất trong đấu tranh, đã không ngừng phấn đấu vươn lên đạt được những thành tựu to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước.

Cách mạng Tháng Tám nổ ra, nhân dân Tân Đức cùng với đồng bào cả nước vùng lên trong khí thế dân tộc quật cường “t” tham gia cách mạng giải phóng dân tộc, lật đổ ách thống trị của thực dân phong kiến, giành lại chính quyền, lập nên Nhà nước Dân chủ cộng hòa.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp trường kỳ gian khổ, vừa mới ra đời tháng 4 năm 1946, chi bộ Đảng đã cùng nhân dân toàn xã kiên cường bước vào cuộc kháng chiến thần thánh bằng tất cả tinh thần “*thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ*”. Tuy số lượng ít nhưng các đảng viên trong chi bộ Đảng Tân Đức đã nêu cao tinh thần cách mạng, không sợ gian khổ, hi sinh, một lòng một dạ sắt son với Đảng, tuyệt đối tin tưởng vào thắng

lợi cuối cùng của cách mạng. Được nhân dân tin yêu và giúp đỡ, mọi nhiệm vụ đề ra đều hoàn thành, số lượng đảng viên cũng ngày càng lớn mạnh, chính quyền nhân dân và các tổ chức trong Mặt trận Việt Minh được hình thành và phát triển. Năm giáp an toàn khu II, nhân dân và cán bộ xã Tân Đức đã che chở, giúp đỡ và bảo vệ an toàn cho cán bộ, cơ quan của Nhà nước và quân đội đóng quân tại địa phương. Nhân dân đã đóng góp sức người, sức của góp phần trực tiếp làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.

Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và kháng chiến chống Mỹ cứu nước, hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng bộ và quân dân Tân Đức đã cùng với cả nước bước vào thời kỳ hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng chủ nghĩa xã hội, cùng nhân dân miền Nam hoàn thành cách mạng dân tộc, cùng với nhân dân miền Bắc đánh thắng hai cuộc chiến tranh phá hoại. Đảng bộ và nhân dân Tân Đức đã thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Đảng, Nhà nước với khẩu hiệu: *“thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”*, nhân dân xã nhà tiếp tục đóng góp sức người, sức của góp phần vào chiến thắng 30 tháng 4 năm 1975, giải phóng hoàn toàn Miền Nam, thống nhất đất nước.

Đất nước thống nhất, nhân dân Tân Đức cùng nhân dân cả nước bước vào thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Mặc dù còn gặp rất nhiều khó khăn thử thách, nhưng được sự chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy Phú Bình, Đảng bộ và nhân dân trong xã đã nỗ lực vượt bậc, nhanh chóng xây dựng được mô hình phát triển

kinh tế - xã hội.

Từ năm 1986, nhất là từ sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (tháng 12 năm 1986), thực hiện công cuộc đổi mới, cán bộ và nhân dân Tân Đức đã phát huy mọi tiềm năng, thế mạnh địa phương, kịp thời đổi mới về tư duy, nhận thức và kinh tế xã hội, đặc biệt về công tác xây dựng Đảng, làm cho Đảng bộ trong sạch vững mạnh, ra sức phát triển xây dựng quê hương theo con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Từ một vùng quê thuần nông, sau hơn 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới, Tân Đức ngày càng có nhiều đổi thay, khởi sắc. Nhân dân có cuộc sống ổn định và từng bước được cải thiện. Hàng trăm hộ xây dựng được nhà kiên cố, có nhiều trang thiết bị hiện đại phục vụ sinh hoạt. Các làng, xóm trong toàn xã đều phấn đấu xây dựng làng văn hóa. Các công trình điện, đường, trường, trạm đều được nâng cấp, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của đời sống nhân dân.

Những thành tựu trên là kết quả của sự cố gắng, nỗ lực của nhân dân xã nhà cùng với sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng bộ. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến nay, Đảng bộ Tân Đức đã nhanh chóng trưởng thành, với những đảng viên kiên trung với đường lối của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đảng bộ Tân Đức luôn đi sâu, đi sát, nắm bắt tình hình địa phương, đồng thời quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Tỉnh ủy Bắc Thái trước đây (Thái Nguyên ngày nay) và Huyện ủy Phú Bình. Từ đó đề ra những nhiệm vụ cụ thể, lãnh đạo nhân dân toàn xã đoàn kết, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ. Trong những

năm qua, Đảng bộ Tân Đức không ngừng phấn đấu vươn lên, liên tục đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch, vững mạnh xuất sắc.

Sáu mươi lăm năm đấu tranh cách mạng kiên cường và bền bỉ kể từ khi chi bộ Đảng ra đời, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Đức được Đảng và Nhà nước tặng danh hiệu cao quý: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (2005), cùng nhiều Huân chương, cờ thưởng, bằng khen của Chính phủ, Bộ ngành Trung ương, cấp ủy và Hội đồng thi đua khen thưởng các cấp. Những trang sử hào hùng của Đảng bộ và nhân dân Tân Đức trong 65 năm qua là vô giá, đó là kết quả của sự hi sinh không tiếc máu xương của 110 liệt sĩ; 64 thương binh, bệnh binh; đó là kết quả bao mồ hôi công sức, trí tuệ của lớp lớp các thế hệ cha anh trên quê hương Tân Đức.

Thực tiễn sau 65 năm lãnh đạo, chỉ đạo và xây dựng phong trào cách mạng, Đảng bộ và nhân dân Tân Đức đã để lại cho các thế hệ hôm nay cũng như thế hệ mai sau những bài học kinh nghiệm quý giá:

Một là: Đảng bộ và nhân dân phải luôn quán triệt quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nghiêm túc chấp hành sự chỉ đạo của cấp ủy cấp trên.

Trong mọi thời kỳ, Đảng bộ luôn quán triệt sâu sắc quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể ở địa phương, đặc biệt trong những thời kỳ có tính chất bước ngoặt như: Thời kỳ mới thành lập, thời kỳ cải cách

ruộng đất, thời kỳ xây dựng hợp tác xã, thời kỳ chuyển đổi từ cơ chế tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Ở những thời điểm đó, tư tưởng của đảng viên và quần chúng không dễ thống nhất, thậm chí đấu tranh khá gay gắt và đã có những tổn thất nhất định. Nhưng nhờ quán triệt đường lối chủ trương của Đảng, tranh thủ và chấp hành nghiêm sự chỉ đạo của cấp ủy cấp trên mà tình hình dần đi vào ổn định, Đảng bộ đoàn kết, phấn đấu đi lên. Thực tế cho thấy, nếu bảo thủ, trì trệ và không kết hợp chặt chẽ giữa giải quyết tồn tại với củng cố và phát triển thì sẽ là một sai lầm.

Hai là: Đảng bộ mà trước hết là Ban Chấp hành phải luôn tôn trọng và đề cao các nguyên tắc trong lãnh đạo, tổ chức và sinh hoạt Đảng. Tích cực “học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh”.

Nhờ thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, nêu cao phê bình và tự phê bình mà Đảng bộ luôn thống nhất về tư tưởng và hành động. Mỗi đảng viên đều kịp thời phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm, khen thưởng kỷ luật Đảng kịp thời, có tính giáo dục cao, tạo cho Đảng luôn có đủ sức hoàn thành nhiệm vụ.

Sau hơn 3 năm thực hiện cuộc vận động “*Học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh*”, nhờ quán triệt sâu sắc mục đích, yêu cầu của cuộc vận động, tích cực học tập, tích cực làm theo gương Bác đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong rèn luyện phẩm chất, đạo đức lối sống của cán bộ, đảng viên, hội viên trong toàn Đảng bộ, góp phần xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Hoạt động của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc

và các đoàn thể nhân dân có chuyển biến tích cực, mọi nhiệm vụ chính trị đều hoàn thành xuất sắc, từ đó tạo niềm tin cho nhân dân vào cấp uỷ, chính quyền.

Ba là: Thường xuyên chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ.

Thực hiện lời dạy của Bác: “*Cán bộ là cái gốc của mọi công việc*”, Đảng bộ thường xuyên chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, thông qua quy hoạch, đào tạo, sắp xếp, bố trí mà cán bộ được học tập, rèn luyện, thử thách, nhất là cán bộ trẻ. Nhờ vậy mà đội ngũ cán bộ luôn đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, đoàn kết tốt và hoàn thành nhiệm vụ được giao. Công tác phát triển đảng viên mới được đặc biệt chú trọng.

Bốn là: Trong suốt tiến trình cách mạng, đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau đã trở thành nội dung truyền thống, xuyên suốt trong toàn Đảng bộ.

Chỉ có đoàn kết chặt chẽ thì Đảng bộ mới mạnh, mới vượt qua mọi khó khăn thử thách, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ. Đoàn kết trước hết phải là vấn đề có tính nguyên tắc trong toàn Đảng bộ và quần chúng nhân dân, tạo nên ý chí muôn người như một, vì mục tiêu phát triển giàu mạnh quê hương. Thực tiễn cho thấy, sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ sẽ tạo thành sức mạnh tổng hợp, tập hợp được đông đảo quần chúng nhân dân trong xã, thực hiện tốt các mục tiêu mà Đảng bộ xã đề ra.

Năm là: Phát huy dân chủ, sáng tạo và sức mạnh trong nhân dân.

Trong mỗi thời kỳ, nhờ thực hiện tốt dân chủ nên sức lãnh đạo của Đảng bộ luôn được tập trung. Đảng bộ luôn coi trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân. Mọi

chủ trương, Nghị quyết của Đảng bộ đều xuất phát từ ý chí, nguyện vọng của nhân dân nên được nhân dân đồng tình hưởng ứng. Nhân dân có sức sáng tạo và tiềm lực to lớn về mọi mặt. Mọi khó khăn thử thách đã vượt qua, mọi thành tựu đã đạt được đều là sự đóng góp xương máu, trí tuệ, sức lực và của cải của nhân dân mà Đảng bộ là cơ quan lãnh đạo.

Những kinh nghiệm trên đã tạo nên sức mạnh giúp Đảng bộ và nhân dân Tân Đức khắc phục những thiếu sót còn tồn tại:

- Tốc độ phát triển kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng, phát triển nhưng chưa vững chắc. Sản xuất hàng hóa mới chỉ là bước đầu, một bộ phận nhân dân đời sống còn khó khăn, cơ sở hạ tầng còn yếu kém nhất là đường giao thông.

- Có lúc, có nơi các nguyên tắc trong lãnh đạo, tổ chức và sinh hoạt Đảng chưa được quán triệt nghiêm túc, tính đoàn kết, thống nhất chưa cao, động cơ phê bình thiếu khách quan làm hạn chế sức lãnh đạo của Đảng bộ.

- Công tác quản lý, giáo dục, rèn luyện đảng viên chưa thường xuyên chặt chẽ, một bộ phận cán bộ đảng viên giác ngộ chính trị và năng lực lãnh đạo còn hạn chế, phẩm chất đạo đức, lối sống thiếu gương mẫu.

Trải qua chặng đường hai phần ba thế kỷ, Đảng bộ và nhân dân Tân Đức có thể tự hào với những thành tựu đã đạt được trên quê hương mình. Đó là một quá khứ hào hùng, phát huy truyền thống cách mạng của cha ông trong đấu tranh, xây dựng quê hương, là kết quả phần đầu hy sinh của bao thế hệ người dân Tân Đức

cùng đoàn kết đồng lòng để có được như ngày hôm nay, tạo niềm tin tươi sáng vào tương lai của mảnh đất giàu truyền thống anh hùng. Thành tựu trên là động lực to lớn để Đảng bộ và nhân dân Tân Đức tự tin bước vào thời kỳ mới, đoàn kết xây dựng quê hương, góp phần tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

PHỤ LỤC

ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN XÃ TÂN ĐỨC BIÊN NIÊN NHỮNG SỰ KIỆN ĐÁNG NHỚ

1 – Tháng 3 năm 1945: Thành lập Mặt trận Việt Minh và thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng xã Đức Lân.

2 – Tháng 4 năm 1946: Thành lập Chi bộ Cộng sản xã Đức Dương (xã Tân Đức và Dương Thành ngày nay).

3 – Ngày 5 tháng 4 năm 1953: xã Tân Đức được thành lập.

4. ĐẢNG BỘ TÂN ĐỨC QUA CÁC KỲ ĐẠI HỘI:

- *Tháng 1 năm 1963:* Đại hội Đảng bộ lần thứ I
(1/1963 – 4/1964).

- *Tháng 5 năm 1964:* Đại hội Đảng bộ lần thứ II
(5/1964 – 5/1965).

- *Tháng 6 năm 1965:* Đại hội Đảng bộ lần thứ III
(6/1965 – 3/1966).

- *Tháng 4 năm 1966:* Đại hội Đảng bộ lần thứ IV
(4/1966 – 4/1967).

- *Tháng 5 năm 1967:* Đại hội Đảng bộ lần thứ V
(5/1967 – 12/1968).

- *Tháng 01 năm 1969:* Đại hội Đảng bộ lần thứ VI
(01/1969 – 5/1970).

- *Tháng 6/1970:* Đại hội Đảng bộ lần thứ VII
(6/1970 – 10/1971).

- *Tháng 11/1971:* Đại hội Đảng bộ lần thứ VIII
(11/1971 – 5/1973).

- *Tháng 6/1973:* Đại hội Đảng bộ lần thứ IX
(6/1973 – 01/1975).

- *Tháng 02 năm 1975:* Đại hội Đảng bộ lần thứ X
(02/1975 – 10/1977).

- *Tháng 11 năm 1977:* Đại hội Đảng bộ lần thứ XI
(11/1977 – 9/1979).

- Ngày 12 – 13 tháng 10 năm 1979: Đại hội Đảng bộ lần thứ XI (10/1979 – 9/1982).

- Ngày 23 – 25 tháng 10 năm 1982: Đại hội Đảng bộ lần thứ XIII (10/1982 – 4/1986), trước đó tổ chức vòng 1 từ ngày (21 – 23/3/1981).

- Ngày 18 – 19 tháng 5 năm 1986: Đại hội Đảng bộ lần thứ XIV (5/1986 – 01/1989).

- Ngày 22 – 25 tháng 02 năm 1989: Đại hội Đảng bộ lần thứ XV (02/1989 – 01/1992).

- Ngày 07 – 08 tháng 01 năm 1992: Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI (01/1992 – 03/1994), trước đó tổ chức vòng 1 ngày (18 – 19/01/1991).

- Ngày 9 – 10 tháng 4 năm 1994: Đại hội Đảng bộ lần thứ XVII (4/1994 – 12/1995).

- Ngày 9 – 10 tháng 12 năm 1995: Đại hội Đảng bộ lần thứ XVIII (12/1995 – 8/2000)

- Ngày 25 – 26 tháng 9 năm 2000: Đại hội Đảng thứ XIX (9/2000 – 6/2005).

- Ngày 20 – 21 tháng 7 năm 2005: Đại hội Đảng bộ lần thứ XX (7/2005 – 6/2010).

5. Ngày 21 – 24 tháng 10 năm 1976: Tổ chức Đại hội thành lập Hợp tác xã toàn xã.

6. Tháng 11 năm 1990: Khánh thành cầu Bằng, một công trình có ý nghĩa kinh tế - xã hội quan trọng.

7. Ngày 09 tháng 08 năm 1997: Tân Đức được công nhận xã miền núi. (Quyết định số 68/UBQD ngày 9/8/1997 của Bộ trưởng - Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Miền núi).

8. Ngày 05 tháng 02 năm 2000: Đóng điện đường điện 35 KV Cầu Mây – Tân Đức.

9. Ngày 10 tháng 11 năm 2005: Nhân và lực lượng vũ trang

nhân dân Tân Đức tổ chức lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ kháng chiến chống Pháp xâm lược. (Quyết định số 363/2005/QĐ – CTN ngày 24/06/2005).

10. Hoàn thành chương trình xây dựng trường Chuẩn quốc gia

- Trường tiểu học Tân Đức: Thành lập năm 1949, được công nhận trường Chuẩn quốc gia ngày 29/08/2002. (Quyết định số 3795/QĐ – BGD & ĐT – TH).

- Trường Trung học cơ sở Tân Đức: Thành lập năm 1961, được công nhận trường Chuẩn quốc gia ngày 29/8/2005. (Quyết định số 1717/QĐ – UBND).

- Trường Mầm non Tân Đức: Thành lập năm 1970, được công nhận trường Chuẩn quốc gia ngày 29/12/2009. (Quyết định số 2483/QĐ – UBND).

NHỮNG PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TẶNG THƯỞNG ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN XÃ TÂN ĐỨC QUA CHẶNG ĐƯỜNG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

I - PHẦN THƯỞNG TẬP THỂ:

1. Danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân vì đã có thành tích xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

2. Huân chương kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Nhì.

3. Huân chương Lao động hạng Ba vì đã có thành tích xuất sắc trong xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc

4. Huân chương chiến công hạng Nhất cho nhân dân và cán bộ xã Tân Đức đã có thành tích xuất sắc trong công tác tuyển quân, góp phần bảo vệ Tổ quốc

5. Huân chương Lao động hạng Ba cho nhân dân và cán bộ Tân Đức trong thời kỳ đổi mới.

6. Huân chương chiến công hạng Nhì vì có thành tích xuất sắc đảm bảo an ninh chính trị và giữ vững trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

7. Huân chương chiến công hạng Ba vì có thành tích xuất sắc trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc.

8. 11 Cờ thưởng của Chính phủ tặng cho đơn vị dẫn đầu trong phong trào thi đua xuất sắc.

9. 9 Cờ thưởng của Tỉnh uỷ Thái Nguyên tặng tổ chức cơ sở Đảng có thành tích tiêu biểu xuất sắc.

11. 15 Cờ thưởng của UBND Tỉnh tặng đơn vị thi đua xuất sắc hàng năm.

12. 125 Bằng khen của Tỉnh tặng thưởng cho Đảng bộ, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể xã Tân Đức.

II - PHẦN THƯỞNG CÁ NHÂN

1. Có 235 gia đình được Chủ tịch Tỉnh tặng bằng khen vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

2. Có 358 cá nhân được tặng thưởng huân chương các loại.

3. Có 297 cá nhân được tặng thưởng huy chương kháng chiến các loại.

4. Có 285 cá nhân được Tỉnh uỷ, UBND Tỉnh tặng bằng khen.

5. Hàng nghìn giấy khen của Huyện uỷ, UBND huyện và các Sở, ban ngành cấp trên tặng thưởng cho Đảng bộ, chính quyền, MTTQ, các đoàn thể, các chi bộ, các xóm và cá nhân trong xã.

DANH SÁCH
CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ CHI BỘ, ĐẢNG BỘ
XÃ TÂN ĐỨC QUA CÁC THỜI KÌ

Stt	Họ và tên	Thời gian công tác
1	Đào Minh Thư	1946 – 1951
2	Dương Duy Du (Thơ Răng)	1951 – 1952
3	Nguyễn Văn Bốn	1953 – T1/1954
4	Phạm Văn Huệ	Quyền BT T1/1954 – T6/1954
5	Trần Mai	T 6/1954 - 1955
6	Dương Văn Vượng	1955 – 1966
7	Nguyễn Hữu Cần	1966 – 1977
8	Dương Văn Quyền	1977 – 1989
9	Đào Đăng Dụng	1989 – 2000
10	Trần Văn Mão	2000 – 2010

DANH SÁCH
CÁC ĐỒNG CHÍ CHỦ TỊCH XÃ
QUA CÁC THỜI KÌ

Stt	Họ và tên	Thời gian công tác
1	Đào Văn Nam	1946 – 3/1947
2	Nghiêm Xuân Tiêu	3/1947 – 1948
3	Đào Văn Đức	Quyền Chủ tịch từ 1948 - 1949
4	Dương Duy Du (Thơ Răng)	1949 – 1951
5	Hoàng Văn Thiện	Quyền Chủ tịch từ 1951 – 1952
6	Hoàng Văn Bích	1952 – 1953
7	Dương Văn Bạch	1953 – 1954
8	Nguyễn Văn Sách	1954 – 1955
9	Dương Đình Tuy	1955 – 1956
10	Đào Văn Bạo	1956 – 1960
11	Hoàng Văn Hoán	1960 – 1965
12	Nguyễn Hữu Cần	1965 – 1966
13	Hoàng Văn Ngoạn	1966 – 1967
14	Đàm Thị Thu	1967 – 1977
15	Trần Văn Nguyên	1977 – 1982
16	Nghiêm Xuân Cánh	1982 – 1986
17	Dương Công Sản	1986 – T 1/1989
18	Nguyễn Văn Lợi	2/1989 – 11/1989
19	Trần Văn Mão	12/1989 – 01/2001
20	Dương Văn Hiền	2/2001 – 6/2010

DANH SÁCH
ĐẢNG VIÊN XÃ TÂN ĐỨC ĐƯỢC TẶNG HUY HIỆU
60, 50, 40, 30 NĂM TUỔI ĐẢNG
(TÍNH ĐẾN THÁNG 06/2010)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Ngày vào Đảng chính thức	Loại huy hiệu	Ghi chú
1	Đào Quang Hậu	1922	11/03/1947	60	Đã từ trần
2	Hoàng Văn Thiện	1923	03/09/1947	60	
3	Hoàng Văn Tường	1925	25/11/1947	60	
4	Hoàng Văn Hoán	1930	03/12/1948	60	
5	Dương Văn Lờ	1923	21/04/1949	60	
6	Dương Văn Vượng	1928	01/11/1949	60	
7	Đào Văn Vọng	1922	01/12/1949	60	
8	Nghiêm Xuân Tý	1921	01/01/1950	60	Đã từ trần
9	Dương Thị Định	1926	20/06/1950	60	
10	Đào Văn Nghĩa	1930	28/06/1950	60	
11	Dương Văn Phán	1924	06/03/1946	50	Đã từ trần
12	Đào Duy Lộc	1924	10/10/1946	50	NT
13	Đào Văn Bạo	1926	03/12/1948	50	NT
14	Dương Văn Kinh	1927	03/12/1948	50	NT
15	Đào Văn Giáp	1926	03/03/1949	50	NT
16	Đặng Ngọc Huyền	1927	20/12/1949	50	NT
17	Vũ Đình Hoạt	1920	01/01/1950	50	NT
18	Trần Văn Thưởng	1929	27/04/1950	50	NT
19	Đỗ Như Sơn	1928	14/07/1951	50	NT
20	Nguyễn Quốc Cẩn	1930	10/09/1952	50	NT
21	Đỗ Duy Năm	1926	12/02/1954	50	

22	Nguyễn Bá Thận	1931	30/09/1955	50	
23	Thân Văn Nang	1923	08/08/1955	50	Đã từ trần
24	Nguyễn Thị Hòa	1936	29/04/1956	50	
25	Nguyễn Quốc Sự	1930	18/06/1959	50	
26	Nguyễn Hữu Cần	1921	07/07/1947	40	Đã từ trần
27	Nguyễn Văn Xây	1920	10/07/1946	40	Đã từ trần
28	Dương Văn Chuyện	1914	23/03/1948	40	NT
29	Nguyễn Hữu Thấp	1913	06/08/1948	40	NT
30	Dương Văn Hạ	1923	05/12/1948	40	NT
31	Đào Văn Ty	1916	15/12/1948	40	
32	Dương Văn Ký	1927	24/06/1949	40	NT
33	Dương Văn Ngừ	1909	25/06/1949	40	NT
34	Hoàng Văn Ngoạn	1927	20/12/1949	40	NT
35	Dương Văn Đến	1911	01/06/1950	40	NT
36	Dương Văn Khoa	1925	01/06/1950	40	NT
37	Dương Văn Thoa	1917	10/10/1950	40	NT
38	Nguyễn Văn Sách	1906	27/01/1955	40	NT
39	Nguyễn Văn Thiêm	1919	10/07/1955	40	NT
40	Nguyễn Xuân Tư	1933	29/04/1956	40	NT
41	Trần Bộ	1932	17/01/1958	40	NT
42	Đào Văn Lục	1932	24/11/1958	40	NT
43	Nguyễn Tuấn Quảng	1936	08/08/1960	40	
44	Dương Văn Phan	1930	11/01/1961	40	
45	Dương Duy Tuất	1935	23/01/1961	40	
46	Trần Minh Phúc	1938	24/01/1961	40	
47	Dương Văn Lập	1924	03/03/1961	40	Đã từ trần
48	Dương Văn Tam	1929	27/03/1961	40	Đã từ trần
49	Đoàn Văn Quế	1932	26/05/1961	40	Đã từ trần
50	Dương Duy Lệ	1936	03/07/1961	40	

51	Dương Công Sản	1938	06/03/1962	40	
52	Dương Văn Sứ	1927	10/03/1962	40	Đã từ trần
53	Trịnh Văn Yên	1934	25/02/1963	40	
54	Nguyễn Tiến Trung	1935	29/04/1963	40	Đã từ trần
55	Nghiêm Xuân Trác	1936	15/01/1964	40	
56	Nguyễn Đức Miện	1936	25/01/1964	40	
57	Đàm Thị Thu	1932	12/03/1964	40	
58	Vương Đình Hán	1919	15/03/1964	40	Đã từ trần
59	Nguyễn Văn Bính	1933	20/05/1964	40	
60	Nguyễn Đức Tính	1939	06/06/1964	40	Đã từ trần
61	Dương Văn Quá	1941	05/10/1964	40	Đã từ trần
62	Đào Đức Thuyên	1943	12/10/1964	40	
63	Dương Trung Sơn	1938	25/01/1965	40	
64	Tạ Đình Sinh	1931	25/02/1965	40	
65	Trần Thị Lan	1934	28/04/1965	40	
66	Nguyễn Văn Hán	1938	30/04/1965	40	Đã từ trần
67	Nghiêm Xuân Cảnh	1932	04/06/1965	40	
68	Đào Văn Bằng	1936	02/08/1965	40	
69	Trần Mai Chung	1945	29/09/1965	40	
70	Nguyễn Văn Tuất	1920	02/12/1965	40	
71	Nguyễn Văn Đức	1937	07/12/1965	40	
72	Trần Ngọc Tích	1942	10/01/1966	40	
73	Trần Minh Văn	1933	10/02/1966	40	
74	Đào Thị Dự	1938	19/05/1966	40	
75	Đào Văn Biện	1934	01/09/1966	40	Đã từ trần
76	Nghiêm Văn Sở	1933	14/10/1966	40	
77	Đào Thị Tranh	1946	22/12/1966	40	
78	Đào Ánh Tuyết	1938	01/01/1967	40	
79	Đào Đức Kính	1938	01/01/1967	40	

80	Nguyễn Ngọc Giang	1939	16/02/1967	40	
81	Nguyễn Văn Cuộc	1939	01/07/1967	40	
82	Dương Xuân Thảo	1943	13/09/1967	40	
83	Dương Trung Thành	1942	03/12/1967	40	
84	Dương Thị Liên	1946	12/12/1967	40	
85	Thân Thị Xê	1946	30/12/1967	40	
86	Nguyễn Văn Luyện	1944	05/01/1968	40	
87	Nguyễn Xuân Đông	1941	04/02/1968	40	
88	Dương Văn Ba	1937	25/02/1968	40	
89	Nguyễn Tiến Phụ	1941	01/03/1968	40	
90	Đào Duy Đáp	1942	05/03/1968	40	
91	Nguyễn Đăng Hiệp	1933	09/03/1968	40	
92	Đào Thị Vinh	1943	09/05/1968	40	
93	Lê Thị Lịch	1947	19/07/1968	40	
94	Dương Văn Gia	1936	07/09/1968	40	
95	Nguyễn Thị Hoan	1947	09/09/1968	40	Đã từ trần
96	Đào Duy Văn	1940	13/09/1968	40	
97	Đào Văn Loan	1935	15/09/1968	40	
98	Lê Thị Nụ	1947	19/09/1968	40	
99	Nguyễn Văn Duyệt	1932	20/01/1969	40	Đã từ trần
100	Đào Thị Thạch	1938	23/03/1969	40	
101	Vũ Thị Bảy	1938	23/04/1969	40	
102	Ngô Văn Nhac	1934	30/10/1969	40	
103	Thân Tiến Trung	1942	01/02/1970	40	
104	Nguyễn Hữu Vực	1941	21/02/1970	40	
105	Nghiêm Quang Phong	1939	20/04/1970	40	
106	Nguyễn Văn Triệu	1921	30/01/1948	30	Đã từ trần
107	Nghiêm Xuân Viện	1924	01/12/1949	30	Nt
108	Tô Văn Mỹ	1920	01/03/1956	30	Nt

109	Đào Văn Hải	1930	06/02/1962	30	Nt
110	Dương Văn Nhị	1935	30/01/1966	30	Nt
111	Dương Tuấn Lại	1942	31/07/1967	30	Nt
112	Dương Văn Tích	1935	09/03/1968	30	Nt
113	Nghiêm Xuân Dậu	1938	17/04/1968	30	Nt
114	Đỗ Văn Sách	1942	09/08/1970	30	
115	Hoàng Ngọc Tại	1942	27/09/1970	30	
116	Trần Đăng Ninh	1942	03/11/1970	30	Đã từ trần
117	Đào Xuân Bộ	1947	13/10/1971	30	
118	Bùi Văn Đỗ	1942	03/11/1971	30	
119	Dương Văn Nang	1949	03/11/1971	30	
120	Dương Văn Cành	1941	24/01/1972	30	
121	Lê Đăng Sắt	1951	01/07/1972	30	
122	Nguyễn Văn Chiêm	1948	20/11/1972	30	
123	Nguyễn Đình Hồng	1948	03/11/1973	30	
124	Dương Đình Chi	1952	05/04/1974	30	
125	Đàm Văn Nguyên	1943	10/08/1974	30	
126	Đào Văn Thái	1952	09/10/1974	30	
127	Dương Xuân Dạm	1935	26/10/1974	30	
128	Trần Văn Mão	1951	06/12/1974	30	
129	Dương Công Hoan	1952	08/12/1974	30	
130	Trần Văn Hiền	1952	23/06/1975	30	
131	Dương Quốc Tịch	1932	08/07/1975	30	
132	Đào Đức Hòa	1950	20/08/1975	30	
133	Nguyễn Xuân Cường	1950	27/12/1975	30	
134	Đoàn Văn Cường	1954	03/04/1976	30	
135	Trần Minh Bắc	1954	05/04/1976	30	
136	Thân Thế Hùng	1954	09/07/1976	30	
137	Hoàng Ngọc Lâm	1946	25/01/1977	30	

138	Đào Đăng Dụng	1948	22/03/1977	30	
139	Nghiêm Quang Khải	1952	06/07/1977	30	
140	Nguyễn Cảnh Sơn	1951	29/08/1977	30	
141	Dương Công Lập	1952	12/05/1978	30	
142	Tạ Xuân Trường	1947	08/03/1979	30	Đã tử trận
143	Đào Văn Nhiên	1941	26/04/1979	30	
144	Nguyễn Văn Lợi	1955	18/07/1979	30	
145	Dương Minh Kiến	1955	16/02/1980	30	
146	Ngô Quốc Hòa	1955	09/03/1980	30	

**DANH SÁCH
LIỆT SỸ XÃ TÂN ĐỨC
QUA CÁC CUỘC KHÁNG CHIẾN**

STT	Họ và tên	Năm nhập ngũ	Năm hy sinh	Giai đoạn	Quê quán
1	Tạ Văn Bính	1948	1950	Chống Pháp	Ngò Thái
2	Nguyễn Văn Sự	1948	1951	Nt	Quần
3	Đào Văn Bính	1947	1951	Nt	Vàng
4	Dương Văn Chồi	1945	1951	Nt	Quại
5	Nguyễn Đăng Văn	1947	1952	Nt	Viên
6	Dương Văn Thu	1949	1953	Nt	Quại
7	Ngô Văn Pha	1951	1953	Nt	Phúc Thịnh
8	Dương Văn Xuyên	1950	1953	Nt	Ngoài
9	Đinh Văn Trọng	1947	1954	Nt	Diễn Cầu
10	Trần Văn Trung	1950	1954	Nt	Vàng
11	Hoàng Văn Chính	1950	1954	Nt	Ngoài
12	Nguyễn Chí Thi	1947	1954	Nt	Phúc Thịnh

13	Nguyễn Xuân Mai	1947	1954	Nt	Diễn Cầu
14	Bùi Tiến Thân	1964	1966	Chống Mỹ	Ngọc Sơn
15	Hoàng Văn Chinh	1963	1966	Nt	Ngoài
16	Đào Quang Môn	1966	1967	Nt	Vàng
17	Nguyễn Văn Hồng	1966	1967	Nt	Lũa
18	Nguyễn Đình Quảng	1966	1967	Nt	Ngò
19	Chu Thúc Trường	1966	1968	Nt	Lũa
20	Dương Văn Ứng	1965	1968	Nt	Diễn Cầu
21	Trần Văn Thục	1967	1968	Nt	Tân Thịnh
22	Bùi Thế Vương	1967	1968	Nt	Quại
23	Nguyễn Quang Tùng	1965	1968	Nt	Ngọc Sơn
24	Dương Văn Bút	1966	1968	Nt	Tân Thịnh
25	Nguyễn Văn Bình	1966	1968	Nt	Ngò
26	Thân Văn Đành	1946	1968	Nt	Quại
27	Dương Văn Sơn	1965	1968	Nt	Ngoài
28	Hoàng Văn Vĩnh	1966	1968	Nt	Tân Lập
29	Đào Văn Quyền	1966	1968	Nt	Tân Ngọc
30	Đào Duy Tiến	1967	1968	Nt	Lệnh
31	Nguyễn Văn Lộc	1966	1969	Nt	Ngò
32	Trần Minh Bắc	1965	1969	Nt	Ngò
33	Trần Văn Vượng	1966	1969	Nt	Ngò
34	Nguyễn Hải Phấn	1968	1969	Nt	Ngò
35	Hoàng Danh Đước	1965	1969	Nt	Ngò
36	Nghiêm Xuân Cường	1966	1969	Nt	Lũa
37	Nguyễn Đức Trước	1966	1969	Nt	Lũa
38	Nguyễn Tiến Duyên	1967	1969	Nt	Tân Lập
39	Đào Văn Tuấn	1968	1969	Nt	Tân Ngọc
40	Hoàng Văn Quảng	1968	1969	Nt	Vàng

41	Thân Văn Tài	1966	1969	Nt	Lênh
42	Phạm Nguyễn Thế	1967	1969	Nt	Quại
43	Mai Văn Đọt	1949	1969	Nt	Phúc Thịnh
44	Vũ Hồng Quang	1966	1969	Nt	Phúc Thịnh
45	Trần Quang Hồi	1966	1969	Nt	Phúc Thịnh
46	Trần Văn Nở	1968	1969	Nt	Quại
47	Nguyễn Văn Khởi	1967	1970	Nt	Ngò
48	Đào Văn Thái	1967	1970	Nt	Ngọc Lý
49	Trịnh Thế Tự	1968	1970	Nt	Diễn Cầu
50	Phạm Nguyễn Trì	1967	1970	Nt	Diễn Cầu
51	Dương Văn Tân	1969	1970	Nt	Ngoài
52	Bùi Thế Phương	1968	1970	Nt	Quại
53	Dương Ngọc Cây	1965	1970	Nt	Quại
54	Nguyễn Đình Đông	1966	1970	Nt	Lênh
55	Nguyễn Văn Lượng	1966	1971	Nt	Quần
56	Phạm Văn Thành	1968	1971	Nt	Quần
57	Lê Văn Bính	1968	1971	Nt	Ngọc Sơn
58	Hoàng Văn Ngạc	1968	1971	Nt	Ngọc Lý
59	Đào Văn Hiến	1970	1971	Nt	Vàng
60	Hoàng Văn Hạnh	1966	1971	Nt	Vàng
61	Lê Văn Lân	1965	1971	Nt	Diễn Cầu
62	Dương Văn Xây	1968	1971	Nt	Diễn
63	Dương Văn Dân	1969	1971	Nt	Ngoài
64	Dương Thị Giang	1971	1971	Nt	Viên
65	Hoàng Nghĩa Hà	1966	1972	Nt	Ngò
66	Đình Viết Chương	1970	1972	Nt	Ngò
67	Nghiêm Xuân Tuệ	1967	1972	Nt	Lũa
68	Nguyễn Văn Lộ	1969	1972	Nt	Ngọc Sơn
69	Nguyễn Tiến Dương	1969	1972	Nt	Tân Lập

70	Đinh Văn Cường	1970	1972	Nt	Vàng
71	Đào Văn Bình	1966	1972	Nt	Vàng
72	Đào Văn Cấp	1963	1972	Nt	Vàng
73	Dương Mạnh Hùng	1967	1972	Nt	Diễn Cầu
74	Nguyễn Văn Chiêm	1968	1972	Nt	Diễn Cầu
75	Nguyễn Xuân Hùng	1970	1972	Nt	Diễn
76	Dương Đình Giảng	1970	1972	Nt	Diễn
77	Dương Văn A	1971	1972	Nt	Ngoài
78	Dương Thị Năm	1972	1972	Nt	Ngoài
79	Dương Văn Cộng	1966	1972	Nt	Viên
80	Thân Văn Bình	1971	1972	Nt	Lênh
81	Phạm Nguyễn Bình	1970	1972	Nt	Quại
82	Vương Anh Vận	1970	1972	Nt	Quại
83	Nguyễn Văn Tài	1967	1972	Nt	Ngò
84	Đào Xuân Nghiệp	1967	1972	Nt	Quần
85	Hoàng Hải Lâm	1967	1972	Nt	Ngò
86	Tô Tiến Hùng	1971	1972	Nt	Quần
87	Nghiêm Xuân Cúc	1966	1973	Nt	Lũa
88	Nguyễn Duy Phương	1964	1973	Nt	Trại Vàng
89	Nguyễn Hữu Lương	1972	1973	Nt	Diễn
90	Dương Văn Hối	1971	1973	Nt	Ngoài
91	Nguyễn Quốc Hảo	1971	1973	Nt	Viên
92	Nguyễn Xuân Kỳ	1964	1973	Nt	Lênh
93	Nghiêm Xuân Mỹ	1967	1973	Nt	Ngò
94	Đào Văn Vinh	1971	1973	Nt	Trại Vàng
95	Đào Hải Thanh	1971	1974	Nt	Trại Vàng
96	Dương Văn Thông	1968	1974	Nt	Quại
97	Đào Duy Hà	1970	1974	Nt	Vàng
98	Hoàng Thanh Sơn	1969	1975	Nt	Tân Lập
99	Nguyễn Văn Phúc	1968	1975	Nt	Ngoài

100	Dương Văn Thanh	1970	1975	Nt	Ngoài
101	Thân Văn Ty	1971	1975	Nt	Quai
102	Hoàng Văn Cương	1974	1975	Nt	Tân Lập
103	Nghiêm Xuân Tranh	1964	1977	BVTQ	Lũ
104	Dương Trọng Tài	1962	1978	Nt	Ngoài
105	Vũ Đình Cử	1974	1979	Nt	Ngọc Lý
106	Cao Đắc Hoàng	1968	1979	Nt	Vàng
107	Đào Xuân Dũng	1979	1982	Nt	Vàng
108	Lâm Thanh Đua	1970	1985	Nt	Tân Thịnh
109	Nguyễn Văn Hoà	1976	1997	Nt	Lênh
110	Dương Văn Châm	1962	2001	Chống Mỹ	Ngoài

DANH SÁCH
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ TÂN ĐỨC
CÁC KHOÁ

KHOÁ I: (THÁNG 1/1963 – 4/1964)

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Dương Văn Vượng	Bí thư Đảng bộ
2	Hoàng Văn Hoàn	Chủ tịch UBHC
3	Đào Thị Soan	Cán bộ văn hóa xã
4	Phùng Văn Lâm	Xã đội trưởng
5	Nguyễn Hữu Cần	Thường trực Đảng
6	Vũ Đình Hoạt	Trưởng ban tín dụng
7	Tô Văn Mỹ	Trưởng công an
8	Hoàng Văn Tường	Trưởng ban tuyên huấn
9	Nguyễn Thị Thấp	Bí thư Hội Phụ nữ

KHOÁ II: (THÁNG 5/1964 – 5/1965)

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Dương Văn Vượng	Bí thư Đảng bộ
2	Nguyễn Hữu Cần	Chủ tịch UBHC
3	Dương Văn Việt	Trưởng ban nông thôn
4	Tô Văn Mỹ	Thường trực Ủy ban
5	Hoàng Văn Tường	Trưởng ban Tuyên huấn
6	Nguyễn Thị Thấp	Bí thư Hội Phụ nữ
7	Đào Thị Soan	Cán bộ văn hóa xã
8	Vũ Đình Hoạt	Trưởng ban tín dụng
9	Phùng Văn Lâm	Xã đội trưởng

KHOÁ III: (THÁNG 6/1965 – 3/1966)

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Dương Văn Vượng	Bí thư Đảng bộ
2	Nguyễn Hữu Cần	Chủ tịch Ủy ban hành chính
3	Tô Văn Mỹ	Thường trực Ủy ban hành chính
4	Hoàng Văn Tường	Trưởng ban Tuyên huấn
5	Dương Văn Lở	Trưởng công an
6	Dương Văn Tam	Xã đội trưởng
7	Dương Văn Việt	Trưởng ban nông thôn
8	Nguyễn Thị Thấp	Bí thư Hội Phụ nữ
9	Đào Thị Soan	Cán bộ văn hóa xã

KHOÁ IV: (THÁNG 4/1966 – 4/1967)

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Hữu Cần	Bí thư
2	Hoàng Văn Ngoạn	Chủ tịch Ủy ban hành chính
3	Dương Văn Lở	Trưởng ban Tuyên huấn
4	Nguyễn Thị Thấp	Bí thư Phụ nữ
5	Vương Đình Hán	Trưởng cửa hàng mua bán
6	Hoàng Văn Tường	Chủ nhiệm HTX Liên Ngọc
7	Dương Duy Lệ	Chủ nhiệm HTX Cầu Thịnh
8	Đào Thị Soan	Cán bộ Văn hóa – Xã hội
9	Dương Văn Việt	Trưởng ban nông thôn
10	Tô Văn Mỹ	Thường trực Ủy ban hành chính
11	Dương Văn Tam	Xã đội trưởng

KHOÁ V: (THÁNG 5/1967 – 12/1968)

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Hữu Cần	Bí thư
2	Đàm Thị Thu	Chủ tịch Ủy ban hành chính
3	Dương Văn Lở	Trưởng Công an
4	Dương Văn Tam	Xã đội trưởng
5	Dương Văn Việt	Trưởng ban nông thôn
6	Tô Văn Mỹ	Thường trực Ủy ban hành chính
7	Nguyễn Thị Thấp	Bí thư Hội phụ nữ
8	Dương Văn Chớ	Cán bộ tín dụng
9	Vương Đình Hán	Cửa hàng trưởng HTX mua bán
10	Nghiêm Xuân Cánh	Cán bộ thuế nông nghiệp
11	Hoàng Văn Tường	Chủ nhiệm HTX Liên Ngọc

KHOÁ VI: (THÁNG 1/1969 – 5/1970)

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Hữu Cần	Bí thư
2	Đàm Thị Thu	Chủ tịch Ủy ban hành chính
3	Vũ Đình Hoạt	Bí thư chi bộ Đức Thịnh
4	Đào Thị Vinh	Bí thư Hội Phụ nữ
5	Nghiêm Xuân Cánh	Trưởng ban nông thôn
6	Dương Văn Việt	Trưởng ban Tuyên huấn
7	Vương Đình Hán	Cửa hàng trưởng HTX mua bán
8	Dương Văn Lở	Trưởng công an
9	Tô Văn Mỹ	Thường trực Ủy ban hành chính
10	Hoàng Văn Chính	Bí thư Đoàn Thanh niên
11	Dương Công Nhĩ	Xã đội trưởng

CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ CHI BỘ, ĐẢNG BỘ
XÃ TÂN ĐỨC QUA CÁC THỜI KỲ (CÓ ẢNH)



Đồng chí
ĐÀO MINH THƯ
Bí thư chi bộ Đảng
(1946 - 1951)



Đồng chí
TRẦN MAI
Bí thư chi bộ Đảng
(1954 - 1955)



Đồng chí
DƯƠNG VĂN VƯỢNG
Bí thư chi bộ Đảng, Đảng bộ
(1955 - 1966)

CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ CHI BỘ, ĐẢNG BỘ
XÃ TÂN ĐỨC QUA CÁC THỜI KỲ (CÓ ẢNH)



Đồng chí
NGUYỄN HỮU CẦN
Bí thư Đảng bộ
(1966 - 1977)



Đồng chí
DƯƠNG VĂN QUYỀN
Bí thư Đảng bộ
(1977 - 1989)



Đồng chí
ĐÀO ĐĂNG DỤNG
Bí thư Đảng bộ
(1989 - 2000)



Đồng chí
TRẦN VĂN MẢO
Bí thư Đảng bộ
(2000 - 2010)

CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ CHỦ TỊCH XÃ TÂN ĐỨC
QUA CÁC THỜI KỲ (CÓ ẢNH)



Đồng chí
DƯƠNG THẾ BẠCH
Chủ tịch UBHC
(1953 - 1954)



Đồng chí
NGUYỄN VĂN SÁCH
Chủ tịch UBHC
(1954 - 1955)



Đồng chí
DƯƠNG VĂN TUY
Chủ tịch UBHC
(1955 - 1956)

CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ CHỦ TỊCH XÃ TÂN ĐỨC
QUA CÁC THỜI KỲ (CÓ ẢNH)



Đồng chí
ĐÀO VĂN BẠO
Chủ tịch UBHC
(1956 - 1960)



Đồng chí
HOÀNG VĂN HOÁN
Chủ tịch UBHC
(1960 - 1965)



Đồng chí
NGUYỄN HỮU CẨN
Chủ tịch UBHC
(1965 - 1966)

CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ CHỦ TỊCH XÃ TÂN ĐỨC
QUA CÁC THỜI KỲ (CÓ ẢNH)



Đồng chí
HOÀNG VĂN NGOẠN
Chủ tịch UBHC
(1966 - 1967)



Đồng chí
ĐÀM THỊ THU
Chủ tịch UBHC, UBND
(1967 - 1977)



Đồng chí
TRẦN VĂN NGUYÊN
Chủ tịch UBHC
(1977 - 1982)



Đồng chí
NGHIÊM XUÂN CẢNH
Chủ tịch UBND
(1982 - 1986)

CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ CHỦ TỊCH XÃ TÂN ĐỨC
QUA CÁC THỜI KỲ (CÓ ẢNH)



Đồng chí
DƯƠNG CÔNG SẢN
Chủ tịch UBND
(1986 - 1989)



Đồng chí
NGUYỄN VĂN LỢI
Chủ tịch UBND
(2/1989 - 11/1989)



Đồng chí
TRẦN VĂN MÃO
Chủ tịch UBND
(12/1989 - 01/2001)



Đồng chí
DƯƠNG VĂN HIẾN
Chủ tịch UBND
(02/2010 - 06/2010)

BAN THƯƠNG VỤ ĐẢNG ỦY XÃ TÂN ĐỨC
(NHIỆM KỲ 2005 - 2010)



Đồng chí
TRẦN VĂN MÃO
Bí thư Đảng ủy



Đồng chí
DƯƠNG VĂN HIỀN
Chủ tịch UBND



Đồng chí
ĐÀO MINH HẢI
Phó Bí thư TT Đảng ủy

**BAN THƯƠNG VỤ ĐẢNG ỦY XÃ TÂN ĐỨC
(NHIỆM KỲ 2005 - 2010)**



Đồng chí
DƯƠNG CÔNG LẬP
UV BTV
Phó Chủ tịch UBND



Đồng chí
DƯƠNG CÔNG HOAN
UV BTV
Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc

KHOÁ VII: (THÁNG 6/1970 – 10/1971)

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Hữu Cần	Bí thư
2	Đàm Thị Thu	Chủ tịch Ủy ban Hành chính
3	Tô Văn Mỹ	Thường trực Ủy ban Hành chính
4	Nghiêm Xuân Cảnh	Trưởng ban nông thôn
5	Dương Văn Việt	Trưởng ban Tuyên huấn
6	Trần Văn Nguyên	Xã đội trưởng
7	Dương Văn Lở	Phó Chủ tịch - Trưởng Công an
8	Dương Văn Quyền	Bí thư Đoàn Thanh niên
9	Vũ Đình Hoạt	Bí thư chi bộ Đức Thịnh
10	Đào Văn Vọng	Bí thư chi bộ Liên Ngọc
11	Đào Thị Tranh	Chủ tịch Hội Phụ nữ
12	Hoàng Văn Tường	Chủ nhiệm HTX Liên Ngọc
13	Vương Đình Hán	Chủ nhiệm cửa hàng HTX mua bán

KHOÁ VIII: (THÁNG 11/1971 – 5/1973)

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Hữu Cần	Bí thư
2	Đàm Thị Thu	Chủ tịch Ủy ban hành chính
3	Tô Văn Mỹ	Thường trực Ủy ban hành chính
4	Nghiêm Xuân Cánh	Trưởng ban nông dân
5	Dương Văn Việt	Trưởng ban Tuyên huấn
6	Trần Văn Nguyên	Xã đội trưởng
7	Dương Văn Lở	Phó Chủ tịch - Trưởng công an
8	Dương Văn Quyền	Bí thư Đoàn thanh niên
9	Vũ Đình Hoạt	Bí thư chi bộ Đức Thịnh
10	Đào Văn Vọng	Bí thư chi bộ Liên Ngọc
11	Đào Thị Tranh	Chủ tịch Hội phụ nữ
12	Hoàng Văn Tường	Chủ nhiệm HTX Liên Ngọc
13	Vương Đình Hán	Chủ nhiệm cửa hàng mua bán

KHOÁ IX: (THÁNG 06/1973 – 01/1975)

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Hữu Cần	Bí thư
2	Đàm Thị Thu	Chủ tịch UBHC
3	Trần Văn Nguyên	Thường trực UBHC
4	Dương Văn Lở	Phó Chủ tịch - Trưởng công an
5	Dương Văn Quyền	Trưởng ban Tuyên huấn
6	Dương Văn Việt	Xã đội trưởng
7	Đào Văn Vọng	Bí thư chi bộ Liên Ngọc
8	Hoàng Văn Tường	Chủ nhiệm HTX Liên Ngọc
9	Đào Thị Tranh	Chủ tịch Hội phụ nữ
10	Vương Đình Hán	Chủ nhiệm cửa hàng mua bán
11	Nghiêm Xuân Cánh	Trưởng ban nông thôn

12	Đào Đức Kính	Chủ nhiệm HTX Đức Thịnh
13	Dương Công Sản	Bí thư Đoàn Thanh niên

KHOÁ X: (THÁNG 02/1975 – 10/1977)

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Hữu Cần	Bí thư
2	Đàm Thị Thu	Chủ tịch UBND
3	Trần Văn Nguyên	Thường trực UB phụ trách mậu tài
4	Dương Văn Quyền	Phó Chủ tịch - Trưởng công an
5	Dương Văn Việt	Bí thư Chi bộ Cầu Thịnh
6	Đào Văn Vọng	Bí thư Chi bộ Liên Ngọc
7	Vũ Đình Hoạt	Bí thư Chi bộ Đức Thịnh
8	Dương Công Sản	Xã đội trưởng
9	Dương Văn Lở	Trưởng ban Tuyên huấn
10	Vương Đình Hán	Chủ nhiệm cửa hàng mua bán
11	Nghiêm Xuân Cánh	Trưởng ban nông thôn
12	Đào Thị Tranh	Chủ tịch Hội Phụ nữ
13	Hoàng Văn Tường	Chủ nhiệm HTX Liên Ngọc

KHOÁ XI: (THÁNG 11/1977 – 9/1979)

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Dương Văn Quyền	Bí thư
2	Trần Văn Nguyên	Chủ tịch UBND
3	Nghiêm Xuân Cánh	Phó chủ tịch - Trưởng công an
4	Dương Công Sản	Thường trực UBND
5	Dương Xuân Thảo	Chủ nhiệm cửa hàng HTX mua bán
6	Đào Quang Cư	Trưởng ban tuyên huấn
7	Nguyễn Tiến Phụ	Kế toán HTX Nông nghiệp

8	Thân Tiến Trung	Xã đội trưởng
9	Vương Đình Hán	Bí thư chi bộ Tân Sơn
10	Đào Thị Tranh	Chủ tịch Hội Phụ nữ
11	Nguyễn Hữu Cần	Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc

KHOÁ XII: (THÁNG 10/1979 – 9/1982)

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Dương Văn Quyền	Bí thư
2	Trần Văn Nguyên	Chủ tịch UBND
3	Nghiêm Xuân Cánh	Phó chủ tịch - Trưởng công an
4	Dương Công Sản	Chủ nhiệm HTX nông nghiệp toàn xã
5	Đào Đăng Dụng	Xã đội trưởng
6	Nguyễn Văn Lợi	Bí thư đoàn thanh niên
7	Đào Thị Tranh	Chủ tịch Hội phụ nữ
8	Dương Văn Phả	Cán bộ thuế nông nghiệp
9	Đào Quang Cư	Thường trực Đảng
10	Dương Xuân Thảo	Chủ nhiệm HTX mua bán
11	Nguyễn Đức Miện	Bí thư chi bộ trường cấp 1 – 2
12	Nguyễn Hữu Vực	Cán bộ tín dụng
13	Nguyễn Tiến Phụ	Thường trực UBND

KHOÁ XIII: (THÁNG 10/1982 – 4/1986)

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Dương Văn Quyền	Bí thư
2	Nghiêm Xuân Cánh	Phó bí thư - Chủ tịch UBND
3	Nguyễn Hữu Vực	Thường vụ - thường trực
4	Dương Công Sản	Phó Chủ tịch - Trưởng công an
5	Đào Quang Cư	Chủ nhiệm HTX nông nghiệp
6	Nguyễn Văn Lợi	Bí thư Đoàn thanh niên
7	Dương Xuân Thảo	Chủ nhiệm HTX mua bán

8	Đào Thị Tranh	Chủ tịch Hội phụ nữ
9	Nguyễn Đức Miện	Bí thư chi bộ trường cấp 1 – 2
10	Dương Văn Phả	Cán bộ thuế nông nghiệp
11	Nguyễn Tiến Phụ	Thường trực UBND
12	Thân Tiến Trung	Cán bộ thương binh xã hội
13	Đào Đăng Dụng	Xã đội trưởng

KHOÁ XIV: (THÁNG 05/1986 – 01/1989)

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Dương Văn Quyền	Bí thư
2	Dương Công Sản	Phó bí thư - Chủ tịch UBND
3	Nguyễn Hữu Vực	Thường vụ - Chủ tịch MTTQ
4	Nguyễn Văn Lợi	Thường vụ, PCT – Trưởng công an kiêm Chủ nhiệm HTX nông nghiệp
5	Đào Đăng Dụng	Thường vụ - Xã đội trưởng
6	Dương Công Hoan	Xã đội phó – Phó công an xã
7	Đào Thị Tranh	Chủ tịch Hội phụ nữ
8	Đào Quang Cư	Thường trực Đảng
9	Trần Văn Mão	Bí thư Đoàn thanh niên
10	Nguyễn Đức Miện	Bí thư chi bộ cấp 1 – 2
11	Nguyễn Xuân Đông	Bí thư chi bộ đội 2
12	Dương Xuân Thảo	Chủ nhiệm HTX mua bán
13	Dương Duy Lệ	Phó công an xã
14	Hoàng Văn Hoán	Ủy viên
15	Thân Ngọc Thành	Ủy viên BCH Đoàn xã

KHOÁ XV: (THÁNG 02/1989 – 01/1992)

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Đào Đăng Dụng	Bí thư
2	Trần Văn Mão	Thường vụ - Chủ tịch UBND
3	Đoàn Văn Quế	Thường vụ - Thường trực
4	Dương Duy Lệ	Thường vụ - Chủ nhiệm HTX
5	Nguyễn Văn Luyến	Phó chủ tịch - Trưởng công an
6	Đào Ngọc Văn	Bí thư đoàn thanh niên
7	Dương Văn Bảo	Cán bộ tín dụng
8	Dương Văn Thịnh	Bí thư chi bộ cấp 1 – 2
9	Dương Công Hoan	Xã đội trưởng
10	Dương Văn Hiền	Đội trưởng đội 13
11	Lâm Văn Thi	Thường trực UBND
12	Nguyễn Thị Hoan	Chủ tịch hội phụ nữ
13	Dương Văn Nhị	Chủ tịch MTTQ
14	Nguyễn Văn Thanh	Ủy viên

KHOÁ XVI: (THÁNG 01/1992 – 03/1994)

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Đào Đăng Dụng	Bí thư
2	Trần Văn Mão	Phó bí thư - Chủ tịch UBND
3	Dương Công Hoan	Thường vụ - Thường trực
4	Nguyễn Văn Luyến	Phó chủ tịch - trưởng công an
5	Lâm Văn Thi	Thư ký HĐND
6	Nguyễn Xuân Đông	Cán bộ địa chính
7	Đào Ngọc Văn	Chủ nhiệm HTX nông nghiệp
8	Dương Công Lập	Văn phòng UBND
9	Dương Thanh Bình	Bí thư chi bộ cấp 1 – 2

10	Nguyễn Thị Hoan	Chủ tịch hội phụ nữ
11	Nghiêm Xuân Kiệm	Bí thư Đoàn thanh niên
12	Đoàn Văn Quế	Chủ tịch MTTQ

KHOÁ XVII: (THÁNG 04/1994 – 012/1995)

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Đào Đăng Dụng	Bí thư – Chủ tịch HĐND
2	Trần Văn Mão	Phó bí thư - chủ tịch UBND
3	Dương Công Hoan	Thường vụ, thường trực
4	Đào Ngọc Văn	UV thường vụ - Phó CT HĐND
5	Dương Văn Hiến	UV thường vụ, PCT Trưởng công an
6	Dương Công Lập	Kế toán tài chính
7	Lâm Văn Thi	Văn phòng Ủy ban ND
8	Nguyễn Tiến Vinh	Xã đội trưởng
9	Đào Hải Tuấn	Cán bộ địa chính
10	Lê Thị Lịch	Chủ tịch hội phụ nữ
11	Đồng Thị Hương	Bí thư chi bộ cấp 1 – 2
12	Nghiêm Xuân Kiệm	Bí thư Đoàn thanh niên
13	Thân Văn Hoa	Bí thư chi bộ đội 11
14	Dương Trung Sơn	Chủ tịch hội cựu chiến binh

KHOÁ XVIII: (THÁNG 12/1995 – 8/2000)

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Đào Đăng Dụng	Bí thư – Chủ tịch HĐND
2	Trần Văn Mão	Phó bí thư - Chủ tịch UBND
3	Dương Công Hoan	Thường vụ - thường trực
4	Dương Văn Hiến	Phó chủ tịch - Trưởng công an
5	Đào Anh Xuyên	Văn phòng UBND
6	Dương Công Lập	Kế toán ngân sách

7	Dương Văn Cường	Xã đội trưởng
8	Đàm Trung Tâm	Phó chủ tịch HĐND
9	Đồng Thị Hương	Bí thư chi bộ cấp 1 – 2
10	Lê Thị Lịch	Chủ tịch Hội phụ nữ
11	Nghiêm Xuân Kiệm	Cán bộ văn hoá xã
12	Lâm Văn Thi	Chủ tịch MTTQ
13	Đào Hải Tuấn	Cán bộ địa chính

KHOÁ XIX: (THÁNG 9/2000 – 6/2005)

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Văn Mão	Bí thư – Chủ tịch HĐND
2	Dương Văn Hiến	Phó bí thư - Chủ tịch UBND
3	Dương Công Hoan	Thường vụ - Thường trực Đảng
4	Dương Công Lập	Phó chủ tịch - trưởng công an
5	Đào Anh Xuyên	Cán bộ văn hoá xã hội
6	Đào Minh Hải	Bí thư Đoàn thanh niên
7	Đào Văn Khương	Cán bộ kế toán – ngân sách
8	Đào Hải Tuấn	Cán bộ địa chính xã
9	Đồng Thị Hương	Bí thư chi bộ trường tiểu học
10	Lê Thị Lịch	Chủ tịch hội phụ nữ
11	Lâm Văn Thi	Chủ tịch MTTQ
12	Nguyễn Văn Lợi	Chủ tịch Hội nông dân

KHOÁ XX: (THÁNG 7/2005 – 6/2010)

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Văn Mão	Bí thư – Chủ tịch HĐND
2	Dương Văn Hiến	Phó bí thư - chủ tịch UBND
3	Đào Minh Hải	Phó bí thư - thường trực Đảng
4	Dương Công Lập	UV BTV – Phó CT UBND

5	Dương Công Hoan	UV BTV - Chủ tịch MTTQ
6	Dương Văn Hậu	Phó chủ tịch HĐND
7	Đào Văn Khương	Phó chủ tịch UBND
8	Đồng Thị Hương	Bí thư chi bộ trường Tiểu học
9	Nguyễn Văn Lợi	Chủ tịch hội nông dân
10	Dương Văn Oanh	Xã đội trưởng
11	Dương Đình Duy	Bí thư đoàn thanh niên
12	Đồng Thị Minh	Chủ tịch hội phụ nữ
13	Đình Văn Định	Phó chủ tịch hội nông dân
14	Nguyễn Văn Thanh	Bí thư chi bộ xóm Ngò Thái
15	Hoàng Ngọc Huy	Bí thư chi bộ xóm Ngọc Lý

**CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TÂN ĐỨC XẾP HẠNG CẤP
QUỐC GIA, CẤP TỈNH**

STT	Tên Di tích	Năm xếp hạng	Cấp xếp hạng
1	Di tích lịch sử - văn hóa Đình Đông	2005	Quốc gia
2	Di tích lịch sử - văn hóa đình, chùa Phi Long	2003	Cấp tỉnh
3	Di tích lịch sử - văn hóa đình, chùa Lũ	2009	Cấp tỉnh
4	Di tích lịch sử - văn hóa đình, chùa Lệnh	2009	Cấp tỉnh
5	Di tích lịch sử - văn hóa đình, chùa An Mỹ	2010	Cấp tỉnh
6	Di tích lịch sử văn hóa chùa, nghề Hân	2010	Cấp tỉnh

DANH SÁCH
CON EM QUÊ HƯƠNG TÂN ĐỨC
LÀ CÁN BỘ CAO CẤP

STT	Họ và Tên	Năm sinh	Quân hàm	Ghi chú
1	Trần Ngọc Tích	1942	Đại tá	
2	Đào Hồng Phong	1957	Đại tá	
3	Lê Minh Lương	1940	Thượng tá	
4	Dương Văn Bích	1953	Thượng tá	
5	Trần Minh Bắc	1954	Thượng tá	
6	Thân Thế Hùng	1954	Thượng tá	
7	Lê Đăng Nhôm	1955	Thượng tá	
8	Nguyễn Văn Sáng	1957	Thượng tá	Thạc sỹ
9	Trần Minh Đức	1957	Thượng tá	
10	Trịnh Xuân Tâm	1960	Thượng tá	
11	Hoàng Ngọc Hoa	1960	Thượng tá	Thạc sỹ

**DANH SÁCH CON EM QUÊ HƯƠNG TÂN ĐỨC
CÓ HỌC HÀM, HỌC VỊ
ĐƯỢC NHÀ NƯỚC CÔNG NHẬN**

STT	Họ Và Tên	Năm sinh	Học hàm	Học vị
1	Tạ Văn Bình	1955	Giáo sư	Tiến sỹ
2	Nguyễn Sĩ Trung	1972		Tiến sỹ
3	Đào Văn Núi	1950		Thạc sỹ
4	Dương Văn Thanh	1970		Thạc sỹ
5	Dương Văn Khôi	1973		Thạc sỹ
6	Chu Thúc Đạt	1977		Thạc sỹ
7	Dương Văn Hiền	1978		Thạc sỹ
8	Chu Thúc Độ	1980		Thạc sỹ

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C.Mác – Ăngghen toàn tập. Nxb Tiến bộ. Matxitcova. 1977, 1978.
2. Lê – nin toàn tập. Nxb Tiến bộ. Matxitcova. 1977
3. Hồ Chí Minh toàn tập. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội. 2002.
4. Văn kiện Đảng toàn tập. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 2002
5. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên: Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên. Xuất bản năm 2005.
6. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Bình: Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Bình (1930 – 2005). Xuất bản năm 2005.
7. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Liên khu Việt Bắc.
8. Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên qua các thời kỳ.
9. Văn kiện Đại hội Đảng bộ huyện Phú Bình qua các thời kỳ.
10. Văn kiện Đại hội Đảng bộ xã Tân Đức qua các thời kỳ.
11. Đại cương Lịch sử Việt Nam. Tập I, II, III. Nxb Giáo Dục. Hà Nội. 2009.
12. Trần Huy Liệu: Khởi nghĩa Thái Nguyên – 80 năm nhìn lại. Sở VHTT Thái Nguyên. 1997.
13. Địa lý tỉnh Thái Nguyên. Sở Giáo dục – Đào tạo Thái Nguyên. 1998
14. Niên giám thống kê Thái Nguyên (1996 – 1999).
15. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Bắc Thái: Bắc Thái – Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954). 1990.

MỤC LỤC

Tr

Lời giới thiệu	6
Chương I: Tân Đức – vùng đất con người và truyền thống lịch sử văn hóa	9
I. Khái quát về điều kiện tự nhiên và truyền thống văn hóa	9
II. Tình hình chính trị, kinh tế - xã hội trên quê hương Tân Đức trước Cách mạng tháng Tám 1945	21
III. Nhân dân Tân Đức dưới sự lãnh đạo của Đảng đấu tranh giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám 1945	27
Chương II: Dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng, nhân dân Tân Đức tham gia bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)	41
I. Nhân dân Đức Dương củng cố và bảo vệ chính quyền, khắc phục khó khăn sau Cách mạng tháng Tám (1945 – 1946)	51
II. Chi bộ Đức Dương lãnh đạo nhân dân tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 – 1954)	55
Chương III: Chi bộ, Đảng bộ Tân Đức lãnh đạo nhân dân phát triển kinh tế xã hội và tham gia kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975)	77
I. Tân Đức khắc phục hậu quả chiến tranh, tiến hành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế và thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1954 – 1965)	77
II. Đảng bộ xã Tân Đức lãnh đạo xây dựng hậu phương vững mạnh, góp phần vào thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước (1965 – 1975)	110

**Chương IV: Đảng bộ Tân Đức lãnh đạo nhân dân
khắc phục hậu quả chiến tranh, đẩy mạnh phát
triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam
xã hội chủ nghĩa (1976 – 1985)** 128

I. Tân Đức trong thời kỳ khôi phục và phát triển
kinh tế, thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ
hai (1976 – 1980) 128

II. Đảng bộ Tân Đức lãnh đạo nhân dân thực hiện
cơ chế khoán sản phẩm nông nghiệp (1981 – 1985) 149

**Chương V: Đảng bộ và nhân dân Tân Đức thực
hiện đường lối đổi mới của Đảng và tiến hành
công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông
thôn (1986 – 2010)** 158

I. Những năm đầu thực hiện đường lối đổi mới của
Đảng, tập trung phát triển sản xuất, ổn định và cải
thiện đời sống nhân dân (1986 – 1995) 168

II. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và
phát triển nông nghiệp, nông thôn (1996 – 2010) 208

Kết luận 252

Phụ lục 260

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ TÂN ĐỨC **(1946 – 2010)**

Chịu trách nhiệm xuất bản

Ban Thường vụ Đảng ủy xã Tân Đức
Nhiệm kỳ (2005 – 2010)

Chịu trách nhiệm nội dung

*Trung tâm Nghiên cứu – Biên soạn Lịch sử Đảng
Công ty Cổ phần Văn hóa và Truyền thông Đông Sơn*

Biên tập

Đào Huy Cường

Trình bày

Mạnh Hùng

Sửa bản in

Tô Như Hằng

Tư vấn và Tổ chức thực hiện:

Công ty Cổ phần Văn hóa và Truyền thông Đông Sơn
Địa chỉ: Tầng 2, số 13/198 Nguyễn Tuân – Thanh Xuân – Hà Nội
Điện thoại: 04 66737507 – 0904 614 006
Email: dongsonhistory@gmail.com

In 250 cuốn, khổ 14.5 x 20.5cm tại Công ty CP in Sao Việt.

GPXB số: 27/GP - STTTT tỉnh Thái Nguyên, cấp ngày 16 tháng 6 năm 2010. In xong
và nộp lưu chiểu Quý II năm 2010

1875

1876

1877

1878

1879

1880